

Thư tòa soạn

(Chim Việt Cảnh Nam số 27 ngày 25-05-2007)

Vô Môn Quan , " cửa không cửa " ! Nhưng "cửa không có cửa " thì làm sao bước vào?

Các Thiền sư hay đặt cho đệ tử những đề tài rắc rối mâu thuẫn như vậy, thường được gọi là những câu thoại đầu. Hình như các Ngài dùng phương thức này, đưa đệ tử đến chỗ cùng đường bí lối, không biết phải xử trí ra sao, rồi dùng một cái, một tiếng thét hợp thời hợp cảnh giúp thiền sinh khai thông tâm trí !

Phải nói "hình như", vì đây cũng chỉ là phỏng đoán mà thôi, làm sao dám quả quyết biết rõ thâm tâm của các ngài ra sao.

Tuy nhiên có một việc rõ ràng chắc chắn là những câu thoại đầu, những chuyện xoay quanh câu thoại đầu, từ rất lâu đã được ghi chép lại, viết thành sách . Rồi nhiều người - những người có thiền căn sâu sắc, và những người nghĩ mình có thiền căn sâu sắc- đã tìm giải đáp với những lời bình thật đậm đà đạo vị, thấm nhuần Thiền phong. Nhưng qua đó những tiếng thét , những chiếc gậy đã hóa thân thành những chữ viết, những khái niệm - nếu không nói là quy ước - trong tâm ý người nghe kể, người đọc sách.

Một trong những tập sách ghi các "truyện Thiền" , những câu thoại đầu , nổi tiếng nhất là tập "[Vô môn quan](#)", hay "Cửa không Cửa ". Như đã nói ở trên, rất nhiều người đã bình sách này với cái nhìn của kẻ có thiền căn.

Bây giờ , để thay đổi, ta thử xem các truyện được ghi chép trong sách với con mắt của kẻ sơ cơ, với lời bình của người phàm phu tục tử. Hẳn những bậc thiện tri thức, với tinh thần Thiền, sau khi đọc, không chấp trước, hỷ xả cho.

"[Vô môn quan](#)", "cửa không cửa", một tập 48 truyện Thiền, hay 49, hay 50 ?

Vừa bước vào đã choáng ngợp, này truyện một vị mang tướng "đầu tròn vai vuông" mà ví Phật như cục phân, kia truyện tăng sĩ chém mèo ra làm đôi, lại có người chặt tay dâng lên thầy cầu giác ngộ ...

Dù biết Nhà Thiền " ăn nói khác đời " nhưng vẫn không tránh khỏi phân vân nghi ngại :

Đạo Phật chủ trương tránh cực đoan, không hành thân sát, không hưởng thụ xa hoa, vậy những hành động trên phải chăng là Trung Đạo của nhà Phật? Lại còn chuyện giết mèo nữa phải chăng như vậy là phạm tội sát sinh ? hay vì con mèo là súc sinh nên ta có quyền chém giết thẳng tay ? vậy còn đâu là lòng từ bi ? còn đâu là "tính bình đẳng " của chúng sinh ?

Nhân danh "phá chấp " mà ăn nói hỗn hào phải chăng là nguy hiểm, nhân danh giải thoát mà sát sinh , mà tự hủy hoại thân thể phải chăng là cuồng tín ! Thiên sư dạy đừng chấp, hãy sống ! nhưng sống như vậy phải chăng là đã rơi vào Ma đạo ?

Thiên sư dạy hãy vượt qua cái tướng bề ngoài giả hợp để đạt đến "chân như". Ta hồ nghi tự hỏi " các cô chú bé con thơ dại của khắp năm châu, nếu ngày ngày cứ thẩm nhuần hình ảnh chém giết bạo tàn của Ci Nê, TV thì làm sao vượt qua khỏi cái tướng điên loạn của xã hội để trở thành người hiền lương".

Bé tắc ! đúng là "cửa không cửa" !

Hay là những câu chuyện trên đây " không có thật ", chỉ là những truyện các ông Thiên sư bịa ra để dạy đệ tử. Dơ cao, đánh khề , nói dữ tợn để có cơ luận bàn mà thôi ? Ngài Vô Môn Huệ Khai kể những truyện này ra nhưng rồi khi bình thì nào có đe dọa gì ai . Những câu chuyện được đặt trong bối cảnh nào đó, như núi rừng thanh tịnh, chùa chiền xa xôi của ngày xưa ngày xưa, nay được phổ biến thành hàng trăm triệu sách, tràn ngập các mạng lưới hoàn cầu ... ý nghĩa phải chăng còn nguyên vẹn ?

Dù sao, ta cũng chẳng có gì mà lo bị ăn gậy, bị chặt tay ! Từ câu chuyện chém mèo, truyền dần tới ta, cũng phải qua mấy tầng mấy lớp:

Tầng thứ nhất , là truyện được kể - chưa chắc có thật -, là nơi có la hét, chém giết , lẽ ra là chuyện riêng tư cá biệt giữa một thầy một trò. Không sống trong điều kiện của thầy trò người ta mà lấn vào thì quả thật là vô duyên ! Nghe nói thông thường một thiên sư ra công án, trao câu thoại đầu cho đệ tử, người này về suy ngẫm vài năm trời mới tới trả lời Thầy. Chuyện vài năm, ta đọc trong vài phút !

Tầng thứ hai là Ngài Huệ khai, kể những truyện này cho đệ tử rồi bình luận thêm, ta nghe thấy cũng êm êm.

Tầng thứ ba, là những người đọc truyện ngài Huệ Khai rồi lại quay ra tán thêm.

Rồi tầng thư, thứ năm ...

Chỉ sợ có những người, bị kẹt ngay ở tầng thứ nhất, quay ra cầm dao, vác gậy múa may loạn xạ thì phiền ... lúc đó mới thực nguy, ở gần, giác ngộ đâu không thấy, có ngày mất mạng như chơi.

Tình cò đọc những lời bàn lẩn thẩn ở trên , hẳn có vị Thiền sư nào đó sẽ trợn trừng đôi mắt (bắt chước ai ấy nhỉ ?) quát : - Dốt thì im đi ! nói như vậy còn gì là Thiền nữa ?

- Ta nói vậy, đừng hiểu như vậy, ấy mới là vậy ...

Có người kể truyện rằng :

" Ngày kia, dân vùng nọ tới gặp một vị hiền giả :

- Thưa Ngài, có rất nhiều vị Thầy tới giảng đạo, ai cũng nói lý của mình là đúng, là đẹp, là hay, lý của người khác là sai, là quấy. Chúng tôi thấy nghi ngại quá, không biết phải tin ai ?

Nhà hiền giả trả lời:

- Các vị nghi ngờ là phải. Này các vị, đừng vội tin một điều gì vì được nghe kể lại, hay vì lý do đó là truyền thống ngày trước, hay vì đó là tin đồn. Đừng vội tin vì điều đó đã được ghi chép trong kinh điển của đạo mình, hay chỉ vì thấy có vẻ hợp lý, hay vì điều đó được chính Thầy của mình nói ra.

Chỉ khi nào qua thể nghiệm của chính mình, các vị thấy điều đó là đúng, mang lại hay, đẹp , an vui cho ta cho người thì hãy tin theo. "

Mời bạn đọc "[Vô môn quan](#)", đọc rồi quên đi, ... Nhưng cũng nên đọc !

Rời "cửa không cửa", ta vào vườn Chim Việt , xem có gì an vui , thích thú ?

Nguyễn Dư đưa ta " dạo chơi, thăm " [Một vài cái Động](#) " của người xưa. .. nào là Động Thổ, Động mồ, Động mã , ... cho đến " động cốn " đầy thú vị .

Vườn thơ Chim Việt vẫn là nơi hội ngộ của các dòng thơ đến từ khắp năm Châu, với Bùi Thụy Đào Nguyên , Lê Hưng Tiến của Đồng bằng Sông Cửu Long, Nguyễn Thế Tài , của Bỉ, Hoài ziang duy, Phan Bá Thụy Dương, Vũ Tiến Lập từ Mỹ, Quỳnh Chi tại Nhật, và Đỗ Phong Châu tại Pháp.

. Bùi Thụy Đào Nguyên : [Me](#)

. Phan Bá Thụy Dương : [Ngày về An Hữu](#)

. Nguyễn Thế Tài : [Bên cạnh ...](#)

. Hoài ziang duy : [Sáu mùa đông trên một chiếc xe tang](#)

. Lê Hưng Tiến : [Thực đơn tôi](#) - [Xuân tam thể](#) - [Thơ nhìn nghiêng](#) -

Thơ văn cảm hải, cảm và luân

. Vũ Tiến Lập : mật ước

. Quỳnh Chi : Chân mẹ - Thời gian - Biển và trăng - Mộng dưới trăng - Trong lòng biển

. Đỗ Phong Châu : Nắng hạ Tây Nguyên

. Tâm Minh Ngô Tằng Giao (chuyển ngữ): *James Joyce : Suốt ngày tôi nghe tiếng nước ròng -

*William Butler Yeats : Dưới vườn dương liễu - Khi nàng bóng xế

. Miêng : Trầm hương

"Tôi khựng ở cửa, cô giật mình đỏ mặt nhét vội mấy phong thư vào ngăn kéo, bốp khoá. Lần đầu tiên có khoá. Cô có gì giấu giếm khiến tôi tự ái, bất mãn. Tôi nhìn trân ố khoá rồi ngúng nguẩy quay lưng nhanh khỏi phòng. Lẽ ra thư từ trao đổi với chủ ngôi bằng đá chẳng nên giấu giếm tôi, cho tới bây giờ tôi là người kín miệng mà. Hay với ai khác mà tôi không biết ?"

. Bùi Thụy Đào Nguyên : Xóm Quýt , Quê xa...

"Đêm đó , tôi ngồi bên nội cùng canh lửa cho nồi bánh nếp lá dứa , nghe bà kể chuyện người , chuyện đất ... Về giống quýt hồng nhờ ai mà có , về bao nỗi gian lao của cha ông thuở mở đất , khai nguồn . Bà cũng phiền trách mấy đứa con của thím Sáu không chịu làm gì , chỉ ham mê rượu chè , đàn đúm , ngày đêm cứ tơ tưởng số tiền đất sẽ được bồi hoàn . Tôi nghe mà lòng chạnh xót xa . Chợt nhớ lại ánh trăng đêm nào cùng lời ca cũ : " Đất như người mẹ hiền tần tảo , vất kiệt sức mình nuôi lớn các con ..." Và cũng đêm đó tôi mơ thấy những đoàn tàu chở đầy quýt đỏ , những áo màu dự lễ hội kỳ yên , nghe lại giọng hát hò trên cánh đồng lúa mới và tiếng chị tôi reo vui khi đàn kiến trở về"

. Đỗ Phong Châu : Trở về

"Màu xanh của ruộng đồng thưa dần khi phi cơ bay gần tới phi trường Tân Sơn Nhất.Ngồi gần ố kính, Tin Nguyễn không khỏi nhớ lại lần đáp máy bay rời nước ra đi, trên cao nhìn xuống, còn thấy rõ những hồ bom đầy nước mọc lổm chổm giữa những thửa ruộng vuông vắn xinh đẹp.

Vậy mà thấm thoát đã 15 năm qua ! Anh ta chợt thở dài và tâm tư lại hướng về người mẹ yêu dấu giờ đây chắc đang nóng lòng đợi đứa con duy nhất trở về sau 15 năm xa cách."

. Võ Quang Yến : Bộ Tripitaka ở chùa Haiensa xứ Đại Hàn - Hương vị Cà cuống

"Sách du lịch cũng bảo ghé Đại Hàn, nếu chỉ có thì giờ đi xem một chùa thì nên viếng chùa Haiensa, vì chùa này không phải đẹp nhất, mà nhờ có bộ Tripitaka nổi tiếng."

. Xuân Sương : [Chiếc cầu văn sĩ](#)

"Ra đời chưa đầy năm, cây cầu văn sĩ đã khẳng định chỗ đứng trầm tĩnh của mình trong nhịp sống rộn rã Paris. Hân hạnh mang tên nữ văn sĩ Simone de Beauvoir, tác giả quyển tiểu luận nổi tiếng *Le Deuxième Sexe* (Giới Tính Thứ Hai) với quan niệm độc đáo Người ta không sinh ra là đàn bà, người ta trở thành đàn bà - cây cầu nhỏ thanh tao nối liền hai bờ sông Seine là biểu tượng nhân nhĩ, nghệ sĩ và hữu dụng."

. Phạm Xuân Hy : [Ấn chương và Truyền quốc ngọc tỷ](#) / [[PDF](#)]

"Ấn chương (印章) mà ta vẫn thường gọi là con dấu, hay ấn tín; tuy chỉ là một vật dụng nhỏ bé, nhưng lại mang tính thực dụng và nghệ thuật hết sức to lớn.

Đứng về mặt thực dụng, ấn chương hay con dấu là bằng chứng trọng yếu trong việc hành sử quyền lực chính trị của một quốc gia hay một chính quyền. Còn đứng về phương diện tư nhân và hoặc giao dịch thương mại, mậu dịch qua lại, ấn chương là một tín vật không thể thiếu được. Còn đứng về phương diện nghệ thuật, bản thân của ấn chương cũng là một tác phẩm nghệ thuật, được sáng tạo một cách tinh nhĩ, trạm chỗ chi li tỉ mỉ công phu, với những hoa văn nhỏ bé, âm dương biến ảo, cùng với nghệ thuật thư hoạ của Trung Quốc, song hành đắp bù cho nhau.

Vì thế, từ hàng ngàn năm nay trong suốt lịch sử Trung Quốc, dù xảy ra những biến đổi cơ chế xã hội, nhưng tác dụng của ấn chương vẫn không thay đổi "

.Phạm Vũ Thịnh : [Kurt Vonnegut - Tiểu Thuyết Gia Hiện Đại Mỹ / Bình đẳng hoàn toàn \(truyện ngắn\)](#)

"Kurt Vonnegut là một nhà văn Mỹ hiện đại, được biết đến nhiều nhất về khuynh hướng hoà bình và nhân bản trong văn phong khôi-hài-đen và hậu-hiện-đại. Tác phẩm của ông được ghi vào giáo trình trung và đại học Mỹ, ảnh hưởng đến nhiều nhà văn thời danh trên thế giới.

(...)

Tác phẩm của ông châm biếm những tệ đoan của con người và xã hội hiện đại. Ông châm chích vào những hành vi phi-nhân-hoá trong xã hội kỹ-thuật-cao: con người trở thành cái máy làm tình thay vì thể nghiệm tình yêu, ưa chuộng sách khiêu dâm thay vì văn chương; thói kỳ thị màu da: xếp dân da đen vào loại người hạng thấp; thói kỳ thị phái tính: khinh miệt vai trò và công việc của phái nữ; thói cưỡng điệu đến cực đoan những chiêu bài nhân bản: bình đẳng, dân sinh; thói sa đoạ vì quyền lợi mà tàn phá môi sinh. "

. Nguyễn Ngọc Duyên : [Cố hương](#)

"Mùa hè năm ngoái, sau mười năm xa cách tôi đã trở về thăm lại cố hương. Sau đó tôi tóm tắt những sự việc đã xảy ra vào một truyện

*ngắn dài bốn mươi một trang, đặt tựa đề "Về, đi rồi lại đến"
(Kikyorai) xong gửi đến ban biên tập của một tam nguyệt san. Câu
chuyện dưới đây xảy ra ngay sau đó. "*

. Những bài viết bằng tiếng Pháp và Anh :

- . BS Nguyễn Vi Sơn : [. Music therapy for the mentally ill](#)
- . Georges Nguyễn Cao Đức : [Le Nam Giao - Cortège et cérémonie](#) - [Phò Mã et Princesses à la cour d'Annam](#) . Natsuki Nguyễn Cao Đức : [Art et Artisanat anciens du Japon](#)

Thơ cổ Trung Quốc (Quỳnh Chi phóng dịch)

- . Đỗ Phủ : [Tuyệt cú](#) - [Mạn hứng kỳ nhi](#) - [Mạn hứng kỳ tam](#)
- . Lý Bạch : [Thanh bình điều tam thủ](#)
- . Lý Bộ : [Đề hạc Lâm tự](#)
- . Lý Hạ : [Tương tiễn tửu](#)
- . Lý Thương Ẩn : [Thiên nhai](#)
- . Vương Xương Linh : [Phù Dung lâu tổng Tân Tiệm](#)

- . Nguyễn Khắc Xương : [Nữ tướng thời Trung Vương \(tiếp theo\)](#)
: [15.Phật Nguyệt , Tả tướng thủy quân](#) - [16.Phương Dung Nữ Tướng](#) - [17.Trần Nang, Trưởng Lĩnh Trung Quân](#) - [18.Nàng Quốc , Trung Dũng Đại Tướng Quân](#)

- . Nguyễn Đắc Xuân : [Lăng Đan Dương của vua Quang Trung ở đâu ?](#)
"Tôi rất hân hạnh được gửi đến quý vị tập "Lăng Đan Dương của vua Quang Trung ở đâu ? Xin gộp một câu trả lời "

Đây là công trình tôi đã nỗ lực khảo cứu từ khi tóc vẫn còn xanh, nay đầu đã bạc trắng. Tất cả trí tuệ, tâm huyết và tâm sự tôi đã gói gắm trong tập sách dày trên 300 trang. Những trang sách đang hiện ra trên màn hình máy vi tính của quý vị chỉ là bản tóm lược nhưng đầy đủ."

- . Lê Văn Hảo : [Việt Nam Văn Hiến Ngàn Năm \(tiếp theo\)](#) : - [10. Thời Tây Sơn \(1771-1802\)](#) - và [15 năm văn hóa Phú Xuân](#) - [11. Thời Nguyễn Sơ \(1802-1883\)](#) với [80 năm rực rỡ của văn hóa Phú Xuân](#) - [12. Thời Nguyễn Mạt - thuộc Pháp \(1885-1945\)](#) với [60 năm phong phú của văn hóa Việt Nam cận hiện đại](#)

- . Bùi Thụy Đào Nguyên : [Tống Thị Quyên , một bi kịch chôn Vượng Triều Nhà Nguyễn](#)

- . Bùi Thụy Đào Nguyên : [Góp một số suy nghĩ về thiền sư , thi sĩ Huyền Quang](#)

"Mấy năm liền ...vì việc riêng , tôi tạm trú ở chùa . May sao nơi đây có kha khá kinh sách , nhờ vậy tâm trí tôi tạm khuây khoả . Và trong số tàng thư ấy , quyển Vũ Trung Tùy Bút (Phạm Đình Hồ) có chứa mẩu chuyện Lý Đạo Tái đã gọi tôi nhiều cảm hứng để tìm hiểu vị thiền sư đời Trần này .

Sách Vũ Trung Tùy Bút chép : Huyền Quang (H.Q) tên Lý Đạo Tái , là bậc khoa bảng mà bỏ đi tu ..."

. Nguyễn Thị Chân Quỳnh : [Khoa Cử Việt Nam \(tập thượng \)](#) :
Thi Hương (tiếp theo và hết)

" Có người hỏi tôi tại sao sống ở Pháp lâu năm, vào thời buổi này thiếu gì chuyện để học hỏi, nghiên cứu mà cứ viết đi viết lại mãi về Khoa cử ? Kể ra thì có rất nhiều lý do, song lý do chính là vì Khoa cử có liên quan mật thiết đến vận mệnh nước ta : trong non một nghìn năm tự trị ta đều dùng Khoa cử để kén người ra cầm quyền chính, đều hỏi về thuật trị nước của Nho giáo, dựa trên trật tự xã hội và đạo đức. Trong văn bia Tiến sĩ khoa 1442, Thân Nhân Trung đã viết rõ : "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh. Các thánh đế, minh vương chẳng ai không lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí là việc đầu tiên..." đủ thấy Khoa cử quan trọng ngàn nào. Thế mà chỉ mới bãi Khoa cử chưa đầy một trăm năm, ngày nay phần đông chúng ta không còn biết Khoa cử là gì nữa, hoặc có biết cũng rất mơ hồ, chẳng hạn yên trí Khoa cử chỉ là những kỳ thi thuần văn chương (concours littéraires) vô bổ. Muốn tìm một quyển sách tương đối cận kề, đầy đủ về Khoa cử thì lại không có. "

. Nguyễn Quốc Bảo : [Chuyên học hành thi cử của Cụ Án \[PDF \]](#)

"Trong Nguyễn Tộc Phổ Sử có ghi chép nhiều về chuyện học hành và chi tiết các kỳ thi Hương của Cụ Án Nguyễn Mậu. Kể tất cả thì Cụ Án đi thi Hương 3 kì, thi hỏng lần đầu năm 16 tuổi (1909). Thi cử là điểm quan trọng trong cuộc đời Cụ Án, nhờ khoa bảng mà biến Nông ra Sĩ! Chuyện học hành của Cụ rất vất vả, nhưng nhờ lòng hiếu học của 2 Cụ Thân sinh, tuy chỉ là nông gia nhưng nuôi trong nhà nhiều Thầy để dạy Cụ và ông anh, Cụ Cai Bù, vì thời đó đâu có trường học thầy đồ ở các làng nhỏ nông nghiệp!

Khóa thi Hương kì sau, năm 1915, Cụ Án vì đã có gia đình, phải lo kiếm việc làm nên không dự thí. Sau khi đậu Tú tài, Cụ thi đậu Ký Lục các Tòa, nhưng không được bổ. Cụ chuyển qua học thêm Pháp ngữ, nên năm 1916 đậu Trợ giáo Pháp văn và được bổ dạy trường Đốc học Nghệ An. Ở đây Cụ vừa dạy học vừa học thêm, đến tháng 3 năm 1918 lại vác lều chõng đi thi Hương khoa Mậu Ngọ. Cụ dạy học ở Nghệ An nên được phụ thí trường Nghệ, thay vì phải về thi trường Thừa Thiên. Triều Nguyễn có tất cả 8 trường, sau rút lại còn 5 là : Gia Định, Thừa Thiên, Thanh Hoá, Nghệ An và Hà Nam"

. Nguyễn Nam Trân : [Văn Học Sử Nhật Bản \(tiếp theo\) : 18](#)
[Tsubo.Uchi Shôyô, Futabatei Shimei và Văn học thời Duy Tân -Tổng
quan giai đoạn 1868-1912. Tư tưởng và phê bình. Chuyển tiếp cũ
mới của tiểu thuyết Nhật Bản - 21\) Các luồng văn học trong giai
đoạn dân chủ ngắn ngủi thời Taishô \(1912-26\): văn học tư sản lý
tưởng nhân đạo \(phái Shirakaba\), tiểu thuyết tự thú, văn học vô sản](#)

Chim Việt Cành Nam (*)

(*)1 - Chim Việt Cành Nam, lấy từ chuyện Chim Trĩ, do vua Việt ở
phương Nam tân cống cho vua nhà Chu (Chu Thành Vương). Chim
chọn cành phía Nam để làm ổ. "Việt điều sào nam chi" (Sào là làm tổ
chim) , ý nói nhớ quê hương phía Nam.

2 - Ngựa Hồ hí gió Bắc, là chuyện ngựa của rợ Hồ (Mông Cổ) dâng
cho vua Hán Vũ Đế, khi gió Bắc thổi, thì hí lên "Hồ mã tê bắc phong",
ý nói nhớ quê, phương bắc.

VÔ MÔN QUAN (ẢI KHÔNG CỬA HAY CỬA KHÔNG)

Ekai [Vô Môn Huệ Khai: Wumen Huikai (C); Mumon Ekai (J) - 1183-1260

Thiền tông Lâm Tế Trung Hoa - LND]

Trần Trúc Lâm chuyển ra Việt ngữ.

Từ tập ' The Gateless Gate ' ; sao lục bởi Nyogen Senzaki và Paul Reps

(Dịch xong vào năm 1996. Hiệu đính vào năm 2007)

Nếu bạn hảo ngọt và muốn sống dễ dãi thì xin đừng đọc cuốn sách này. Nó chỉ dành cho những người cương quyết mưu cầu giác ngộ, mưu cầu satori.

Điều ấy có thể xảy đến với bạn. Trong một nháy mắt nó mở ra. Bạn là một người hoàn toàn mới. Bạn nhìn sự vật không giống như trước.

Cái năng lực mới mẻ này đến bằng chứng ngộ chứ không bằng lý luận. Bất cứ bạn làm gì hay ở đâu đều chẳng có gì khác biệt. Nó không tạo ra lý. Nó tạo ra bạn.

Những đề thoại đầu cổ xưa của Trung Hoa này, gọi là công án, cốt giúp thiền sinh đoạn tuyệt với say sưa chữ nghĩa và phiêu lưu tư tưởng. Khi một thiền sinh quán chiếu về một công án, đó là một cách muốn nói rằng: Đừng phung phí đời bạn chỉ để mò mẫm; hãy hướng suy nghĩ và cảm quan vào một mục đích - và rồi hãy để cho nó xảy ra.

Phải chăng nghệ thuật khai sáng cho con người này đã mất? Không! nếu bạn biết để tâm - hay những gì khác nữa bạn có - vào nó. Nếu những nhà lãnh đạo của nhân loại ý thức hơn về điều này, để khi họ may mắn có được chút quyền nhỏ nhoi, họ bóc lột kẻ khác ít hơn.

Những thiền sư xưa này thường khai ngộ cho môn đệ bằng chỉ trích, hay ngay cả thét đánh. Khi các ngài khen ngợi có nghĩa là đã xem thường. Đó là thói quen. Các ngài rất quan tâm đến các đệ tử của họ nhưng bộc lộ nó trong hiện tiền, chứ không bằng lời lẽ. Họ là những người kiên cường, những người gây kích. Họ ban cho những câu hỏi mà câu trả lời là sự sống của một người.

Vậy câu trả lời đúng cho công án là gì? Có rất nhiều và cũng chẳng có câu nào. Ở Nhật có một cuốn sách rất hiếm, cổ đề ra những câu trả lời thỏa đáng cho những câu hỏi khai tâm này. Thật là một trò buồn cười!

Bởi vì công án cũng chính là câu trả lời, và khi đã có một câu trả lời thỏa đáng thì Thiền đã chết.

Đoạn sau là phần tóm lược lời mở đầu của ấn bản Anh ngữ đầu tiên của cuốn sách này.

*

Giáo pháp của Đức Phật đã được truyền bá ở Ấn độ năm trăm năm trước thời Jesus và hằng ngàn năm trước Mohammed. Ngày nay đạo Phật là một trong những tôn giáo lớn của nhân loại, cổ hơn cả Thiên chúa giáo và Hồi giáo.

Từ thế kỷ thứ nhất T.L, kinh Phật đã được dịch ra Hán văn bởi nhiều dịch giả Ấn và Hoa, từ triều đại này đến triều đại khác. Tuy nhiên tinh túy của Phật giáo lại được truyền sang Trung quốc vào năm 520 TL bởi Bồ Đề Đạt Ma, được xem như là Tổ thứ Nhất tông phái Thiền Trung Hoa. Yếu tính đạo giải thoát từ Đức Phật Thích Ca đã được thiền sư tỉnh tọa Bồ Đề Đạt Ma lưu chuyển và đệ tử của ngài nối tiếp, rồi truyền thừa cùng một cách qua biết bao thế hệ. Nhờ vậy mà Thiền du nhập, nuôi dưỡng và truyền bá khắp Trung quốc, rồi đến Nhật bản.

Chữ Nhật ZEN - chữ Hán CH 'AN, chữ Phạn DHYANA - (dĩ nhiên chữ Việt là THIỀN, LND) - có nghĩa là trầm tư mặc tưởng. Thiền nhắm đến qua trầm tư mặc tưởng, để ngộ được điều mà Phật đã ngộ, sự giải thoát của tâm. Nó cung cấp một lối tự quán chiếu, thường là dưới sự chỉ dạy của một thiền sư.

Thiền có nhiều bản kinh, mà cuốn sách này là một, Mu-mon-kan (Vô Môn Quan hay Mậu Môn Quan) - thoát ý là "cửa không chắn" - đã được ghi lại bởi Thiền sư Trung Hoa Ekai, cũng còn gọi là Vô Môn, sống từ năm 1183 đến năm 1260. Tác phẩm gồm những mâu đối thoại giữa các tổ và đệ tử xưa ở Trung quốc, vẽ cho thấy lối xóa bỏ khuynh hướng nhị nguyên, hướng ngoại, bao quát, và trí thức của các đệ tử để đạt đến bản lai diện mục, thực tính. Những vấn đề hay những thử thách nội tại mà các thiền sư hay dùng để đối chất với các đệ tử được gọi là công án, và mỗi câu truyện kể sau chính nó là một công án.

Những câu truyện dùng cả đến chữ phạm tục để phản ánh pháp môn thâm hậu, quán chiếu vào nội tâm của mình. Thảng hoặc có vài trường hợp xem ra thô bạo nên được hiểu như là sinh động và thành tâm. Không có câu truyện nào cố làm ra vẻ luận lý. Chúng nhắm vào trạng thái của tâm chứ không phải vào chữ nghĩa. Nếu không hiểu được điều này thì trọng điểm của cô kinh bị nhìn sai lệch. Toàn thể thâm ý là giúp cho thiền sinh phá vỡ

được cái vỏ của đầu óc hạn chế mà đạt đến được lần sinh thứ hai miên viễn, satori, giác ngộ.

Mỗi thoại đầu là một lớp căn. Ai có được tinh thần Thiền đều đi qua được. Ai sống trong Thiền hiểu được hết công án này đến công án khác, theo lối của mình, mà thấy những cảnh giới không thể thấy và sống trong vô hạn.

Vô-Môn đã viết những lời này trong phần giới thiệu của cổ kinh.

*

"Thiền không có cửa. Chủ đích của lời Phật dạy là để giác ngộ kẻ khác. Vì vậy mà Thiền phải không cửa.

"Một người muốn đi qua ' cửa không ' phải làm thế nào bây giờ? Có người bảo thứ gì qua lại cổng đều không phải là của gia bảo, rằng thứ gì tạo ra do sự giúp đỡ của người khác thì đều bị tan rã và hủy hoại.

"Những lời nói như thế chẳng khác gì sóng nổi giữa bể lặng hay cắt xẻ thân người lành mạnh. Nếu kẻ nào bám cứng vào những gì người khác nói và cố gắng hiểu Thiền bằng lý giải thì kẻ ấy chẳng khác gì tên đàn độn nghĩ rằng hắn có thể dùng gậy đập được mặt trăng hay gãi chỗ ngứa chân từ bên ngoài chiếc giày. Không bao giờ có thể được.

"Vào năm 1228 ta thuyết pháp cho chư tăng tại chùa Ryusho ở phía đông Trung quốc, và do lời yêu cầu của họ ta kể lại những công án cổ, với mong ước khơi dậy tinh thần Thiền của họ. Ta dụng ý dùng công án như một kẻ nhặt viên gạch để gõ cửa, sau khi cửa mở thì viên gạch chẳng còn hữu dụng nữa và bị ném đi. Lời ta, không ngờ lại được gộp nhặt, và có đến bốn mươi tám công án, ta thêm vào lời bàn và kệ cho mỗi bài, tuy vậy sự sắp xếp lại không theo thứ tự đã kể. Ta gọi cuốn sách là Vô Môn Quan, mong rằng thiền sinh đọc nó như một cầm nang.

"Nếu độc giả nào mạnh dạn tiến thẳng về phía trước trong thiền định, không ảo tưởng nào có thể quấy họ được. Họ sẽ liễu ngộ chẳng khác gì chư tổ ở Ấn và Hoa, có thể còn khá hơn. Nhưng nếu họ ngập ngừng dù một giây lát, họ sẽ như kẻ đứng nhìn người cỡi ngựa phi qua cửa sổ, và trong nháy mắt chẳng kịp trông thấy.

*"Đại đạo không có cổng,
Ngàn lối đi vào nó.
Khi ai đi qua được cổng không cửa này
Thì thông dong giữa đất trời."*

*

MỤC LỤC

- | | |
|--|---|
| <u>1. CON CHÓ CỦA JOSHU</u> | <u>26. HAI VỊ SƯ KÉO TẮM RÈM</u> |
| <u>2. CON CHỒN CỦA HYAKUJO</u> | <u>27. CHẲNG PHẢI TÂM, CHẲNG PHẢI PHẬT, CHẲNG PHẢI PHÁP</u> |
| <u>3. NGÓN TAY CỦA GUTEI</u> | <u>28. THÔI TẮT NGỌN NẾN</u> |
| <u>4. NGOẠI NHÂN KHÔNG RÂU</u> | <u>29. KHÔNG PHẢI GIÓ, KHÔNG PHẢI PHƯƠNG</u> |
| <u>5. KYOGEN LEO LÊN CÂY</u> | <u>30. TÂM NÀY LÀ PHẬT</u> |
| <u>6. PHẬT XOAY MỘT CÀNH HOA</u> | <u>31. JOSHU ĐIỀU TRA</u> |
| <u>7. JOSHU RỬA BÁT</u> | <u>32. MỘT TRIẾT NHÂN HỎI ĐỨC PHẬT</u> |
| <u>8. BÁNH XE CỦA KEICHU</u> | <u>33. TÂM NÀY CHẲNG PHẢI PHẬT</u> |
| <u>9. MỘT ĐỨC PHẬT TRƯỚC THỜI CÓ SỰ</u> | <u>34. HỌC CHẲNG PHẢI LÀ ĐẠO</u> |
| <u>10. SEIZEI CÔ ĐỘC VÀ NGHÈO NÀN</u> | <u>35. HAI LINH HỒN</u> |
| <u>11. JOSHU KHẢO HẠCH MỘT VỊ TĂNG ĐANG THAM THIỀN</u> | <u>36. GẶP MỘT THIỀN SƯ TRÊN ĐƯỜNG</u> |
| <u>12. ZUIGAN GỌI SƯ PHỤ</u> | <u>37. MỘT CON TRÂU RA KHỎI CHUÔNG</u> |
| <u>13. TOKUSAN ÔM BÌNH BÁT</u> | <u>38. CÂY TÙNG GIỮA SÂN</u> |
| <u>14. NANSEN CHẶT CON MÈO LÀM HAI KHÚC</u> | <u>39. LAC LỐI CỦA UMMON</u> |
| <u>15. BA CÁI LAY CỦA TOZAN</u> | <u>40. NGHIÊNG BÌNH NƯỚC</u> |
| <u>16. CHUÔNG VÀ ÁO CÀ SA</u> | <u>41. BỒ-ĐỀ ĐẠT-MA AN TÂM</u> |
| <u>17. BA TIẾNG GỌI CỦA QUỐC SƯ</u> | <u>42. CÔ GÁI XUẤT KHỎI THIỀN ĐỊNH</u> |
| <u>18. BA CÂN CỦA TOZAN</u> | <u>43. CÂY GÂY NGẮN CỦA SHUZAN</u> |

19. MỖI NGÀY ĐỀU LÀ ĐẠO
[hay BÌNH THƯỜNG TÂM THI
ĐẠO]

20. NGƯỜI GIÁC NGÔ

21. CỤC PHÂN KHÔ

22. CÂY PHÁT TỬ CỦA
KASHAPA

23. KHÔNG NGHĨ THIÊN,
KHÔNG NGHĨ ÁC

24. CHẲNG NÓI, CHẲNG IM

25. THUYẾT PHÁP TỪ GHỀ
THỨ BA

44. CÂY TRƯỞNG CỦA BASHO

45. NGÀI LÀ AI?

46. TIẾN LÊN THÊM NỮA TỪ NGON
CỦA CÂY SÀO

47. BA CỬA CỦA TOSOTSU

48. MỘT ĐƯỜNG CỦA KEMBO

49. LỜI THÊM CỦA AMBAN

1. CON CHÓ CỦA JOSHU

Một vị sư hỏi Joshu [Triệu Châu Tùng Thẩm: Joshu Jushin (J) Zhaozhou Zongshen (C), 778-897 - LND], một thiền sư Trung Hoa:

"Con chó có Phật tánh không?"

Joshu trả lời: "KHÔNG"

Lời bàn của Vô-Môn: Để ngộ Thiên ta phải vượt qua rào cản của chư tổ. Giác ngộ luôn đến sau khi lối suy nghĩ bị chặn. Nếu người không vượt qua rào cản của chư tổ, hoặc lối suy nghĩ không bị chặn, thì bất cứ điều gì người nghĩ, điều gì người làm đều giống như bóng ma vương mắc. Người có thể hỏi: Rào cản của tổ là gì? Một chữ thôi, KHÔNG, là nó.

Đó là rào cản của Thiên. Nếu người vượt qua được, người có thể diện kiến Joshu. Người có thể tay nắm tay cùng với chư tổ. Có thú vị không?

Nếu người muốn vượt qua rào cản này, người phải vận dụng tất cả xương cốt trong thân người, tất cả lỗ chân lông của da người, ngẫm nghĩ câu hỏi này: KHÔNG là cái gì? và mang nó theo ngày và đêm. Chớ nên cho nó là biểu tượng tiêu cực thông thường có nghĩa là không có gì. Nó không phải là trống không, đối lại với hiện hữu. Nếu người thực muốn vượt qua rào cản này, người phải có cảm giác như ngâm một viên sắt nóng mà người không thể nuốt vào hay khắc ra.

Rồi sự thiển cận trước kia của người biến mất. Và như trái cây chín mùa, cái nhìn chủ quan và khách quan của người trở thành một. Nó như kẻ cầm nằm mộng, hẳn biết đấy nhưng không thể nói ra được.

Khi thiền sinh vào được trạng thái này thì cái vỏ tự-ngã của y bị đập vỡ và y có thể lay trời và dùi đất được. Y sẽ như là một chiến sĩ vô địch với lưỡi gươm bén. Nếu Phật đứng chắn lối, y sẽ chém nhào; nếu Tổ gây trở ngại, y sẽ giết ngay; và y sẽ được tự do ra vào cõi sinh tử. Y có thể nhập bất cứ cảnh giới nào cứ như là vào sân chơi nhà mình. Ta sẽ nói cho người biết cách làm được như thế với công án này:

Hãy tập trung tất cả năng lực của người vào chữ KHÔNG này, và không bao giờ ngưng nghỉ. Khi người vào được KHÔNG này và chẳng hề ngưng nghỉ, sự liễu ngộ của người sẽ như ngọn đèn cháy và chiếu sáng toàn thể vũ trụ.

Kệ rằng:

*Con chó có Phật tánh không?
Đây là câu hỏi nghiêm trọng nhất.
Nếu người nói CÓ hay KHÔNG,
Người đánh mất Phật tánh của chính người.*

2. CON CHỒN CỦA HYAKUJO

Cứ mỗi lần Hyakujo [Bách Trọng Hoài Hải: Hyakuo Ekai (J); Baizhang Huaihai (C), 720-814 - LND] thuyết pháp, một ông lão đến nghe mà tăng chúng không hề thấy. Khi buổi giảng chấm dứt tăng chúng rời chỗ thì ông lão cũng ra về. Nhưng một ngày kia ông lão lại ở lại, Hyakujo hỏi: "Ông là ai?"

Ông lão trả lời: "Tôi không phải là người, nhưng tôi vốn là người khi Đức Phật Kashapa còn tại thế. Tôi là một thiền sư tu tại núi này. Bảy giờ, một trong những đệ tử của tôi hỏi rằng một người đã giác ngộ thì có còn chịu luật nhân quả không. Tôi trả lời: Kẻ giác ngộ không còn chịu luật nhân quả nữa. Vì câu trả lời này, do còn vướng mắc với tuyệt đối, mà tôi đã biến thành con chồn hơn năm trăm kiếp rồi, và tôi vẫn còn là chồn. Xin ngài hóa độ cho tôi bằng pháp ngôn của ngài để tôi thoát khỏi kiếp chồn? Bây giờ tôi xin hỏi ngài: Kẻ đã giác ngộ thì có còn chịu luật nhân quả không?"

Hyakujo bảo: "Kẻ đã giác ngộ là một người vẫn chịu luật nhân quả."

Sau câu ấy, ông lão thoát ngộ. "Tôi đã được giải thoát," ông lão nói và cúi lạy. "Tôi không còn là chồn nữa, nhưng tôi phải đi xác lại trong một cái hang sau núi. Xin được chôn cất theo lễ chư tăng." Rồi ông biến mất.

Hôm sau Hyakujo ra lệnh tăng trưởng chuẩn bị tang lễ cho một tăng sĩ. "Chẳng có ai mắc bệnh cả," tăng chúng thắc mắc. "Sự phụ có ý gì?"

Sau trai phạn, Hyakujo dắt tăng chúng đi vòng ra sau núi. Trong một cái hang, ngài dùng gậy kéo ra một cái xác của con chồn già và thực hiện lễ hỏa thiêu.

Đêm đó Hyakujo kể lại câu chuyện và giảng về luật nhân quả.

Sau khi nghe chuyện, Obaku [Hoàng Bá Hy Vận: Obaku Kiun (J), Huangbo Xiyun (C), ?-850 - LND] hỏi Hyakujo: "Con hiểu rằng ngày xưa có kẻ chỉ vì trả lời sai một câu hỏi Thiền đã

biến thành con chồn năm trăm kiếp. Vậy ngày nay "Nếu một thiền sư trả lời đúng hết các câu hỏi thì việc gì sẽ xảy ra?"

Hyakujo bảo: "Hãy đến gần đây ta sẽ nói cho nghe."

Obaku đến gần và tát thầy một cái, vì y biết rằng đó là câu trả lời mà sư phụ sẽ ban cho.

Hyakujo vỗ tay cười cho sự sáng trí của đệ tử. "Ta tưởng rằng người tây trúc có bộ râu đỏ," ngài nói, "và bây giờ ta biết một người tây trúc có bộ râu đỏ."

Lời bàn của Vô-Môn: "Kẻ giác ngộ không phải là đối tượng." Làm thế nào mà câu trả lời này biến một tăng sĩ thành con chồn?

"Kẻ giác ngộ là một người với luật nhân quả." Làm thế nào mà câu trả lời này làm cho chồn được giải thoát?

Muốn hiểu rõ ráo được điều này, người ta phải chột một mắt.

Kệ rằng:

*Chế ngự hay không chế ngự?
Cùng con súc sắc bày hai mặt.
Không chế ngự hay chế ngự,
Cả hai đều sai lầm thê thảm.*

3. NGÓN TAY CỦA GUTEI

Gutei [Câu Chi còn gọi là Cự Chi; Kinka Gutei (hay) Juzhi (J): Jinhua Juzhi (C), thế kỷ 9 - LND] thường đưa một ngón tay lên khi được hỏi một câu về Thiền. Một cậu bé thị giả bắt chước theo. Khi có người hỏi cậu rằng sư phụ của cậu giảng dạy điều gì vậy thì cậu liền đưa lên một ngón tay.

Chuyện tình nghịch của cậu bé đến tai Gutei. Ngài liền nắm lấy cậu và cắt đứt ngón tay. Cậu bé la khóc và chạy mất. Gutei gọi cậu dừng lại. Khi cậu bé quay lại nhìn thầy, Gutei đưa lên một ngón tay của ngài. Ngay tức khắc, cậu bé liễu ngộ.

Khi Gutei gần qua đời, ngài cho gọi toàn tăng chúng lại. "Ta đạt đến Thiền-chỉ của ta," ngài bảo, "từ sư phụ của ta là Tenryu [Hàng Châu Thiên Long: Koshu Tenryu (J); Hangzhou Tianlong (C), Thế kỷ thứ 9 - LND], và cả một đời ta vẫn dùng chưa hết." Nói xong ngài thị tịch.

Lời bàn của Vô-Môn: Giác ngộ, điều mà Gutei và cậu bé đạt đến, không dính líu gì đến ngón tay cả. Nếu ai cứ mãi bám chặt vào cái ngón tay thì Tenryu bực mình đến độ sẽ tiêu hủy luôn cả Gutei, cậu bé và kẻ chấp trước.

Kệ rằng:

*Gutei rẽ rừng pháp môn của Tenryu,
Giải thoát cậu bé bằng lưỡi dao.*

*So với vị thần Tàu di sơn đảo hải.
Thì lão Gutei bắt chước còn kém.*

4. NGOẠI NHÂN KHÔNG RÂU

Wakuan [Hoặc Am Sur Thê: Wakuan Shitai (J); Huoan Shiti, 1108-1179, Viên Ngộ tông - LND] than phiền khi nhìn thấy tranh Bồ Đề Đạt Ma đầy râu rậm: "Tại sao ông không có râu nhỉ?"

Lời bàn của Vô-Môn: Nếu người muốn học Thiền, phải học với quả tim. Khi người đạt được liễu ngộ, thì phải thực liễu ngộ. Chính người phải có gương mặt của Đại Tổ Bồ Đề mới thấy được ngài. Chỉ thoáng nhìn cũng đủ rồi. Nhưng nếu người bảo đã gặp ngài thì người chưa hề thấy ngài.

Kệ rằng:

*Người ta không nên bàn đến mộng
Trước mặt một tên đàn.
Tại sao Bồ Đề Đạt Ma không có râu?
Thực là câu hỏi vớ vẩn!*

5. KYOGEN LEO LÊN CÂY

Kyogen [Hương Nghiêm Trí Nhàn; Kyōgen Chikan (J) Xiangyan Zhixian (C), ?-898 - LND] bảo: "Thiền cứ như một người đu lơ lửng trên vực sâu rặng cần chắt vào cây. Tay không nắm được cành, chân không tựa vào nhánh, và bên dưới có kẻ hỏi: "Tại sao Bồ Đề Đạt Ma lại từ Ấn Độ đến Trung Hoa?"

"Nếu người đu cây không trả lời được, hấn thua; và nếu trả lời, hấn rơi tòm mất mạng. Vậy hấn phải làm gì nào?"

Lời bàn của Vô-Môn: Trong tình huống đó, mọi tranh biện tài tình đều vô ích. Nếu người thuộc hết tam tạng kinh điển, người chẳng dùng được. Khi người có câu trả lời đúng, dù con đường quá khứ là đường tử, người mở ra được con đường sinh mới. Nhưng nếu người không trả lời được, người phải sống đến bao đời để hỏi Phật tương lai, Phật Di Lặc.

Kệ rằng:

*Kyogen là một kẻ gàn
Reo rắc độc dược diệt-ngã-mạn đó
Làm câm miệng các môn đồ
Và để nước mắt tuôn trào từ đôi mắt trơ của họ.*

6. PHẬT XOAY MỘT CÀNH HOA

Khi Đức Phật ngự tại núi Linh Thú (Grdhrakuta Mountain), Ngài xoay một cành hoa trong tay và đưa ra trước thính chúng. Mọi người đều im lặng. Duy chỉ có Ma Ha Ca Diếp (Maha Kashapa) mỉm cười, nhưng vẫn cố giữ nghiêm nét mặt.

Đức Thế Tôn bảo: "Ta có nhãn tạng của chánh pháp, tâm của Niết bàn, thực nhận của vô tướng, và Giáo pháp vi diệu khó nghĩ bàn. Không thể diễn bằng lời, mà chỉ biết truyền ngoài giáo lý. Giáo pháp này ta giao lại cho Ma Ha Ca Diếp."

Lời bàn của Vô-Môn: Phật mặt vàng tưởng rằng có thể lừa được mọi người. Ngài làm cho chư thiện tri thức trở nên lỗ bịch, và mượn đầu heo bán thịt cừu. Và ngay cả ngài cũng nghĩ rằng như thế là tuyệt. Nếu toàn thính chúng đều cười cả thì sao? Làm thế nào ngài có thể truyền giáo pháp? Và lại nữa, nếu Ma Ha Ca Diếp không mỉm cười, làm thế nào ngài có thể truyền giáo pháp? Nếu Ngài bảo rằng sự liễu ngộ có thể truyền thừa, thì rõ ngài cũng giống như tên bịp thị thành lừa anh nhà quê khờ khạo, và nếu Ngài bảo rằng nó không thể truyền thừa được thì tại sao Ngài lại giao phó cho Ma Ha Ca Diếp?

Kệ rằng:

*Khi xoay cành hoa
Sự vờ vĩnh của Ngài đã bị lộ.
Không ai trong vòng thiên địa có thể hơn được
Gương mặt nhăn vết của Ma Ha Ca Diếp.*

7. JOSHU RỬA BÁT

Một vị tăng thừa với Joshu [Triệu Châu Tùng Thảm: Joshu Jushin (J) Zhaozhou Zongshen (C), 778-897 - LND]: "Con vừa nhập thiền thất, Xin chỉ dạy."

Joshu hỏi: "Ăn cháo chưa?"

Vị tăng trả lời: "Bạch, đã ăn rồi."

Joshu nói: "Vậy thì đi rửa bát đi."

Ngay lúc đó vị tăng liễu ngộ.

Lời bàn của Vô-Môn: Joshu là người đã mở miệng cho thấy tâm của ngài. Ta nghi rằng vị tăng kia chưa chắc đã thấy được tâm của Joshu. Ta mong rằng ông ta không nhầm cái chuông với bình chế nước.

Kệ rằng:

*Thật là quá hiển lộ nên khó thấy.
Có kẻ khờ cầm đèn đi tìm lửa.
Nếu hẩn biết lửa ra sao,
Thì hẩn đã nấu cơm sớm hơn.*

8. BÁNH XE CỦA KEICHU

Getsuan [Nguyệt Am Thiệu Quả: Getsuan (hay) Gettan Zanka (hay) Engo Kokugon (J); Yuanwu Keqin (C), 1063-1135 - Lâm Tế tông TQ. - LND] nói với môn đồ: "Keichu (Hề Trọng), người chế ra bánh xe đầu tiên của Trung quốc, làm hai bánh xe, mỗi bánh có năm

mười nang. Bây giờ giả dụ các người tháo cái trục ra thì bánh xe sẽ ra sao? Và nếu Keichu làm vậy thì ông ta có được gọi là tổ chế ra bánh xe không?"

Lời bàn của Vô-Môn: Nếu ai có thể trả lời câu hỏi này tức khắc, thì mắt hần sẽ như sao xẹt và trí óc hần sẽ như một tia chớp.

Kệ rằng:

*Khi bánh xe không trục xoay,
Tổ hay chẳng tổ có thể ngưng nó lại.
Nó xoay trên trời và dưới đất,
Nam, bắc, đông, và tây.*

9. MỘT ĐỨC PHẬT TRƯỚC THỜI CÓ SỬ

Một vị tăng hỏi Seijo [Hưng Dương Thanh Nhượng: Koyo Seijo (J); Xingyang Quingrang (C), 830-888, Lâm Tế tông TQ. - LND] "Con biết rằng một đức Phật trước thời có sử (Phật Đại Thông Trí Thắng - LND), đã tọa thiền qua bảy kiếp mà vẫn không ngộ được chân lý tối thượng, vì thế mà không hoàn toàn được giải thoát. Tại sao vậy?"

Seijo trả lời: "Câu hỏi của ông đã tự giải thích rồi."

Vị tăng hỏi tiếp: "Tại sao đức Phật đó tọa thiền mà vẫn không đạt được Phật quả?"

Seijo trả lời: "Vì ông ta chưa thành Phật."

Lời bàn của Vô-Môn: Ta cho rằng ông ấy ngộ đạo, nhưng ta không nhận rằng ông ấy hiểu rõ. Khi một người ngu liễu ngộ thì thành thánh. Khi một bậc thánh bắt đầu hiểu ra thì thành người ngu.

Kệ rằng:

*Tốt hơn nên ngộ tâm chứ chẳng phải thân.
Khi tâm giác ngộ thì không còn gì để lo ngại cho thân.
Khi tâm và thân trở thành một
Thì người được tự tại, chẳng còn ham muốn lợi danh.*

10. SEIZEI CÔ ĐỘC VÀ NGHÈO NÀN

Một vị tăng tên là Seizei [Thanh Thoát; một thiền sinh. Đừng nhầm với Thanh Thoát: Seizei (J); Quingshui (C), 714-792 - LND] hỏi Sozan [Tào Sơn Bán Tịch: Sozan Honjaku (J); Caoshan Benji (C), 840-901 - LND]: "Seizei cô khổ. Ngài có giúp được không?"

Sozan hỏi: "Seizei?"

Seizei đáp: "Bạch Hòa thượng."

Sozan bảo: "Người được Thiền, là món mỹ tửu đệ nhất của thiên hạ (Trung quốc), và đã uống xong ba chén, mà vẫn nói là chưa thấm môi ư!"

Lời bàn của Vô-Môn: Seizei hơi quá đà. Tại sao vậy? Bởi vì Sozan rất tinh mắt biết rõ người đối thoại. Ngay thế, ta vẫn muốn hỏi: Ở thời điểm nào thì Seizei đã uống rượu?

Kệ rằng:

*Kẻ nghèo nhất Trung quốc (Phạm Nhiễm - LND),
Kẻ gan nhất Trung quốc (Hạng Võ - LND),
Chỉ vừa đủ cầm hơi,
Mà lại muốn so bì với người giàu nhất.*

11. JOSHU KHẢO HẠCH MỘT VỊ TĂNG ĐANG TỌA THIỀN

Joshu [Triệu Châu Tùng Thâm: Joshu Jushin (J) Zhaozhou Zongshen (C), 778-897 - LND] đến tịnh thất của một vị tăng đang tọa thiền và hỏi: "Cái gì là cái gì?"

Vị tăng giờ lên nắm tay.

Joshu đáp: "Thuyền không thể lưu ở nơi nước cạn." Rồi bỏ đi.

Vài ngày sau Joshu trở lại và hỏi cùng một câu như trước.

Vị tăng đáp lại cũng cùng một cách không khác.

Joshu bảo: "Khá trao, khá nhận, giết hay, cứu giỏi." Rồi vái chào.

Lời bàn của Vô-Môn: Vẫn là một nắm tay không khác ở hai lần. Tại sao Joshu không chứng cho lần đầu mà lại nhận lần sau? Sai trật ở chỗ nào?

Ai trả lời được thì đã biết rằng lưỡi của Joshu không xương nên nhiều đường lắt léo. Có thể là Joshu sai. Hoặc qua ông sư kia, Ngài có thể biết rằng mình sai.

Nếu ai nghĩ rằng nội tâm của mình hơn hẳn nội tâm của người khác, quả là kẻ không có mắt.

Kệ rằng:

*Nhãn quan như sao xẹt,
Và Thiền quán tựa lần chớp.
Lưỡi girom giết chết người
Cũng là lưỡi girom cứu sống người.*

12. ZUIGAN GỌI SƯ PHỤ

Zuigan [Thụy Nham Sư Ngạn (hay) Đoan Nham Sư Nhan: Zuigan Shigen (J); Ruiyan Shiyan (C), thế kỷ 9 TQ. - LND] tự mình gọi lớn mỗi ngày: "Sư phụ."

Rồi lại tự đáp: "Dạ, bạch thầy."

Và liền thêm: "Hãy tỉnh táo nhé."

Rồi tự đáp: "Dạ, bạch thầy."

"Và sau đó," Ngài tiếp, "đừng để bị người khác lừa gạt nhé."

"Dạ, bạch thầy; Dạ, bạch thầy." Ngài tự trả lời.

Lời bàn của Vô-Môn: Lão Zuigan tự bán tự mua. Ngài đang làm một màn múa rối. Ngài mang một mặt nạ để gọi "Su phụ" rồi mặt nạ khác để trả lời. Mang cái khác để nói: "Hãy tỉnh táo nhé." Và lại cái khác, "Đừng để bị người khác lừa gạt nhé." Nếu ai vướng mắc vào bất cứ cái mặt nạ nào thì quả là lắm to, mà còn bắt chước Zuigan, thì sẽ không khác chồn cáo.

Kệ rằng:

*Vài thiền sinh không ngộ được con người thật sau cái mặt nạ.
Bởi vì họ chỉ thấy cái tự ngã.
Cái tự ngã là mầm sanh tử,
Mà kẻ mê gọi nó là chân nhân.*

13. TOKUSAN ÔM BÌNH BÁT

Tokusan [Đức Sơn Tuyên Giám; Tokusan Senkan (J) Deshan Xuanjian (C), 782-865 - LND] từ Thiền đường đến nhà bếp tay ôm bình bát. Seppo [Tuyệt Phong Nghĩa Tồn: Seppō Gison (J); Xuefeng Yicun (C), 822-908 - LND] phụ trách nấu nướng (điền tòa - LND) thấy Tokusan bảo: "Tiếng trống hiệu báo giờ ăn chưa điểm. Ngài đi đâu với cái bình bát vậy?" Tokusan quay trở về thiền thất.

Seppo thuật lại câu chuyện với Ganto [Nham Đầu Toàn Hoát: Gantō Zenkatsu (J); Yantou Quanhuo (C), 828-997 - LND]. Ganto bảo: "Lão sư Tokusan chẳng hiểu được chân lý tối thượng."

Tokusan nghe được lời phê liên cho gọi Ganto đến gặp. "Ta có nghe," ngài bảo, "ông không tán thành lời thiền của ta." Ganto gián tiếp thú nhận. Tokusan chẳng nói gì.

Hôm sau Tokusan thuyết pháp cho tăng chúng một cách khác hẳn. Ganto cười rộ và vỗ tay nói: "Ta thấy lão sư hiểu rõ chân lý tối thượng. Chẳng có ai ở Trung quốc có thể hơn được."

Lời bàn của Vô-Môn: Nói đến chân lý tối thượng, cả Ganto và Tokusan chẳng hề mộng tưởng. Rốt ráo, họ chỉ là những kẻ đàn độn.

Kệ rằng:

*Ai hiểu được diệu đế thứ nhất
Hẳn phải hiểu chân lý sau cùng
Sau cùng và thứ nhất,
Không giống nhau ư?*

14. NANSEN CHẶT CON MÈO LÀM HAI KHÚC

Nansen [Nam Truyền Phổ Nguyên: Nansen Fugan (J) Nanquan Puyuan (C), 738-835 - LND] bắt gặp hai tăng sinh trú ở hai dãy thiền thất đông và tây cãi nhau chỉ vì con mèo. Ngài chộp lấy con mèo và bảo họ: "Nếu ai nói được một lời phải thì cứu được con mèo."

Chẳng ai trả lời được. Nansen liền chặt con mèo làm hai khúc.

Tối đó Joshu [Triệu Châu Tùng Thâm: Joshu Jushin (J) Zhaozhou Congshen (C), 778-897 - LND] trở về và Nansen kể lại câu chuyện. Joshu liền tháo dép đội lên đầu bước trở ra.

Nansen bảo: "Nếu người có mặt ở đây thì đã cứu được con mèo."

Lời bàn của Vô-Môn: Tại sao Joshu đội dép lên đầu? Nếu ai trả lời được thì sẽ hiểu Nansen phán quyết như thế nào. Nếu không, thì coi chừng đầu mình.

Kệ rằng:

*Nếu Joshu có mặt ở đây,
Ông ta có thể đã phán quyết ngược lại.
Joshu chụp lấy dao
Và Nansen phải xin tha mạng.*

15. BA CÁI LẠY CỦA TOZAN

Tozan [Động Sơn Thủ Sơ: Tōzan Shusho (J), Dòngshān Shǒushū (C); 910-990 - LND] đến ra mắt Ummon [Vân Môn Văn Yển: Ummon Bun'en (J), Yúnmén Wényǎn (C), 864-949 – LND]. Ummon hỏi từ đâu lại.

Tozan thưa: "Từ làng Sato (Tra Độ - LND)."

Ummon hỏi "An cư kiết hạ ở chùa nào?"

Tozan trả lời: "Chùa Hoji (Báo Từ - LND), phía nam của chiếc hồ (Hồ Nam - LND)."

"Ông rời lúc nào?" Ummon hỏi, mà thâm nghĩ chẳng biết Tozan cứ tiếp tục trả lời như thế đến bao lâu.

"Ngày hai mươi lăm tháng Tám," Tozan trả lời.

Ummon bảo: "Ta phải cho người ba gậy mớiặng, nhưng ta tha cho bữa nay."

Ngày hôm sau Tozan bái kiến Ummon và hỏi: "Ngày hôm qua ngài đã tha cho tôi ba gậy. Tôi chẳng biết mình làm gì quấy."

Thất vọng trước câu nói, Ummon bảo: "Người thật là vô dụng. Chỉ là kẻ lê lét từ chùa này đến chùa khác mà thôi."

Lời của Ummon chưa dứt, Tozan chợt ngộ.

Lời bàn của Vô-Môn: Ummon cho Tozan thức ăn Thiền bỏ dưỡng. Nếu Tozan tiêu hóa được, Ummon có thể thân nhận sư vào hội chúng.

Qua một đêm Tozan bơi lội trong biển phải quấy, nhưng đến sáng Ummon đập vỡ được cái vỏ cứng của sư. Nghĩ cho cùng, thì sư cũng chẳng sáng trí mấy.

Bây giờ ta muốn hỏi: Tozan có đáng bị ba gậy hay không? Nếu các người nói đáng thì không phải chỉ Tozan mà ngay đến mỗi người trong bọn các người phải bị đòn. Nếu các người bảo không, thì há Ummon đã nói lời dối trá. Nếu trả lời thông suốt được, thì người có thể ăn cùng món với Tozan.

Kệ rằng:

*Sư tử mẹ thô tháo dạy cho con
Khi chúng nhảy, nó liền đập cho ngã
Khi Ummon gặp Tozan, mũi tên thứ nhất còn nhẹ
Đến mũi thứ hai thì ngấm sâu.*

16. CHUÔNG VÀ ÁO CÀ SA

Ummon [Vân Môn Văn Yên: Ummon Bun'en (J), Yúnmén Wényǎn (C), 864-949 - LND] hỏi: "Cối ta bà thật lớn, tại sao người lại theo tiếng chuông và mặc áo cà sa?"

Lời bàn của Vô-Môn: Khi tu học thiền, người ta không cần phải nương theo âm thanh, hoặc màu sắc, hoặc hình tướng. Dù rằng thông thường có kẻ đạt được nội tâm khi nghe một âm, hoặc thấy một sắc hoặc một tướng. Đó không phải là thiền. Người thực tu học thiền chế ngự được cả âm, sắc, tướng, và hiển lộ chân lý trong cuộc sống hằng ngày.

Âm đến tai, tai tìm đến âm. Khi người ngăn được âm thanh và xúc giác, người hiểu được gì? Người ta không thể hiểu khi dùng tai để nghe. Để hiểu được căn kẽ hơn, người ta phải thấy được âm thanh.

Kệ rằng:

*Khi người hiểu, người là người cùng một nhà;
Khi người không hiểu, người là một kẻ lạ.
Những ai không hiểu là người cùng một nhà,
Và khi họ hiểu thì thành kẻ lạ.*

17. BA TIẾNG GỌI CỦA QUỐC SƯ

Chu (Trung - LND), còn gọi là Kokushi (quốc sư - LND) [Nam Dương Huệ Trung: Nanyo Echu (J); Nanyang Huizhong (C), 695-775 - LND], là phụ đạo của Hoàng đế, gọi thị giả của ngài "Oshin." (Thị giả - LND)

Thị giả liền đáp: "Dạ."

Quốc sư lập lại, muốn thử người đồ đệ: "Oshin."

Thị giả cũng lập lại: "Dạ."

Quốc sư gọi: "Oshin."

Thị giả trả lời: "Dạ."

Quốc sư bảo: "Thứ lỗi cho ta đã gọi ngươi, nhưng ngươi phải xin lỗi ta." [Hán âm: "Tương vị ngô cô phụ nhữ, nguyên lai khước thị nhữ cô phụ ngô". Nghĩa: Tương ta cô phụ ngươi, không ngờ ngươi cô phụ ta. - LND]

Lời bàn của Vô-Môn: Khi lão tăng Chu gọi Oshin ba lần, lưỡi của lão sư đã rã ra, nhưng khi Oshin đáp lại ba lần thì lời của y quả thật là thông minh. Trung lão sư đã suy kiệt và cô quạnh, và lời dạy của lão sư chẳng khác gì nắm đầu bò để cho ăn lá đậu.

Oshin biểu lộ thiên của y cũng chẳng mấy khó. Bụng đã no nên y chẳng còn muốn ăn cao lương. Khi nước đã giàu thì dân biếng nhác; khi gia đình phồn vinh thì con hư hỏng.

Bây giờ ta muốn hỏi ngươi: Ai phải xin lỗi?

Kệ rằng:

Khi kho lương thực của nhà tù chỉ chứa sắt, chẳng còn chỗ nhốt người thì tù nhân bị khốn đốn gấp bội.

Khi chẳng còn chỗ cho thiên trong đầu của thế hệ chúng ta, thì thật là đáng lo.

Nếu ngươi cứ cố giữ chặt tấm cửa của căn nhà đang sập,

Ngươi cũng sẽ bị khốn đốn.

18. BA CÂN CỦA TOZAN

Khi Tozan [Động Sơn Thủ Sơ: Động Sơn Thủ Sơ: Tōzan Shusho (J), Dòngshān Shōushū (C); 910-990 - LND] đang cân vừng, một tăng sĩ hỏi: "Phật là gì?"

Tozan bảo: "Bó vừng này nặng ba cân."

Lời bàn của Vô-Môn: Thiên của lão sư Tozan cứ y như là con hến. Ngay khi miệng hến mở ra ngươi có thể thấy tất cả bên trong. Tuy thế, ta muốn hỏi ngươi: Ngươi có thấy Tozan thực không?

Kệ rằng:

*Ba cân vừng ngay trước mũi ngươi,
Thực gần, mà tâm thì lại còn gần hơn.
Kẻ nào nói đến xác nhận và phủ nhận
Thì vẫn sống trong vòng đúng, sai.*

19. MỖI NGÀY ĐỀU LÀ ĐẠO [hay BÌNH THƯỜNG TÂM THỊ ĐẠO]

Joshu [Triệu Châu Tùng Thẩm: Joshu Jushin (J) Zhaozhou Zongshen (C), 778-897 - LND] hỏi Nansen [Nam Truyền Phổ Nguyên: Nansen Fugan (J) Nanquan Puyuan (C), 738-835 - LND]: "Đạo là gì?"

Nansen bảo: "Đời sống hằng ngày là đạo"

Joshu hỏi: "Có tìm hiểu được chăng?"

Nansen đáp: "Nếu ông cố tìm hiểu thì ông đã ở xa nó rồi."

Joshu hỏi: "Nếu không tìm hiểu thì làm sao biết được nó là đạo?"

Nansen bảo: "Đạo không bị lệ thuộc vào cái thế giới nhận biết, và cũng chẳng lệ thuộc vào thế giới không nhận biết. Cảm quan là huyền hóa, và không cảm quan là vô tri. Nếu ông muốn đạt đến đạo chân thực không nghi ngại, thì hãy du mình vào chốn thanh vắng như bầu trời. Ông không thể gọi nó là thiện mỹ hay không thiện mỹ."

Đến đây Joshu chợt ngộ.

Lời bàn của Vô-Môn: Nansen đã có thể xóa tan nỗi nghi ngại đông cứng của Joshu ngay khi ông này lên tiếng hỏi. Ta ngờ Joshu chưa đạt đến chỗ Nansen đã ngộ. Ông ta phải tu học thêm ba mươi năm nữa mới ngộ.

Kệ rằng:

*Mùa xuân, trăm hoa đua nở; mùa thu, trăng vắng vật;
Mùa hạ, cơn gió mát; mùa đông, tuyết sẽ rơi.
Nếu điều vô dụng không vương mắc tâm người,
Bất cứ mùa nào cũng đều là mùa tốt cả.*

20. NGƯỜI GIÁC NGỘ

Shogen [Tùng Nguyên Sùng Nhạc: Shōgen sūgaku (J); Songyuan Chongyue (C) 1139-1209 - LND] hỏi: "Tại sao người giác ngộ lại không đứng dậy mà tự lý giải?" Và ngài lại bảo: "Lời nói không nhất thiết phải phát ra từ lưỡi."

Lời bàn của Vô-Môn: Shogen đã nói toạc ra rồi, thế mà được bao nhiêu người hiểu đây? Nếu có kẻ quán triệt được, hẳn phải đến chỗ của ta ở để thử vài trượng. Tại sao, hãy nghe đây, muốn thử vàng ròng, người phải nhìn qua lửa.

Kệ rằng:

*Nếu đôi chân bậc giác ngộ dời gót, thì biển cả chắc phải tràn;
Nếu cái đầu đó cúi xuống, thì nó đã nhìn khắp cung trời đao lợi.
Cái thân như thế thì không thể nghỉ ngơi..
Ai làm tiếp được bài thơ này.*

21. CỤC PHÂN KHÔ

Một vị tăng hỏi Ummon [Vân Môn Văn Yên: Ummon Bun'en (J), Yúnmén Wényān (C), 864-949 - LND]: "Phật là gì?"

Ummon trả lời ông ta: "Cục phân khô." [Hán âm: Càn thi quyết: Que cắt khô - LND].

Lời bàn của Vô-Môn: Theo ta thì Ummon tệ quá, ngài đã không thể phân biệt được mùi vị của các món ngon, hoặc giả ngài đã quá bận để viết chữ cho dễ đọc. Thôi thì ngài đã muốn giữ thiền môn của ngài với cục phân khô. Lời dạy của ngài chẳng dùng được.

Kệ rằng:

*Chớp sáng lòa,
Làm mưa sa.
Trong nháy mắt
Người không kịp thấy.*

22. CÂY CỜ CỦA KASHAPA

Ananda hỏi Kashapa (Ca Diếp - LND): "Đức Phật trao cho sư huynh kim y làm tín vật kế thừa. Ngài còn trao gì nữa chăng?"

Ca-Diếp bảo: "Ananda."

Ananda đáp: "Dạ, sư huynh."

Ca-Diếp nói: "Người có thể hạ cây sát can (trụ cờ - LND) của ta xuống và dựng cây sát can của người lên."

Lời bàn của Vô-Môn: Nếu ai hiểu được như vậy thì sẽ thấy rằng tình sư huynh xưa vẫn đậm, nhưng nếu y không hiểu thì, cho dù y tu đến mấy kiếp trước cả thời chư Phật, y vẫn khó mà liễu ngộ.

Kệ rằng:

*Câu hỏi thì vớ vẩn, nhưng câu trả lời thì thân thiết.
Khi nghe, có bao nhiêu người chú ý?
Sư huynh gọi, sư đệ đáp,
Tiết xuân này chẳng thuộc vào mùa thường.*

23. KHÔNG NGHĨ THIỀN, KHÔNG NGHĨ ÁC

Khi đã giác ngộ, Lục tổ [Đại Giám Huệ Năng: Daikan E 'no (J); Daijian Huineng (C), 638-713 - LND] được Ngũ tổ trao cho y bát kế thừa vốn đã được truyền lại từ Đức Phật qua bao thế hệ.

Một vị tăng tên là E-myo (Huệ-Minh - LND), vì ghen tức đuổi theo để giành cho được báu vật. Lục tổ đặt y bát trên một tảng đá trên đường và bảo E-myo: "Các món này chỉ là biểu tượng của lòng tin. Chẳng có gì đáng để phải tranh giành. Nếu sư huynh muốn lấy thì cứ giữ lấy."

Nhưng khi E-myo đến nhặt y bát thì chúng lại nặng như núi, chẳng tài nào nhấc lên nổi. Run rẩy vì xấu hổ, y bảo: "Tôi đến đây chỉ vì pháp, chứ chẳng phải vì các báu vật này. Xin chỉ dạy cho."

Lục tổ nói: "Khi ông không nghĩ thiện, khi ông không nghĩ ác, thì bản lai diện mục của ông là gì?"

Với lời này E-myo chợt ngộ. Mồ hôi toát ra như tắm, y khóc và cúi mình nói: "Ngài đã dạy cho mật ngôn với diệu nghĩa. Còn có phần thậm thâm nào nữa trong giáo pháp?"

Lục tổ đáp: "Điều ta nói với ông chẳng có gì bí hiểm cả. Khi ông rõ được bản lai diện mục của ông thì điều bí mật đều tùy thuộc vào ông."

E-myo nói: "Tôi theo Ngũ tổ bao nhiêu năm, mà mãi đến lúc này mới nhận ra được tự tánh của mình. Nhờ sự chỉ dạy của ngài tôi mới tìm ra được nguồn. Chỉ có người uống nước mới biết được là nước nóng lạnh ra sao. Xin được tôn ngài làm thầy được chăng?"

Lục tổ đáp: "Chúng ta cùng học với Ngũ tổ. Xin gọi Ngài là thầy, nhưng nên quý trọng những gì ông vừa đạt được."

Lời bàn của Vô-Môn: Lục tổ quả là tốt bụng ngay cả lúc khẩn cấp. Cứ như là ngài bóc vỏ và hạt của quả chín, rồi mở miệng môn đồ ra cho ăn.

Kệ rằng:

*Người không thể diễn tả nó, người không thể hình dung nó,
Người không thể nhìn ngắm nó, người không thể cảm nhận nó.
Đó là bản lai diện mục của người, nó chẳng ẩn trốn ở đâu cả.
Dù thế gian bị diệt, nó không hề bị tan.*

24. CHẲNG NÓI, CHẲNG IM

Có tăng hỏi Fuketsu [Phong Huyệt Diên Chiêu: Fuketsu Ensho? (J); Feng-Hsueh Yen-chao (C), 896-973 - LND]: "Chẳng nói, chẳng im, làm sao tỏ rõ diệu đế?"

Fuketsu bảo: "Ta nhớ mùa xuân ở Nam Hoa. Muôn chim hót vang giữa ngàn hoa thơm ngát."

Lời bàn của Vô-Môn: Fuketsu thường có lối Thiền như tia chớp. Khi có dịp, ngài xẹt ngay. Nhưng lần này thì ngài lại không làm vậy mà còn mượn một câu thơ cổ. Hãy bỏ qua lối thiền của Fuketsu đi. Nếu người muốn làm sáng chân lý, cứ nói ra, cứ im đi, và cho ta biết lối thiền của người.

Kệ rằng:

*Chẳng nói rõ điều ngài quán triệt,
Ngài chẳng dạy chi, lại mượn lời người khác.
Giá mà ngài cứ lải nhải mãi,
Chắc người nghe cũng đến xấu hổ.*

25. THUYẾT PHÁP TỪ GHẾ THỨ BA

Trong mơ, Kyozan [Ngưỡng Sơn Huệ Tịch: Kyōzan Ejaku (J); Yangshan Huiji (C), 807-883 – LND] đến cõi tịnh độ của Phật A Di Đà. Ngài lại thấy mình ngồi ở chiếc ghế thứ ba trong điện Phật. Có người xướng lên: "Hôm nay đến phiên vị ngồi ở ghế thứ ba lên thuyết pháp."

Kyozan đứng lên nói: "Diệu đế của giáo pháp Đại thừa không thể nghĩ bàn được, vượt ra khỏi ngôn ngữ và tư tưởng. Chư vị có hiểu không?"

Lời bàn của Vô-Môn: Ta muốn hỏi các người: Ngài thuyết hay không thuyết? Khi ngài mở miệng là đã lạc. Khi ngài mím miệng là đã lạc. Nếu ngài không mở miệng, nếu ngài không mím miệng, ngài đã đi xa chân lý đến mười vạn dặm.

Kệ rằng:

*Tuy giữa ban ngày,
Mà ngài mơ, và nói về giấc mơ.
Một quái vật giữa những quái vật,
Ngài định lừa cả thánh chúng.*

26. HAI VỊ SƯ KÉO TẮM RÈM

Thiền sư Hōgen [Pháp Nhãn Văn Ích: Hōgen Bun'eki (J); Fayan Wenyi (C), 885-958 - LND] thuộc tự viện Seiryō (Thanh Lương tự - LND) nhìn thấy tắm rèm tre thường hạ xuống để tọa thiền chưa được kéo lên khi ngài sắp sửa thuyết pháp trước buổi cơm tối. Ngài chỉ tắm rèm, và có hai vị tăng từ giữa thánh chúng đứng dậy kéo rèm lên.

Hogen bảo sau khi quan sát các động tác: "Tăng sinh trước khá, tăng sinh sau kém."

Lời bàn của Vô-Môn: Ta muốn hỏi các người: Giữa hai tăng sinh ai được ai thua? Nếu trong đám các người có kẻ chột, thì hẳn đã thấy sự thất bại nơi ông thiền sư. Tuy vậy ta không bàn đến được và thua.

Kệ rằng:

*Khi tắm rèm được kéo lên, bầu trời mở ra,
Mà bầu trời thì nào có tùy theo Thiền quán.
Tốt hơn nên quên đi bầu trời bát ngát
Và chẳng màng đến gió thoảng.*

27. CHẲNG PHẢI TÂM, CHẲNG PHẢI PHẬT, CHẲNG PHẢI PHÁP

Một vị tăng hỏi Nansen [Nam Truyền Phổ Nguyên: Nansen Fugan (J) Nanquan Puyuan (C), 738-835 - LND]: "Có pháp môn nào mà chưa có ai thuyết bao giờ?" Nansen bảo: "À, có."

"Là pháp môn nào vậy?" vị tăng hỏi.

Nansen đáp: "Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải pháp."

Lời bàn của Vô-Môn: Lão sư Nansen bỏ thí lời quý báu của Ngài. Đáng ra thì Ngài phải phạt lòng lắm.

Kệ rằng:

*Nansen quá nhân từ đã đánh mắt báu vật.
Thật ra lời nói chẳng có mãnh lực nào.
Cho dù núi cao thành biển cả,
Lời nói chẳng thể khai tâm cho kẻ khác được.*

28. THỜI TẮT NGỌN NÉN

Tokusan [Đức Sơn Tuyên Giám; Tokusan Senkan (J) Deshan Xuanjian (C), 782-865 - LND] theo học Thiền với Ryutan [Long Đàm Sùng Tín: Ryutan Shoshin (J); Longtan Chongxin (C), Thế kỷ 8/9 - LND]. Một đêm kia sư đến hỏi Ryutan nhiều câu. Thiền sư bảo: "Đã khuya rồi. Sao ông chưa đi ngủ?"

Nghe vậy, Tokusan vái chào và vén rèm lui ra, nói thêm: "Trời bên ngoài tối quá."

Ryutan trao cho Tokusan một cây nến đang cháy. Ngay khi Tokusan cầm lấy, Ryutan thổi tắt ngọn nến. Tokusan chột ngộ.

"Ông đạt được gì nào?" Ryutan hỏi.

"Từ nay trở đi," Tokusan đáp, "con sẽ không còn nghi ngờ lời thầy dạy."

Hôm sau Ryutan nói với thính chúng: "Ta biết một tăng sinh trong đám các người. Răng của hắn giống như cây kiếm, miệng của hắn tựa như bát máu. Nếu có người nện cho hắn một gậy thật đau, hắn cũng chẳng màng quay lại nhìn. Một ngày kia, hắn sẽ đạt đến tuyệt đỉnh và truyền thừa giáo pháp của ta."

Cũng ngày ấy, Tokusan đem những bản luận của sư về kinh ra đốt sạch trước thiền đường. Sư bảo "Tuy kinh diễm diệu vợi, nhưng so với sự chứng ngộ này, chúng chỉ là như sợi lông so với bầu trời. Tuy sự hiểu biết về thế gian phức tạp có sâu sắc đến đâu, so với sự chứng ngộ này, nó chỉ giống như một giọt nước trong biển cả." Xong sư rời bỏ thiền viện.

Lời bàn của Vô-Môn: Khi Tokusan còn ở quê nhà, tuy có nghe nói đến thiền, ngài vẫn xem thường. Ngài nghĩ: "Bọn sư ở Nam man bảo có thể giáo ngoại biệt truyền. Lão cả, ta phải đến dạy chúng." Bèn đi về phương nam. Ngài nghỉ chân ở một quán gần thiền viện của Ryutan. Bà lão chủ quán chột thấy hỏi: "Ngài mang vác gì mà nặng thế?"

Tokusan đáp: "Đây là luận bản về Kinh Kim Cang do ta biên soạn sau bao nhiêu năm nghiền ngẫm."

Bà lão nói: "Lão đã đọc kinh ấy, có đoạn nói: Tâm quá khứ không thể trụ, tâm hiện tại không thể trụ, tâm tương lai không thể trụ. Ngài cần dùng ít trà và món giải khát. Vậy ngài đem tâm nào ra mà dùng đây?"

Tokusan sững sốt giây lâu, rồi hỏi bà lão: "Lão bà có biết đại sư trí nào ở quanh đây không?"

Bà lão chỉ đường đến Ryutan cách đây 5 dặm. Thái độ của Tokusan trở nên khiêm cung, khác hẳn lúc mới khởi hành. Ryutan thì quá tử tế đến độ quên cả khách sáo. Cứ như là tạt nước bùn vào kẻ say để làm hắn tỉnh. Rốt ráo, cũng chẳng cần phải đóng kịch nữa.

Kệ rằng:

*Trăm nghe không bằng một mắt thấy,
Nhưng sau khi thấy thầy, một liếc mắt không bằng một trăm nghe.
Mũi của ông cao quá
Nhưng rốt lại ông bị mù.*

29. KHÔNG PHẢI GIÓ, KHÔNG PHẢI PHƯƠNG

Hai vị tăng đang tranh luận về một lá phướng. Một vị nói: "Lá phướng đang động." Vị kia cãi: "Gió đang động."

Lục-tổ [Đại Giám Huệ Năng: Daikan E 'no (J); Daijian Huineng (C), 638-713 - LND] tỉnh cờ đi qua. Ngài bảo họ: "Chẳng phải gió, chẳng phải phướng; tâm đang động."

Lời bàn của Vô-Môn: Lục-tổ bảo: "Gió chẳng động, phướng chẳng động. Tâm đang động." Ngài ngụ ý gì vậy? Nếu người hiểu tường tận thì người sẽ thấy rằng hai vị tăng nọ đang mua sắt mà được vàng. Lục-tổ không cam thấy hai cái đầu dần nên mới xen vào.

Kệ rằng:

*Gió, phướng, tâm động,
Đều hiểu như nhau
Khi mở miệng nói
Thì sai cả.*

30. TÂM NÀY LÀ PHẬT

Daibai [Đại Mai Pháp Thường: Daibai Hojo (J); Tamai Damei Fachang (hay) Ta-mei Fachang (C), 752-839 - LND] hỏi Baso [Mã tổ Đạo nhất: Baso Doitsu (J); Mazu Daoyi (C), 709-788 - LND]: "Phật là gì?"

Baso bảo: "Tâm này là Phật."

Lời bàn của Vô-Môn: Nếu ai hiểu được khái quát như thế thì hấn đang mặc y của Phật, đang ăn thực phẩm của Phật, đang nói lời của Phật, đang hành xử như Phật, hấn là Phật.

Tuy vậy, câu chuyên vui này đã làm cho không ít thiện sinh mắc bệnh hình thức. Nếu ai hiểu được rốt ráo, thì sau khi nói đến chữ "Phật", hấn sẽ súc miệng luôn ba ngày liền, và hấn sẽ bịt tai mà chạy xa khi nghe "Tâm này là Phật."

Kệ rằng:

*Dưới bầu trời xanh, trong nắng sáng,
Không việc gì phải tìm quanh.
Mà hỏi Phật là gì
Cứ như là dẫu đồ ăn cắp trong túi mà xưng mình vô tội.*

31. JOSHU ĐIỀU TRA

Một vị tăng đang vân du hỏi một bà lão về con đường đến núi Taizan (Đài Sơn - LND), một tự viện nổi tiếng là ai đến cầu nguyện đều được ban cho sự khôn ngoan. Cụ bà nói: "Cứ đi thẳng phía trước." Khi vị tăng đi được vài bước, bà tự bảo: "Y chỉ là một kẻ đi chùa xoàng thôi."

Có người kể lại chuyện này cho Joshu [Triệu Châu Tùng Thâm: Joshu Jushin (J) Zhaozhou Zongshen (C), 778-897 - LND] nghe, Ngài bảo: "Hãy đợi cho đến khi ta đi điều tra." Hôm sau ngài đến và hỏi cùng câu hỏi, và bà lão cũng đáp cùng câu trả lời.

Joshu nhận xét: "Ta đã điều tra xong bà lão đó."

Lời bàn của Vô-Môn: Bà lão rành về chiến lược, nhưng không rõ làm sao mà gián điệp lại lên vào trại của bà được. Lão sư Joshu chơi trò tình báo để lật ngược thế cờ, nhưng lão sư không phải là một ông tướng tài. Cả hai đều có khuyết điểm. Chư tăng, bây giờ ta muốn hỏi các người: Đây là trọng điểm trong việc điều tra của Joshu về bà lão?

Kệ rằng:

*Khi câu hỏi là băng quơ
Thì câu trả lời cũng băng quơ.
Khi câu hỏi là cát trộn trong bát cơm
Thì câu trả lời là một cái que xóc trong bãi bùn.*

32. MỘT TRIẾT NHÂN HỎI ĐỨC PHẬT

Một triết nhân hỏi Đức Phật: "Vô thuyết, và cũng chẳng vô thuyết, Ngài có thể nói đến chân lý được chăng?"

Đức Phật vẫn giữ yên lặng.

Triết nhân cúi chào cảm tạ Đức Phật, nói: "Với lòng đại từ bi của Ngài, con đã xóa được mê lầm và bước vào chánh đạo."

Sau khi vị triết nhân đi khỏi, Ananda hỏi Đức Phật rằng ông ấy đã đạt được gì.

Đức Phật trả lời: "Một con ngựa giỏi, phi nước đại ngay khi nhác thấy bóng roi."

Lời bàn của Vô-Môn: Ananda là đại đệ tử của Đức Phật. Dù thế, nhận định của ngài cũng chẳng khá hơn kẻ ngoại cuộc. Nay chư tăng, ta muốn hỏi các người: Có gì khác lắm chẳng giữa môn đồ và kẻ ngoại cuộc?

Kệ rằng:

*Để giẫm trên cạnh sắc của lưỡi guơm,
Để chạy rong trên mặt băng trơn,
Chẳng cần phải theo vết chân ai.
Cứ thong dong bước ra khỏi bờ vực.*

33. TÂM NÀY CHẴNG PHẢI PHẬT

Một vị tăng hỏi Baso [Mã tổ Đạo nhất: Baso Doitsu (J); Mazu Daoyi (C), 709-788 - LND]:
"Phật là gì?"

Baso bảo: "Tâm này chẳng phải Phật."

Lời bàn của Vô-Môn: Kẻ nào hiểu được, là đã ngộ Thiên.

Kệ rằng:

*Nếu người gặp một kiếm sư giữa đường, nên biếu ông ta cây gươm của người,
Nếu gặp một thi sĩ, hãy tặng ông ta bài thơ của người.
Khi người gặp kẻ khác, chỉ nói một phần những gì mình muốn nói.
Chớ nên bao giờ cho hết mọi thứ một lần*

34. HỌC CHẴNG PHẢI LÀ ĐẠO

Nansen [Nam Tuyền Phổ Nguyên: Nansen Fugan (J) Nanquan Puyuan (C), 738-835 - LND]
bảo: "Tâm chẳng phải Phật. Học chẳng phải Đạo."

Lời bàn của Vô-Môn: Nansen già rồi nên không biết ngượng. Lão sư thật thối mồm và vạch áo cho người xem lưng. Tuy vậy, chẳng có nhiều người cảm kích được mối từ tâm của ngài.

Kệ rằng:

*Khi trời quang đăng, vàng dương ló dạng,
Khi đất khô cần, mưa sẽ rơi.
Ngài nói toạc ra với cả tấm lòng,
Nhưng với lợn và cá thì nào có ích gì.*

35. HAI LINH HỒN

"Seijo (Thanh - LND), cô gái Tàu," Goso [Ngũ tổ Pháp Diễn: Goso Hōen (J); Wuzu Fayan (C), 1024-1104 - LND] nhận xét, "có hai linh hồn, một luôn bệnh hoạn ở nhà và phần kia thì ngao du phố xá, một người đàn bà có chồng và hai con. Phần nào là linh hồn thật?"

Lời bàn của Vô-Môn: Khi người nào hiểu điều này thì hẳn sẽ biết rằng người ta có thể lột xác được, cứ như là dừng chân nơi quán trọ. Nhưng nếu hẳn không hiểu thì khi lâm chung, tứ đại phân lìa, chẳng khác gì con cua đang bị luộc, quơ quào với lăm chân tay. Trong tình huống đó, hẳn có thể bảo rằng: "Vô-môn đã chẳng chỉ cho ta đi hướng nào!" nhưng than ôi đã muộn.

Kệ rằng:

*Mặt trăng trên tầng mây vẫn là một,
Núi và sông bên dưới lại hoàn toàn khác.
Mỗi thứ đều hạnh phúc trong hòa hợp và muôn vẻ.
Cái này là một, đây là hai.*

36. GẶP MỘT THIỀN SƯ TRÊN ĐƯỜNG

Goso [Ngũ tổ Pháp Diễn: Goso H?en (J); Wuzu Fayan (C), 1024-1104 - LND] bảo: "Khi người gặp một Thiền sư trên đường, người không thể nói chuyện với ngài, người không thể đối diện trong lặng thinh. Vậy người phải làm gì nào?"

Lời bàn của Vô-Môn: Trong trường hợp ấy, nếu người có thể trả lời ngài một cách tường tận thì sự giác ngộ của người đẹp tuyệt. Nhưng nếu không thể được, thì người nên nhìn băng qua làm như không thấy gì cả.

Kệ rằng:

*Gặp một thiền sư trên đường,
Không thể nói không thể im.
Thì nện cho ngài một đấm
Và người sẽ được gọi là ngộ thiền.*

37. MỘT CON TRÂU RA KHỎI CHUÔNG

Goso [Ngũ tổ Pháp Diễn: Goso Hōen (J); Wuzu Fayan (C), 1024-1104 - LND] bảo: "Khi một con trâu ra khỏi chuồng đến bên bờ vực. Cặp sừng, đầu và móng chân đều qua khỏi, nhưng tại sao cái đuôi lại mắc kẹt?"

Lời bàn của Vô-Môn: Nếu ai mở một mắt thấy được điểm này và nói một lời thiền, thì hấn sẽ được thưởng ngay, và không những thế, hấn còn cứu vớt cả chúng sinh bên dưới. Nhưng nếu hấn không nói được một lời chân thiền, hấn nên quay lại với cái đuôi.

Kệ rằng:

*Nếu con trâu chạy, nó sẽ rơi vào hố;
Nếu nó quay trở lại, nó sẽ bị làm thịt.
Cái đuôi nhỏ bé đó
Là một điều thật lạ.*

38. CÂY TÙNG GIỮA SÂN

Một vị tăng hỏi Joshu [Triệu Châu Tùng Thâm: Joshu Jushin (J) Zhaozhou Zongshen (C), 778-897 - LND] tại sao Bồ Đề Đạt Ma lại đến Trung quốc.

Joshu bảo: "Một cây tùng giữa sân."

Lời bàn của Vô-Môn: Nếu ai thấy được câu trả lời sáng tỏ của Joshu, thì không có Phật Thích Ca Mâu Ni trước hấn và chẳng có Phật tương lai sau hấn nữa.

Kệ rằng:

*Lời nói chẳng thể diễn tả được mọi điều
Tâm pháp chẳng thể truyền bằng lời.
Nếu ai say mê chữ nghĩa thì sẽ bị lạc lối,
Nếu cố giải thích bằng lời, thì hấn không thể giác ngộ được trong đời này.*

39. LẠC LỜI CỦA UMMON

Một thiền sinh nói với Ummon [Vân Môn Văn Yên: Ummon Bun'en (J), Yúnmén Wényǎn (C), 864-949 - LND]: "Hào quang của Đức Phật chiếu sáng toàn thể vũ trụ."

Trước khi y chưa dứt câu thì Ummon hỏi: "Người đang ngâm thơ của kẻ khác phải không?" [của Trương Chuyết tú tài: Chōetsu Yusai (J); Zhangzhuo Xiucui (C) - LND]

"Vâng," thiền sinh trả lời.

"Người trật đường rồi," Ummon bảo.

Về sau có vị thiền sư khác tên là Shishin hỏi môn sinh của mình: "Ở điểm nào thì thiền sinh kia trật lối?"

Lời bàn của Vô-Môn: Nếu kẻ nào nhận ra được diệu xảo của Ummon, hẳn sẽ biết được ở điểm nào thì thiền sinh kia trật lối, và hẳn sẽ là một bậc thầy của người và thần. Nếu không, hẳn cũng chẳng nhận ra được chính hẳn.

Kệ rằng:

Khi con cá thấy lưỡi câu.

Nếu nó tham thì sẽ mắc câu.

Khi nó mở miệng

Thì đời đã tàn.

40. NGHIÊNG BÌNH NƯỚC

Hyakujo [Bách Trọng Hoài Hải: Hyakuo Ekai (J); Baizhang Huaihai (C), 720-814] muốn cho một môn sinh ra lập một tự viện mới (ở núi Đại Qui - LND). Ngài phán với cả đám rằng nếu kẻ nào trả lời thông suốt được một câu hỏi thì sẽ được giao trọng trách. Đặt một bình nước trên mặt đất, ngài hỏi: "Ai có thể nói nó là cái gì mà không được gọi tên của nó?"

Vị tăng trưởng (chức thủ tòa - LND) nói: "Không ai có thể gọi nó là chiếc guốc."

Isan [Qui Sơn Linh Hựu: Isan Reiyu (J), Guishan Linyou (C), 771-853 - LND], vị tăng lo việc bếp núc (chức điển tòa - LND), dùng chân làm ngã chiếc bình rồi bỏ đi.

Hyakujo cả cười bảo: "Tăng trưởng thua rồi." Và Isan trở nên thiền sư của tự viện mới.

Lời bàn của Vô-Môn: Isan bạo gan thật, nhưng ngài không thoát khỏi trò đùa của Hyakujo. Rốt lại, ngài bỏ một việc nhẹ mà nhận một việc nặng. Tại sao, người không thấy ư, ngài bỏ chiếc nón êm ái để tra chân vào vào cùm sắt.

Kệ rằng:

Từ bỏ nồi niêu xoong chảo,

Hạ được kẻ lăm mồm,

*Tuy thầy của ngài dựng chướng ngại thử thách
Chân ngài sẽ đập ngã mọi thứ, kể cả Phật.*

41. BỒ-ĐỀ ĐẠT-MA AN TÂM

Bồ-Đề Đạt-Ma ngồi diện bích. Kẻ kế vị ngài trong tương lai [Huệ Khả: Taiso Ekai (J); Dazu Huike (C), 487-593 - LND] đứng trong tuyết giá và dang một cánh tay bị chặt lìa. Y khóc: "Tâm của con không an. Đại sư, xin ngài an tâm cho con."

Bồ-Đề Đạt-Ma nói: "Nếu người đem cái tâm đó ra đây ta sẽ an cho."

Người kế vị bảo: "Khi tìm tâm, con chẳng nắm bắt được."

Bồ-Đề Đạt-Ma nói: "Vậy thì tâm người đã an rồi."

Lời bàn của Vô-Môn: Cái lão sư chà và sún răng, Bồ-Đề Đạt-Ma, mắt công vượt biển cả hàng ngàn dặm từ Ấn Độ đến Trung Hoa tưởng có gì kỳ diệu. Lão sư cứ như là sóng nổi chẳng cần gió. Sau bao năm lưu lại Trung Hoa, lão sư chỉ có mỗi một môn đồ, mà lại là kẻ cụt tay dị dạng. Than ôi, từ đây lão sư có toàn đệ tử vô trí.

Kệ rằng:

*Tại sao Bồ-Đề Đạt-Ma đến Trung Hoa?
Đã bao năm tăng chúng cứ bàn chuyện này mãi.
Mọi điều lời thôi đeo đuổi từ bấy giờ
Do ông thầy và môn đồ đó.*

42. CÔ GÁI XUẤT KHỎI THIỀN ĐỊNH

Vào thời của Đức Phật Thích Ca, Manjusri (Văn Thù Sư Lợi - LND) đi đến chỗ phó hội của chư Phật. Khi vừa đến nơi thì cuộc hội đã tan, và mỗi vị Phật đều đã trở về nước Phật của mình. Chỉ còn lại một cô gái an nhiên trong thiền định sâu xa.

Manjusri hỏi Đức Phật Thích Ca làm sao mà một cô gái có thể đạt đến bậc này, mà ngay cả ngài còn chưa thể đạt tới. "Hãy đưa nàng ra khỏi tam-bồ-đề mà hỏi cho rõ," Đức Phật trả lời.

Manjusri bước vòng quanh cô gái ba lần và búng tay. Nàng vẫn còn đắm trong thiền định. Ngài bèn vận dụng thần lực đưa nàng lên tầng trời cao hơn và cố hết sức gọi nàng, nhưng vô ích.

Đức Phật Thích Ca bảo: "Ngay cả trăm ngàn Manjusri cũng không thể khuấy động nàng, nhưng ở dưới nơi này, cách đây mười hai trăm triệu thế giới, có vị Bồ tát tên là Mo-myo (Võng Minh Bồ Tát - LND), mằm ảo tưởng. Nếu ông ấy đến đây, nàng sẽ thức dậy."

Đức Phật nói chưa dứt câu thì vị Bồ tát đã nhảy vọt lên từ mặt đất, cúi đầu đánh lễ Phật. Đức Phật dẫn ngài đến để đánh thức cô gái. Vị Bồ tát đến trước cô gái và búng tay, tức thì nàng xuất ra khỏi thiền định.

Lời bàn của Vô-Môn: Lão Bụt dần cảnh kém quá. Nay chur tăng, ta muốn hỏi các người: Nếu Manjusri, vị được coi là bậc thầy của bảy vị Phật (có nơi viết 'bảy vị bồ tát' - LND) đã không thể đem cô gái này ra khỏi thiên định, thì có sao chỉ một Bồ tát, là kẻ mới bắt đầu, (Bồ tát sơ địa - LND) lại có thể làm được?

Nếu người hiểu được chỗ này tường tận, người có thể đi vào đại định trong khi đang sống ở thế giới ảo tưởng.

Kệ rằng:

Một người không thể đánh thức nàng, kẻ khác lại có thể.

Cả hai đều là diễn viên kém.

Một kẻ mang mặt nạ của thần, kẻ kia quỷ sứ.

Giá mà cả hai đều thất bại, thì vở kịch trở nên khôi hài.

43. CÂY GẬY NGẮN CỦA SHUZAN

Shuzan [Thủ Sơn Tĩnh Niệm: Shuzan Shonen (J); Shoushan Xingnian (C), 925-993 - LND] đưa cây gậy ngắn ra và bảo: "Nếu người gọi nó là đoản trượng, người phản thực tại. Nếu người không gọi nó là đoản trượng, người coi thường thực tế. Bây giờ người muốn gọi nó là cái gì nào?"

Lời bàn của Vô-Môn: Nếu người gọi nó là đoản trượng, người phản thực tại. Nếu người không gọi nó là đoản trượng, người coi thường thực tế. Không thể diễn đạt bằng lời, và cũng không thể diễn đạt mà không dùng lời. Bây giờ, hãy nói ngay cái gì vậy.

Kệ rằng:

Đưa cây gậy ngắn ra,

Ngài phán sự sống và chết.

Dương và Âm xoắn chặt,

Ngay cả Chư Phật và Chư Tổ cũng chẳng thoát được.

44. CÂY TRƯỢNG CỦA BASHO

Basho [[Ba Tiêu Huệ Thanh: Bash? Esho? (j); Ba?jia?o Hu?ching (C), Thế kỷ 10 - LND] bảo với một đệ tử: "Khi người có một cây trượng, ta sẽ tặng nó cho người. Khi người không có cây trượng, ta sẽ lấy nó lại."

Lời bàn của Vô-Môn: Khi không có chiếc cầu bắt qua con lạch thì cây trượng sẽ giúp ta. Khi ta trở về nhà trong một đêm tối không trăng, cây trượng theo ta. Nhưng nếu người gọi cái này là cây trượng, người sa xuống địa ngục như mũi tên.

Kệ rằng:

Với cây trượng này trong tay ta

Ta có thể dò được thế giới sâu hay cạn.

Cây trượng chống được trời và trụ được đất.

Chánh pháp thì sẽ lan truyền dù bất cứ ở đâu.

45. NGÀI LÀ AI?

Hoen [Ngũ tổ Pháp Diễn: Goso H?en (J); Wuzu Fayan (C), 1024-1104 - LND] nói: "Chư Phật trong quá khứ và tương lai đều là kẻ phục dịch cho Ngài. Thế thì Ngài là ai vậy?"

Lời bàn của Vô-Môn: Nếu người thấy rõ được ngài là ai thì chẳng khác gì người tình cờ gặp cha của người trong đường phố đông đúc. Chẳng cần phải hỏi ai về việc nhận diện của người có đúng hay không.

Kệ rằng:

Chớ nên chiến đấu với cung tên của kẻ khác.

Chớ nên cười ngạo của kẻ khác.

Chớ nên bàn cãi đến lỗi lầm của kẻ khác.

Chớ nên xía vào chuyện của kẻ khác.

46. TIẾN LÊN THÊM NỮA TỪ NGỌN CỦA CÂY SÀO

Sekiso [Thạch Sương Khánh Chư: Sekis?-Keisho? (J); Shishuang Quingzhu (C), 807-889 - LND] hỏi: "Làm sao người tiến thêm nữa từ ngọn của cây sào trăm đốt?" Có vị thiền sư khác lại nói: "Kẻ ngồi trên ngọn của cây sào trăm đốt thì đã đạt được một độ cao nào đó nhưng vẫn chưa hành Thiền được một cách thông dong. Hẳn nên tiến lên thêm nữa và hiện nguyên hình trong mười phương thế giới."

Lời bàn của Vô-Môn: Người ta có thể bước thêm hoặc xoay mình tự do trên ngọn cây sào. Trong trường hợp nào hẳn cũng được tôn kính. Nay chư tăng, ta muốn hỏi các người: Làm sao người tiến thêm nữa từ ngọn của cây sào ấy? Coi chừng đây!

Kệ rằng:

*Có người thiếu mắt con mắt thứ ba nội tại
Sẽ dính mắc vào chỗ phải đo đúng trăm đốt.*

*Kẻ như vậy sẽ nhảy xuống từ đó và tan xác,
Như một người mù dẫn những kẻ mù khác.*

47. BA CỬA CỦA TOSOTSU

Tosotsu [Đâu Suất Tùng Duyệt: Tosotsu J?etsu (J); Doushuai Conyue (C) - 1044-1091 - LND] xây ba chương ngại vật và bắt chư tăng phải vượt qua. Căn thứ nhất là tu học Thiền. Trong việc tu học Thiền là cốt để nhận ra bản lai diện mục của mình. Bây giờ thì bản lai diện mục của người ở chỗ nào?

Căn thứ hai là khi nhận ra được bản lai diện mục của mình thì sẽ thoát được khỏi vòng sanh tử. Vậy khi người nhắm mắt lại và trở thành thầy ma thì làm sao người giải thoát được?

Căn thứ ba, nếu người giải thoát được khỏi vòng sanh tử, thì người phải biết người đang ở đâu. Vậy nếu thân xác người bị tan rã ra thành tứ đại, thì người ở đâu?

Lời bàn của Vô-Môn: Nếu ai có thể vượt qua được ba rào cản này thì sẽ trở thành bậc thầy dù là đứng ở đâu. Bất cứ việc gì xảy ra thì hẳn sẽ biến thành Thiên.

Còn không thì hẳn sẽ sống lây lất đói kém, thèm thuồng.

Kệ rằng:

*Một sự chột ngộ thấy suốt thời gian vô tận.
Thời gian vô tận là một chốc lát.
Khi có người thấu được chốc lát vô tận
Ý nhận ra con người đang trông thấy đó.*

48. MỘT ĐƯỜNG CỦA KEMBO

Một thiền sinh hỏi Kembo [Càn Phong: Kembo (J); Jianfeng (C), thế kỷ 9/10 - LND]: "Tất cả chư Phật trong mười phương vũ trụ đều đi theo một đường duy nhất vào Niết bàn. Con đường đó bắt đầu từ đâu?"

Kembo, vung gậy lên không vẽ một hình, nói: "Này, nó đây."

Thiền sinh này tìm đến Ummon [Vân Môn Văn Yển: Ummon Bun'en (J), Yúnmén Wényǎn (C), 864-949 - LND] và hỏi cùng một câu. Ummon đang sẵn cầm cái quạt trong tay, bảo: "Cái quạt này sẽ bay lên đến ba mươi ba tầng trời và đập vào mũi của vị thiên vương đang cai quản ở đây. Nó giống như Long Vương ở Biển Đông trút mây mưa bằng một cái vẩy đuôi."

Lời bàn của Vô-Môn: Một thiền sư đi vào biển sâu, cào mặt đất để dấy một ít bụi. Vị khác thì leo lên đỉnh núi cao, khơi sóng gần chạm đến trời. Một người thì nắm giữ, người kia thì cho ra hết. Mỗi vị đều hộ trì giáo pháp thâm diệu với một tay mình. Kembo và Ummon đều giống như hai kỵ mã, chẳng ai hơn ai. Thật là khó mà bảo ai là kẻ toàn bích. Nhưng sông phẳng mà nói thì cả hai đều chẳng biết con đường bắt đầu từ đâu.

Kệ rằng:

*Trước khi cất bước đầu tiên thì mục đích đã đạt.
Trước khi lưỡi uốn thì lời nói đã dứt.
Cần rất nhiều trực quan sáng suốt
Để tìm ra nguồn gốc của chánh đạo.*

49. LỜI THÊM CỦA AMBAN

Amban, một thiền sinh tầm thường, nói: "Mu-mon (Vô-Môn) vừa cho ấn hành bốn mươi tám công-án và gọi tập sách là Vô Môn Quan. Ngài chỉ trích giáo thư và hành động của chư Tổ. Ta nghĩ ông ấy bậy quá. Ngài giống như một ông già bán bánh cổ túm lấy khách để nhét bánh vào mồm người ta. Khách chỉ còn cách hoặc là nuốt vào hoặc nhổ ra, và như thế chỉ gây đau khổ. Mu-mon đã làm phiền nhiều người quá rồi, vì thế ta muốn thêm vào một công án xem như là một sự điều đình. Ta không biết ngài có chịu nuốt sự mặc cả này không. Nếu ngài chịu, và tiêu hóa nó thì tốt, nếu không thì ta đành phải bỏ nó vào chảo mà chiên xào nó lại cùng với bốn mươi tám công-án của ngài. Mu-mon, ngài dừng trước, rồi mới đến mọi người khác:

"Theo một bộ kinh thì Đức Phật có nói: Hãy ngưng, hãy ngưng. Đừng nói. Chân lý tối thượng lắm khi còn không thể nghĩ đến."

Lời bàn của Amban: Giáo pháp đó từ đâu mà ra vậy cả? Có sao người ta lại không thể nghĩ đến chân lý tối thượng? Giả sử có người nói đến nó thì chuyện gì sẽ xảy ra với nó? Đức Phật là vị đại thuyết minh mà cứ theo bộ kinh này thì ngài lại nói ngược ư. Vì lẽ này, những người như Mu-mon xuất hiện về sau ở Trung Hoa, và làm những món bánh vô bổ, khiến mọi người bực mình. Vậy thì chúng ta phải làm gì nào? Ta sẽ chỉ cho các người.

Rồi Amban chấp tay lại và nói: "Hãy ngưng, hãy ngưng, Đừng nói. Chân lý tối thượng lắm khi còn không thể nghĩ đến. Bây giờ ta sẽ vẽ một vòng bằng ngón tay của ta lên trên bộ kinh, và thêm vào năm ngàn bộ kinh khác và Cửa Không của Vimalakirti (Duy Ma Cật) ở ngay đây!"

Kệ rằng:

*Nếu ai bảo các người rằng lửa là ánh sáng,
Chẳng để ý đến làm gì.
Khi hai tên đạo chích gặp nhau, chúng chẳng cần giới thiệu:
Chúng nhận ra nhau ngay, không cần hỏi.*

Một vài cái Động

Nguyễn Dur

Lễ Động thổ của ngày xưa tưởng là đã mất. Không ngờ, lại rầm rộ trở lại. Cứ đà này thì không chừng một loạt những cái Động khác cũng sắp lục đục thức dậy.

Để bớt bỡ ngỡ, mời bạn cùng dạo chơi, thăm mấy cái Động của người xưa.

Động thổ

Tín ngưỡng dân gian tin rằng trên trời có Ngọc Hoàng, dưới sông có Hà Bá, đất đai có Thổ thần. Nói theo ngôn ngữ ngày nay thì Thổ thần là vua địa ốc. Tất cả mọi chuyện liên can đến đất đai thì phải qua tay Ngài. Ai muốn xây cất, đào xới, động chạm đến đất (Động thổ) thì phải làm *lễ Động thổ* để lo lót, xin phép Ngài. Thần thánh có vui vẻ thì mọi chuyện mới xong. Tay không mà đòi qua mặt vua địa ốc thì coi chừng... mất mạng.

Theo truyền thuyết, *lễ Động thổ* do Hán Vũ Đế đặt ra.

Cúng lễ chỉ có đèn nhang, trà rượu, và đồ mã. Chả có gì để chắm mút, chia chác. Thế mà buổi lễ vẫn trang nghiêm.

Vị chủ lễ mặc áo thụng xanh, cuốc một cục đất đặt lên bàn thờ, khấn vái xin Thổ thần cho phép dân làng bắt đầu từ hôm nay được động đến đất, được phép cày cuốc ruộng vườn.

Ai cày cuốc trước khi làng làm lễ sẽ bị phạt, kể cả trường hợp chôn cất người chết.

Để giảm bớt phiền toái cho dân làng, đồng thời cũng để khuyến khích mọi người sớm bắt tay vào công việc đồng áng, vườn tược, *lễ Động thổ* thường được làm ngay sau 3 ngày Tết.

Các quan chức ngày nay, mặc dù không biết Thổ thần là thằng nào, kinh doanh nhà đất hợp pháp hay không, cũng thi nhau làm *lễ Động thổ*. Lễ của các quan nhiều phẩm vật, lộc thánh. *Được ăn, được nói, được gói đem về*. Thiên hạ tốn tiền, mình được ăn lộc. Tội gì không làm cho thật to. Phải không, u cái dĩ ?

Lễ Động thổ ngày nay thật ra là bắt chước lễ *Đặt viên đá đầu tiên* của Tây, được tổ chức lúc bắt đầu một công trình xây cất.

Xưa kia, vua cũng làm *lễ Động thổ*. Lễ của vua gọi là *Tịch điền*.

Theo truyền thuyết thì *lễ Tịch Điền* được vua Thần Nông đặt ra.

Mỗi năm đến mùa Xuân, nhà vua cày ruộng để làm gương cho nông dân !

Mùa Xuân năm 987, vua (Lê Đại Hành) bắt đầu cày ruộng tịch điền ở núi Đọi, được một chĩnh nhỏ vàng, lại cày ở núi Bàn Hải, được một chĩnh nhỏ bạc, vì thế đặt tên là ruộng Kim Ngân (Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Khoa Học Xã Hội, 1967, tr.171).

Vua cày ở đâu thì ở đấy có vàng, có bạc. Đúng là *bao nhiêu tác đất tác vàng bấy nhiêu*. Giàu đẹp thay một đất nước nhìn đâu cũng thấy *rừng vàng, biển bạc*. Tiếc rằng đám nịnh thần, điều đóm ngày xưa không dăng kế khuyên nhà vua cày cho nát đất nước, biết đâu lại chả vớ được cả kim cương!

Lễ Tịch điền được nhà Nguyễn tổ chức trọng thể nhưng... kín đáo hơn.

Vua, hoàng thân, các quan đại thần cày mấy đường cày đầu năm tại sở Tịch điền trong Kinh thành để làm gương, khiến các nhà nông noi theo đó mà siêng năng việc cày cấy.

Trong khi vua cày, Ngai mặc áo chăn, bịt khăn đường cân, mang hia, tay cầm roi, tay cầm chiếc cày sơn vàng, do hai con bò cũng phủ lụa vàng kéo. Đi theo hầu vua, có quan Phủ thừa và một viên án quan bộ Hộ, người mang thúng giống, kẻ vãi giống. Lại có viên quan đi phòng ngừa để hững phân bò phòng hai con vật có lỡ bắt kính mà làm bậy (...). (Bửu Kế, *Phong tục Tết Việt Nam và các lân bang*, Đông Nam Á, 1986, tr. 15).

Làm thân trâu bò để vua quất roi sai khiến kẻ cũng... đáng tự hào. Được mặc đẹp. Không biết có được ăn thả cửa không? Tha hồ ỉa đái, có quan lớn châu chực bụng hững ơn mưa móc. Chỉ khổ cho mấy bác nhà nông phải tưởng tượng ra cảnh vua cày ruộng trong kinh thành để mà bắt chước.

Nông dân gọi lễ Tịch điền của vua quan là lễ *Múa rìu qua mắt thợ*.

Động mỗ, động mã

Dân quê Việt Nam rất sợ bị *động mỗ động mã* tổ tiên.

Bàn về nền nông nghiệp nước ta, Nguyễn Trường Tộ (1830-1871) than :

" Có người bảo thầy địa lý nói không nên cho nước tụ lại, hoặc đắp đê sẽ làm động địa mạch khiến hương hào hương lão trong làng ốm đau. Có người bảo nếu đắp đê làm ú nước, các xã thôn bên trên sẽ làm đơn kiện. Có người bảo không dám đắp vì sợ động đất đai trong xã hoặc động mỗ động mã nhà quan ở xã gần bên. Những chuyện tương tự như thế nhiều không kể xiết.

Tôi rất lấy làm tiếc nhưng không biết làm cách nào cho dân hết những tệ trạng này ".
(Trương Bá Cần, *Nguyễn Trường Tộ*, nxb Thành Phố Hồ Chí Minh, 1988, tr. 251).

Người ta tin rằng mỗ mã bị đụng chạm thì vong linh tổ tiên sẽ không vui vẻ, siêu thoát để phù hộ con cháu. Gia đình người sống sẽ gặp khó khăn, có người lâm trọng bệnh, anh em lục đục bất hoà, làm ăn thua lỗ...

Động mỗ, động mã là mỗ mã bị sụt lở, ngập lụt, bị trâu bò giầy xéo phóng uế.

Con cháu phải làm lễ cải táng, nghĩa là phải mang hài cốt đi chôn chỗ khác.

Người ta chọn ngày lành tháng tốt, làm lễ xin phép Thổ thần rời mộ đi chỗ khác.

Lễ xong thì bắt đầu đào mả cũ, mở nắp quan tài, dùng nước thơm rửa sạch hài cốt, đặt vào một chiếc tiểu sành mới.

Trước khi chôn chiếc tiểu, phải làm lễ cáo Thổ thần của khu đất mới.

Sau đó, người ta xây mộ mới.

Cũng có khi ngôi mộ cũ chưa sụt lở nhưng con cháu bây giờ làm ăn khá giả, người ta cũng cải táng, xây mộ mới để làm đẹp lòng người quá cố.

Nhiều người lưu lạc kiếm ăn, chết nơi đất khách quê người. Gặp dịp thuận tiện, gia đình, họ hàng cũng cho bốc mộ, đưa hài cốt về chôn tại quê quán.

Tổ tiên được *mở yên mả đẹp*, được *cao nắm ấm mồ*, sẽ phù hộ con cháu.

Lịch sử Việt Nam có hai cuộc cải táng đặc biệt.

Năm 1804 di hài vua Lê Chiêu Thống được mang từ Trung quốc về táng tại trấn Thanh Hoa.

Năm 1987, hài cốt vua Duy Tân được đưa từ Cộng Hoà Trung Phi về an táng ở Huế.

Người Việt ngày nay có mặt khắp nơi trên thế giới. Trong tương lai sẽ còn nhiều cuộc cải táng mang tính chất thời đại toàn cầu hoá.

Nói chung, người Việt không muốn người khác động mồ động mả nhà mình, nhưng không thiếu gì người lại khoái đi động mồ động mả nhà người khác.

" Chém cha đứa bắt gà nhà bà !

(...) Mày muốn sống mà ở với chồng với con mày, thì mày buông tha thả nó ra, cho nó về nhà bà. Nhược bằng mày chấp chiếm, thì bà đào thẳng tam đại tứ đại nhà mày lên, bà khai quật bật sáng thẳng ngũ đại lục đại nhà mày lên " (...).

(Nguyễn Công Hoan, *Bước đường cùng*)

Đàn bà mất gà, chỉ chửi bới cho hả giận thôi. Thực tế thì chả làm gì ghê gớm cả. Thách kẹo cũng không dám đào mồ đào mả nhà ai.

Vua Gia Long bản lĩnh hơn các bà. Ngài làm thật chứ không chửi suông.

Sử nhà Nguyễn chép :

Tháng 11 năm 1802, Gia Long sai áp dẫn Nguyễn Quang Toản và em là Quang Duy, Quang Thiệu, Quang Bàn ra ngoài cửa thành, xử án lăng trì cho 5 voi xé xác, đem hài cốt của Nguyễn Văn Nhạc và Nguyễn Văn Huệ giã nát rồi vắt đi, còn xương đầu lâu của Nhạc, Huệ, Toản và mộ chủ của vợ chồng Huệ thì đều giam ở Nhà đồ Ngoại (năm Minh Mệnh thứ 2 đổi giam vào ngục thất cấm cố mãi mãi).

(*Đại Nam thực lục*, tập 1, Giáo Dục, 2002, tr. 531).

Mấy chục năm gian truân, chết chóc, mới có ngày vinh quang, được đào mồ đào mả người khác ! *Trẫm vì chín đời mà trả thù.*

Vẫn chưa bằng...

Thời Minh Mệnh, có giặc Lê Văn Khôi.

(...) Rồi sai đem 6 tên phạm : nghịch Trầm, nghịch Minh, nghịch Dự, nghịch Tín, nghịch Do và nghịch Viên, giam vào cũi sắt, phái giải về kinh để taten pháp xử trị. Tên Trầm đến tỉnh Quảng Ngãi lấy khố móc cổ họng chết, sai phanh thây từng miếng và chặt đầu bỏ hòm đưa về ; lại tra xét nơi chôn thây tên nghịch Khôi, đào lấy xương đâm nát chia ném vào hố xí ở 6 tỉnh và cắt chia từng miếng thịt cho chó, đầu lâu thì đóng hòm đưa về kinh rồi cùng đầu lâu những tên phạm khác bêu treo khắp chợ búa nam bắc, xong vớt xuống sông...
(Cao Xuân Dục, *Đại Nam chính biên liệt truyện*, Văn Học, 2005, tr. 1038).

Hậu sinh khả uý hay là *Con hơn cha là nhà có phúc*?

Dân gian có câu *Rước voi giắt mỏ* để gọi bọn mượn tay người ngoài để hại người trong nhà.

Động gia cư

Theo thuật phong thủy, nhà nào bị đường đi hay đòn cái nhà khác đâm thẳng vào gian chính thì gia đình thường hay gặp khó khăn, lung củng, luôn có người đau ốm.

Như vậy là bị *động gia cư*.

Muốn được yên ổn thì tốt nhất là đổi hướng nhà. Nhưng nhà xây rồi thì khó đổi hướng, người ta tìm cách xê dịch cửa hoặc đắp một bức tường chắn, hoặc chôn ở trước nhà một con chó đá. Có nhà treo một mảnh gương để đổi hướng , hay một hình bát quái để yểm trừ ma quỷ.

Tuy nhiên, có nhiều nhà được xây đúng hướng thế mà trong nhà vẫn có người đau ốm. Người xưa cho rằng nhà này bị *động bếp*.

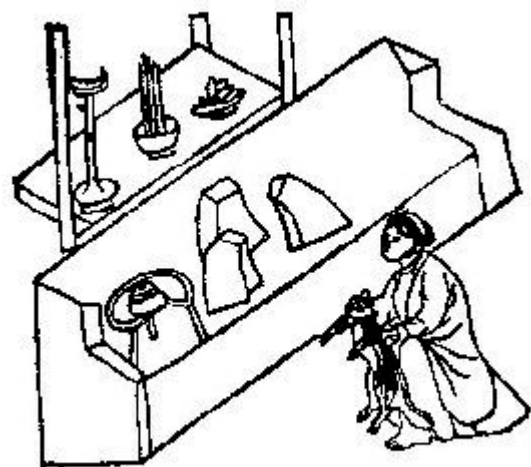
Động bếp

Bếp là chỗ ở của ông Công. *Động bếp* nghĩa là động đến chỗ ở của ông Công.

Động bếp vì để chó mèo phóng uế. Có khi vì đun bếp bằng củi không tinh khiết, gây mùi hôi thối. Ông Công nổi giận, làm cho trong nhà có người đau ốm.

Phải làm lễ tạ lỗi.

Nếu là chó mèo phóng uế thì người ta lau chùi, tắm rửa cho con vật , rồi lúi nó đến trước ông đồ rau khăn vái xin ông Công tha lỗi.



động bếp

Nếu chỉ có mùi hôi thối thì dùng phương thuật *Nhật thịt thối phù*.

Người ta làm một bữa cơm có thịt nướng hay thịt xào. Thịt được ướp gia vị cho thơm. Lúc nướng hay xào người ta chú ý đánh rơi một miếng thịt. Rồi nhặt miếng thịt lên, hướng về phía có mùi hôi thối, thổi thật mạnh. Hơi thơm của thịt sẽ bay toả ra đuổi sạch mùi hôi thối. Làm như vậy, người đau ốm sẽ khỏi.

Ngoài mục đích gây mùi thơm, phương thuật *Nhật thịt thối phù* còn hàm chứa một ý nghĩa khác.

Thối phù là thổi mạnh để làm cho miếng thịt sạch bụi. Nhưng *phù* còn có nghĩa là *lá bùa*. *Thối phù* nghĩa là thổi lá bùa, tung bùa ra để trừ ma quỷ.



nhật thịt thối phù

Nhật thịt thối phù vừa trừ bỏ được mùi hôi thối, vừa trừ được ma quỷ đang ám hại người đau ốm.

Trên đây là mấy cái *Động* quan trọng. Động đến trời đất, quỷ thần. Dính dáng đến cả vua quan, chức sắc. Ảnh hưởng đến cả sức khỏe, đời sống gia đình.

Ngoài ra, dân gian còn có vài cái *Động* vớ vẩn nhưng đáng yêu.

Cái Động nên bắt chước nhất là *Động khai trùng môn* (Mở toang cả mấy lần cửa). Động nghĩa là rõ ràng. Thành ngữ lấy từ điển tích :

Vua Tống Thái Tổ thường sai người mở toang cả mấy lần cửa trong cung và nói rằng như thế nếu tâm địa mình có điều gì mờ ám tất nhiên ai cũng thấy cả.

Nghĩa bóng của *Động khai trùng môn* là Lòng dạ quang minh thì không sợ ai dòm ngó.

Cái Động đáng yêu nhất là...*Động phòng*. Có người hiểu lầm Động phòng là động đến cái phòng, là mở cửa phòng. Không phải vậy. Trái với Động thổ hay Động mã, Động phòng rất... tĩnh. Động này là động tiên, là cái hang sâu trong núi.

Động phòng nghĩa là cái phòng sâu kín, ám chỉ buồng vợ chồng mới cưới. Lễ Động phòng là lúc cô dâu chú rể rủ nhau im lặng vào buồng kín.

Nghe đồn là Động phòng, hay phạm phòng, được nhiều người ưa thích, tôn lên hàng đệ nhất khoái.

Thứ nhất phạm phòng, thứ nhì lòng lợn.

Cái động bay bướm nhất là *Động tình*. Thú vật muốn bắt chước người nhưng không ai cho mượn, cho thuê phòng kín, đành phải rủ nhau... *Động cõn*.

Động cõn không cần nghi lễ hình thức. Tha hồ ồn ào, lộn tùng phèo, đầy... thú vị.

Nguyễn Dư
(Lyon, 10/2006)

Mẹ

" Hồn quê theo ngọn mây tần xa xa " (N.D)

1.

Thêm một mùa cam chín
Vóc mẹ thêm hao gầy
Mái nhà thêm nát dột ,
Tóc mẹ thêm trắng mây

Chạnh lòng thương một thuở
Làng quê lửa ngút trời
Mẹ bỗng con trôi nổi ,
Trải bao miền xa xôi

Quá nửa đời thúng gánh
Tảo tần nuôi trẻ thơ
Khói bếp chiều gạo mượn ,
Thâm mắt mẹ đến giờ

Mỗi khi thâm nhớ lại
Dường như trong tim con
Có lời ru của mẹ ,
Lẫn tiếng sóng sông buồn

Có lửa hồng ấm áp
Mùi bánh tét thơm hiên
Con xanh xang áo mới ,
Quên áo mẹ sờn thêm

Có cánh cò đêm bão
Cha xa chẳng kịp về
Cột nhà xiêu , vách mối
Tay mẹ gầy chống che

Có ngày xưa cô Tấm
Ngồi dệt chiếu bên sông
Cha- thương hồ phiêu bạt
Về đây , ghé phải lòng ...

Tưởng chừng đời sáng nắng
Hay đâu lửa rực đồng
Xác xơ vườn cam chín ,
Đàn kiến bám qua sông

*Hay đâu màu lụa trắng
Sớm vàng buổi chợ đông
Cam sành khô mật ngọt ,
Dạt trôi biết mấy dòng !...*

2.

*Ngày đạn bom tàn lụi
Cành khô héo xanh chồi
Kiến về xây tổ mới ,
Chăm chút vàng cam tươi*

*Mẹ lại ngồi bến sông
Tiếng cười khua rộn lòng
Cha vun bờ , lấp hố
Úa tàn vệt trắng bông ...*

3.

*Con hãy còn dong ruổi
Lem lăm bụi phố phường
Cơm đời khô nuốt vội ,
Tóc nhuộm màu nắng sương*

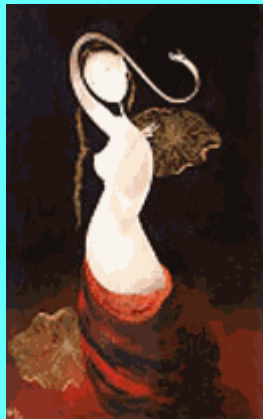
*Chiều nay qua lối cũ
Dáng ai dường thân quen
Ngỡ mẹ còn lam lũ ,
Oằn quang gánh đêm đêm*

*Lòng bỗng dưng thấm lạnh
Gió bao giờ mới thôi ?
Thấu chẳng vườn sắp quạnh
Trái chín thâm cuối trời !...*

Bùi Thụy Đào Nguyên

Ngày về An Hũu

*đò qua xóm vắng ai xuôi ngược
có chở đầy trời thương nhớ không
mộng hồn nào vấn vương tóc rối
gót chân sen em có động chiều hồng*
[tknmev - pbtd]]



*Từng cơn mê đắm run theo gió
đâu má môi son em mỹ miều
khe lạch nào say quên tình tự
nên hồn rêu đá cũng đều hiu*

*Có phải sáng nay em chải tóc
cho chim đắm đuối rủ nhau về
ai bảo chiều nay hoa kết mật
làm bướm chập chờn lạc hướng quê*

*Có phải đêm qua em cởi áo
bên vườn vắng lặng lá xanh xao
và say sưa tắm bên bờ suối
nên hồn cỏ úa đã lao đao*

*Từng cơn mê đắm như giông bão
cuồn hút càn khôn qua chốn xa
ta quay quắt,
trong điên rồ loạn máu
xin mây chôn nửa ánh trăng ngà*

*Có phải hôm kia,
em chèo ghe độc mộc
vượt kinh đào tìm bến yêu thương*

*em có khóc khi ta lỗi hẹn
em còn hồn bông súng pha sương?*

*Có đôi chim mía thơm hương lúa
rúu rít bên giàn hoa thủy tiên
bởi áo em hồng,
lung linh dải lụa
nên ta mơ màng, khao khát đêm đêm*

*Rồi mai, rồi một, rồi sau nữa
cuộc hẹn trăm năm có vẹn thề
con nước phù sa lỏng sắc nhớ
lãng đãng tình cầu nắng ủ ê.*

● PHAN BÁ THỤY DƯƠNG *
Bắc Mỹ Thuận
ngày dừng quân 66

Bên cạnh ...

*bên cạnh cuộc đời
em như đóa hướng dương nở muôn
mỉm cười với khung cửa băng quơ
từng sợi mặt trời vắt ngang ký ức mộng mơ
làm thức dậy những kỷ niệm
của một thời xưa cũ*

*bên sân ga yên ngủ
em như con bồ câu
ủ rũ chiều mưa
đôi cánh hòa bình chỉ còn lại lưạ thừa
vài tiếng vỗ đập
làm thấp xuống những mảnh đời phiêu bạt*

*bên bìa rừng ngào ngạt
em như bụi mai vàng xơ xác
thương bấy ong mất chúa
đã bay về phương nam
nhỏ mặt đấng đời người
lên những tâm lòng biền biệt khôn nguôi*

*bên khu vườn tả tơi
em như nhánh hồng nhú lên từ tâm thức
hoài niệm về những hương thơm
ngực trầm, môi mộng,
gió cuốn, tóc bay,
tay vén lại mấy nẻo đường nhân ảnh mịt mờ*

*bên con đường đá sỏi đợi chờ
em như hiện thân của vô thường kiếp sống
một thoáng quê hương lắng đọng
đau khổ, bất công,
giọng kinh buồn phôi trái gió sương
người thiền sư cúi đầu ôm sợi tóc*

*bên cạnh đời ta gai góc
em là nỗi buồn phảng phất vọng âm
một cõi đi về, xuân hạ thu đông
nghe thương nhớ rải đều trên ngọn cỏ*

*bên cạnh đâu đây
em như tiếng lòng mở ngõ*

nghe lại từ đầu, xao xuyên hồn ta

thy an

*Sáu mùa đông
trên một chiếc xe tang*

*Không phải là nỗi buồn của thời mới lớn
Khi anh yêu em
Nỗi sâu kín ở buổi chiều xuống thấp
Khi đêm đã khuất dần
Lẩn trong một ngày vô vọng
Và tự đó
Khu rừng hực lửa cháy lên
Tự cơn ảm thấp của tâm hồn
Chân dung người nô lệ*

*Sáu mùa đông trên một chiếc xe tang
Đi qua một nghĩa địa buồn
Của những lãng quên
Bởi niềm tin ở người cùng chủng tộc
Sống bằng lời lừa dối ngụ ngôn
Khi cơm áo đã chen nhau đứng đợi
Khi nghĩa tình đã nặng nỗi cách chia
Sống cùng chung mà tưởng chừng hai thế kỷ
Kẻ đầu non người cuối bể
Sóng ghềnh
Khi sự thật đang trong bầu nước lọc
Những con cá quanh quẩn chào nhau
Hóp cùng ngậm đắng
Những đồ nát cũng lớn lên
Từ một ngôi trường con nghỉ học
Từ một căn nhà đổi thay
Từ một canh bạc đời xốc lại
Những con ngựa kèm cương phi giữa bãi lầy
Những ngọn đèn mướt mạ mờ hôi
Ánh sáng của ngục tù le lói
Những khu trại tập trung
Của chiến tranh và hòa bình
Hòa bình không chung cùng
Lý tưởng
Chiến tranh ý thức mà không cùng
Ý thức
Sống bên nhau mà đau xót
Hận thù*

Sáu mùa đông trên một chiếc xe tang
Sáu mùa đông trong nỗi đợi chờ
Rồi những mùa qua đi
Sẽ dài cơn lạnh lẽo
Sáu mùa đông trên nhánh cây khô
Như lòng cha khóc bằng nỗi nhớ
Cây từng già chậu kiểng trước bỏ không
Những mùa đông mẹ ngồi chải tóc
Ngẩng đàn chim én liệng biết bao chiều
Biết bao mùa sẽ tới
Mái tóc già điểm bạc
Trắng hơi sương còn đợi bước
Con về
Nếu ngày thơ tình em như chim
Bỏ câu nhỏ
Thì cuộc đời như loài rắn thở mau
Bởi tự do là cuộc đời hai ngăn kéo
Giữ tự do trong cuộc sống tự do
Trên quê hương mà lòng không gần gũi
Bởi bên lề đâu thấy dáng thân quen
Nhưng từ những rong rêu của
Một đời đã nhạt
Những gần gũi xích lại nhau hơn
Khi chúng ta thở cùng một hơi thở
Của tự do đánh mất
Ôi cuộc sống - cõi đời nhỏ chúng ta
Cõi đời nhỏ - trong hí trường lớn
Như khi anh cầm lấy tay em
Hương tình yêu của những người biết sống
Thật hiền lành mà cũng rất
Bao dung.

HOÀI ZIANG DUY

Thơ Lê Hưng Tiến

(Ninh Thuận)

Thực đơn tôi

Lật dở thực đơn nằm bàn tay
Thèm chút ai đong đo dạ dày
Tháng ngày trôi có khi củ cải đất
Có khi quê mùa côi cút giàu sang

Bật nhớ món dưa chuột nhồi nhét
Bỏ tiêu bỏ ớt bỏ hành lên hương
Bỏ lâu không khí thành men quả
Có khi cuộc đời bỏ thành rượu hoa

Tối ngày bùng bày tôm thịt cá
Thêm trứng thêm chả thêm so ơngêu ngao
Buồn vui điệu thuốc quên mùa nhớ
Có khi tỉnh giấc sức chiều lên cao

Lúc lủi thủi nhai mòn sự sống
Phì phào hơi thở thiếu đủ ưu tư
Tôi ăn tôi chút lãng phí thời gian
Tôi uống tôi chút không gian mạn sầu

Có khi gặp bạn miền sâu bóng
Cà-phê đen đắng ngọt phận người
Lại lật dở thực đơn nằm bàn tay
Thèm chút ai đong đo dạ dày.

Xuân tam thể

Treo hờ những ý tưởng lên sương
Mèo tam thể làm cánh diều gieo neo
Chiều khong khong khong khong khong
Xuân thoi thóp nảy lộc

Âm sắc leo neho bậc thang
Meo meo
Meo
Mèo mèo

Mèo

Những ý tưởng thành cường độ tam thể.

*Khi con quay đến ngã ba thời đại
Xuân tam thể nhảy cóc từng bậc âm sắc ong ong ong
Mèo con chạy trốn những ý tưởng vập mồi*

*Tất tả bình dị
Mỗi âu lo làm ý tưởng rơi chiều chiều chiều
Xuân tam thể thành chấn tích của con vờ.*

Thơ nhìn nghiêng

*Cái bóng đen bị đèn đỏ đỏ đỏ chụp mũ
Ngôn từ rỗng nắng và bị vàng hờ
Những dấu chân xanh trụi trụi không ai
Bài thơ chưa đủ mây mại làm tắt mắt*

*Có những mây râu rẽ trái về sau
Họ đi đâu.Đến đâu.Không biết
Chỉ biết ngoài hiên gió ngổn ngang
Có khi họ mang những câu thơ về rợp lại ngói hồng*

*Người thiếu phụ đứng dưng rẽ phải
Cái bóng đen xâu xé mặt trưa rát rạt
Đèn đỏ đỏ bỏ ngõ nhấp nháy
Câu thơ rỉ tới*

*Những cụ cao niên thẳng thẳng một đường thẳng
Câu thơ rừ rừ lên khói
Đến ngã ba tam giác
Có cụ lung lạc thơ mấy độ vuông chẵn chẵn*

*Ngày cong đêm
Lời em mơ mơ thành ý tứ
Con đường rất thềm bóng rao vang
Như đèn đỏ đỏ bật câu thơ điểm chỉ.*

Thơ văn cảm hải, cảm và luận

*Khi cái bắt đầu xanh xưa giấc tạm
Hơi thở lớn lên hồn cỏ
Hoa khô cũng lớn lên thân hồn.*

*Chân chân vực dậy
Tay tay mở khoá nụ cười
Anh điểm danh từng con chữ trên thế cờ tàn La-tinh
xem có còn thiếu cái A cái B hoặc cái
C siêu tưởng gì không.*

*Cuộc khai thác bắt đầu dò dẫm dấu hỏi chấm mênh
mông
Điểm đích đích thực mạo hiểm, ưu tư
Nên mặt trời còn chưa thể tìm được con chữ in nghiêng
của mình
Lấy đâu nụ hồng hồng hào sâu tưởng
Và tình mơ dậy thức miền hoa.*

*Anh làm lại sự tồn tại có có không không
Anh bắt đầu di sản cuộc đời mình
Rồi khai quật lên con chữ bảo tàng (dù ở xứ sở xa xôi)
Triển lãm trước số phận.*

*Thế giới vô hình cái khổ cái đẹp
Triệu triệu người người điêu khắc vào nhau
Có khi cơ thể con chữ dị tật, mất mát rồi uốn éo cheo veo
Có khi cơ thể con chữ thừa thải nét vui vầy trần trụi
Có khi cơ thể con chữ vừa đủ làm cuộc hành trình xuyên
thế kỷ A B C...*

*Mâu thuẫn nội tạng
Anh trở thành tác phẩm Ngữ Ngôn kinh viện
Trong thơ phù điêu siêu tưởng.*

*Lê Hưng Tiến
(Ninh Thuận)*

Thơ Vũ Tiến Lập

mật ước

*gió thổi dạo dầm
mùa xuân đang mọc
mật ước sầm uất trên tàng lá
mặn nồng khí vị cô liêu
thấy nhau bằng xa cách
đá núi bạc mầu
vạn đời miên mật
giòng sông đã hiến thân vào sa mạc
nuôi chín hạnh từ
cho bình nguyên rạng rỡ
tháng tư trở về
tâm tư dốc ngược
xanh thẫm trời blue bonnet
bất giác muốn ôm những bàn tay
đã cho nhau trù mển*

Vũ Tiến Lập

Thơ Quỳnh Chi



Chân mẹ

*Chân mẹ nay mới lấm rồi
Đã đi nhiều đoạn đường đời với con
Khi công khi bế khi bông
Thay con đi khắp nhà trong sân vườn*

*Trời mưa sợ con ướt chân
Hái sen, hoa súng.. sợ bùn lấm chân
Dẫn con đi học bao lần
Đi chơi đi dạo đi thăm cô thầy*

*Đón đưa đưa đón bao ngày
Theo con từng bước tới ngày vu quy
Theo con mẹ chẳng tiếc gì
Chân đi đi mãi đường đi của lòng*

*Đường đi của mẹ cùng con
Bước chân không sợ lạc đường quanh co
Nay chân muốn nghỉ muốn chờ
Nhờ con dẫn hộ cùng đi cuối đường*

*Mong đừng cách trở hai phương
Để con và mẹ lại cùng nhau đi*

Quỳnh Chi (10/10/2006)

Thơ Quỳnh Chi

Thời gian

*Như ngọn gió xói mòn
San bằng từng đồi cát
Vách núi gió khoét lõm
Từng hang hốc lãng quên*

*Như nước chảy triền miên
Cuốn theo giòng số kiếp
Mài từng viên sỏi nhẵn
Theo sóng nước lăn tròn*

*Như phù sa giữa giòng
Đắp bồi cao cồn bãi
Hoa lòng còn nở mãi
Trên cù lao Nhớ Thương*

*Như gió mãi trở trăn
Xuân qua hè thu lại
Nhớ thương chừng ngây dại
Nỗi giông bão cuồng phong*

Quỳnh Chi (7/12/2006)



Biển và Trăng

*Lòng trăng khi khuyết khi đầy
Khi buồn trăng khuất sau mây mịt mờ
Chìm trong bóng tối ngu ngơ
Thì thắm sóng vỗ biển mơ trăng về*

*Cho thuyền trôi lạc bến mê
Biển đời giông tố nhiều khi lạc làm
Trăng soi mình triết tử tường
Nhìn xa trông rộng trăng trên đỉnh trời*

*Biển ru tình khúc muôn đời
Giang tay ôm cả đọa đầy trần gian
Thương đời biển lệ chứa chan
Chờ trăng sóng vỗ ngàn năm rạt rào*

Quỳnh Chi (11/2/2007)



Mộng dưới trăng

*Đường trăng lụa tơ tằm
Lá vàng ươm màu nắng
Cầu trăng lung linh sáng
Trên sóng nước bông bênh*

*Đường trăng thanh mơn màng
Đưa hồn thơ vào mộng
Cầu trăng vàng huyền hoặc
Nổi đôi bờ hư vô*

*Đường trăng vào trang thơ
Đường mở trang tình sử
Cầu trăng qua cõi nhớ
Nổi đôi bờ tương tư*

*Đường trăng lạnh hoang vu
Bốn mùa trong cõi vắng
Cầu trăng tan theo sóng
Đêm tàn theo mộng mơ*

Quỳnh Chi (22/12/2006)



Tranh Lassen

Trong lòng biển

*Giữa lòng sa mạc biển khơi
Vượt muôn hải lý chơi vui ngàn trùng
Tiếng lòng gọi bạn tri âm
Vọng vang dưới đáy đại dương mịt mù*

*Trong lòng biển thăm âm u
Nhật dần những ánh sao mờ trong đêm
Thắp lên đốm lửa niềm tin
Thay tia nắng sớm bình minh huy hoàng*

*Ngày nao cùng lướt nhịp nhàng
Lung linh trên sóng nắng vàng đẹp tươi
Rừng san hô, tảo rong dày
Đuổi săn đàn cá cùng bầy hải âu*

*Biển xanh xanh biếc một màu
Tháng năm xin mãi xanh màu thời gian
Dẫu khi biển động sóng tràn
Thủy chung biển mãi ngàn năm đợi chờ*

Quỳnh Chi (14/2/2007)

Nắng Hạ Tây Nguyên

**Đường xe bụi đỏ lướt ổ gà ,
Nắng hạ cháy trên đồi trà xanh mướt.
Bầy bò giương lớn hai tròng mắt
Nhai cỏ, nhai hoài, nhai mỗi tai.**

**Gió đem hơi nóng từ mặt đất,
Sắc hoa chang chói, bướm ngu ngơ,
Ve sầu uể oải không ra tiếng,
Chó ngủ lim dim dưới bóng cây.**

**Đội thúng trà, em vừa đi vừa hát,
Tiếng trong veo như làn suối đầu nguồn.
Trang phục sắc dân màu sặc sỡ,
Mắt huyền óng ánh một dòng sông.**

**Nhạc ngựa đi theo gõ thúng đồng
Em về bản thượng có buồn không ?
Mẹ già tựa cửa, con nháp nhồm,
Chồng làm trên rẫy đã mấy trăng...**

**Thời gian ngừng lại trên buôn vắng,
Ruồi nhặng không màng khách đến thăm.
Em mang bầu rượu mời tôi uống,
Say cả lòng tôi, cả núi non.**

Đỗ Phong Châu

"DOWN BY THE SALLEY GARDEN"

*Down by the salley gardens my love and I did
meet;
She passed the salley gardens with little snow-
white feet.
She bid me take love easy, as the leaves grow on
the tree;
But I, being young and foolish, with her would
not agree.*

*In a field by the river my love and I did stand,
And on my leaning shoulder she laid her snow-
white hand
She bid me take life easy, as the grass grows on
the weirs;
But I was young and foolish, and now am full of
tears.*

WILLIAM BUTLER YEATS
(1865-1939)

DUỚI VƯỜN DƯƠNG LIỄU

*Dưới vườn liễu nàng cùng ta gặp gỡ;
Nàng bước qua chân ngô tuyết trắng xinh
Nàng khuyên ta giữ êm đẹp cuộc tình
Như lá mọc trên cành cây thoải mái;
Nhưng thuở đó ta đầu xanh khờ dại,
Nào có nghe lời êm ái bên tai.*

*Ngoài đồng vắng cùng bên sông đứng lặng,
Bàn tay nàng ôi tuyết trắng kiêu xa
Tựa vai ta nàng khuyên nhủ thiết tha
Sống nhàn nhã như cỏ hoa đập nước;
Ta tuổi trẻ, dại khờ vào thuở trước,
Để giờ đây lệ ướt đầm bờ mi.*

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO
chuyển ngữ.

WHEN YOU ARE OLD

*When you are old and gray and full of sleep,
And nodding by the fire, take down this book,*

*And slowly read, and dream of the soft look
Your eyes had once, and of their shadows deep;*

*How many loved your moments of glad grace,
And loved your beauty with love false or true,
But one man loved the pilgrim soul in you,
And loved the sorrows of your changing face;*

*And bending down beside the glowing bars,
Murmur, a little sadly, how love fled
And paced upon the mountains overhead
And hid his face amid a crowd of stars.*

WILLIAM BUTLER YEATS
(1865-1939)

KHI NÀNG BÓNG XẾ

*Khi nàng tuổi xế chiều, tóc bạc
Bên lửa ngồi vót hạc mơ màng,
Sách này lần giở từng trang
Gật gù nhắm đọc những hàng ngày nao,
Mơ về cặp mắt nào đắm đắm
Từng soi vào thăm thẳm tâm can;
Bao người yêu sắc đẹp nàng
Vui tươi dấp dấp, kiêu sang nụ cười,
Kẻ giả dối, kẻ thời chân thật,
Nhưng một người chất ngất yêu thương
Yêu nàng hồn đạo hành hương,
Khuôn trăng dù đổi, dù vương nét sâu;
Tựa song vắng cúi đầu buồn bã
Người nhủ lòng tình đã bay xa
Đạo theo đồi núi bao la
Thần thờ giấu mặt ngân hà đầy sao.*

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO
chuyển ngữ.

***ALL DAY I HEAR
THE NOISE OF WATER***

*All day I hear the noise of waters
Making moan,
Sad as the sea-bird is, when going
Forth alone,*

*He hears the winds cry to the waters'
Monotone.*

*The grey winds, the cold winds are blowing
Where I go.
I hear the noise of many waters
Far below.
All day, all night, I hear them flowing
To and fro.*

JAMES JOYCE
(1882-1941)

**SUỐT NGÀY TÔI NGHE
TIẾNG NƯỚC RÒNG**

*Tôi nghe vọng tiếng nước ròng
Suốt ngày than thở, bênh bồng chảy xuôi,
Buồn như chim biển lẻ đôi
Bay đi đơn chiếc cuối trời thênh thang
Khi chim nghe gió hú vang
Gọi con sóng nước nhịp nhàng nhẹ trôi.*

*Gió đâu xám, lạnh ven đôi
Thổi tung theo bước chân tôi xạc xào.
Tôi nghe tiếng nước rì rào
Dưới xa thăm thẳm vọng vào vịnh bên.
Suốt ngày rồi lại thâu đêm
Tôi nghe nước chảy êm đềm tới lui.*

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO
chuyển ngữ.

TRÀM HƯƠNG

Miêng

Nhà chúng tôi nằm trong con đường nhỏ yên tĩnh. Bên kia công viên um tùm cây trăm tuổi che mát lối đi điếm trang bằng đủ loại hoa. Ông nội quen nghiệp rừng rùng tìm trâm nên ba thế hệ nhà tôi thường rảo công viên sau bữa cơm chiều, sợ nội đi một mình té. Trầy trật mua căn nhà cạnh công viên vì vậy. Với kinh nghiệm thực địa và nghề thuốc Bắc, nội khật khưỡng giảng cho chúng tôi nghe được tính cây lá và bệnh tật của chúng. Đã thuộc nhuỷ môi, vẫn làm bộ lắng nghe. Tới góc nào nội cũng lúc láo như thể có trâm ẩn dật đâu đó chờ nội moi ra ít nhất vài bao tải, phí chí giấc mơ biệt thự. Cô đề Này, khi nào có cơ ngơi mới đừng hòng ngủ ké giường tao nữa nhé. Tôi vênh vào con cóc thềm. Biệt thự là bự thiệt, con sẽ đòi một phòng to gấp đôi cái chuồng cô hiện tại, cấm cửa cô. Một lần tôi hái cái hoa đỏ tươi cánh mỏng như bướm, lạ hoắc, chưa kịp hỏi nội hoa gì đã bị cô bóp tay thối vào tai: Mày có thấy anh chàng ngồi đọc sách trên băng đá kia không? Theo hướng mắt cô nhướng, tôi gật đầu. Khẽ hơn: Tao chịu anh chàng đó. Tôi thích thú tròn mắt: Mà... - Im mồm. Cấm thèo lẻo đấy nhé!

Đêm đó tôi leo vào giường sớm, bắt cô phơi lòng trái dạ. Tôi tự động tuyên thệ đủ điều, rằng con sẽ không mách lẻo, cạy miệng con cũng không mở, bố hay ông nội đánh con cũng không hé răng, ai mua chuộc gì con cũng im ... Tôi kéo Chứa làm chứng. Cô cười ngặt nghẽo. Cô Út không chim sa cá lặn nhưng được cái duyên cười và kể chuyện. Nghe cô cười đang tang lễ cũng quên khóc. Không phải thủy tinh loảng xoảng. Không phải suối nguồn róc rách. Không phải tơ lụa lao xao. Không phải gió chiều nghịch lá. Mà tất cả những âm thanh ấy cộng lại, oà vỡ, tràn lan, lây nhiễm. Cô kể chuyện thì kiến trong hang cũng bò ra ngóng. Phụ với miệng, mắt mũi tay chân đều râm ran, đủ thứ âm thanh và muôn vằn hình ảnh trước mắt người nghe, lao xao rộn ràng. Chỗ nào hấp dẫn lý kỳ nhất cô im, chờ giục. Tôi ôm riết, vòng tay nhỏ bé quấn không hết thân hình ai cũng cho là phục phịch. Thường nhiều điều chưa thể hiểu hết, hỏi thì cô bảo không hiểu rồi sẽ hiểu, bây giờ mày cứ nghe, không cần thắc mắc. Tôi nói cô xem con như cái thùng rác xô bầu tâm sự. Cô cười to, bảo ừ đúng vậy, không chịu thì xéo. Nhưng tôi là cái đuôi, cái bóng, cái gót chân cô. Có bao giờ cái đuôi lìa phần hậu. Có bao giờ cái bóng tách khỏi người. Có bao giờ cái gót không dính vào chân. Bà Tư hàng xóm nói cô khôn lớn, tôi khôn nhỏ. Cô cười rót vào tai tôi, khẽ như thể có ai đứng sát bên giường hóng chuyện: Có gì đâu mà kể? Tao thấy anh chàng đó luôn luôn ngồi tư thế đó, trên băng đá đó, cầm quyển sách bằng tay trái. Không cái gì khác trừ quyển sách. Hình như nhà

phía bên kia công viên, đồ thấy đi đâu một bước. Người như vậy chắc là nhút nhát và chung thủy. Đó là loại đàn ông tao cần. Mà này, cảm thèo lẻo đấy nhé!

Tôi không hiểu chuyện người lớn nhưng chẳng hỏi, cô sẽ trả lời không hiểu rồi sẽ hiểu. Tôi vui lòng chờ ngày xa xôi ấy, để hiểu vì sao mạnh bạo như cô lại thích người nhút nhát? Người chuyên môn tìm tòi phát minh các mẫu mã quần áo thời trang phải thay đổi mỗi ngày, lại thích người luôn luôn cùng tư thế? Hay là giữa bao thay đổi thường xuyên, người ta cần điểm gì bất dịch? Trong bóng đêm, bán diện xanh xao người đàn ông ngồi xeo xéo trên băng đá, mắt chăm vào sách, ăn mặc gọn gàng tươm tất lưng lững bước vào đầu tôi. Chiếc sơ mi trắng nổi bật trên đám cỏ xanh và xa xa, trông có vẻ lung linh huyền hoặc. Ngoài vườn chim kêu đêm lạnh lãnh buồn. Tôi nhắm mắt.

X

Bà nội thường chép miệng, thương cô gây rộc từ ngày ông nội bắt gờ lia đời. Hôm đó đang nằm đọc báo nghe tiếng cửa rục rịch, nội nhanh nhẩu bước ra. Không ai cả. Lần thứ hai cửa lại rục rịch, lại ra, cũng nhanh. Khi trở vào nội xùi bọt mép, mắt đứng tròn. Trên đường lên bệnh viện nội tắt thở. Bố la, mày làm việc nhiều gấp đôi, thức đêm thức hôm bảo không gây tộp sao được. Bác Cả thỉnh thoảng ghé thăm kêu toáng, có mập gì cho cam mà ăn uống kiêng khem để sụt kí lô ngàn ấy mà vẫn làm việc càn cù như kiến. Cô chỉ cười. Nhưng dạo này tiếng cười cô rất khác. Nó không còn âm thanh, lặng lẽ, nhìn mới thấy, nghĩ mới biết, nếu không chỉ là cái nhếch môi khó lòng đặt tên. Mắt cô bỗng dung mơ màng. Thừa lời, cử chỉ không bao tập như xưa. Mẹ và tôi hiểu khác. Từ ngày ông nội mất, thói quen dạo công viên mỗi chiều chúng tôi không còn. Thằng Tí chẳng chờ bảo cũng cho cây tùng uống nước, một ly thôi nghe con, thằng cha mày mấy tuổi là cây tùng đó ở trong nhà tùng ấy năm, bữa búng nó tao suýt chết vì con bò cạp... Một lần cô ngất, tôi phải khai thật cho mẹ nghe chuyện riêng của cô. Chúng tôi đều nghĩ anh chàng cô thích gây người, phải bớt kí lô cho xứng. Mẹ nhắc khéo: chẳng gì bằng sức khỏe, cô cứ để thế thì chết mất. Cô cũng chỉ cười, nụ cười thoang thoang buồn, loang loáng nhẹ như bông... Bây giờ đi đâu về, cô không ào vào nhà như gió miêng sôi nổi *Úi trời, úi trời*, nếu có thì cũng chẳng có gì theo sau hoặc ba hoa quá nhiều, toàn chuyện ba láp đâu đâu. Nhưng thường cô xa vắng, ngơ ngẩn.

Một hôm tôi tuông vào buồng chớp nhoáng, la:

-Úi trời, chuyện lạ bốn phương, cô ơi ra xem nè...

Tôi khựng ở cửa, cô giật mình đỏ mặt nhét vội mấy phong thư vào ngăn kéo, bóp khoá. Lần đầu tiên có khoá. Cô có gì giấu giếm khiến tôi tự ái, bất mãn. Tôi nhìn trân ồ khoá rồi ngúng nguẩy quay lưng nhanh khỏi phòng. Lẽ ra thư từ trao đổi với chú ngồi băng đá chẳng nên giấu giếm tôi, cho tới bây giờ tôi là người kín miệng mà. Hay với ai khác mà tôi không biết? Lầy quá. Tôi vạt vài lá tùng ông nội cưng hơn cưng bà nội, cho bố ghét. Cô ra đứng bên cạnh, nịnh:

- Cái gì mà la toáng lên rồi im? chuyện lạ gì vậy?

Tôi dấm dăng:

- Chẳng chuyện gì cả.

Rồi tắt bật bỏ đi. Chợt hồi tiếc ngay sao không vùi cô sự thực. Tôi quay ngoắt lại, cô dấm chiêu và khe khẽ thở dài khiến tôi chợt dạ. Dù dỗi cô có gì giấu mình, thâm tâm tôi vẫn ân hận đã quá quắt nên không dám hỏi, cảm giác sẽ chạm vào điều kín đáo đau đớn của cô. Chắc cô nhớ nội lắm, có hôm bảo nếu nội còn, cô sẽ không cần nhẫn khổ quá ai cũng thuộc lòng cái con bò cạp suýt cạp cậu rồi mà cứ nói mãi. Cô cũng sẽ không đẹp cây cảnh nội đặt đầy trên cửa sổ, trên bàn nước. Theo khoa học, ban đêm cây nhả thán khí hại cho sức khỏe, mà giường nội ngay đấy. Hề cô đẹp thì nội bày lại, hai cha con cho mấy chậu cây chơi trò cút bắt. Nội ứ hự bày bày đặt khoa học với chả, ở đâu nhiều cây bằng rừng, vậy mà hồi xưa tao ngủ cả hai ba tháng trong đó nếu chết làm sao có tội bây. May sảy con bò cạp, không là chết vì nó chớ chẳng thán khí thán gió gì cả... Chẳng ai biết mặt mũi con bò cạp, nhưng cứ nghe nội kể thì nó có phép thần thông, mạnh mẽ hung hãn độc địa ghê gớm lắm mà nội thoát được là phúc đức bấy đời.

Buổi chiều xuống rất chậm. Không gian thời gian quyện vào nhau, chững lại. Tiếng chén bát com chiều từ bếp vắng ra tận hè trước, mẹ sắp gọi vào bàn. Tôi nắm tay đập mạnh vào trán. Hình ảnh xiêu xiêu anh chàng của cô đi ngang trước nhà khi nãy tan loãng, tan loãng... bay vào mắt tôi cay xé.

X

Đám tang cô vào một sáng mùa thu tuyệt đẹp. Nắng mềm mại dịu dàng rải lên cây cỏ và lối đi một màu vàng trong suốt tơ trời. Gió hiu hiu vuốt ve các vòng hoa phúng điệu, phe phẩy vạt áo tang trắng Tí đi xà lui trước cỗ quan. Lững lững trên vai sáu thanh niên rắn khỏe, chiếc quan tài vàng sẫm như đi vào huyền thoại. Bên trong sáu tấm gỗ dọc ngang, thân hình cô tôi teo tóp tựa trẻ lên mười nằm bất động giữa bao gói thuốc lá cây và trà chèn ép. Hơn tuần nay bỗng dưng tôi vượt lớn nhanh hơn Thánh Gióng và hiểu ra nhiều điều. Sự hiểu biết đó dẫn tôi vào thế giới hy sinh lẫn cam chịu lặng lẽ táo bạo của cô.

Ngược thẳng Tí khệnh khạng áo thụng mũ gai, tôi xênh xang lớp công chúa ngàn lẻ một đêm cải tiến giữa cái nhìn lạ lùng hai bên lối xóm. Việc này bố mẹ cũng đã lên giọng khá nhiều. Mẹ bảo không, bố ngăn ngại. Tôi cứng rắn như có cô nhập, tuyên bố con sẽ vì cô làm điều cô muốn. Mẹ bảo mà con ời quá đi lắm, ai lại ăn bận đẹp đẽ màu sắc cầu kỳ trong đám tang, thiên hạ cười chết. Tôi nói con không sợ thiên hạ cười, con chỉ muốn làm cô hài lòng vì cô dặn con như vậy. Bố trố mắt cô đã dặn con ư? Thế là bố bảo được, mẹ ngăn ngại. Một hôm khuya rồi cô còn cặm cụi vẽ kiểu cho *show* thời trang, tôi giật mình vì cây kéo rơi, cô nửa đùa nửa thật khi nào cô chết, mày phải diện bộ cánh công chúa đưa tang cô đấy nhé. Lúc đó tôi tùm tùm mĩa mai, nghĩ khi phải đưa

tang cô thì mình cũng có cả đám lũ khủ theo sau, khuôn lớn ở vậy mang tiếng gái già chớ khuôn nhỏ sẽ chễm chệ xe hoa, tay vàng tay ngọc... Bây giờ tôi bước đi trong nắng, tà áo nhẹ hẫng thình không và chiếc mũ công chúa quần vành tang trắng lác lõng cõi người.

Đám tang rỗng rảnh bà con bạn bè qua công viên. Lá chín vàng còn đậu đầy cành, rực lửa trong nắng sáng đẹp dị kỳ. Tôi nhìn băng đá trống, hai chiếc lá vàng thín thít cạnh nhau. Hay cô lặng lẽ nán lại chờ chú đến chiều? Có lần cô kể bạn phản đối hôn nhân vì đã thương người khác, bị cha mẹ cấm cửa không cho đi đâu, cô ấy nằm rệp cả tháng tương tư là người, cuối cùng phải cho bạn trai tới thăm. Hôm học về nghe cô ngắt đi bệnh viện cấp cứu lần cuối, tôi chạy ra băng đá giật quyền sách hỏn hển khăn khăn chú ơi, chú đến bệnh viện thăm cô cháu một lát chú nhé, chú cháu mình đi ngay nhé. Chú nhìn tôi đăm đăm ngạc nhiên mặc tôi giải thích chẳng nói gì, rồi đứng lên với tay đòi quyền sách. Uất quá, tôi xé tung quyền sách ném vào mặt chú: Này đọc đi, đồ vô tâm, đọc đi, đọc đi, *aller au diable, aller au diable!* xéo đi, xéo đi (câu này học lõm bố). Tôi chạy vụt về nhà vui đầu vào gối tức tưởi. Nhục cho cô. Thương cô quá. Và hận. Sáng hôm sau nhỏ bạn cùng lớp hỏi hôm qua mày bị chú Cảnh làm phiền gì vậy, nghe mày la tao chạy tới không kịp, chú ấy cầm điếu thuốc ghiền queo mà... Tôi và mẹ tìm chìa khoá lục lợi nỗi niềm cô, sững sờ trước đồng thư từ chẳng gì khác hơn là giấy tờ bệnh viện bao lâu nay cô kín đáo lo liệu một mình. Mẹ khóc rầm rức. Tôi ân hận tội cùng đã lấy cô vô cớ...

Hôm nay bác Cả gái ở nhà trông bà nội, lúc quan tài ra cửa nội hỏi bây đưa ông đi công viên đấy à. Bác Cả cắn môi dúi nội vào trong. Mùi trầm thoang thoang ngạt ngào khu vườn nhỏ. Ông nội nói nhiều về mẹ trầm đặc biệt đạo ấy. Cố bảo quay về vì tao bị sốt mà rừng thì bây không biết đâu, lạnh rít da, chích thấu xương. Nhiều nơi dày kịt mặt trời cố chen chân chân cách nào cũng không tới được, cái lạnh lưu cữu ngàn năm ấy mà, mới ghê. Nhưng tao nhất định đòi đi sâu thêm chút nữa, cứ như ma dất. Rót cuộc hai hôm sau gặp mẹ trầm cực kỳ tốt, cực kỳ thơm chưa từng biết. Tao tưởng bị mê sảng... Vậy là con sốt mừng trầm át con sốt bệnh. Khai sinh cô mới ba tháng đã làm lại, đổi tên Trầm Hương. Xuyên lớp gỗ, tôi thấy hình ảnh Trầm Hương trên giường bệnh viện tằm ra trắng nhờ nhờ nhiều lần giặt giũ, Trầm Hương không thể khô hơn được nữa. Như cả đời chỉ trải qua hai mùa nắng gió. Da tái nám đen bọc nhúm xương xốc xếch lụng thụng trong chiếc áo mẹ may vội vàng khỏi phải bận quần. Tóc lơ thơ dính trán chẳng khác những cộng len xám khô vào chiếc váy cô tạo mẫu ngày thi hoa hậu, mắt chỉ là hai hốc tối lờ mờ tro lóm đốm vàng, nhìn tôi mà không nhìn tôi...

Trên một thư bệnh viện, cô nguyệt ngoạc: "*Sáu tháng phải thay máu một lần, mỗi lần một trăm năm mươi triệu, tiền đâu? Mẹ bị đái đường gần mù*". Và bố ghì môi run nói nhỏ bên xác cô: "*Phải chi anh như người ta, giấy tờ gì cũng ký thì có tiền chữa bệnh cho em*" ... Tôi ngẩng cao đầu không khóc. Tất cả còn mới tinh mà đã hôm qua. Ngày mai sẽ khác. Bây giờ tôi bước đi trong nắng, tà áo nhẹ hẫng thình không và chiếc mũ công chúa quần vành tang trắng lác lõng

cõi người...

MIÊNG

Xóm Quýt , Quê xa...

Bùi Thụy Đào Nguyên

"Tháng chạp , quýt to bằng nắm tay trẻ nhỏ, da bóng lưỡng như ướt mỡ. Khi ấy gió dịu , trời ửng hồng sáng trong , nắng mới cũng vừa soi ấm vô vàn chùm quýt loà xòa , đung đưa...Đến giữa tháng , quýt chín đỏ vườn ..."

Đoạn văn trên tôi tả cảnh quê mình khi còn ngồi học lớp 5, mãi đến hôm nay vẫn còn in trong trí...

Quê nội , nơi chôn nhau cắt rốn của tôi , vốn vẹn hơn 20 hộ , nằm rải rác hai bên bờ một nhánh sông nhỏ thuộc dòng nước Hậu giang hiền hoà . Chốn ấy từ bao đời có tiếng vì giống quýt hồng thơm ngọt . Nhờ lẽ đó miền đất được người dân quen gọi bằng cái tên mộc mạc :xóm Quýt , dù đất đã có một tên khác khá thơ mộng : Yên Hạ .

Năm ấy cha tôi làm ăn thua lỗ, cha như người dại ; còn mẹ tôi ngồi đâu đáng cũng thần thờ . Cuối mùa nước nổi cha phải bán nhà để trả nợ . Ông nội lụm cụm theo chú Tám từ dưới Cần thơ lên bàn bạc , dẫn dắt gia đình tôi về lại quê hương . Với số tiền ít ỏi còn lại , cha chỉ đủ mua hơn 2 công vườn quýt , cả nhà tôi đành ở tạm trong kho chứa củ của ông .

Tôi nhớ mãi buổi sáng hôm đó . Trời vừa bùng mắt , chú Tư đầu xóm cùng đưa cháu hè hụi vác đến mấy cây tre to , dài sọc. Chưa kịp lau mồ hôi , chú gọi vọng : "Sáu ơi, tao đem cho mấy cây tre đây ...". Cảm động xiết bao khi thím Bảy ở tận Bà Vèn cũng bơi xuồng đem lại hơn 200 lá . Còn chị Phương qua làm quen tôi bằng mấy bó lạt vùng ... Vậy đó, người góp công , người giúp của . Và ngày cha mẹ tôi dựng nhà , chòm xóm thân sơ đến dùm giúp thật đông . Không chỉ có vậy , nghe theo lời chú út Võ Tòng : " Làm nghĩa phải cho trót... ", liên tiếp nhiều ngày sau , bà con tạm gác việc nhà đến làm cỏ, be bờ; tận tình chỉ vẽ cách bón phân , chiết nhánh ... Sau này , gia đình tôi còn chịu ơn nhiều tấm lòng đáng quý khác , như thím Tư chia sẻ cặp heo giống , chị hai Liên dạy cho chị tôi nghề dệt chiếu bông ...

Tôi cũng không quên được đêm giao thừa năm ấy . Tiết trời lạnh lạnh , nhà nhà đỏ lửa , mùi bánh tét , bánh phồng tỏa ngát xóm thôn . Nhờ tiền bán Quýt , sau khi trang trải một phần nợ , mẹ tần tảo lo được nồi thịt kho rệu , sắm cho chị em tôi mỗi người một bộ áo quần . Chú Chín , bạn thân thiết của cha , sai con mang đến biếu một rổ bánh ít còn bốc khói . Bác Giáo cũng đem qua chè xôi , hai lít rượu nếp cẩm thơm để cúng ông bà. Còn đám trẻ mặt mày ai nấy đều hớn hởi, xênh xang với áo màu , dép mới rủ tôi lên đình xem hội... Đã lâu , tôi vẫn như còn thấy sắc mai vàng , quýt đỏ khoe tươi ; đôi má chị ửng hồng , mắt cha mẹ ánh trong và dòng sông nhỏ chảy thẳm thì kia cũng ấm...

Lại có những đêm sân nhà ngập ánh trăng , hương hoa quýt thơm lừng . Các người thân hiểu gia đình tôi vừa gặp chuyện không may , nên thường kéo nhau đến ngồi trước sân , đàn ca rôm rả. Già trẻ , gái trai trong xóm cũng xúm xít góp vui . Lẫn tiếng đàn cò, kìm , sáo , nhị là

giọng ca mộc mạc , vụng về ...vậy mà vẫn có sức quyến rũ lạ ...

Và cũng thật xốn xang , khác với bạn bè trên phố phường , các bạn nơi xóm Quýt như Tí Cộc , 14 tuổi , chưa học xong lớp 4; Nghĩa Đen còn ềnh bụng tuyên bố : " Làm cỏ mướn có tiền , đi học chẳng có xu nào! ". Đồi lại , các bạn ấy nói vanh vách từng loại chim : thằn lằn, chích choè, thầy bói...; tháng nào mùa u trở bông , cá lên đồng , xiết nước lúc nào cho quýt chín kịp tết . Ngày trước làm văn , tôi hay ca ngợi thú vui nơi thôn dã , như trẻ thơ được mặc sức đùa giỡn , lặn hụp trên sông ; được thi nhau vớt trái mùa u để lấy dầu thắp sáng hoặc nhồi đất sét nặn voi, nắn ngựa...Sống lâu miệt đồng , tôi mới hiểu mọi chuyện không hoàn toàn như vậy . Sau giờ học các bạn ấy còn phải đi giăng câu , vớt bèo nuôi vịt hoặc làm cỏ , tưới cây ...nghĩa là phải lem lấm , phải đổ mồ hôi để có thêm cái ăn, cái mặc , gánh vác tiếp mẹ cha mà phần lớn đều đông con, nghèo và ít hiểu biết ...

...Sống nơi quê nội vui buồn như thế mấy năm , cậu Tám sắm được xe , mời cha tôi lên phụ giúp . Gia đình lại dắt díu nhau đi.Đêm trước khi xa quê, tôi lặng lẽ khóc , tuy lòng hé vui vì biết mẹ cha và chị sẽ vui bớt nỗi nhọc nhằn . Nhưng không bù nguôi sao được khi tôi phải xa ông bà nội , mặc dù tuổi cao vẫn hết lòng lo lắng , yêu thương con cháu ; xa bà con xóm Quýt nhều tiền nhưng giàu chữ nghĩa hơn . Nhất là phải xa đám bạn bè *hồi như cú mà thật thà như đất* , xa vuông vườn tuổi thơ bé nhỏ đã cho gia đình tôi không biết bao nhiêu là hoa trái ngọt lành ...

Tết này tôi có về xóm Quýt , quê xa . Thăm lại ông bà cùng bao người ơn đã giang tay đùm bọc gia đình tôi suốt một thời khốn khó . Tuy trên gương mặt , nếp nhăn có nhiều theo năm tháng ; nhưng qua ánh mắt tôi hiểu tấm lòng bà con vẫn đôn hậu như xưa. Tôi chỉ buồn , khi nhịp sống nơi thành thị ngày một sôi nổi, đi lên ; những cảnh đời chốn vùng sâu chưa đổi thay mấy . Vẫn nhiều những tol, lá ... nóng bức , ẩm thấp với mớ đồ đạc cũ kỹ . Vẫn là thứ ánh sáng qua nhiều trung gian , le lói buồn thiu... Tôi nghe đâu mấy năm trước quýt được mùa, được giá ; nhiều hộ đã sắm được xe gắn máy , tivi...Mấy năm gần đây chén cơm của họ khá bấp bênh , do nguồn nước tưới bị ô nhiễm ; giá thuốc sâu, phân bón vùn vụt tăng cao và sâu "về bùa" kháng thuốc nên chồi lá cứ vàng úa , quăn queo, hoa trổ rồi lại rụng , lũ kiến vàng lũ lượt bỏ đi . Đến khi vào mùa vụ thì quýt hồng không sao cạnh tranh nổi với lê , táo nhập nên giá rẻ như bèo , như cho...

Tôi cũng dành nhiều thì giờ đi thăm hỏi bạn bè . Gặp lại nhau, ai nấy đều nửa mừng , nửa tủi. Sáu Đèo , Khách , Bích ; con nhà kha khá còn được học . Số đông bạn đành chịu dở dang về lam lũ với ruộng vườn . Thương Tí Cộc , Tâm Hồ theo cha chú làm phụ hồ tận Sông Bé , ngày tết vẫn không về được .

Đêm đó , tôi ngồi bên nội cùng canh lửa cho nồi bánh nếp lá dứa , nghe bà kể chuyện người , chuyện đất ... Về giống quýt hồng nhờ ai mà có , về bao nỗi gian lao của cha ông thuở mở đất , khai nguồn . Bà cũng phiền trách mấy đứa con của thím Sáu không chịu làm gì , chỉ ham mê rượu chè , đàn đúm , ngày đêm cứ tư tưởng số tiền đất sẽ được bồi hoàn . Tôi nghe mà lòng chạnh xót xa . Chợt nhớ lại ánh trăng đêm nào cùng lời ca cũ : " *Đất như người mẹ hiền tận tảo , vất kiệt sức mình nuôi lớn các con ...*" Và cũng đêm đó tôi mơ thấy những đoàn tàu chở đầy quýt đỏ , những áo màu dự lễ hội kỳ yên , nghe lại giọng hát hò trên cánh đồng lúa mới và tiếng chị tôi reo vui khi đàn kiến trở về

Lẽ ra , tôi không nên viết thêm những câu buồn bã vào cuối mẩu chuyện này . Không hiểu sao có những chiều như hôm nay, lẫn trong những kỉ niệm êm đềm nơi xóm Quýt , hình bóng chị Phương thân thiết lại cứ hiện về . Nhớ mà đau , cha chị mất sớm ; rồi vì mẹ vì em , chị bằng lòng lấy chồng người Đài loan cao tuổi và nghe đâu phải lâm cảnh đắng cay, mặn nhạt ở xứ người... Những ngày nơi xóm Quýt , chiều nào chị cũng sang nhà rủ tôi đi quét lá quýt khô để dành nhóm bếp. Có lẽ chiều nay chị âm thầm ngồi đâu đó một mình , nhớ mẹ nhớ quê , nhớ cả khói lên trời ...

Bùi Thuy Đào Nguyên
(Long Xuyên)

Trở về

Đỗ Phong Châu

(Mọi sự trùng hợp với những nhân vật có thật ngoài đời là hoàn toàn ngẫu nhiên và ngoài ý muốn của tác giả)

Hội Ngộ

Chiếc Airbus 320 đảo cánh và lơ lửng trong không gian vài phút sau khi phi công thả tốc độ. Hành khách bớt ồn ào và một số người chồm qua phía ô kính để ráng ngắm cảnh vật phía dưới đất.

Màu xanh của ruộng đồng thưa dần khi phi cơ bay gần tới phi trường Tân Sơn Nhất. Ngồi gần ô kính, Tin Nguyễn không khỏi nhớ lại lần đáp máy bay rời nước ra đi, trên cao nhìn xuống, còn thấy rõ những hồ bom đầy nước mọc lổm chổm giữa những thửa ruộng vuông vắn xinh đẹp.

Vậy mà thấm thoát đã 15 năm qua ! Anh ta chợt thở dài và tâm tư lại hướng về người mẹ yêu dấu giờ đây chắc đang nóng lòng đợi đứa con duy nhất trở về sau 15 năm xa cách.

*
* *

Không khí nhộn nhịp và ồ ạt tại phi trường làm Tin Nguyễn ngạc nhiên và choáng ngợp. Đâu có khác gì mấy so với một số phi trường bậc trung ở Mỹ mà anh ta đã đi qua ! Có khác chăng là sự ngạc nhiên ra mặt của người nhân viên kiểm soát thông hành khi ngược mắt nhìn Tin Nguyễn, trong tay cầm sổ thông hành của người hành khách đang đứng đối diện :

- Ông là người Việt Nam à ! Tui tưởng ông người Phi Luật Tân chứ !

Tin Nguyễn cười nhẹ, vì đã quen với sự ngộ nhận dễ hiểu trong những tháng năm dài sống trên đất Mỹ. Dễ hiểu vì màu da hơi ngăm đen của anh ta, kết quả của một sự pha trộn giữa hai màu da, một đen và một vàng.

Lấy xong hành lý, Tin Nguyễn đẩy xe chậm chạp hướng lối ra, nơi rừng người ồn ào đang chào đón thân nhân của mình.

Từ xa, trong cảnh tung bừng hội ngộ, anh ta đã nhận ra khuôn mặt quen thuộc của Má. Má coi bộ già hơn so với những tấm hình chụp mới đây. Mái tóc đã bạc gần hết, mặc dầu Má mới xấp xỉ 60 tuổi.

Người mẹ ôm chầm lấy đứa con và khóc không thành tiếng.

Tin Nguyễn ôm Má vào ngực, để những giọt nước mắt nghẹn ngào thấm vào chiếc áo sơ-mi của mình, chiếc áo mới tinh anh ta vừa nhận được vài hôm trước trong gói quà Má gửi.

- Sao con ôm vậy con ! Trong hình, con coi bộ mập hơn mà !

Người mẹ thì thầm chỉ vừa đủ cho đứa con nghe.

- Con vẫn vậy, Má à ! Tin Nguyễn chỉ nói được bấy nhiêu, vòng tay mãi chưa muốn rời người mẹ thương yêu.

Trong cái im lặng đầm ấm của buổi gặp mặt tại phi trường, Tin Nguyễn nhận ra cái mùi quen thuộc của Má, mùi hơi người trộn lẫn với mùi dầu thơm dịu từ mái tóc Má tỏa ra.

Ở Mỹ, nơi xa cách ngàn dặm, có đôi lúc anh ta vẫn nhớ tới cái mùi của Má khi tâm tư trở về với những tháng năm sống trên đất nước Việt Nam.

*

* *

Một thời thơ ấu khổ cực, phần vì người mẹ suốt ngày vắng nhà để kiếm sống, phần vì hàng xóm chế riễu màu da của đứa trẻ mang hai dòng máu. Hình ảnh tươi đẹp duy nhất trong ký ức của Tin Nguyễn là hình ảnh đậm đà của Thu, một đứa bạn gái lai Mỹ đồng cảnh ngộ. Thu "đen", con bạn duy nhất, hơn Tin Nguyễn hai tuổi, phải giúp gia đình kiếm sống bằng cái nghề nặng nhọc là gánh nước mướn. Thu "đen" là mối tình đầu của Tin Nguyễn, một đứa con trai mới lớn sống chui rúc trong các ngõ hẻm bần cùng của Sài-Gòn.

Vì yêu, Thu "đen" đã không ngần ngại giúp tiền để Tin Nguyễn có thể thỏa mãn cơn nghiện của mình khi ma túy dấy vò thân thể. Dần dà, theo lời dụ dỗ của các băng đảng xì-ke, Thu "đen" đã bước chân vào nghề mãi dâm để có tiền cung phụng cho Tin Nguyễn và cho gia đình mình.

Ngày được tin mình được nhận vào nước Mỹ, Tin Nguyễn chạy như bay tới tầng trệt nơi Thu trú ngụ. Một thân hình nhỏ nhoi đang nằm bất động trùm mền trên sàn gác.

-Thu ơi ! Anh được giấy đi Mỹ rồi nè ! Tiếng hét của Tin Nguyễn như rơi vào sa mạc. Anh ta tưởng Thu còn ngủ say và bước lại gần nhưng bất chợt Thu-người vừa chồm giậy chính là Thu-sắc mặt tái nhợt, đã lao người qua khung cửa và biến mất trước khi Tin Nguyễn có được một phản ứng nào.

Sững sờ, phải một hồi lâu anh ta mới hoảng hồn và rời phòng trọ trong im lặng.

Ngày hôm đó cũng là ngày cuối cùng Tin Nguyễn gặp lại Thu "đen". Anh ta sống trong nỗi bức rức, lo âu và chờ mong cho tới một buổi sáng khi nhỏ Trang, một nhóc gái gánh nước mướn ở cùng xóm với Thu mang lại cho anh ta vài dòng chữ nguệch ngoạc của Thu : "Tin đừng chờ Thu nữa. Thu bị si-đa. Vĩnh biệt."

Chắc Thu "đen" đã bỏ vùng sinh sống ra đi vì Tin Nguyễn đã hoài công tìm kiếm trong mấy tháng trời, trước khi rời nước ra đi.

-Má à, Má có nhận được tin nào của con Thu không Má?

Câu hỏi buông ra khỏi miệng làm chính Tin Nguyễn ngạc nhiên, vì có lá thư nào viết cho người mẹ mà anh ta không quên hỏi tin của Thu ?

-Tội nghiệp con tui! Bà mẹ sứt sùi. Thu nó muốn dứt gánh với con từ hồi nó biết nó bị bệnh, để con quên nó đi mà rảnh rang lập lại cuộc sống mới bên Mỹ. Thiệt là hiếm kiếm được một con người như vậy trong thời buổi này. Da nó thì đen, nhưng lòng nó còn hơn vàng đỏ con ! Chắc giờ này nó chết từ lâu rồi con ơi !

*
* *

Chiếc xe taxi ngừng trước đầu ngõ hẻm quen thuộc.

Vẫn hàng quán cà-phê chật hẹp với đôi hàng ghế đầu đen đũi, nhưng nay được trang trí thêm với tấm màn bằng nứa. Bà chủ nay là một thiếu phụ trung niên ăn mặc gọn gàng đứng đón khách.

-Thím Năm ! Con tui nè ! Giọng nói của bà mẹ chứa đựng chút niềm tự hào.

-Trời ơi ! Anh Tin biết hông, dì Thảo mấy bữa rày trông anh chừng muốn chết ! Quên tới quên lui đủ mọi chuyện. Giờ anh về rồi, dì khỏi lo nữa. Bữa nào rảnh, mời anh ghé qua em dùng chút la-de củ kiệu, nghe anh !

Cùng với lời mời đơn giản, dường như Tin Nguyễn còn nhận ra một nụ cười thân thích kèm theo một khoé mắt đa tình.

Thiệt là một trời một vực so với thời khổ cực 15 năm trước đây của Tin Nguyễn, khi mỗi lần đi ngang qua quán cóc, người thiếu niên không khỏi cảm thấy tủi thân vì cái nhìn khinh miệt của bà chủ quán già nua và bề vệt thuở đó.

Bước vào gian nhà xưa, Tin Nguyễn để ý ngay tới khung hình đen trắng nay đã gài bạc màu chụp người mẹ thời còn trẻ mặc bộ bà ba xinh xắn đứng bên cạnh một người lính Mỹ da đen mặc đồ trận. Bước lại gần bàn thờ ông bà, anh ta lật ngược tấm hình để tìm dòng chữ nắn nót :

"To Tao, my love. Timmy Kennedy Jr" .

Người cha ruột đã bật tin khi đứa con của mình vừa tròn một tuổi. Tin Nguyễn chưa bao giờ dám dò hỏi người mẹ về hoàn cảnh gặp gỡ của hai đứa sinh thành cũng như lý do họ xa nhau. Người thiếu niên sớm vào đời đã hiểu rằng không nên động vào vết thương lòng của bà mẹ khi thấy bà ta lau nước mắt khi ngồi trước tấm hình những đêm khuya mưa gió .

Ngay cả trong những tháng năm thiệt khó khăn sau chiến tranh, mặc dầu cuộc sống hai mẹ con tưởng chừng như khó có được một ngày mai, bà Thảo vẫn lẳng lặng không một lời than thở hay oán trách người cha trước mặt đứa con. Bà chỉ biết ôm lấy nó và siết nó trong vòng tay yếu đuối của bà, như để tự an ủi khi dư luận lên án quá khắt khe mối tình với người lính da màu.

Cho tới một ngày cuối năm 1988, khi có tin Mỹ đang lùng kiếm những đứa con lai bị bỏ lại, bà mới dám đánh bạo nhờ giới trung gian thông thạo thủ tục hành chính cầm tấm hình chụp

chung với người tình đã bỏ đi và giấy khai sinh của đứa con mà liên hệ với ban đại diện Mỹ.

Trên Đất Hứa

Những ngày đầu trở về xóm cũ, tâm tư của Tin Nguyễn lúc nào cũng quay quẩn với hình ảnh của Thu "đen". Hai mẹ con ngồi hàng giờ tâm sự với nhau cho bỏ những tháng năm xa cách.

-Con có tin tức gì của ông Timmy không, hả Tin ?

-Không, Má à. Con viết thư kể Má hay rồi đó ! Hai năm đầu con lặt niên giám điện thoại tìm tên họ ông rồi điện thoại cho cả vài chục người trên nước Mỹ mà vô hiệu quả. Có một số người trùng tên họ còn nổi quạu và chửi con nữa chứ ! Phải chi hồi đó tiếng Mỹ con khá như bây giờ thì chắc cũng có người chịu giúp đỡ tìm ra tung tích ông !

-Tội nghiệp con tui ! Chắc là ông chết rồi, biết đâu chừng?

-Thiệt là Má có tánh thương người ! Ông hồng muốn liên lạc với má con mình nữa từ hồi còn ở Việt Nam lận mà.

Chớ lẽ nào bỏ má con mình ra đi không có lấy nửa lời như vậy ! Má nghĩ coi có phải không ?

Đôi mắt bà Thảo bắt đầu rướm lệ và người con bắt đầu thấy cơn giận trào lên trong mình nên vội nói :

-Thôi Má ơi, mình đừng gởi chuyện cũ chi cho đau lòng. Con về chơi với Má được không lâu, Má đưa con ra trung tâm Sài-Gòn, hai má con mình đi ăn nhà hàng, Má đừng nấu nướng chi cho thêm mệt !

*

* *

Trong những quán ăn nhộn nhịp của thành phố hoa lệ, nhìn những cặp trai gái tụm đầu quanh ly cà-phê hoặc tô phở ngun ngút khói, nhiều lúc Tin Nguyễn thả hồn mình trở về bên Mỹ để nhớ tới Loan, Loan "mắt nai", một cô gái lai Mỹ có đôi mắt to đen tuyệt đẹp mà anh ta đã quen từ hồi còn ở Trung Tâm Chuyên Tiếp ở Việt Nam do Mỹ dựng lên để đón các đứa trẻ lai. Tại đây, hai đứa thiếu niên chung cảnh ngộ đã gặp nhau và thương mến nhau.

Sau một thời gian, Loan được sắp xếp qua tiểu bang Philadelphia , trong khi Tin Nguyễn lấy máy bay đi sang định cư tại tiểu bang California, nơi có một gia đình người Việt đã nhận tiếp đón và hướng dẫn anh ta trong vòng một năm.

Phần vì nhận được trợ cấp xã hội trong năm đầu, phần vì kiếm ngay được việc làm trong một hãng chế tạo linh kiện điện tử không xa nơi trú ngụ, cuộc sống vật chất của Tin Nguyễn đã không còn thiếu hụt như trước nữa và lại có đôi phần dư dả.

Nay anh ta có thể gởi tiền hàng tháng về giúp bà mẹ và có đôi lần đáp máy bay qua Philadelphia để thăm Loan.

Loan đã kiếm được một việc làm quét dọn tại một trung tâm thương mại, lương đủ sống nhưng cô ta than vởi Tin Nguyễn là bị ông Mỹ bảo lãnh dòm ngó và có lần có cử chỉ xuồng xĩa nên cô tìm cách rời gia đình này để tránh mối bất hoà với bà vợ ông ta.

Tin Nguyễn liền giới thiệu Loạn với xí nghiệp anh ta đang làm việc, một hãng xưởng mà đa số nhân công là những thanh niên nam nữ gốc Việt lai Mỹ. Chỉ ít lâu sau, Loạn được thu dụng và rời Philadelphia giá lạnh qua miền California nắng ấm để sống chung với Tin Nguyễn nay đã dọn ra ở riêng.

Những tháng năm sống với Loạn có thể nói là quãng đời đẹp nhất của Tin Nguyễn trên đất Mỹ. Nhưng cuộc tình này đúng ra là do hoàn cảnh đưa đẩy hai kẻ cùng chung một thân phận xích lại gần nhau trên một nước định cư còn xa lạ lúc ban đầu.

Cho tới mãi lúc xa Loạn sau này, Tin Nguyễn vẫn không tìm thấy được bên người con gái dịu dàng có đôi mắt nai những tình cảm sâu đậm mà anh ta đã có với Thu "đen".

Có những đêm trằn trọc trên giường ngủ trong im lặng khi Loạn đã say giấc, anh ta không nén được niềm hy vọng mong manh nhưng vẫn tiềm tàng là Thu "đen" còn sống. Phải, một phép nhiệm màu nào đó đã cứu sống người con gái xấu số và nàng đã thoát chết. Hơn thế nữa, trong thâm tâm mình, Tin Nguyễn còn mong mỗi một ngày nào đó, trên mảnh đất quê hương, anh ta có thể gặp lại người tình đầu, dầu chỉ một lần. Nhưng với Loạn, anh ta áp kín nỗi lòng mình và không bao giờ gợi nhắc tới chuyện tình cũ.

Về phần Loạn, phải mất nhiều thời gian và kiên nhẫn nàng mới khám phá ra mối tình đầu của Tin Nguyễn qua sự thọc mạch của người bà con bên nhà có quen biết với bà Thảo.

Tuy vậy, Loạn vẫn giữ thái độ im lặng vì nàng đã yêu Tin Nguyễn thực sự. Và đây là mối tình đầu của nàng.

Cho tới một ngày Loạn tình cờ tìm thấy một cành hoa ép gần mực nát trong cái va-li cũ rách của Tin Nguyễn chất trên đầu tủ mà nàng mang xuống để phủi bụi.

Tối hôm đó, sau khi rửa ráy để ra dùng cơm tối với Loạn, Tin Nguyễn sững sốt khi nhìn thấy cành hoa ép trên bàn ăn cạnh mâm cơm nóng hổi. Mặt anh ta đỏ ửng khi miệng anh ta lắp bắp :

-Em...em tìm thấy ...cái này ở đâu vậy ?!

-Còn ở đâu nữa ! Trong cái va-li cũ rách của anh chớ còn ở đâu ? Người ta đã chết rồi mà anh còn luyến tiếc cái của nợ này làm chi ?

-Em không được nói vậy ! Tiếng hét của Tin Nguyễn đi đôi với một cái bạt tai, tuy không làm Loạn đau lắm vì người đàn ông tuy nổi giận nhưng đã kịp nương sức mình. Nhưng điều làm Loạn đau lòng là Tin Nguyễn đã hành hung nàng vì nàng đã gợi lại mối tình cũ với mục đích thử thách người nàng yêu.

Ngay sáng hôm sau, đợi Tin Nguyễn rời khỏi căn hộ để đi làm, Loạn thu dọn hết quần áo và đồ dùng cá nhân để trú ngụ tại nhà một con nhỏ bạn sau khi để lại cho người yêu vòn vẹn mấy chữ : "Anh không yêu em. Bye and good luck!"

*
* *

Từ đó, cuộc sống tương đối ngăn nắp của Tin Nguyễn đột ngột chấm dứt. Anh ta bắt đầu nghiện rượu và thích đi đánh bạc với bạn bè. Anh ta cũng đi từ mỗi tỉnh này đến mỗi tỉnh khác với ít nhiều dừng dừng.

Đầu tiên là với Patty Nguyệt, một đồng nghiệp cùng chỗ làm đã đeo đuổi Tin Nguyễn một cách thầm kín từ dạo anh ta mới bước chân vào làm việc. Nguyệt lai trắng, có một thân hình nảy nở làm lác mắt giới đàn ông. Và người thiếu phụ tràn đầy nhựa sống dần dà không còn chịu đựng nổi chứng đi về bất thường của người tình sống chung và cuối cùng cũng đã bỏ anh ta ra đi sau một năm chăn gối.

Sau Nguyệt là Sue, một thiếu phụ Mỹ trắng giữ quầy tính tiền trong một siêu thị gần nhà Tin Nguyễn. Nàng dọn tới ở chung và tự động chia đủ mọi chi phí trong nhà một cách thật sòng phẳng. Sue có một loại đam mê chung với Tin Nguyễn : nghiện rượu. Nàng có thể nốc nửa chai Johnnie Walker một hơi mà vẫn tỉnh bơ chuyện trò với anh ta những đêm hè nóng nực. Cũng như Tin Nguyễn, người thiếu phụ đã có một đời chồng này đã lao đầu vào thú giải sầu này sau nhiều lần thất vọng về tình ái. Sue không thích đánh bạc nhưng dễ dàng chấp nhận những lúc vắng nhà của người tình khi bạn bè đến rủ rê Tin Nguyễn đi đỏ đen.

Cuộc tình tạm bợ của hai kẻ thất tình muốn an ủi lẫn nhau kéo dài gần sáu tháng thì chấm dứt một cách phũ phàng. Chính sau một đêm đỏ đen khi trở về căn hộ, Tin Nguyễn đã bắt gặp người tình của mình đang hú hí với một người đàn ông lạ mặt ngay tại phòng khách, trên cái ghế sofa hai người vẫn quen ngồi xem TV. Đáng điều say sướt mướt của Sue không làm giảm cơn tức giận tột độ của Tin Nguyễn và anh ta chạy như bay vào bếp để trở ra với một con dao dài lưỡi. Người đàn ông xấu số chưa kịp mặc quần áo đã lãnh đủ một nhát dao làm ông ta trọng thương. Nhờ vị luật sư bào chữa giỏi, Tin Nguyễn chỉ bị kết án vài năm tù ở.

*
* *

Những năm tháng ngồi tù của Tin Nguyễn không khủng khiếp như anh ta ngao ngán. Số là chàng thanh niên lai Mỹ vạm vỡ đã có may mắn được một tay cao thủ "bang trưởng" trong đám tù để ý, theo dõi và che chở ngay từ khi Tin Nguyễn mới bước chân vào nhà lao. Sau một thời gian thử thách, anh ta đã trở thành một bộ hạ đắc lực của tay cao thủ này.

Từ đó, Tin Nguyễn được giúp đỡ triệt để, tạo điều kiện để anh được mãn hạn tù sớm hơn dự liệu. Ngược lại, để được yên thân trong tù và sớm tìm lại tự do, anh ta buộc lòng phải cam kết thi hành một số nhiệm vụ sau khi mãn án.

Những ràng buộc này đã hoàn toàn đảo lộn cuộc đời của Tin Nguyễn từ ngày anh ta trở về với xã hội. Để che dấu một số việc làm phi pháp, anh ta thay đổi chỗ ở thường xuyên và phải xa lìa đám bạn bè cũ. Tin Nguyễn đã chuốc đổi một cuộc sống vật chất tương đối đầy đủ với những lo âu nơm nớp mỗi ngày, những đêm dài mất ngủ vì sợ kẻ khác khám phá ra sự thật. Anh ta cũng không còn chút nào hy vọng gặp được một người đàn bà có thể thông cảm với hoàn cảnh của anh và yêu anh thực sự.

Một hôm, để trút gánh nặng tâm thần, Tin Nguyễn bỏ xe hơi ở nhà và leo lên chiếc xe ca du lịch miễn phí do các chủ sông bài đài thọ để đi Las Vegas đánh bạc. Anh ta ngủ thẳng một hơi trong buổi hành trình tới thủ đô ăn chơi bài bạc nổi tiếng thế giới, nơi mà khách tứ phương có thể đánh bạc thâu đêm.

Chính tại nơi đây, trong một cuộc đỏ đen, Tin Nguyễn đã tình cờ gặp lại Loan "mắt nai". Nàng cặp kè với một người đàn ông đứng tuổi, ăn mặc lịch sự. Tay nàng mang đầy ắp hột soàn. Hai người nhìn nhau một hồi lâu không nói năng trước khi nàng rời thăm dò và bước theo chân người đàn ông.

Từ ngày gặp lại Loan, Tin Nguyễn càng cảm thấy cuộc đời mình vô vọng. Anh ta nhớ lại những ngày niên thiếu tại Việt Nam. Dù có khổ cực, anh ta vẫn còn có Má, có Thu bên cạnh.

Khác với những chuỗi ngày dài trước mặt mà anh ta phải một mình đương đầu với bao nỗi khó khăn.

Kể từ đó, tâm tư anh ta trở về thường xuyên hơn với người mẹ lâu năm cách biệt, với cái xóm cũ nghèo nàn đã chứng kiến bao đắng cay của tuổi thơ. Giọng nói ân cần của bà mẹ trong điện thoại không đủ trấn an người con, mà trái lại nó còn có mãnh lực lôi cuốn Tin Nguyễn nhiều hơn trong dự định trở về thăm nhà. Và một ngày, anh ta đã đi đến quyết định lẳng lặng thu xếp mọi công việc trong nhất thời để vắng mặt một thời gian, lấy cớ đi nghỉ mát tại một nơi xa. Đến giờ chót, anh ta mới cho bà mẹ biết ngày giờ về để bà ta có thể ra đón anh tại phi trường.

Ngày Mới

-Tin à ! Tối nay, Má có mời con Trang tới ăn cơm nhà. Mà còn nhớ Út Trang chớ ?

-Nhỏ Trang gánh nước mướn đó hử Má ?

-O', nó ngừng gánh nước từ lâu rồi. Bây giờ, nó đã 27 tuổi đầu, làm nghề may gia công cho vài tiệm bán áo cưới, có đồng ra đồng vô. Má có biết vài chỗ con nhà đảng hoàng dám hỏi mà nó không ưng. Con nhỏ thiệt là lạ, gần 30 tuổi rồi mà vẫn ở một mình, không bỏ bịch với ai cả, suốt ngày ở nhà may với thêu, tối sáng ra vào lủi thủi như con ma !

-Nó còn gia đình không Má ?

-Nó mồ côi cha mẹ từ hồi nhỏ lận. Một người anh đi lính chết trận, người chị gái cũng chết vì bệnh, má thấy nó thiệt là tội !

Con nhỏ cũng hiền, má sống cũng có một mình nên đôi lúc rủ nó tới nhà ăn cơm tối với Má cho vui. Mà con biết không, Má để ý lúc nào mà nhắc tới tên con, nó có vẻ mất tự nhiên và có điều e lệ nữa...Má chắc nó có cảm tình với con đó ! Chả là nó biết con vẫn gởi tiền về đều đặn để Má khỏi phải đi làm như trước nữa.

-Bộ Má tính làm mai cho con với nó hả ? Thời buổi này, thiệt khó mà biết được lòng người, Má à ! Lần chót nó gặp con để đưa mảnh thư của Thu, nó đứng chưa tới ngực con nữa, vậy mà giờ đây đã 27 tuổi rồi hử Má, thời gian đi mau lẹ quá chừng!

-Rồi mà cũng phải tính tới chuyện lập gia đình cho tao có cháu bông chứ ? Tao có sống được bao lâu nữa đâu ! Đàn bà bên đó lời là quá nhiều, Má nghe nói vậy.Lấy đàn bà bên mình dù sao họ cũng chung tình hơn.Con thấy Má nói có đúng hông?

Tiếng gõ cửa và tiếp theo đó, một bóng người thấp thoáng bước vào khiến hai mẹ con bỏ dở câu chuyện.

-À Trang ! Vô đây đi con !

-Dạ chào dì ! Dạ chào anh Tin mới về !

Giọng nói êm đềm của người thiếu phụ vừa bước vào gọi sự chú ý của Tin Nguyễn. Một gương mặt trái soan với hàm răng trắng đều đặn càng gây thêm thiện cảm trong lòng người đàn ông cô đơn. Út Trang không đẹp hơn những người đàn bà mà anh ta đã từng ôm ấp trong vòng tay, nhưng vẻ đẹp của nàng có nét hiền hậu và giản dị, thích hợp với bộ bà ba màu mỡ gà đang mặc trên người.

Út Trang vui vẻ nói :

-Dì Thảo và anh Tin ngồi nói chuyện, cho phép con dọn cơm ra nghe dì ?

-Ồ, tối nay tao để mày lo nghe Út !

Nghe hai người nói chuyện một cách thân mật, Tin Nguyễn cảm thấy vui vui trong lòng và anh hiểu được là dù anh ở xa bà mẹ, bà ta cũng không đến nỗi quá cô đơn những lúc ốm đau.

Bữa cơm thịnh soạn do bà Thảo công phu nấu từ ban sáng trong chốc lát đã được bàn tay lanh lẹn của Út Trang dọn lên và được thưởng thức trong bầu không khí gia đình ấm cúng.

-Nè Út, nghe tao hỏi ! Có bao giờ mày nghĩ mày sẽ một ngày đi qua Mỹ sống không ?

Út Trang lưỡng lự vài giây trước khi trả lời :

-Ôi dì ơi ! Con hông có ham đâu ! Con có người quen có thân nhân bên Mỹ nói là bên đó làm cực muốn chết thôi ! Kiếm cũng khá nhưng Sài cũng bộn, tiết kiệm hông được bao nhiêu. Có phải vậy hông anh Tin ?

Tin Nguyễn đang lưỡng lự chưa biết trả lời ra sao thì Út Trang ngon trớn nói luôn một hơi :

-Con hông có mong gì giàu sang đâu, dì ơi ! Miễn đủ miếng ăn là được rồi. Dầu tắt mặt tối, con hông có ham ! Bây giờ, nước mình dễ thở rồi, con đang để dành tiền, ít năm nữa là con sẽ có đủ vốn để mở một tiệm may áo cưới, dì à .

-Rồi lúc đó mày sẽ bận bù đầu, đó con ! Còn thời giờ đâu nữa mà nghĩ tới chuyện chồng con ? Bộ mày tính ở vậy suốt đời, hả con ?

Câu hỏi đột ngột của bà Thảo khiến Út Trang có vẻ lúng túng, má cô ta hơi ửng hồng làm tăng thêm vẻ duyên dáng của khuôn mặt. Sau một hồi, Út Trang mới chậm rãi trả lời :

-Dạ...dì cũng biết là con...chưa gặp được ai yêu con thật tình, thưa dì.

Đôi mắt cô ta nhìn dí xuống sàn nhà như để tránh cái nhìn của Tin Nguyễn.

Đánh tan sự im lặng, anh ta đánh bạo cất tiếng nói :

-Anh về chơi thăm nhà kỳ này không được lâu. Anh có ý mời Má đi hóng biển nghỉ mát vài ngày ở Vũng Tàu, từ nhỏ tới giờ Má chưa ra biển lần nào, anh nghe nói Vũng Tàu cũng đẹp và yên tĩnh, chớ không ồn ào như ở Sài-Gòn. Phải chi Trang thu xếp được mà đi chơi chung thì vui biết mấy !

Một niềm vui thoáng hiện trên khuôn mặt cô gái :

-Dạ, em dạo này công việc có hơi bề bộn, nhưng em sẽ ráng thu xếp. Cũng đã lâu rồi, em chưa lấy ngày nghỉ nào. Để tối mai, em sẽ cho dì và anh hay.

Sau khi Út Trang về, tối hôm đó, Tin Nguyễn lên giường và dễ tìm vào giấc ngủ hơn bao giờ hết. Đã từ lâu lắm, không biết từ hồi nào, anh mới dễ ngủ như vậy.

*
* *

Sáng hôm sau, còn đang mơ màng trên giường và hưởng những giây phút sáng khoái của một giấc ngủ đầy đủ, Tin Nguyễn đã nghe tiếng bà Thảo từ ngoài vọng vào :

-Dậy chưa con ? Mười giờ rồi đó ! Sáng nay, Má muốn con dẫn Má đi Tây-Ninh chơi, chiều tối mình về.

-Uả, Má có việc gì ở Tây-Ninh lận ? Có xa quá không Má ?

-Xa thì cũng không xa lắm đâu, mà việc thì cũng không phải hần là việc...

Thấy vẻ mặt thắc mắc của đứa con, bà Thảo mới ngồi lại cạnh giường và giải thích :

-Đi coi quẻ ! Má có chỗ quen cho biết một ông thầy coi quẻ ở gần Tòa Thánh, ông linh lắm, coi cho ai cũng đúng trúng phóc! Nhân tiện mày về đây chơi, mày đi với Má cho biết !

Nể lời bà mẹ, Tin Nguyễn ngóc đầu dậy, đi rửa mặt và ăn sáng trong khi bà Thảo vô bếp lo thức ăn nước uống dọc đường.

Chiếc xe ca chờ đầy ắp khách du lịch ngừng ở bãi đậu không xa Toà Thánh Cao Đài, một toà nhà đồ sộ tọa ngự trên một mảnh đất rộng lớn. Trong khi khách thập phương sắp hàng nối đuôi nhau vào xem Thánh thất, bà Thảo đã nhanh chân với gọi một chiếc xe taxi để đến địa chỉ của ông thầy tướng số.

Sau khi chờ đợi tới phiên mình, hai mẹ con bước vào một căn buồng nghi ngút khói nhang. Trên tấm chiếu rộng trải giữa căn buồng, một ông lão đôi mắt đã mù, đeo kính đen, với nụ cười nhân hậu, lên tiếng hỏi :

-Tui coi cho ai đây ? Nam hay nữ ?

Tin Nguyễn không khỏi ngạc nhiên khi thấy bà mẹ đáp :

-Dạ, nam thừa thầy !

Sau khi hỏi ngày sinh tháng đẻ của Tin Nguyễn và nói chuyện với anh ta đôi ba câu đồng thời mân mê đôi bàn tay và rờ rẫm khuôn mặt của người khách, ông thầy tướng bèn chỉ Tin Nguyễn ống quẻ nằm trên chiếu và mời anh ta rút ra một cây quẻ bằng gỗ mun, trong khi miệng ông ta không ngớt lâm râm như người niệm chú.

Cầm lên tay cây quẻ vừa rơi ra, ông lão trầm ngâm một hồi lâu rồi mới chậm rãi nói từng tiếng một :

-Gặp tri kỷ, gặp tri kỷ. Ăn đời, ở kiếp .

Ông ta chỉ nói có bấy nhiêu và lập lại rõ ràng ba lần.

Bà Thảo cố nài nỉ và hứa tặng thêm bao nhiêu tiền, ông lão cũng từ chối giải thích thêm.

Trên đường về, bà Thảo an tâm nói với đứa con :

-Thôi, thế là Má mừng cho con ! Má vẫn biết là con Trang nó ngoan. Nhưng số con lận đận về tình duyên nên mới phải dắt con tới coi ông thầy. Như vậy là Má vững dạ rồi.

Mong cho con Trang nó thu xếp được công việc mà đi chơi vài ngày cho tụi mày có dịp quen biết nhau.

*

* *

Rời bãi đậu trên bến Sài-Gòn, chiếc tàu cánh ngầm hiện đại mở tốc độ, trực chỉ hướng ra biển nhằm đưa khách du lịch đến Vũng-Tàu trong vòng một tiếng đồng hồ.

Chiếc tàu mau chóng vượt qua những khu dân cư đông đúc sống ven sông tại Thủ Thiêm, Xóm Chiếu, rồi đi ngang qua các bến cảng Tân Thuận Đông, Bến Nghé đang được khuyến khích trưng để đón các tàu chở hàng. Càng tiến về cửa biển, xuất hiện xa xa các rừng đước thấp lè tè và dây đặc bên hai bờ sông.

Mãi mê nhìn cảnh vật, Tin Nguyễn chưa kịp uống hết chai nước suối nội địa do cô tiếp viên trao tận tay cho mỗi hành khách, thì tàu đã hãm bớt tốc độ để chuẩn bị lướt vào bãi đậu tại mé biển.

Vũng-Tàu, thành phố nghỉ mát của dân Sài-Gòn và đồng thời cũng là căn cứ hậu cần của một số công-ty dầu khí đang hoạt động ngoài khơi, trước kia chỉ là một thị trấn nhỏ gồm vài làng đánh cá đã ra đời sau khi vài chiến hạm (tàu lớn) của triều Nguyễn phái vào Nam để mở mang đất đai, đã bỏ neo tại vịnh nước sâu này.

Thời Pháp thuộc, mang thêm cái tên Ô Cấp (từ chữ Cap Saint-Jacques mà ra), Vũng-Tàu biến thành một thành phố nghỉ cuối tuần cho người Pháp và giới thượng lưu Sài-Gòn thời bấy giờ sau khi một số dinh thự, toà nhà hành chính, thánh đường và nhiều ngôi biệt thự cao ráo và trang nhã được xây cất chung quanh trung tâm thành phố.

Tại bãi đậu tàu cánh ngầm, Tin Nguyễn mượn một xe taxi để đi tham quan thành phố, từ Bãi Trước ra tận Bãi Sau.

Sau một hồi ngắm nghĩ, bà Thảo chọn một khách sạn mini ở Bãi Dứa nằm ngay ven con đường cái chạy dọc theo bờ biển.

Trong khi đưa con vác hành lý và lo lấy phòng, bà Thảo và Út Trang bước lên bao-lơn để ngắm bãi biển trắng xóa đang đón những tràng sóng nổi đuôi vào một cách đều đặn. Bên kia đường, có một quán ăn có vẻ khang trang, bên dưới là vài dãy ghế bố đặt ngay tại bờ biển cho khách.

Bà Thảo mỉm cười nói với Út Trang :

-Thôi, hai đứa chúng mày đi chơi với nhau đi nghe ! Tao chỉ muốn ngồi ghế bố, nhai đậu phộng rang mà ngắm biển, cũng đủ sướng rồi !

Sau khi tắm rửa qua loa, Tin Nguyễn mượn một chiếc xe gắn máy ngay tại khách sạn để Út Trang chở mình đi chơi hóng mát dọc bờ biển.

Ngồi đằng sau trên nệm xe, gió mát rượi và những sợi tóc dài của Út Trang lất phất vào mặt mình mang lại cho Tin Nguyễn những cảm giác êm dịu anh chưa từng có trong đời.

*
* *

Ba ngày vui nghỉ đi qua mau chóng.

Từ sáng cho tới gần tối trời mỗi ngày, đôi nam nữ không ngừng dạo xe dọc con đường cái dẫn từ Bãi Sau chạy cho tới miệt Bà-Rịa, băng qua những làng đánh cá ven biển, ngừng chân nghỉ tại các quán ăn hải sản ven đường, thả mình trên ghế bố tại bãi cát để ngắm mặt trời lặn.

Có Út Trang bên cạnh, Tin Nguyễn có cảm tưởng như mình đang sống lại. Anh ta băn khoăn tự hỏi rằng liệu mình có thể tiếp tục sống trở lại bên Mỹ được chăng ? Anh ta biết rằng khi rời Việt-Nam để trở về bên ấy, anh sẽ mang trong tim mình nụ cười hiền hòa và vui tươi của người thiếu phụ Sài-Gòn đã dành cho anh những tình cảm triu mến và ý nhị từ ngày đầu mới gặp.

Tại thành phố nghỉ mát này, bên cạnh những cổ súng thần công đúc từ thế kỷ 19 tại Bò-Đào-Nha, dưới những cành hoa đại màu trắng của tòa nhà Bạch-Dinh (Villa Blanche) xây cất thời Pháp thuộc (nay là một viện bảo tàng của thành phố), tọa ngự trên một đỉnh đồi dòm ra Bãi Trước, người thiếu phụ đang chờ đợi một ý trung nhân đã đón nhận nụ hôn đầu tiên trong đời mình.

Qua sáng ngày thứ tư, sau khi chở bà Thảo ra chợ mua chút hải sản làm quà cho bà con ở nhà, Út Trang lại chở Tin Nguyễn đi chơi lần chót trước khi từ giã Vũng-Tàu. Ngừng xe bên lề đường để người bạn trai chụp hình một tư gia hoành tráng 5 tầng lầu, xây cất kiểu tân thời nằm ngay ven đường, Út Trang xoa tóc nghỉ ngơi chốc lát và không nhìn thấy Tin Nguyễn đang loay hoay lúi dúi ra đường, mắt còn dán kín vào ống máy hình. Tiếng hăm phanh của

chiếc taxi vừa chồm tới làm Út Trang hoảng hốt ngoảnh đầu lại nhìn người bạn mình kịp thời tránh khỏi bị đụng. Chợt nghe Tin Nguyễn la thất thanh :

-Trời ! Thu ! Thu ! Phải Thu đó không ?

Chiếc taxi bỗng rồ máy và phóng mình thiết lệ đến độ Tin Nguyễn không kịp bước lại gần cửa xe, nơi một phụ nữ đang ngồi.

Có thể vậy sao ? Thu "đen" còn sống ? Con người ngồi đằng ghế sau chiếc taxi trông thiết giống Thu và làm Tin Nguyễn đứng như trời trồng giữa con đường cái tấp nập. Một chiếc xe tải chạy quá tốc độ ấn định từ phía sau lướt tới và RẦM !!!

Tin Nguyễn có cảm giác như trời vừa sụp xuống đầu mình, tám thân anh ta bay bổng lên không trung và anh ta bất tỉnh trong khoảnh khắc.

*
* *

Khi mở mắt ra, con đau nhói khắp thân mình làm anh ta bừng tỉnh. Tin Nguyễn ngỡ ngàng nhận ra thân mình được bó trong mớ băng trắng từ dưới nách xuống mãi tận chân trái.

Thấy con đã tỉnh dậy, bà mẹ lật đặt đến gần giường và thốt ra :

-Ôi, may tính tao mừng muôn chết ! Đã ba ngày miên man rồi !

-Út Trang đâu hả Má ? Tin Nguyễn gượng gạo hỏi. Anh ta có

cảm giác như cái miệng cũng thấy đau.

-Nó về Sài-Gòn rồi. Bác sĩ nói là không đổi nguy tới tánh mạng. Vả lại, nó còn công chuyện bề bộn, đâu thể bỏ ngang được.

Nghe tiếng ồn ào nói chuyện, một vị bác sĩ mặc áo trắng bước vào và ôn tồn nói với Tin Nguyễn :

-Anh bị gãy ba xương sườn, một cẳng trái, máu ra rất nhiều song có điều may là được tiếp máu ngay tại chỗ trên xe cứu thương. Cô Trang là vị ân nhân của anh đó nhe !

Sau khi khám xong Tin Nguyễn, ông ta nói :

-Như chúng tôi đã chẩn đoán khi anh còn mê man, không có gì nguy ngập cả. Chúng tôi muốn giữ anh lại bệnh viện thêm hai ngày nữa, sau đó nếu không có điều chi trục trặc, sẽ cho anh xuất viện.

Sau khi vị bác sĩ ra khỏi phòng, bà Thảo kiên nhẫn giải thích cho đứa con biết là sau khi tai nạn xảy ra, anh ta mất nhiều máu đến độ xe cứu thương còn không đủ lượng dự trữ để tiếp máu cho anh, may thay Út Trang có loại máu thích ứng nên anh ta đã được truyền máu kịp thời tại chỗ trước khi chuyển vào bệnh viện.

Tin Nguyễn chợt nghĩ ra đây là lần thứ hai trong đời anh ta thọ ơn một người đàn bà. Lần đầu, đối với Thu, người tình cũ.

Nay, đối với Út Trang, người anh ta mới yêu. Vận mạng thiệt là trớ trêu !

Cắt dòng suy nghĩ của đứa con, bà Thảo giơ ra một mảnh giấy nhỏ và nói :

-Con Trang nó nhanh mắt ghi lại số xe taxi chở người đàn bà mà mày nghĩ là con Thu. Mà có phải con Thu thiệt chẳng hay là mày nhìn lầm ?

Đầu óc Tin Nguyễn bỗng nổi đom đóm, anh ta nhắm nghiền hai con mắt để cố hình dung lại khuôn mặt người đàn bà, nhưng anh không dám quả quyết rằng người đó là Thu... Một khuôn mặt từng hồi lẩn áp cái hình ảnh của người đàn bà : đó là khuôn mặt của Út Trang.

Chỉ có một cách duy nhất để tìm ra sự thật : đó là truy ra tông tích của người đàn bà qua người tài-xế taxi.

Nhưng nếu người ấy thật sự là Thu, thì Tin Nguyễn và Thu sẽ xử sự ra sao với nhau ? Chắc Thu đã lập lại cuộc đời sau 15 năm xa cách... Và Tin Nguyễn sẽ xử sự ra sao đối với Út Trang, người anh ta bắt đầu yêu và cũng là ân nhân cứu mạng của anh ?

Câu nói khó hiểu của ông thầy tướng số bỗng hiện ra trong tâm trí Tin Nguyễn. Ai là người tri kỷ ? Ai ? Thu "đen" hay Út Trang ?

Một ngày mới bắt đầu trong cuộc đời của Tin Nguyễn, đầy đắn đo và run rủi. Liệu anh ta có tìm được hạnh phúc tại bước ngoặt của cuộc đời mình hay chẳng ?

Từ khoé mắt người đàn ông, hai giọt nước mắt bắt đầu chảy xuống khuôn mặt đăm chiêu.

Người mẹ tiến lại gần, lau nhẹ giọt nước mắt cho con và buông một tiếng thở dài.

Đỗ Phong Châu
viết xong ngày 07 tháng 4 năm 2007
tại vùng Bordeaux



Ảnh Võ Quang Yến

Bộ Tripitaka ở chùa Haiensa xứ Đại Hàn

Võ Quang Yến

Sách du lịch thường khuyên đi ngang Huế, nếu có ít thì giờ, ít nhất phải viếng chùa Thiên Mụ. Sách du lịch cũng bảo ghé Đại Hàn, nếu chỉ có thì giờ đi xem một chùa thì nên viếng chùa Haiensa, vì chùa này không phải đẹp nhất, mà nhờ có bộ *Tripitaka* nổi tiếng. Có dịp đến đây vào cuối thu, chỉ nhẹ bước trên đường dẫn lên các thiền viện, trong ánh nắng chiếu qua các ngọn lá xanh, nâu, vàng, đỏ những cây thích, bạch quả, là đã thấy lòng lâng lâng, sẵn sàng tiến vào cõi Tiên Phật. Rồi khi khách đứng trước những ngôi nhà kiến trúc độc đáo, trang trí hài hòa là quên mọi bận bịu, buồn phiền của cuộc đời trần giới. Thật ra chùa đẹp không hiếm ở Đại Hàn. Gần kinh đô Seoul, có Pongunsa với bốn vị Thiên Vương ở ngay cửa ngoài, cạnh đó có Popchu với tượng đức Phật lớn nhất nước (27m) đội một cái mũ vuông bằng đá hoa cương, trên bờ Hoàng Hải có Naksansa được nhà sư Uisang dựng lên từ thế kỷ 7 sau khi đức Quan Âm hiện lên chỉ chỗ, quanh hải cảng Pusan có Tongdosa, một trong những ngôi chùa lớn nhất nước, dựa vào dãy Chiri còn hoang vu có Hwaomsa, ngôi chùa đẹp nhất vùng tây

nam, vùng đồi Andong có Pisoka, ngôi chùa xưa nhất xứ... để chỉ kể một vài danh lam thắng cảnh không thể bỏ qua khi đi quanh xứ *Ban mai trong sáng* mà thường người Âu gọi là xứ *Ban mai trầm lặng*. Chùa nào cũng có vài ba bảo vật, ít nhiều quý báu, nhưng nói đến bộ *Tripitaka* thì không đâu sánh được với Haiensa.

Tripitaka là một Phạn tự, *tri* nghĩa là ba, *pitaka* theo nghĩa đen là một cái giỏ hay một cái hộp tượng trưng một tập chính văn. Ba tập này, ta gọi Tam Tạng, là ba loại văn bản hợp thành giáo điều Phật giáo : *Sutra*, Kinh tạng, gồm những bài thuyết pháp của đức Phật Thích Ca, là sách trình bày những bài giảng về học thuyết ; *Vinaya*, Luật tạng, gồm những giới luật do đức Phật chế định, là những quy tắc kỷ luật làm khuôn phép cho sinh hoạt các tăng sĩ ; và *Abhidharma*, Luận tạng, những bình chú về các *Sutra* và *Vinaya* kia, bao gồm những bài viết, sách Phật để trình bày giáo lý. Sau khi đức Phật viên tịch, hội nghị đầu tiên để sưu tập những lời giảng dạy của Ngài nhóm 500 vị La Hán trong một cái động ở miền nam thị xã Rajagriha vùng Magadha bên Ấn Độ, dưới sự giám sát của *Maha Kashyapa* (Ma ha Ca Diếp) , một trong những đồ đệ chính và lớn tuổi của Ngài, được xem là người hoàn hảo nhất trong cuộc thực hành khổ hạnh. Tục truyền trong buổi nhóm lịch sử ấy, *Ananda* (A Nan Đà), người bà con và cũng là đồ đệ gần nhất đã đi theo Ngài nhiều năm, đọc thuộc lòng những *Sutra*, còn *Upali* (U Bá Li), đồ đệ đã áp dụng triệt để những lời dạy của Ngài, thì đọc những *Vinaya*. Phần *Abhidharma* được thêm vào sau, khi các tông phái Đại thừa phổ biến những bình chú, các nhà Phật học viết sách giới thiệu, trình bày giáo lý có hệ thống.

Phật giáo xâm nhập Hàn Quốc cuối thế kỷ 4 vào thời đại Tam Quốc. Những tăng sĩ Trung Quốc đầu tiên đến vương quốc Koguryo, dần dần lần qua vương quốc Paekche, và hai thế kỷ sau Phật giáo mới phát triển mạnh mẽ ở vương quốc Sila. Cuối thế kỷ 8, vương quốc này yếu dần, nhiều sứ quân nổi dậy khắp nơi. Khi biên thùy bị vương quốc Paekche hăm dọa, vua Kyong mời một người có tiếng nhiều tài năng, Wang Kon, vào triều cứu giúp và sau đó, để tránh đổ máu, nhường ngôi luôn cho ông ta. Wang Kon thành công thống nhất xứ sở, đặt tên nước Koryo, tức là Koguryo rút ngắn lại, cho dời kinh đô từ Kyonju về Kaesong, lập nên một triều đại dài hơn 400 năm (918-1392). Tuy xuất thân từ một gia đình nhà buôn, ông biết mời giữ quý tộc cũ, tổ chức xã hội theo thứ bậc, sao phỏng thiết chế các triều đại đời Đường, Tống bên Trung Quốc. Tuy nhiên, Khổng giáo không lần áp được Phật giáo : các vua mời nhiều tăng sĩ Phật giáo tham dự chính quyền và họ đã đóng một vai trò quan trọng trong mọi quốc sự lớn, nhỏ đến nỗi nhiều người không bằng lòng và chuyện này có ảnh hưởng rất nhiều trong tương lai của triều đại. Dù sao, lúc bấy giờ Phật giáo phát triển mạnh mẽ và trở nên quốc giáo. Chưa bao giờ chùa chiền được xây dựng nhiều như lúc này. Chính phủ lại khuyến khích việc giảng dạy Phật giáo nên nhiều chùa chăm lo chuyện ấn loát văn bản học thuyết. Với những đồ sứ màu lục nhạt *celadon*, bộ *Tripitaka* là bằng chứng bất hủ của gia tài thời đại Koryo.



Ảnh Võ Quang Yến

Những năm đầu thế kỷ 9, hai tu sĩ Hàn Quốc đi du học bên Trung Quốc về, cất một cái nhà tu nhỏ cạnh một ngọn suối, lấy thanh tịnh làm gốc, thực hiện phép thiền *seon* nơi yên lặng núi đồi. Thanh danh của họ lan tràn khắp nơi nên khi bà hoàng hậu bị đau yếu thì nhà vua Shilla mời hai vị này lại cứu chữa. Thành công mỹ mãn nhờ kiến thức rộng lớn về thuốc men, họ được vua biết ơn, bỏ tiền cho xây một ngôi chùa lớn thay thế nhà tu nhỏ trước kia. Sau này

nhà vua tiếp tục cung cấp vật liệu, tài chánh và cũng thường hay đi lại không những để nghỉ ngơi mà còn để đàm đạo với hai nhà chân tu. Chùa Haiensa nhờ vậy trở nên một trong những ngôi chùa lớn nhất với Tongdosa và Songkwangsa, gồm khoảng 30 ngôi nhà, đạt đến 300 tầng sĩ. Tọa lạc trên sườn núi cây rừng trong dãy Kaya, chùa Haiensa thuộc tông phái

Avatamshaka mà giáo điều hướng về mục tiêu chứng minh thế giới hiện tượng chỉ là một ảo tưởng không có gì vững bền, một *phản ảnh trên nước*. Đường lên chùa dẫn khách qua một tam quan, đi ngang trước miếu thờ đức *Bodhidharma* (Bồ Đề Đạt Ma) trước khi đạt đến sân thứ nhất, rộng lớn với nhiều nhà dịch vụ. Một trong những nhà này đặt biệt có đặt ở giữa một cái trống lớn và treo xung quanh một cái mõ gỗ hình cá, một cái khánh hình đám mây và một cái chuông đồng : người ta đánh trống kêu gọi tín đồ thập phương trên bộ, đánh khánh để mời sinh vật trên trời, đánh mõ để rước sinh vật dưới nước và đánh chuông để thỉnh thần linh ở thế giới bên kia. Mỗi ngày các tu sĩ hành lễ ba lần : sáng tinh sương khi mặt trời chưa mọc, giữa trưa trước Ngọ và chiều vào lúc chạng vạng, mặt trời vừa lặn.



Ảnh Vô Quang Yến

Một cái thang dưới điện Kugwangsu đưa khách lên sân thứ hai, trước một viện bảo tàng nhỏ. Trước cửa, một hình tượng gỗ sơn màu hình dung vị sáng lập giáo phái *Hwaom* đã được thiên cảm ngay ở Haiensa. Trội hẳn sân thứ ba là chính điện Taejokkwangjon (1818) thờ phụng *Vairochana*, tức là đức Thật thần khai, nguồn gốc của mọi Chân lý. Phật giáo ở đây còn được thể hiện qua bức chân dung đức Thích Ca Mâu Ni vẽ bên trái bàn thờ và một miếu thờ 16 vị La Hán ở cuối sân, nhưng các Ngài không phải là những vị độc nhất được sùng bái. Trong sân còn có miếu thờ *Kshitigarbha* tức *Chijang* (Địa Tạng), chủ tọa tòa án gồm có 10 vị Diêm Vương và những thánh rất xa lạ với Phật giáo như thần núi sa man *Shanshin* ngồi với cọp, ẩn sĩ Lão giáo *Toksong* giữa rừng thông, thác, hươu, sếu, *Chilsong* tức Long Vương ở biển cả. Sau chính điện, một cái thang dẫn khách lên sân cao nhất là nơi có hai

dãy nhà song song làm thành thư viện chứa đựng bộ *Tripitaka*. Được xây dựng năm 1488, hai ngôi nhà này may mắn còn tồn tại sau các vụ hỏa hoạn, lớn nhất là vào năm 1817 đã đốt cháy rất nhiều.

Vào thế kỷ 10, các tăng sĩ Trung Quốc đã từng in toàn bộ những văn bản của tông phái Đại thừa nhưng rồi thay những bản khắc gỗ bị tàn mác hay phá hủy. Qua thế kỷ 13, một bộ 5048 tập được khắc lại theo bản gốc Trung Quốc trước đây hầu mong đức Phật phù hộ đất nước Koryo bị những bộ lạc phương bắc quấy nhiễu nhưng bộ này lại bị quân Mông Cổ hủy diệt toàn toàn. Vào lúc ấy, triều đình phải chạy về trốn ở Kanghwa. Vua Kjong truyền lệnh phải khắc lại một bản khác. Công trình thật vĩ đại vì phải chạm những văn bản chứa đựng trong 1340 cuốn sách lúc ngành ấn loát chưa biết chữ rời, chỉ có thể in từ bản khắc gỗ. Gỗ mua từ Trung Quốc đem về cần phải xử lý rất công phu và lâu năm : ngâm 3 năm trong nước mặn, 3 năm trong nước ngọt, chôn 3 năm dưới đất rồi sau cùng cho phơi ra khí trời 3 năm nữa. Sau đây khắc chạm trên hai mặt gỗ (23 x 67 cm), mỗi mặt 22 dòng, mỗi dòng 14 chữ. Năm 1251, công tác hoàn thành sau 16 năm công lao cần mẫn, thực hiện được 81.258 bản ! Cũng nên biết là chùa còn tích trữ 1835 bản gỗ cùng thời đại Koryo nhưng không thuộc bộ *Tripitaka*.

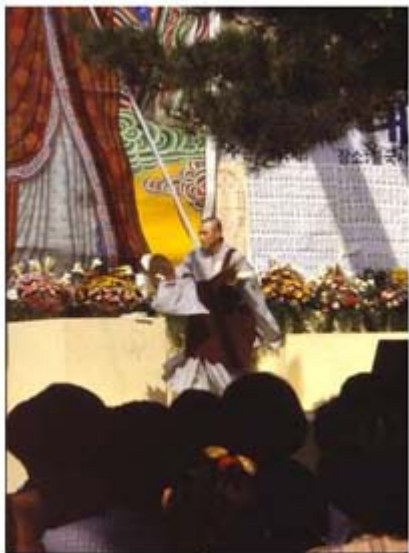
Lúc đầu, cả bộ *Tripikata* được giao cho chùa Chondungsa ở Kanghwa là chùa lớn nhất của đảo chăm giữ. Đến năm 1398, thấy quân giặc từ Nhật Bản lại hoành hành, cướp phá, vua Songjong truyền lệnh chở bộ *Tripokata* rời đảo, chuyển đến chùa Haiensa ở



Ảnh Võ Quang Yến

trong miền núi, hồi ấy được xem như là một tu viện kiên cố, khó tấn công. Để tránh không khí ẩm ướt phá hư, những tu sĩ phải đặt các bản gỗ trên những kệ thoáng khí như những pho sách, bên cạnh có những cửa sổ ở vách, tường phải tính toán làm sao cho không khí di động vừa phải để luôn giữ độ ẩm không thay đổi. Kết quả là cho đến ngày nay các bản gỗ không hề nứt nẻ hay bị vênh váo và luôn còn dùng được. Tuy nhiên, mọi công việc đều phải được thực hiện bằng tay, rất mất thì giờ nên các tu sĩ phải hạn chế cuộc sản xuất ấn loát. Lần cuối cùng năm 1967, để in 13 tập, chùa đã phải vận dụng 100 nhân công trong suốt 6 năm !

Bộ *Tripikata* thật có một không hai. Đứng trước một công trình đồ sộ như vậy, khách chỉ biết khâm phục và cảm kích. Chùa Haiensa nhờ đó cũng được thơm lây và hàng ngày khách thập phương đến viếng đông vô kể. Trong số 13 nhà tu khổ hạnh thuộc chùa Haiensa, có tiếng nhất là Hongjeon vì đây là nơi đã sống và chết vị tu sĩ - chiến sĩ nổi danh thời kháng chiến Imjin chống Nhật. Thông thái, thành thạo võ thuật, ông được giao nhiệm vụ đánh quân ngoại xâm với 5000 tu sĩ và thành công đàm phán đem về 3000 chiến binh bị giữ làm con tin. Một hình tượng ông được cất lên trước cửa Viện Đại học Phật giáo Dongguk ở Seoul. Tuy nhiên đi quanh một vòng Đại Hàn, khách còn mục kích được những cảnh tượng hay chia sẻ những giây phút ở thiền viện cũng sống động không kém gì. Vẫn biết người Hàn Quốc sùng bái *Vaicochana* nhưng hình tượng lạ lùng trong mắt du khách Việt Nam là đức Phật Vị Lai *Maitreya* mà dân bản xứ gọi là *Myruk*, không có chút gì giống với đức Di Lặc của ta. Ở Paju, cạnh kinh đô Seoul, ở Taejosa, Kwanchoksa, cạnh cố đô Pujo, cũng như ở Namsan trong thung lũng Kyonju,... khách không sao tránh được kinh ngạc thán phục trước bức tượng những ông phổng cao từ 7 đến 18 m, với một cái mũ vuông hai tầng, sừng sừng giữa sân bằng hay trên đồi cao, trong tựa như người không lồ trong chuyện cổ tích.



Ảnh Võ Quang Yến

Nếu những hình tượng này gây cảm giác sợ hãi hay kính phục, kích thích tôi nhất là hôm ở Pulguksa, ngôi chùa của *xứ Phật*, công trình của kiến trúc sư có tiếng Kim Taesong (thế kỷ 8), trong một buổi lễ lớn, một vị sư cơ thể nở nang, tay nắm xập xỏa, uyển chuyển nhưng hùng mạnh múa nhảy biểu lộ nỗi hân hoan của đức Phật khi tìm ra Chân lý. Chắc Phật giáo Mật tông đã có ảnh hưởng nhiều lên tông giáo này. Nhưng làm tôi xúc cảm nhiều nhất là hôm ở Songwangsa, ngôi chùa đặc biệt đón nhận tăng ni tứ xứ, vào lúc 6 giờ chiều, các vị sư trẻ xếp hàng lần lượt ra tay múa nhảy đánh trống kêu gọi tu sĩ nhập thiền. Từ khắp các nẻo chùa, các thầy lặng lẽ nối đuôi nhau đi vào thiền đường, không một lời nói, không một tiếng động. Tiếng trống vừa dứt thì mặt trời cũng vừa lặn, không còn một nhà sư nào ở ngoài sân, chính điện cũng vừa lên đèn sáng trưng như hòn ngọc bích nổi lên

trong đêm tối. Bầu không khí trở nên nghiêm trang, thanh thản và tuy đứng ngoài, không nhập cuộc, tôi không khỏi rung mình, tưởng mình như ở trên đường bước vào một thế giới tâm thần khác. Tôi còn muốn lưu lại ít lâu nữa để hưởng cho tận cùng giây phút thần tiên nhưng người ta mời ra khỏi chùa để khỏi quấy rầy sự yên tĩnh của các nhà sư.

Đi viếng đất Phật, được sống những giờ phút sâu đậm như thế, được chiêm ngưỡng những bảo vật như bộ *Tripikata* ở chùa Haiensa, thật không có gì để lại trong lòng khách nhiều ấn tượng tốt đẹp, nhiều kỷ niệm rung cảm bằng. Tôi cảm thấy có được rất nhiều may mắn.

1999-2007

[[Trở Về](#)]



Ảnh



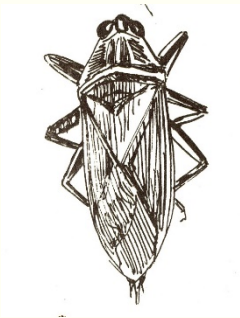
Ảnh Vô Quang Yến



Ảnh Vô Quang Yến



Ảnh Vô Quang Yến



Hương Vị Cà Cuống

Võ Quang Yên

Cà cuống chết đến đít còn cay !

Ca dao

Bên nước ta có nhiều loại cà. Trừ cà kheo, cà mèn, cà rá, cà ròn, cà sa, cà vạt, ...những cà bát, cà dái, cà đại, cà dừa, cà độc dược, cà gai, cà hoang, cà hôi, cà lão, cà na, cà ổi, cà pháo, cà quánh, cà quinh, cà tím, ngay cả cà rốt, cà phê... nhập khẩu thuộc loài thảo mộc, còn những cà ghim, cà kêu, cà niềng, cà tong,... thì lại thuộc loài động vật. Trong số này, cà cuống là một côn trùng được nói đến nhiều nhất. Trước ở miền Bắc, nay phổ biến khắp nơi, dầu cà cuống hương mùi độc đáo, có người cho cay đắng, nhưng giõ một vài giọt vào bánh cuốn, tô bún thì lại nâng cao mùi vị của món ăn. Ở Á châu, cà cuống thường được dùng toàn cơ thể làm thức ăn, từ Ấn Độ, Thái Lan, Myanmar qua Trung Hoa, Singapore, Indonesia ⁽¹⁴⁾. Người Tàu ăn cà cuống luộc thêm một chút muối ở Quảng Châu hay xào trong dầu mè ở Bắc Kinh. Ở Singapore, *fwai fa shim im* là một món cà cuống rất được ưa thích ⁽³⁾. Người Thái Lan gọi cà cuống là *mangda*. Họ trộn nhuyễn toàn cơ thể, có khi vớt bỏ mắt, cánh và những bộ phận xơ cứng, với hành, kiệu, ớt, đường, thêm vào nước chanh, nước mắm thành một thứ bột nhão gọi là *nam prik mangda* để ăn với cơm hay rau ⁽¹⁴⁾.

Ở ngoài Bắc, cà cuống được loại chân, cánh, đuôi phụ rồi hấp cách thủy trong một cái chõ hay nung trên lò than để ăn ; cũng có khi để nguyên con còn cả vỏ chitin đem thái nhỏ rồi xào mỡ để ăn ngay hay ướp muối để tích trữ. Người biết thưởng thức không sao quên được hương vị cà cuống thịt. "Bỏ cánh đi rồi, anh nhàn nhàn sáu cái chân nó, lấy cái đầu, xé ra nhấm nhót cái ức trước rồi cái đuôi sau, anh sẽ thấy nó có một vị ngon khác hẳn các món ăn ngon nào khác : nó nhận nhận, bùi bùi, beo béo mà lại thanh thanh, một người tục có thể ăn cả trăm con mà không biết ngán" ⁽⁶⁾. Cà cuống sinh trưởng ở dưới nước, tại các ruộng sâu, hồ ao, sông lạch, sống bằng trứng cá và các loài nhuyễn thể. Mùa cà cuống vào tháng 10 âm lịch, sau vụ gặt lúa mùa ở các đồng ruộng, ao hồ. Tháng 7-8, ban đêm cà cuống thường bay vào các nơi đèn sáng ⁽⁶⁾. Trứng cà cuống lợm trên các thân cỏ dưới nước. Con trẻ thường thích ăn trứng cà cuống sống hay nướng. Để bắt cà cuống, người ta thường dùng những dụng cụ đánh cá như lờ, đó, ru, dậm. Ở Thái Lan và Việt Nam, cách dùng đặc biệt cà cuống cay là chiết xuất tinh dầu của nó để làm tăng hương vị món ăn, cuốn, thang, bánh chưng, nước mắm ⁽¹⁾. Thạch Lam, thời tiền chiến, đã thi vị hóa món ăn : "Rau thơm tươi, hồ tiêu bắc, giọt chanh cốm ngát, lại điểm thêm một chút cà cuống thoảng nhẹ như một nghi ngờ" ⁽²⁾.

Vũ Bằng, một nhà văn quê ngoài Bắc vào sống trong Nam, luôn nhớ đến cà cuống và cho nó là một gia vị quý hơn cả bát trân. Ông kể trong cuốn *Thương nhớ mười hai* : " Tục truyền rằng Triệu Đà là người đầu tiên ở nước ta ăn cơm với con cà cuống. Thấy thơm một cách lạ lùng, ông ta gửi dâng vua Hán một mớ và gọi là *quế đồ* nghĩa là con sâu cây quế. Vua Hán nếm thử thì nhận rằng nó giống mùi quế thực, khen ngon và phân phát cho quần thần mỗi người một con. Bất ngờ, trong đám có một ông lăm chuyen lại tâu rằng : "Đó không phải là con sâu sống trong cây quế, mà chỉ là một con sâu sống dưới nước, *thủy đồ*". Vua mới phán rằng : " Thử nãi Đà chi cuống dã " nghĩa : đó là lời nói láo của Đà. Từ đó cà cuống thành ra đà cuống. Nó

còn có một tên nữa là *long sắt* nghĩa là rận rồng " ⁽⁶⁾ . Trước đó hơn một nửa thế kỷ, sự tích này đã được cụ Nguyễn Công Tiễn, tốt nghiệp Trường Cao đẳng Công nghiệp và Lâm nghiệp Đông Dương, cán sự Sở Công nghiệp, kể lại trong *Tạp chí Kinh tế Đông Dương* ⁽¹⁾ với lời phán của vua Tàu có phần khác : "Nam Việt hà nhân quế đồ, anh hùng vị tất bất khi nhân " vẫn cùng hàm ý chế nhạo.

Cà cuống là một loại côn trùng *Belostomatidae* sống dưới nước thuộc họ *Cryptocerata*, bộ cánh khác *Heteroptera*, lớp cánh nửa *Hemiptera*. Nó mang tên khoa học *Belostoma indica* Vitalis hay *Lethocerus indicus* Lep. et Serv. Khi non giống như con dán, mình dài 7-8cm, rộng 3cm, màu nâu xám, có nhiều vạch đen, đầu nhỏ với hai mắt tròn và to, miệng là một ngòi nhọn hút thức ăn. Ngực dài bằng 1/3 thân, có 6 chân dài, khỏe. Bụng vàng nhạt có lông mịn, ở phía trên có một bộ cánh mỏng nửa mềm nửa cứng. Khi mổ cà cuống, ta thấy nó có một bộ máy tiêu hóa dài khoảng 45cm, gồm có một ống đầu trên nhỏ là cuống họng, đầu dưới phình to chứa một thứ nước có mùi hôi. Sát ngay bầu chứa nước này là hai ngòi nhọn mà con cà cuống có thể thò ra thụt vào được. Nếu lấy tay rút mạnh hai ngòi này thì cả bộ tiêu hóa của cà cuống có thể bị lòi ra ngoài. Ở dưới ngực, ngay gần phía lưng, có hai ống nhỏ gọi là bong cà cuống. Mỗi bong dài 2-3cm, rộng 2-3cm, màu trắng, trong chứa một chất thơm, đó là tinh dầu cà cuống. Nhưng chỉ có con đực mới có tuyến này phát triển.

Muốn lấy dầu cà cuống, người ta áp bụng cà cuống xuống phía dưới, để phía lưng lên, lấy một que tre đầu vót nhọn, đem rạch ngang lưng nơi tiếp giáp với ngực, nghĩa là ở vị trí đôi chân thứ ba, sau đó gấp bụng cà cuống xuống, tức khắc hai cái bong dầu cà cuống sẽ lòi lên phía trên. Lấy đầu tre nhọn khều hai cái bong này ra, dùng ngón tay khẽ bóp bong vào bát hay chén. Khi được nhiều bong, chích bong cho dầu thoát ra khỏi bong. Vỏ bong được loại bỏ đi, nếu không, để lâu dầu cà cuống sẽ có mùi hôi. Tinh dầu cà cuống là một chất lỏng trong như nước lọc. Để ngoài không khí rất dễ bay hơi do đó dầu cà cuống cần đựng trong lọ nhỏ, nút kín. Tùy theo con to, nhỏ mà tinh dầu có nhiều hay ít. Trung bình một con cho 0,02 ml, 1.000 con đực mới thu được chừng 20ml.

Dầu cà cuống, nhẹ hơn nước, cho thoảng ra một mùi đặc biệt giống giống như mùi quế. Ông Trịnh Văn Hợi, kỹ sư hóa học ở Phòng Thí nghiệm Nông học ở Hà Nội, không có phương tiện phân tích, đoán chất dầu có thể là amyl valerianat ⁽¹⁾ . Năm 1957, nhân được Ban Khoa học Kỹ thuật và Văn hóa Tòa Đại sứ Pháp cấp học bổng, kỹ sư Nguyễn Đăng Tâm, nay đã qua đời, qua Đức dự thảo luận án tiến sĩ tại phòng thí nghiệm của giáo sư Adolf Butenandt tại Viện Sinh vật học Max-Planck ở Tübingen-München. Vào hồi đó, giáo sư Butenandt và các cộng sự viên đã khảo cứu nhiều về các chất hấp dẫn tính phái pheromon, đặc biệt của bướm tằm hay bạch cương tằm *Bombyx mori* L. Bắt đầu từ 2-hexenol, họ thấy càng tăng gia dãy carbon và các dầu nối đôi như trong các chất 2,4-hexadienol hay 2,4,6-octatrienol, sức hấp dẫn lại càng lớn. Nhiều văn bằng sáng chế mang tên ông và các nhà cộng sự đã đề nghị dùng, hoặc một mình, hoặc trộn lẫn với các chất diệt trùng, những chất hấp dẫn tính phái như tetradecadienol, pentadecadienol, hexadecadienol, ... ⁽⁴⁾ . Đền phiên anh Tâm lấy tinh dầu cà cuống làm nguyên liệu. Sử dụng những phương pháp phân tích mới mẻ nhất hồi ấy, anh phát hiện được thành phần chính của dầu là phân tử E-2-hexenol acetat (E = entgegen hay trans là một trong hai thể của dầu nối đôi giữa hai carbon 2 và 3, dạng kia là Z = zusammen hay cis). Để hoàn thành luận án, anh còn đề nghị một phương pháp nhân tạo tổng hợp phân tử ấy từ butyraldehyd và ethyl malonat trong môi trường pyridin ⁽⁵⁾ . Hexenol acetat chế tạo ra, độ sôi 168-170°, chỉ số khúc xạ $n_D^{25} = 1,4160$, cũng có dạng E như chất thiên nhiên ⁽⁷⁾ .

Nhưng chất anh Tâm tìm ra được không phải độc nhất trong dầu cà cuống mà chỉ là thành phần lớn nhất. Bảy năm sau, ở Hà Lan, nhờ máy sắc ký khí tinh xảo hơn, V. Devakul và H. Maarse khám phá ra dầu cà cuống chứa đựng cả một chục chất khi khảo sát sắc khí phổ. Ngoài hexenol acetat, họ xác định được một thành phần khác, tương đối ít hơn, là 2-hexenol butyrat cũng ở dạng E⁽⁸⁾. Ngoài ra, một số amin acid như alanin, arginin, glutamic acid, methionin, phenylalanin, tryptophan, tyrosin, valin,... đã được tìm ra trong nhiều bộ phận của cà cuống trưởng thành : bắp thịt lồng ngực, màng treo dạ dày, máu và bạch huyết, buồng trứng⁽⁹⁾. Người ta cũng nhận thấy chất prolin liên quan đến sự cầm giữ và bảo quản nước thì lại vắng mặt trong máu và bạch huyết⁽¹⁰⁾. Bên cạnh E-2-hexenol acetat, chất đồng vị Z-3-hexenol acetat đã được phát hiện trong tế bào trái một loại táo⁽¹⁴⁾, trong thân một cây mùi tây *Anthriscus nitida*⁽¹⁸⁾, trong lá loại đậu nành Davis⁽¹⁵⁾, trong trái nho *Vitis vinifera*⁽¹⁷⁾, trong dầu ô liu⁽¹¹⁾, hay trong số các chất dễ bốc hơi của cây đậu *Vigna unguiculata*⁽¹⁶⁾. Những phân tử này cống hiến mùi hương^(12,19) có tính chất hấp dẫn sâu bọ⁽¹⁵⁾ và đã được hòa trộn với nhiều chất khác làm thơm thuốc thoa da hay thuốc đánh răng⁽²⁰⁾. Đáng để ý là song song với hexenol acetat, hexenol butyrat, những chất hấp dẫn tính phái tương tự như E-2-octenyl acetat, E-2-decenyl acetat,... đã được phát hiện trong những loại sâu như *Rhoecocoris sulciventris*, *Biprorulus bibax*⁽⁴⁾. Cũng nên biết là Z-hexenol có mặt trong cây cỏ nên thường được gọi là "rượu của lá" còn E-hexenal hiến mùi lá nên mang tên "aldehyd của lá"⁽⁸⁾.

Người ta nghĩ đến mùa sinh nở, cà cuống đực tiết tinh dầu làm cho cà cuống cái ngửi thấy ngoi theo và đôi cà cuống đực cái tìm nơi yên ổn mà giao phối. Ngoài chức năng tính phái này, dầu cà cuống còn có phận sự săn mồi, bảo vệ. Khi kiếm mồi gặp cá lớn, cà cuống lao mình bám lấy, tìm chỗ huyết châm ngòi chích tinh dầu vào, tức thì con mồi bị tê liệt, lặn kênh ra, cà cuống cứ việc bám vào mà hút máu; hoặc khi cà cuống bị con vật khác đuổi thì phun chất tinh dầu này, làm cho kẻ địch ngửi thấy mùi phải rút lui. Trên thực nghiệm, dùng với liều nhỏ thì tinh dầu cà cuống có tác dụng kích thích thần kinh và hưng phấn bộ phận sinh dục, nhưng dùng với liều cao thì có thể gây ngộ độc.

Hồi còn công tác ở Viện Hóa Học các Chất Thiên Nhiên ở Gif-sur-Yvette (Pháp), trong phòng thí nghiệm của giáo sư Bửu Hội, tiến sĩ Nguyễn Đạt Xường và cộng sự viên có chương trình khảo cứu những phân tử tương tự chất hexenol acetat. Non 50 hexanyl, hexenyl, hexynyl, cyclohexanyl, cyclohexenyl ester (acetat, butyrat, propionat, hexanoat, decanoat, valerianat, benzoat, ethoxalat, theonat, furoat, nocotinat,...) đã được nhân tạo tổng hợp dựa lên phản ứng ester hóa các phân tử rượu với một acid chlorid. Những kết quả không đăng báo này không được khai thác về mặt ứng dụng có lẽ các chất nhân tạo này thoát xem không thấy có hương vị thơm cay, ngon lành như dầu thiên nhiên. Thật ra, ngay cả chất hexenol acetat nhân tạo mà người Thái Lan đã khai thác trên thương trường, hoàn toàn rỗng sạch, cũng không làm vừa ý người dùng. Phải chăng dầu cà cuống thơm ngon vì nó có hương vị của một hỗn hợp nhiều chất mà ngoài hexenol acetat và hexenol butyrat, ta chưa xác định được cấu tạo các thành phần khác, tuy số lượng không bao lăm nhưng góp phần tích cực vào hương vị dầu. Đây cũng là một đề tài khảo cứu hữu dụng cho các phòng sinh vật học.

Một cảnh tượng quê hương mỗi lần gợi lên biết bao thương nhớ ở người sống xa xứ : "... những người đàn bà bán cà cuống ấy sở dĩ không cần rao vì họ đã có khách quen cả rồi : có hàng thì cứ tự nhiên đem vào bán, mà đã vào thì các bà nội trợ cứ tự nhiên mua. Người bán và người mua cùng ngồi nhẽ bông cà cuống cho vào một cái đĩa nhỏ, đến khi xong cả thì mới trút vào trong một cái ve nhỏ bằng ve dầu Vụn Ứng, đậy thật kín, lấy giấy bóng bao ngoài cái nút rồi lấy giấy quấn chặt cho không bay hơi đi mất"⁽⁶⁾.

Tham khảo

- 1- Nguyễn Công Tiểu, **Notes sur les insectes comestibles du Tonkin**, *Bulletin économique de l'Indochine*, 31ème année, Nouvelle série, VIII **198** (1928) 735-794
- 2- Thạch Lam, **Hà Nội băm sáu phố phường**, nxb Đời nay, Hà Nội (1943) 42
- 3- F.S. Bodenheimer, **Insect as human food**, W. Junk Publishers, The Hague (1951) 266, 272
- 4- M. Jacobson, **Insect sex attractants**, Interscience Publishers NewYork-London-Sydney (1965) 39, 46, 84, 103
- 5- K. Mori, **Synthetic chemistry of insect pheromones and juvenile hormones**, Akadémiai Kiadó, Budapest (1979) 39
- 6- Vũ Bằng, **Thương nhớ mười hai**, nxb Văn học, Tp Hồ Chí Minh (1989) 205-10
- 7- A. Butenandt, Nguyen Dang Tam, **Über eines geschlechtsspezifischen Duftstoff Belostoma indica Vitalis (Lethocerus indicus Lep.)**, *Hoppe-Seyler's Zeitschrift für Physiologische Chemie* (1) **308** (1957) 277-83
- 8- V. Devakul, H. Maarse, **A second compound in the odorous gland liquid of the giant water bug Lethocerus indicus (Lep. and Serv.)**, *Analytical Biochemistry* (3) **7** (1964) 269-74
- 9- A.P. Saxena, **Free amino-acids in the tissues of Belostoma indica (Hemiptera : Belostomatidae)**, *Current Science* (13) **40** (1971) 355-6
- 10- J. Singh, **Proline metabolism in heteroptera from different environment**, *Biochem. Exper. Biol.* (2) **14** (1978) 181-3
- 11- M.C. D.Gracia, J.M. Olias, R.G. Gonzales-Quijano, **Volatile components in the aroma of virgin olive-oil. III. Reproducibility of the method used for its isolation, concentration, and separation**, *Grasas y Aceites* (Sevilla, Spain) (5) **31** (1980) 317-21
- 12- K. Laats, V.O. Chernylshev, H. Rang, S. Viitmaa, **5-Methyl-1-(3-methylphenyl)-4-hexen-1-ol acetate as component of scent composition**, U.S.S.R. SU 81 3248309 19810105 (1982)
- 13- R.G. Berger, A. Kler, F. Drawert, **C6-aldehyde formation from linolenic acid in fruit cells cultured in vitro**, *Plant Cell, Tissue and Organ culture* (2) **8** (1987) 147-51
- 14- R. W. Pemberton, **The use of the Thai giant waterbug Lethocerus indicus (Hemiptera : Belostomatidae) as human food in California**, *Pan-Pacific Entomologist* (1) **64** (1988) 81-2
- 15- S.H. Liu, D.M. Norris, P. Lyne, **Volatiles from the foliage of soybean, Glycine max, and lima bean, Phaseolus lunatus : their behavioral effects on the insects Trichoplusia ni and Epilachna varivestis**, *J. Agric. Food Chem.* (2) **37** (1989) 496-501

- 16- W. Lwande, P.G. McDowell, H. Amiani, P. Amoke, **Analysis of airborne volatiles of cowpea**, *Phytochem.*, (2) **28** (1989) 421-3
- 17- C. De La Presa-Owens, R.M. Lamuela-Raventos, S. Buxaderas, C. De La Torre-Boronat, **Characterization of Macabeo, Xarel, and Paredella white wines from the Penedes region. II.**, *Amer. J. Enol. Vitic.* (4) **46** (1995) 529-41
- 18- B. Muckensturm, F. Diyani, J.P. Reduron, **Grilactone and other terpenoids from Anthriscus nitida**, *Biochem. Syst. Ecol.* (7/8) **23** (1995) 875-6
- 19- X. Wan, J. Tang, X. Ding, Q. He, **Free and glucosidically bound volatile flavor compounds in hawthorn**, *Shipin Yu Fajiao Gongye*, (2) **24** (1998) 20-6
- 20- H.D. Kim, Y.H. Kim, S.Y. Yoon, **Perfume composition for reducing irritation of skin whitening agent and improving flavor in toothpaste composition which uses peroxide and sodium bicarbonate as whitening agent**, *Repub. Korean Kongkae Taeho Kongbo* KRXXA7 KR 2002045226 (2002)

ẤN CHƯƠNG VÀ TRUYỀN QUỐC NGỌC TỬ

Phạm Xuân Hy

Ấn chương (印章) mà ta vẫn thường gọi là con dấu, hay ấn tín; tuy chỉ là một vật dụng nhỏ bé, nhưng lại mang tính thực dụng và nghệ thuật hết sức to lớn.

Đứng về mặt thực dụng, ấn chương hay con dấu là bằng chứng trọng yếu trong việc hành sử quyền lực chính trị của một quốc gia hay một chính quyền. Còn đứng về phương diện tư nhân và hoặc giao dịch thương mại, mật dịch qua lại, ấn chương là một tín vật không thể thiếu được. Còn đứng về phương diện nghệ thuật, bản thân của ấn chương cũng là một tác phẩm nghệ thuật, được sáng tạo một cách tinh nhã, trạm chỗ chi li tỉ mỉ công phu, với những hoa văn nhỏ bé, âm dương biến ảo, cùng với nghệ thuật thư họa của Trung Quốc, song hành đắp bù cho nhau.

Vì thế, từ hàng ngàn năm nay trong suốt lịch sử Trung Quốc, dù xảy ra những biến đổi cơ chế xã hội, nhưng tác dụng của ấn chương vẫn không thay đổi.

A-Nguồn gốc của ấn chương.

Sự xuất hiện ấn chương ở Trung Quốc, đã có một lịch sử lâu dài. Ấn chương có một sự quan hệ mật thiết đối với sự phát triển giao hoán thương phẩm, vì ấn chương là bằng chứng của sự giao hoán thương phẩm, hóa vật và là tín vật trao đổi vật phẩm cho nhau.

Các nhà nghiên cứu văn hóa Trung Quốc, cho rằng "ấn chương" đã xuất hiện rất sớm cách nay mấy ngàn năm. Ngay từ thời nhà Ân, người Tàu đã biết dùng vật nhọn để khắc những bức họa tượng hoa văn lên những hòn đá, thường thường là nhân vật, động vật, thực vật, nhưng đó mới chỉ là sự manh nha của ấn chương, nhưng cùng với sự mở rộng việc trao đổi thương phẩm và chế độ tư hữu chế dần dà được thiết lập, ấn chương cũng mỗi ngày được sử dụng rộng rãi thêm.

Có người cho rằng ấn chương xuất hiện ở vào thời kỳ Tây Chu và Chiến Quốc và Tây Hán chỉ là loại "tiêu hình ấn 肖形印", tức những hình vẽ giống hình vẽ cụ thể ở ngoài, còn những hoa văn đồ án của tiêu hình ấn rất là phồn tạp.

Các hình vẽ ở bề mặt của ấn chương được người ta xếp thành năm loại như dưới đây :

1-Nhân vật loại có các hình:

Săn bắn, chăn nuôi, sinh sản mục súc, xe ngựa, âm nhạc, nhảy múa, hý kịch, quan lại, thần thoại...

2-Phi cầm loại có các hình:

Chim bồ câu, con ngỗng, chim tu hú, chim nhạn, chim loan, chim hạc, chim phụng, chim khổng tước, anh vũ, uyên ương, con vịt, con cò, chim ưng...

3-Tiểu thú loại có các hình:

Con ngựa, con dê, con bò, con lạc đà, con chó, con lừa, con thỏ, con mèo, con chuột, con vượn, con hươu, con voi, con sư tử, con hổ, con báo, con hà mã...

4-Trùng ngư loại có các hình:

Con cá, con rắn, con rồng, con rùa, con ếch, con cóc, con rết, con nhện, con thạch sùng...

5-Các loại khác như cái chén, cái bình, cái lọ , cái lư hương, cái đàn tì bà...

Nhưng "tiêu hình ấn" vào thời Thương , Chu đa số là khắc mặt các con thú vật quái lạ như quỳ long 夔龍, quỳ phụng 夔鳳 , bàn ly 蟠 螭 , thao thiết 饕餮 ... như thế, khiến người ta nghĩ rằng hẳn những loại tiêu tượng ấn này có liên quan mật thiết với những truyền thuyết thần thoại cổ đại và tín ngưỡng tôn thờ tô tem.

Đến đời Chiến Quốc việc sử dụng ấn chương được thực hành rộng rãi. Và người ta đã tìm thấy có những chiếc ấn thuộc loại "tiêu hình ấn" vào thời này trạm chỗ đầu rồng, đầu phượng, chung quanh là hoa văn và đường viền quần quanh trông tinh trí như thực. Lại có những chiếc ấn chỉ nhỏ bằng hạt đậu khắc hình con hươu chạy, có cái trạm khắc tượng thần mặt người, mồm chim, tai rắn, chân dẫm lên măng sà... hình tượng trông rất truyền thần. Tất cả những hình tượng ấy đều phản ánh tư tưởng và phong tục xã hội lúc bấy giờ.

Việc sử dụng ấn chương càng ngày càng phát triển, chẳng những phổ biến trong giới tư nhân để giao hoán hàng hóa, vật phẩm gọi chung là loại tư ấn, mà ấn còn được dùng làm tượng trưng của hoàng đế, hay các cơ quan quyền lực quốc gia, gọi chung là quan ấn.

Chất liệu được sử dụng để cấu tạo ấn chương thường bằng vàng, bạc, đồng, đá, ngọc, xương, gỗ, trúc...nhưng bằng gỗ thấy nhiều hơn cả. Còn về hình thức thì có loại phương hình, viên hình, phương trường hình, tâm hình, đa biên...

B-Các danh xưng của ấn chương

Thời Tiên Tần, bất luận quan ấn hay tư ấn đều gọi là "tỉ ", hoặc "tỉ tiết  ", không có sự phân biệt lớn nhỏ, quý tiện, và cũng không thống nhất về mặt hình thức.

-Đến thời Xuân Thu Chiến Quốc, khi các quốc quân bổ nhiệm quan lại của mình, đều cấp phát "tỉ", tức "quan ấn 官印" cho họ để làm bằng chứng.

"Tỉ " có thể làm bằng ngọc, bằng kim loại, hay bằng đồng. Dùng " tỉ  " của quốc quân hay quan viên đóng trên văn thư thì gọi là " tỉ thư   ".

-Cho đến khi Tần Thủy Hoàng diệt lục quốc, về phương diện chế tạo, danh xưng, và sử dụng của ấn chương mới được chặt chẽ qui định.

Tần Thủy Hoàng qui định rằng " tỉ  " là từ dành riêng để gọi ấn của hoàng đế, và "tỉ" phải được chế và khắc trên ngọc, vì thế nên được gọi là "ngọc tỉ", còn ấn ký hoàng đế được gọi là "tỉ thư   ". Cho nên "tỉ thư" trở thành từ ngữ chuyên môn để chỉ chiếu thư và sắc mệnh của hoàng đế.

Còn ấn của quan viên thì được chế bằng đồng. Sự khác biệt đẳng cấp giữa các quan lại được qui định bằng màu sắc của các giấy thao dùng để đeo ấn.

Nhà Hán theo lệ nhà Tần, cũng gọi "ấn" của nhà vua gọi là "tỉ  ", còn ấn của quan lại thì lại gọi là "chương  ", hoặc "ấn  ", còn của tư nhân thì gọi là "ấn tín  ".

-Đến đời Đường, nhân âm " tỉ  " cận âm với âm " tử  ", nên tỵ húy, gọi ấn của nhà vua là "Bảo  ".

Về cơ bản, quan ấn của các vương triều phong kiến Trung Quốc thừa tập chế độ ấn chương của nhà Tần. Còn tư ấn, thì từ đời Lương Hán trở về sau, giấy được xử dụng một cách rộng rãi, kèm theo sự phát triển của nghệ thuật hội họa, thư pháp, nên việc xử dụng tư ấn cũng nhiều hơn.

Theo truyền thuyết, thì người đầu tiên sử dụng ấn đóng lên trên thư, họa là Lý Thế Dân, tức Đường Thái Tông. Rồi do các quân vương các đời sau đề xướng, các văn nhân mặc khách bắt chước theo, đều thích sử dụng ấn in trên tranh vẽ và thư pháp của mình.

Từ hai triều Thanh Minh cho đến hiện đại, một số lớn nhà hội họa, và các thư pháp gia như Triệu Mạnh Phủ, Vương Miện, Thạch Đào đều coi ấn chương là một bộ phận trọng yếu trong những tác phẩm thư họa của họ.

Sự kết hợp giữa ấn chương với nghệ thuật thư họa, thúc đẩy thêm sự phát triển về nghệ thuật khắc ấn. Đồng thời, hình thành những môn phái khác nhau. Thời Minh Thanh khá nổi tiếng có An Huy phái mà nhân vật đại biểu là Trình Thúc , Triết Giang phái có Đinh Kính.

Ngày xưa ấn và tỉ, ở phần dưới đáy được làm theo hình vuông, có khắc loại chữ triện, bên trên có cái núm hình đầu rồng hay đầu hổ, gọi là "ấn nữu 印紐". Ấn nữu có một cái lỗ để cột dây gọi là "thụ 綬", ta dịch nghĩa là dây thao. Dây thao đeo ngọc ấn của hoàng đế gọi là "tỉ thụ 璽綬". Còn dây đeo đồng ấn của quan lại thì gọi là "ấn thụ 印綬". Các quan lại mỗi khi đến nhiệm sở, hay đi tuần ở xa, rất sợ bị mất ấn, nên thường đeo ấn vào vào bên trong bụng và cột giây thao ở thắt lưng.

Trong "Sử Ký-Phạm Tuy liệt truyện" mô tả Phạm Tuy đi làm quan : " *Hoài hoàng kim chi ấn, kết tử thụ vu yêu 懷黃金之印結紫綬于腰- Dấu ấn vàng vào trong bụng và đeo giây thao ở thắt lưng*". Cho thấy thái độ gì giữ ấn tín một cách kỹ lưỡng của Phạm Tuy

Đại khái, lúc bấy giờ ấn của các Thừa Tướng và các đại quan làm bằng vàng và giây thao màu tím. Viên quan nào bị tội phải bãi chức hay bị điều nhậm nơi khác thì phải trả lại ấn cho triều đình.

Ngày nay, những nhà sưu tầm những ấn chương cổ thường dựa vào bốn phương diện chủ yếu dưới đây để giám định thật giả.

Đó là tài liệu đã tạo ra ấn. Hình trạng của ấn. Núm của ấn và ấn văn, tức chữ trên mặt ấn.

Về vật liệu để làm ấn, như đã trình bày ở trên, ấn có thể được làm bằng nhiều vật liệu khác nhau: vàng, bạc, đồng, gỗ, xương, đá pha lê, hổ phách...Quan ấn thường được làm bằng đồng. Trong dân gian, từ đời Nguyên, loại ấn làm bằng đá được phổ biến lưu hành rộng rãi.

Trước thời Chiến Quốc, "ấn nữu", tức núm ấn thường là ty hình, hình mũi, nên có khi gọi ấn nữu là "ấn ty". Quan ấn to hơn, chữ trên mặt ấn khắc nổi. Còn tư ấn nhỏ hơn, chữ trên mặt ấn đa số khắc chìm.

Đời nhà Tần, chữ trên mặt quan ấn khắc chìm và thuộc loại chữ triện đời Tần. Bố cục của ấn diện, tức mặt ấn là hình chữ điền 田 hay chữ nhật 日 để làm danh giố. Tư ấn đa số là trường phương hình (tức chữ nhật).

Đời nhà Hán, dù quan ấn hay tư ấn, ấn nữu là tị nữu, ngổa nữu, kiều nữu, sà nữu, ngư nữu, lạc đà nữu, hổ nữu...chữ khắc đoan chính thẳng thắn, phong cách trang nghiêm.

Thời Ngụy Tấn, đứng về phương diện hình thức, tuy duyên tập theo nhà Hán, nhưng trông không thanh bằng các ấn đời Hán. Ấn văn; tức chữ khắc trên mặt ấn lại có su hướng phóng túng tự nhiên hơn .

Qua hai triều Tùy Đường, ấn diện của quan ấn to hơn so với các triều đại trước. Văn tự, bút hoạch trông uốn khúc vào, nổi hẳn trên mặt ấn, người ta gọi đó là loại chữ "*cửu điệp triện* 九疊篆". Về cách gọi, Võ Tắc Thiên đổi gọi "tỷ 璽" là "bảo 寶", nên "tỷ" và "bảo" thông dụng lẫn nhau. Dưới thời nhà Đường còn gọi ấn chương là "ký 記" hay "chu ký 朱記".

Trước thời Tống, Nguyên tác dụng của ấn chủ yếu là làm bằng chứng. Sau thời Tống, Nguyên việc sử dụng ấn càng ngày càng phổ biến rộng rãi, như dùng ấn đóng trên họa phẩm, thư pháp, hay dùng để ngoạn thưởng, từ đó việc khắc ấn càng trở thành một nghệ thuật có giá trị cao, và ngày nay người ta gọi đó là nghệ thuật khắc triện.

C-Sự quan trọng của ấn chương .

1-Mắt ấn, đồng nghĩa với mắt quan.

Trong xã hội phong kiến ngày xưa, quan ấn là tượng trưng cho quyền lực mà hoàng đế ban cho quan lại, tuy chỉ là một vật nhỏ vuông vức không quá mộ tắc, nhưng từ vương công đại thần đến hàng huyện lệnh, châu mục, đều cực kỳ trọng thị, bảo vệ, gìn giữ. Ấn còn, quyền còn. Ấn mất, quan mất.

Trong "Tây Du Ký " của tác giả Ngô Thừa Ân, người đời nhà Minh, ở hồi thứ chín, tác giả có thuật câu chuyện về người cha của Đường Tam Tạng là Trần Ngạc, còn có tên là Quang Nhị, đậu tiến sĩ được bổ nhiệm làm Thứ Sử Giang Châu. Ông mang chiếc ấn do triều đình cấp cho, tức quan ấn, cùng người vợ là Ân Thị tới nhiệm sở. Không ngờ trên đường đi, bị tên cường tặc là Lưu Hồng đánh chết rồi đẩy xác xuống sông. Sau đó, Lưu Hồng lấy quần áo của Trần Ngạc để mạo danh Trần Ngạc, mang theo quan ấn, cùng Ân Thị nghiêm nhiên đến nhiệm sở tựu chức.

Bấy giờ Ân phu nhân đang có thai, vì muốn con sau này có thể báo được thù cho cha nó nên buộc phải ngậm đắng nuốt cay, nhẫn nhịn sống với Lưu Hồng. Sau khi sinh nở, Ân phu nhân đem con để trên một chiếc bè tre, rồi thả xuống dòng sông Trường Giang. Đứa bé trôi đến Kim Sơn Tự ở Trấn Giang thì được một vị sư ở chùa này vớt lên mang về nhà nuôi, sau cũng đi tu trở thành hòa thượng, tức Huyền Trang. Khi Huyền Trang lên 18 tuổi mới cùng mẹ định kế, bẩm rõ với triều đình, giết được tên đạo tặc Lưu Hồng, báo được thù cho cha.

Một tên cường đạo, chỉ vì ăn cắp được quan ấn mà trở thành một trưởng quan của một châu trong suốt mười tám năm, đây thật là một việc khôi hài, nhưng đã thực sự xảy ra.

Tuy Tây Du Ký chỉ là một tác phẩm văn học, viết theo lối thần thoại tiểu thuyết, cố sự mang nhiều tính chất hư cấu, nhưng đã cho người đọc thấy rõ cái tập tục trong sinh hoạt quan trường dưới xã hội phong kiến ngày xưa là người làm quan chỉ được công nhận khi có ấn tín cầm tay, mà không cần biết đến người làm quan là thực hay người giả.

Thật là một tập tục kỳ quái.

Ấn còn thì quyền còn, mất ấn thì mất quan, mất quyền, thậm chí mất cả tính mệnh, như trường hợp của Trần Ngạc, cha của Đường Tăng trên đây. Nên đối với quan lại, việc bảo vệ, gìn giữ ấn chương là một việc ưu tiên hàng đầu phải nghĩ tới khi ra làm quan.

Trên đây, người viết có trích câu "*Hoài kim chi ấn, kết tử thụ vu yêu* 懷黃之印結紫綬于腰". Chữ "hoài 懷" trong câu này là một chữ hội ý, vốn có nghĩa là bao tàng, cất dấu một vật gì vào bên trong áo với thái độ thận trọng, đã được Tư Mã Thiên sử dụng để mô tả thái độ của Phạm Tuy cất giữ ấn chương của mình vào bên trong áo, chỉ để lộ cái giây thào màu tím đeo ở ngoài cho người ta thấy sự quyền quý đẳng cấp của mình thôi.

Thời Tây Hán, Chu Mãi Thần nhà nghèo, phải vào rừng đẵn củi đem bán để mưu sinh, nhưng lại là người rất hiếu học, tinh thông thư thi văn sử. Sau xin được chân lính quèn trong phủ Thái Thú Cối Kê, nhưng vẫn thường phải ăn nhờ ngụ đậu trong nhà một viên tiểu lại.

Có một lần viên Thái Thú Cối Kê phải lên kinh thành Trường An để làm đối sách cho triều đình. Chu Mãi Thần được cho đi theo để sai bảo. May thay, Thần gặp được viên đại quan người đồng hương là Nghiêm Trợ. Trợ thấy Chu Mãi Thần học rộng uyên bác, bèn tiến cử lên Hán Võ Đế và được Hán Võ Đế bổ nhiệm làm Thái Thú Cối Kê, rồi cho về quê thăm gia đình. Khi trở về Cối Kê (nay thuộc thành phố Thiệu Hưng, tỉnh Triết Giang), Chu Mãi Thần vẫn ăn mặc y nguyên áo quần như lúc còn hàn vi, còn chiếc ấn có bốn chữ "Cối Kê Thái Thú", Chu Mãi Thần bọc kỹ vào trong áo, sau đó xuống xe đi thẳng đến vào trong cửa nha môn quận Cối Kê.

Chính lúc đó bọn quan lại nha dịch trong quận đang yến ẩm vui đùa, chẳng một ai để ý nhóm ngó gì đến tên tiểu tốt Chu Mãi Thần cả. Còn Chu Mãi Thần cứ đi thẳng vào sau hậu đường, gặp viên tiểu lại trước đã từng cho Chu Mãi Thần ăn nhờ ở nhờ. Viên tiểu lại cũng không hề biết là Chu Mãi Thần đã được Hán Võ Đế bổ nhiệm làm Thái Thú Cối Kê, cứ quen lệ, đem cơm ra mời Chu Mãi Thần ăn cùng. Sau khi cơm nước no nê, Chu Mãi Thần mới bèn cởi áo ra để hóng chút gió cho mát, vô tình để lộ giây thào đeo ấn lòi ra ngoài. Viên tiểu lại, thoạt nhìn thấy, lấy làm kỳ lạ, dùng tay cầm lấy giây thào mà kéo, nào ngờ kéo tuột

luôn cả chiếc ấn của Chu Mãi Thần rơi xuống. Viên tiểu lại nhìn thấy bốn chữ "Cối Kê Thái Thú" sáng chói cả mắt khắc trên quả ấn thì sợ hãi thất sắc, vội vàng chạy ra ngoài tiền đường, hô hoán gọi mọi người. Những quan lại nha dịch trong quận lúc đó đang uống say, chẳng một ai tin là thật, đều lên tiếng mắng viên tiểu là khoác lác, láo lếu.

Viên tiểu lại lới nói :

-Ai không tin, cứ vào sẽ thấy ấn tín !

Những người trước đây vốn khinh thường Chu Mãi Thần, bèn xô nhau vào trong hậu đường để xem. Chỉ mới nhác thấy quả ấn, đều đã quay đầu chạy ra, hô hoán bảo nhau : " Đúng thật ! Đúng là Thái Thú thật".

Rồi tỉnh rượu, tranh nhau sắp hàng thành tề chỉnh đứng dưới thềm tiền đường, chờ đợi báii kiến Chu Mãi Thần.

Một lát sau Chu Mãi Thần đi ra, tiếp nhận những chào mừng báii kiến của các quan viên thuộc hạ. Sau đó lên xe tứ mã của triều đình đi về quê nhà ở Ngô huyện.

Trên đường đi, đi đến đâu Chu Mãi Thần cũng được quan lại các huyện tranh nhau nghênh đón chúc mừng.

Câu chuyện trên đây về Chu Mãi Thần, cho thấy vai trò quan trọng của ấn tín trong sinh hoạt quan trường phong kiến ngày xưa : Ai có ấn người là quan.

Vì thế, dù chỉ là một vật nhỏ bé, nhưng "ấn" và "tử" có một tác dụng hết sức trọng đại. Người nắm giữ được "ngọc tử" và "tử thư" có khả năng quyết định vận mệnh của cả một quốc gia, làm đảo lộn cả một vương triều.

Năm 210 trước Công Nguyên, tức năm Tần Thủy Hoàng chấp chính tam thập thất niên, Tần Thủy Hoàng đông tuần, tùy hành có thiếu tử Hồ Hợi, Tả Thừa Tướng Lý Tư, và Trung Xa Phủ Lệnh Triệu Cao. Trên đường trở về, đi đến Sa Khâu (nay thuộc Bình Hương tỉnh Hà Bắc), Tần Thủy Hoàng bị trọng bệnh, lúc lâm chung mới viết "tử thư" ra lệnh cho công tử Phù Tô, khi đó đang giám quân ở biên giới phía bắc, phải lập tức trở về kinh đô Hàm Dương để lo liệu hậu sự và kế thừa hoàng vị. Nhưng "tử thư" chưa kịp gửi đi thì Tần Thủy Hoàng qua đời. Bấy giờ có mặt của cận thần của Tần Thủy Hoàng là Triệu Cao. Cao vốn là người coi về xa mã và chường quản về các việc tử, ấn, văn thư, lại là thầy dạy pháp luật cho người con thứ mười tám của Tần Thủy Hoàng là Hồ Hợi. Sau khi Tần Thủy Hoàng chết, Triệu Cao thông đồng với Hồ Hợi ép Thừa Tướng Lý Tư tự tử tạo "tử thư" của Tần Thủy Hoàng, lập Hồ Hợi làm Thái Tử, và làm giả thêm một "tử thư" khác vu cho Phù Tô và tướng quân Mông Diêm cái tội bất trung và phỉ báng hoàng đế, rồi sai người mang "tử thư" lên biên giới phía bắc bức Phù Tô tự sát, đồng thời bắt Mông Diêm. Đợi cho đến khi về đến Hàm Dương Triệu

Cao mới công bố là Tần Thủy Hoàng qua đời, rồi lập Hồ Hợi làm Tần Nhị Thế Hoàng Đế.

Trong chiều dài lịch sử 2133 năm của các vương triều tại Trung Hoa, từ Tần Thủy Hoàng thống nhất lục quốc đến cuối nhà Thanh, người ta đã thấy xảy ra nhiều lần những chuyện dùng "tỷ thư" giả để âm mưu tranh đoạt đế vị, và rất coi trọng sự chiếm hữu được ngọc tỷ.

D-Sự ra đời của Truyền Quốc Ngọc Tỷ (傳國玉璽)

Như trên đã trình bày, "ấn tín 印信" của quan lại là tượng trưng cho quyền lực của quan lại được nhà vua ban cấp.

Còn "ngọc tỷ 玉璽" của hoàng đế, là đại biểu và tiêu chí cho quyền lực tối thượng của chính bản thân hoàng đế. Chẳng những thế, "ngọc tỷ" còn là được coi là quốc bảo, nên được cất giữ tôn trọng truyền từ đời này sang đời khác. Muốn củng cố tư cách hoàng đế của mình, các vua chúa dù là soán đoạt, hay thiên nhượng, thường cố công tìm cách chiếm cho được "Truyền Quốc Ngọc Tỷ".

Nguyên là sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc, để chứng tỏ quyền uy tối cao vô thượng của mình, bèn ra lệnh cho ngọc công là Tôn Thọ dùng một loại ngọc quý nổi danh đương thời là loại ngọc Hòa Thị, để tạo cho ông ta một viên "ngọc tỷ" làm bảo vật truyền quốc, gọi là "Truyền Quốc Ngọc Tỷ".

Viên ngọc tỷ này vuông vức bốn tắc, phía trên khắc hình con rồng cuộn khúc, thập phân tinh xảo khéo léo, phía dưới khắc tám chữ triện, do chính tay Thừa Tướng Lý Tư viết chiếu theo ý của Tần Thủy Hoàng là: "Thụ mệnh vu thiên, ký thọ vĩnh xương 受命于天既壽永昌", có ý nghĩa là ngôi hoàng đế của Tần Thủy Hoàng là do "thiên thụ", trời ban cho; và sẽ tồn tại mãi mãi đến Nhị Thế, Tam Thế, Tứ Thế...muôn đời sau.

Trước thời Tần và Hán thì không có sự khác biệt tôn, ty của chữ "ấn" với chữ "tỷ", chỉ sau khi Tần Thủy Hoàng lên ngôi, mới quy định chữ "tỷ", được chuyên dùng chỉ ấn của hoàng đế, và "tỷ" phải được khắc bằng ngọc, nên thường gọi là ngọc tỷ.

Tần Thủy Hoàng trong lòng ôm mộng dùng viên ngọc tỷ này, để lưu truyền lại cho con cháu mãi mãi thiên thu vạn đại về sau, cũng như ông từng ôm hy vọng tu sửa, nối liền Vạn Lý Trường Thành để có thể ngăn chặn vĩnh viễn sự xâm lăng của rợ Hồ phương bắc. Nhưng lịch sử Trung Quốc đã chứng minh rằng đó chỉ là giấc mơ hảo huyền, Tần vương triều đã không tồn tại được mãi mãi như ý nguyện của Tần Thủy Hoàng, mà chỉ truyền được có hai đời, đến Tần Nhị Thế Hoàng Đế Hồ Hợi thì bị diệt vong.

Từ đó, viên "Truyền Quốc Ngọc Tỷ" trở thành tượng trưng ngôi vị, quyền lực của các hoàng đế. Ngôi Hoàng đế là do trời thụ dữ. Các vua mới lên ngôi,

điều trước hết là cố tìm cách chiếm hữu cho được "Truyền Quốc Ngọc Tỉ", để chứng minh tính cách thần thánh của mình với dân chúng, và mình là người "thụ mệnh vu thiên".

E-Sự luân lạc của "Truyền Quốc Ngọc Tỉ" trong lịch sử Trung Quốc.

Năm 207 trước Công Nguyên, Triệu Cao âm mưu với con rể là Hàm Dương lệnh Diêm Nhạc, bức tử Tần Nhị Thế Hồ Hợi ở Vọng Di Cung, giết Lý Tư ở ngoài chợ. Sau đó, Cao lập người cháu của Tần Thủy Hoàng là Tử Anh lên thay. Tử Anh vốn được tiếng là người nhân ái, cần kiệm. Cao đưa Tử Anh lên ngôi là có ý muốn nhờ vào danh vọng của Tử Anh để hòa hoãn với những cuộc nổi dậy chống đối mình, và để xoa dịu sự căm phẫn của dân chúng đất Quan Trung.

Nhưng Cao lại cho rằng nhà Tần vốn là chỉ là một vương quốc, khi Tần Thủy Hoàng làm vua nắm trọn thiên hạ trong tay, nên mới xưng là Hoàng Đế, đến nay lục quốc tự tái lập lại, thiên hạ của Tần Thủy Hoàng sụp đổ, cương thổ nước Tần vì thế thu nhỏ lại, vua Tần không thể xưng là Hoàng Đế được nữa, mà chỉ nên xưng là "vương" như trước thôi, vì thế Tử Anh chỉ có danh xưng là Tần Vương.

Tháng chín cùng năm, Triệu Cao dụ Tử Anh trai giới, để tế tự tổ miếu và sẽ trao "Truyền Quốc Ngọc Tỉ" cho.

Nhưng Tử Anh thấy Triệu Cao đã sát hại Tần Nhị Thế, sợ sẽ giết nốt mình cùng các tông tộc nhà Tần vào ngày tế tự tổ miếu, nên đã ước định với Hạng Vũ chia đất Quan Trung mà xưng vương, nhân thế, Tử Anh bàn với hai người con, lấy cớ là bệnh không đến lễ tổ miếu được, và muốn Triệu Cao đến nhà mình rồi tìm cách mà giết đi.

Cho đến năm 8 Công Nguyên, Hán Thiếu Đế Lưu Anh bị ngoại thích là Vương Mãng làm chính biến cướp Quả nhiên, Triệu Cao sau nhiều lần cho người mời Tử Anh không được, bèn tự đến phòng trai của Tử Anh nên bị Tử Anh sai người đâm chết.

Tháng mười năm 206 trước Công Nguyên, khi Lưu Bang tiến quân vào Hàm Dương, Tần Vương Tử Anh đi tố xa, ngựa trắng, dùng giây đeo ấn của mình buộc vào cổ, niêm phong ngọc tỉ và phù tiết, đứng ở quỹ đạo chờ dâng cho Lưu Bang để xin hàng.

Nhà Tần chính thức bị diệt vong từ đây.

Và cũng từ đây, viên "Truyền Quốc Ngọc Tỉ" của nhà Tần rơi vào tay nhà họ Lưu, trải qua 214 năm và 12 vị Hoàng Đế nhà Tiền Hán. Song trên thực tế, viên "Truyền Quốc Ngọc Tỉ" này được nhà Hán coi là báu vật, trịnh trọng trân tàng trong cung ở Trương An, tượng trưng hoàng quyền, còn sử dụng thì lại dùng sáu loại ngọc tỉ khác nhau :

1-Hoàng Đế Hành Tỉ 皇帝行璽

2-Hoàng Đế Chi Tỉ 皇帝之璽

3-Hoàng Đế Tín Chi 皇帝信璽

4-Thiên Tử Hành Tỉ 天子行璽

5-Thiên Tử Tín Tỉ 天子信璽

6-Thiên Tử Chi Tỉ 天子之璽

Các vương triều từ nhà Tùy trở về trước, duyên theo chế độ Hán nên sử dụng 6 thứ ngọc tỉ như nhà Hán, nhưng từ nhà Tùy, và các vương triều Đường , Tống gia tăng thêm "Thần Tỉ 神璽 " và "Thụ Mệnh Tỉ 受命璽 "

Mỗi viên ngọc tỉ, dụng đồ lại khác nhau. Thí dụ như " *Hoàng Đế Hành Tỉ* " được dùng trong việc thưởng tứ các chư hầu vương. " *Hoàng Đế Tín Chi* " được sử dụng để trưng dụng và điều động các đại thần và tướng lãnh. Văn thư gửi cho các nước ngoài thì dùng "*Thiên Tử Hành Tỉ*". Đính lập minh ước với các nước ngoài thì dùng " *Thiên Tử Tín Chi* "

Cho đến năm 8 Công Nguyên, Hán Thiếu Đế Lưu Anh bị ngoại thích là Vương Mãng làm chính biến cướp ngôi xưng đế, Mãng cũng muốn chứng tỏ với thiên hạ là ngôi vị và quyền lực của mình là do "thiên thụ", trời ban cho, bèn sai người em là An Dương Hầu Vương Thuấn vào trong hậu cung ép Thái Hoàng Thái Hậu Vương Chính Quân, mẹ của Hán Thành Đế và là cô ruột của Mãng, trao "Truyền Quốc Ngọc Tỉ" cho mình, nhưng chẳng những bị Vương Chính Quân từ chối và còn dùng những lời lẽ gay gắt mắng Vương Thuấn :

-Anh em nhà mày đã mấy đời thụ ơn Hán triều, được giàu có sang trọng, chẳng biết báo đáp, phụ cái công phò thác, lại nhân lúc vua còn trẻ không nơi nhờ cậy, mà soán đoạt hoàng vị, vong ân phụ nghĩa có khác chi loài chó loài heo. Bọn người đã cho rằng "thiên thụ" cho ngôi báu, thì sao không tự đúc "ngọc tỉ" mà dùng, việc gì mà phải cầu đến viên ngọc tỉ vong quốc này làm gì ? Ta là gái góa nhà Hán, sớm muộn gì cũng chết, nhưng ta nhất quyết chết cùng với viên ngọc tỉ này. "

Nói xong, rồi nổi cơn tức giận, cầm viên truyền quốc ngọc tỉ ném mạnh xuống đất, khiến cho viên ngọc tỉ này bị nứt một góc.

Sau Vương Mãng phải dùng loại vàng thuần chất để khảm lại.

Ít lâu sau, Vương Mãng bị quân khởi nghĩa đánh bại. Trước khi chết, Mãng đeo viên "Truyền Quốc Ngọc Tỉ" này trên cổ. Một viên quan quân khi chặt đầu

Mãng tìm được, đem dâng cho lãnh tụ của mình là Lưu Huyền. Huyền lại đem dâng cho lãnh tụ của Xích Mi Quân.

Đến năm 25 Công Nguyên, khi Lưu Tú, một hoàng tộc họ xa của nhà Hán, nổi lên đánh bại Xích Mi Quân, lập ra nhà Đông Hán, viên truyền quốc ngọc tĩ lại trở về nằm trong tay nhà họ Lưu thêm gần hai trăm năm nữa, đến khi xảy ra cái loạn "Thập Thường Thị", một tập đoàn những tên hoạn quan do Trương Nhượng cầm đầu, chuyên hoành bạo ngược, thao túng chính quyền cuối thời nhà Đông Hán, vào năm Trung Bình lục niên, tức năm 189 Công Nguyên, vua Hán Linh Đế qua đời, Đại Tướng Hà Tiến mưu giết bọn hoạn quan, nhưng âm mưu bị phát giác, Hà Tiến bị bọn hoạn quan Trương Nhượng và Đoàn Khuê giết. Viên Thiệu và Tào Tháo vào quân tìm bắt bọn Nhượng. Nhượng bèn ban đêm ép vua mới lập là Thiếu Đế Lưu Biện cùng Trần Lưu Vương trốn ra khỏi hoàng cung ở Lạc Dương, chạy đến Tiểu Bình Tân, bị bọn Viên Thiệu đuổi theo truy lùng, tìm được Thiếu Đế rước về cung, nhưng viên truyền quốc ngọc tĩ bị ném xuống giếng "Chân Cung Tĩnh" ở Lạc Dương, mà không ai hay. .

Câu truyện này cũng được La Quán Trung thuật lại trong "Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa".

Sau này, Đồng Trác dẫn binh Tây Lương vào cướp phá và tàn sát dân chúng Lạc Dương, khiến cho các chư hầu vùng Quan Đông (*chỉ vùng đất phía đông Đông Quan, nay thuộc huyện Đông Quan tỉnh Thiểm Tây*) nổi lên thảo phạt Trác.

Năm Sơ Bình nguyên niên đời Hán Hiến Đế, tức năm 190 Công Nguyên, Trường Xa Thái Thú là Tôn Kiên, cùng với các Thái Thú và Châu Mục nổi lên liên minh thảo phạt Đồng Trác, tác chiến vô cùng dũng mãnh, nhiều lần đánh bại quân Đồng Trác, khiến cho Trác phải e ngại lo sợ rút quân về Trường An, rồi sai Lý Thôi đến đề nghị hòa thân với Kiên, nhưng bị Kiên từ chối, đem tiến quân vào Lạc Dương, cho người tu sửa miếu đường lăng tẩm của các vua nhà Hán bị quân Tây Lương đốt phá, nhân thế mới tìm được viên truyền quốc ngọc tĩ đựng trong một chiếc hộp khóa vàng và bao trong một cái túi gấm, đeo trên cổ thi thể của một cung nữ mò từ dưới giếng lên.

Năm Sơ Bình nhị niên, tức năm 191 Công Nguyên, Tôn Kiên nghe lời Viên Thuật đem quân tiến đánh Kinh Châu, chinh phạt Lưu Biểu. Biểu sai Đại Tướng là Hoàng Tổ, đi ngược về Phàn Thành và Đặng Huyện để đánh Kiên, nhưng bị Kiên phá vỡ, đuổi chạy đến Hán Thủy và vây Tổ ở Tương Dương, khi Kiên đơn thương độc mã một mình qua núi Hiên Sơn thì bị phục binh của Tổ bắn chết.

Viên Thuật em Viên Thiệu, vốn ôm dã tâm xưng đế từ lâu, nay nghe tin Tôn Kiên chiếm hữu được Truyền Quốc Ngọc Tĩ, Thuật bèn lợi dụng cơ hội vợ Kiên là Ngô thị đem quan tài chồng về quê, bắt giữ lại và cướp đoạt Truyền Quốc Ngọc Tĩ rồi xưng đế ở vùng Thọ Xuân, nhưng Thuật tuy là người có "đại chí" nhưng mặt nhỏ như chuột, chỉ nhờ tài của Kiên mà cát cứ một vùng, tính lại hoang dã xa xỉ, hoành chính bạo ngược, khiến cả vùng Giang Hoài bị tàn phá,

dân chúng đa số bị chết đói, sau Thuật bị Tào Tháo và Lã Bố đánh cho nhiều trận thất điên bát đảo, đến năm Kiến An tứ niên, tức năm 199 Công Nguyên, Thuật bị thổ huyết mà chết. Lúc đó thủ hạ của Thuật có người tên là Từ Lục, biết Tháo đang ép Hán Hiến Đế dời đô đến Hứa Xương, bèn đem Truyền Quốc Ngọc Tỉ dâng cho Tháo.

Tuy nắm được truyền quốc ngọc tỉ, nhưng Tháo là kẻ gian hùng, không dám xưng đế, phải đợi đến năm 220 Công Nguyên, khi Tào Phi phế vua Hiến Đế lập ra nhà Ngụy, viên truyền quốc ngọc tỉ mới chính thức thuộc về họ Tào.

Đến cuối đời nhà Ngụy, Tư Mã Viêm ép vua Ngụy là Tào Hoán phải nhường ngôi cho, viên truyền quốc ngọc tỉ lại rơi vào tay dòng họ Tư Mã.

Nhà Tây Tấn do Tư Mã Viêm kiến lập, trải qua 52 năm, bốn đời vua, thì bị diệt vong, Truyền Quốc Ngọc Tỉ bị luân lạc trong tay các chính quyền cát cứ Thập Lục Quốc ở phương bắc.

Năm 352 CN, nước Nhiễm Ngụy, một chính quyền cát cứ non yếu trong Thập Lục Quốc bị diệt, viên Thái Thú Bộc Dương của nước này là Đái Thi đem truyền quốc ngọc tỉ hiến cho hoàng đế nhà Đông Tấn.

Năm 420 Công Nguyên, vua Cung Đế nhà Đông Tấn bị Lưu Dụ ép truyền ngôi, nhà Đông Tấn mất, Lưu Dụ chiếm được viên truyền quốc ngọc tỉ, lên ngôi hoàng đế lập ra nhà Tống, *(thường được các sử gia gọi là Nam Triều Tống, để khu biệt với nhà Nam Tống do Triệu Cấu kiến lập ở Nam Kinh vào năm 1127 Công Nguyên)*, cũng từ đây, viên truyền quốc ngọc tỉ này bắt đầu một cuộc luân lưu thay đổi chủ nhân tại các vương triều phía nam như Tống, Tề, Lương, Trần.

Năm 589 Công Nguyên, vua Hậu Chủ nhà Trần, một ông vua Nam Triều, có đời sống sa hoa phóng túng, ngày ngày chỉ cùng phi tần, văn quan yến ẩm, ngâm thơ tác phú, không lo việc triều chính, khi Tùy Văn Đế Dương Kiên đem chinh phạt, bị bắt cầm tù, nhà Trần vong, viên truyền quốc ngọc tỉ lạc vào tay nhà Tùy.

Cuối đời nhà Tùy, năm 618 Công Nguyên, Tùy Dạng Đế bị Vu Văn Hóa Cập và Tư Mã Đức Kham phát động chính biến giết và chiếm được truyền quốc ngọc tỉ. Vu Văn Hóa Cập xưng đế, lập ra nước Hứa, nhưng chính quyền này chỉ tồn tại có một năm sau bị Đậu Kiến Đức đánh bại, bắt và giết ở Liêu Thành.

Năm 621 Công Nguyên, Đậu Kiến Đức thua trận bị giết ở Trường An, người vợ đem truyền quốc ngọc tỉ hiến cho Đường Cao Tổ Lý Uyên, nhân thế nhà Đường làm sở hữu chủ của viên truyền quốc ngọc tỉ này ba trăm bảy mươi năm.

Cuối cùng, năm 907 Công Nguyên, viên ngọc tỉ lại rơi vào tay Chu Ôn.

Ôn vốn là một bộ tướng của Hoàng Sào nổi lên chống nhà Đường, sau phản Hoàng Sào đầu hàng Đường, được vua Đường đổi tên là Chu Toàn Chung,

nhưng sau lại phản nhà Đường, âm mưu ép vua nhà Đường là Ai Đế trao cho truyền quốc ngọc tĩ và nhường ngôi, lập ra Hậu Lương.

Sau khi nhà Hậu Lương do Chu Ôn kiến lập bị diệt, viên "Truyền Quốc Ngọc Tĩ" rơi vào tay Lý Tồn Úc, người lập ra nhà Hậu Đường.

Năm 936 Công Nguyên, Thạch Kính Đường cầu kết với người Khiết Đan là Da Luật Đức Quang tấn công Lạc Dương, vua Phế Đế nhà Hậu Đường là Lý Tông A thấy thế nước không còn giữ nổi, mới ôm truyền quốc ngọc tĩ leo lên lầu Huyền Võ Lâu và tự thiêu.

Từ đây truyền quốc ngọc tĩ bị thất tung, không ai biết ở đâu.

Sau đây, xảy ra không ít những giai thoại và những truyền thuyết liên quan đến viên truyền quốc ngọc tĩ này.

Mãi đến đời nhà Minh, có một người chăn dê ở ngoài đồng, thấy có một con dê cứ dùng móng chân mà cào mãi ở trên một khoảng đất, người chăn dê lấy làm lạ, mới đào chỗ đất ấy lên, thì phát hiện được một viên ngọc tĩ rất là tinh mỹ nằm ở dưới đất. Ông ta biết là vật báu, mới đem hiến cho một người hầu duệ của Nguyên Thuận Đế là Bác Thạc Khắc Đồ Hãn, tin tức này được truyền đến một người hầu duệ khác của Thành Cát Tư Hãn là Lâm Đan Hãn. Ông này cho rằng viên ngọc tĩ thuộc về ông ấy, bèn dùng võ lực đến đánh Bác Thạc Khắc Đồ Hãn để chiếm lấy.

Cuối cùng, đến đầu đời nhà Thanh, viên ngọc tĩ của người chăn dê lọt vào tay Hoàng Thái Cực, tức Thanh Thái Tông sau này. Lúc đó, Hoàng Thái Cực mới phát hiện trên viên ngọc tĩ này có khắc mấy chữ : " Ché Cáo Chi Bảo 制誥之寶 ", không phải là viên truyền quốc ngọc tĩ của Tần Thủy Hoàng. Nhưng vì, Hoàng Thái Cực thường tuyên dương chiếm được thiên hạ là do "mệnh trời qui về mình". Vì thế, năm 1636, khi Hoàng Thái Cực lên ngôi hoàng đế kế vị cha là Nỗ Nhĩ Cáp Xích, thừa nhận viên ngọc tĩ đó là "Truyền Quốc Ngọc Tĩ", rồi cải tộc danh Nữ Chân thành Mãn Châu, và cải quốc hiệu Hậu Kim là Đại Thanh.

Viên "truyền quốc ngọc tĩ" giả đó trở nên truyền quốc ngọc tĩ thật của vương triều nhà Thanh, suốt 11 đời vua, và kéo dài 276 năm.

Cho đến khi xảy ra cuộc Cách Mạng Tân Hợi năm 1911, ông vua cuối cùng của nhà Thanh là Phổ Nghi bị lật đổ, phải xuống chiếu thoái vị như vua Bảo Đại ở nước ta, rồi bị trục xuất ra khỏi hoàng cung, nhưng vua Phổ Nghi cũng không quên mang theo viên "Truyền Quốc Ngọc Tĩ" có bốn chữ "Ché Cáo Chi Bảo" này.

Sau, trải qua những năm cải tạo tù đầy dưới triều đại của Cộng Sản Trung Quốc, do sự dụ dỗ và đe dọa của cán bộ quản giáo, vua Phổ Nghi mới lấy viên

"Truyền Quốc Ngọc Tỉ " giả này, được bí mật cất dấu trong một chiếc hòm hai đáy, giao cho nhà nước Cộng Sản Trung Hoa.

Kết cục về viên ngọc tỉ do người chôn giấu được ở ngoài thảo nguyên thì như thế.

Còn một truyền thuyết về một viên ngọc tỉ giả khác nữa, cũng xin ghi lại ra đây:

Vào thời vương triều nhà Tống, không rõ vào năm nào, có một người nông phu ở Hàm Dương ra ngoài cánh đồng làm việc, trong khi cày ruộng thì phát hiện một viên ngọc ẩn, trên ngọc ẩn có khắc tám chữ : "Thụ Mệnh Vu Thiên Ký Thọ Vĩnh Xương", y hết tám chữ viết Truyền Quốc Ngọc Tỉ của Tần Thủy Hoàng. Tể tướng nhà Tống lúc đó là Sái Kinh, sau xem xét và khảo nghiệm mới tuyên bố đó là ngọc tỉ truyền quốc thật của Tần Thủy Hoàng, việc đó từng làm kinh động một thời.

Sau đó, trải qua nhiều năm tháng, không biết do đâu viên ngọc tỉ này lại trở thành vật sở hữu của một viên tướng Quốc Dân Đảng Trung Quốc cư trú nhiều năm tại Mỹ quốc. Vào thời kỳ xảy ra cuộc cách mạng văn hóa ở Trung Cộng, viên tướng Quốc Dân Đảng có ý muốn đem viên ngọc tỉ này ra bán ở Áo Môn. Một nhân sĩ thân Trung Cộng ở Hương Cảng biết tin đó, muốn bỏ tiền ra mua về cho nước mình, nhưng không biết chắc chắn viên ngọc tỉ này là thật hay giả, mới cậy nhờ một chuyên gia trứ danh về đồ cổ ở lục địa là Phó Đại Dữu, đến khảo sát. Sau khi đích thân xem xét, chuyên gia đồ cổ này xác nhận đó là ngọc tỉ truyền quốc giả.

Gần đây nhất, học giả Chung Thế Kiệt ở Hương Cảng cho biết ông tìm được viên ngọc tỉ truyền quốc làm bằng ngọc họ Hòa từ một người bạn Nhật Bản. Tháng 10 năm 1991, học giả họ Chung có mở một hội nghị tọa đàm ở Tây An và Bắc Kinh, với học thuật giới để thảo luận về viên ngọc tỉ truyền quốc họ Hòa này. Nhưng không ít học giả tỏ ra hoài nghi về sự xác thực viên ngọc tỉ này.

Bởi vậy, cho đến nay, tung tích viên "Truyền Quốc Ngọc Tỉ" của Tần Thủy Hoàng vẫn không ai biết đích xác là ở đâu. Nhưng căn cứ theo sự nghiên cứu của các chuyên gia thì ngọc họ Hòa dùng để điêu khắc và chế tạo ngọc tỉ truyền quốc là loại thạch ngọc, thuộc "Trụ Trường Thạch", có thể chịu một độ nóng đến 1300 độ, sức nóng của loại lửa thường không đủ sức thiêu hủy nó được.

Từ đó suy ra, viên "Truyền Quốc Ngọc Tỉ" của Tần Thủy Hoàng khó có thể tiêu tan đi cùng với vua Phế Đế nhà Hậu Đường khi ông này leo lầu Huyền Võ ở Lạc Dương để tự thiêu.

Trong khi ở phương bắc, họ Lưu nhà Hán, làm chủ nhân của viên "Truyền Quốc Ngọc Tỉ" và tôn quý là quốc bảo, đồng thời tạo ra 6 viên ngọc tỉ khác để dùng vào những công việc khác nhau của vương triều nhà Hán, thì tại phương nam, nước Nam Việt, họ Triệu cũng chế tạo những viên ấn tỉ riêng sử dụng cho nước mình, trong đó có viên "Văn Đế Hành Tỉ" thuộc loại kim ấn, được các sử gia và các nhà khảo cổ coi là "bảo trung chi bảo", "trọng trung chi trọng" mà người ta

đã khai quật được trong ngôi mộ của Triệu Văn Đế, vua đời thứ hai của nước Nam Việt vào năm 1983 ở thành phố Quảng Châu trên núi Tượng Cương Sơn.

Bài viết này không mang tính cách một bài nghiên cứu, chỉ dành mua vui cho bạn bè bằng hữu trong lúc đông sang cảnh muộn, một đèn hiu hắt, và xin dành một bài viết khác về viên "Văn Đế Hành Tỉ [文帝行璽](#)" của Triệu Văn Vương khi có dịp.

(Paris ngày 26-11-2006-11g55 –Phạm xuân Hy)

Sách tham khảo :

1-Trung Quốc văn hoá sử 500 nghi án [中國文化史 500 疑案](#)

2-Trung Quốc lịch sử bí văn dật sự [中國歷史文軼事](#)

3-Vạn sự do lai [萬事由來](#)

4-Trung Quốc văn hoá tri thức tinh hoa [中國文化知識精花](#)

5-Từ Hải [辭海](#)

MUSIC THERAPY FOR THE MENTALLY ILL

From his very early time, man has learnt that there is an extremely close relationship between him and the universe. In fact, man is not only a creature of the Earth, he is an integral part of an unified system which, in spite of its extreme diversity, still presents itself with extreme harmony and uniformity. Through his senses, man has been able to communicate with nature in a very intimate way. With his eyes, he came to appreciate the different aspects of his world, to fear its power and to admire its beauty. But man has never been a passive witness of nature, his relationship with the universe is a very dynamic one. Not only he perceives it as a reality, but he is able to assess it, interpret it according to his own perspective, recognize the laws that command it and represents it in the most creative and emotional way. It is due to this esthetic experience and this need for esthetic expression that our ancestors, the prehistoric man has left behind a treasure of drawings that still grace many rocks and caves of the world. But the world is not only a reality to man through visual representation, man has come to realize that nature is filled with extreme diverse sounds. There are the sounds of the winds, of thunder, of waves breaking on the rocks, of the rains in a stormy night; and also there are also the joyful singing of birds calling for a new day to come. The story went that there was a weary hunter who, on an unsuccessful day, was on his way to his cave, his mood was grim, his morale low, he sat by a brook and in awhile discovered wonderful sounds, that was the brook singing its way through the rocks, then the crickets, the bullfrogs, and some unknown birds just joined in chorus. Before he realized what was happening, the jungle had vibrated to these enchanting sounds, our man's stomach was still empty but his mood was better. There was in himself something that was relaxing, something that was encouraging. He remembered he had heard. this wonderful hymn of nature somewhere, in better times. Someone has said that the history of music therapy began with Athanasius Kircher and his "Musurgia Universalis, Ars Magna Consoni et Dissoni" published in 1650. I dare say that the beginning of music therapy had its

origin from time immemorial when our ancestors like this unlucky hunter found consolation and appeasement from the wonderful music of nature.

Of course, the isolated sound of thunder, of a rock splashing on water are not music, all they could do is, perhaps, to cause a startle, but a series of thunders, the ticking sound of drops of water on a pond, the rhythmic sounds of the bullfrogs or all of those sounds combined can have a special influence on our mind and mood. Thus, isolated sounds are not music, but a succession of sounds or groups of sounds occurring at certain intervals can create what we call rhythm, a combination of sounds or a succession of sounds constitutes what are known as harmony and melody. Rhythm, harmony and melody are the key characteristics of music. But if one considers the music of all cultures, it is rhythm that stands out fundamentally. Without rhythm, there is no music. And not only man has learnt to appreciate rhythm in nature whether it is from his heart beats or produced by successive waves coming on the beach, but also he has been able to create his own rhythm, his own music. He has learnt that the benevolent influence of music doesn't come only from experiencing it, but also from being able to express it, create it. The history of man is the history of discovery leading to better creativity which in turn favors further discoveries. It is this process that has helped man discover the multitude qualities of music and from this position, develop creativity of the broadest magnitude, and benefit the most from his own creation.

From the minute that man discovers music, its beauty and its benevolent influence, man and music have become inseparable, in as much as music and therapy have gone hand in hand throughout man's history. It is no surprise that lullabies are strikingly alike the world over. And the world over, the role of lullabies is to put an infant to sleep, they do this through their universal characteristics which include a regular, monotonous, metronomous rocking rhythm even though the tempo may vary.

Man's love for music seemed to be relentless and universal, music is with him whenever and wherever there is an occasion to commemorate, to celebrate or to grieve. Music goes with man in war, in prayer, in time of joy or desperation. Music honors God and the mortals in life and in death. Music conveys power to the medicine man, helps folk stories endure with time, music invigorates the sick and elevates the desperate, music is the pride of the rich and the friend of the poor. Music is one of the best means of communication transcending culture thanks to its primitive but powerful nature. It is no surprise to find that many of the most illustrious thinkers are also strong advocates of music. Plato attributes such an importance to music that he believed by changing a musical mode, the whole foundation of a state could be at stake. He believes that music is the medicine of the soul, thus when the soul has lost its harmony, rhythm and melody can bring it back to order. Plato believes that music should not be considered as a vulgar means of entertainment but as an ennobling educational tools. Aristotle shared most of Plato's views, but his system of thinking seems to be more comprehensive, he attributes to music three functions:

It is a source of recreation and pleasure,
it is suited to the intellectual use of leisure,
and it is a powerful ethical force in the molding of character.

Aristotle also believes in the "cathartic" role of music in the same way as Freud's psychoanalysis. Since music has the power to elicit the feeling of joy, sorrow, anger, courage etc..., it can help the subject relate to his own feelings and from there ventilate his conflictual feelings and find a resolution to his emotional conflicts. Music contains in itself imitations of character, reproduced by different modes:

the Lydian is decorous and educative,
the Phrygian is violently exciting and emotional,
the Dorian is more composed and manly.

Since Aristotle believes in a close interaction between body and mind, he also thinks that music, by influencing the mind has also an effect on the body. Because of the importance that the Greeks and Romans attributed to music, one can understand why Apollo who is the God of music, is also the God of poetry, prophecy and medicine. Homer also praised the qualities of music as the guardian of virtue, it has helped Penelope and Clytemnestra preserve their chastity during the absence of their husbands. The philosopher Seneca, Rome's most prominent Stoic, was also a strong advocate of music, he believes that "Whoever has no knowledge of music, knows other things to no purpose".

Among the most widely recognized values of music are its psychotherapeutic values. Amphion and Orpheus, through their soothing tunes becalmed the rage of wild beasts and caused rocks and stones, mountains and forest to yield to their will. Achilles appeased his fury at Agamemnon with the sweet sounds of the lyre. Pythagoras used music to help his disciples resolve their emotional conflicts, he used the principle of "contraria contrariis curantur" (opposites are healed by opposites). Thus, the Phrygian mode would make an anxious man more irritable, but a soft and soothing mode would have the effect of calming down the same person. Pythagoras also combined music, poetry, dance to help preserve a healthy emotional stability; his ideas, interestingly are very close to the concepts of music therapy of our time.

Descartes in his "Compendium musices" defines the nature and the role of music in a cryptical way: "The object of this art is sound, the end: to delight, and move various affections in us." His views were shared by many later generations of musicians such as Roger North and have served as the foundation of the principles of music therapy as we see them today. As mentioned above, music has been used for therapeutic purposes, both mentally and physically from time immemorial. But we have to wait until this century for music therapy to gain its official place in the hospitals, particularly mental hospitals and to become a well structured entity widely recognized. In the United States, Music therapy has been used to certain degree during World War I in helping with the readjustment of wounded servicemen. Until 1942, musicians were assigned to small units and a band is provided for each regiment. But things changed during the years 1942-1943, at which time music seemed to be discouraged and only divisions and Armies had their band, soldiers were not allowed to take musical instruments overseas. But shortly, the higher authorities started realizing that there is one thing that the medical staff cannot completely achieve: keep up the morale of the wounded. It was recognized that music was among the appropriate answers. So finally the Army's

Reconditioning Program was launched and music therapy had a more important role in military hospitals. The American National Red Cross has also used music as an important part of its recreational activities in service hospitals, The USO-Camp shows also included music in their program for American hospitals overseas. The American Federation of Music Clubs and the Civilian Defense Volunteer Offices have both provided military and civilian hospitals with musical programs. One of the main founders of music therapy in civilian hospitals, particularly mental hospitals, was Willem Van de Wall, a professional harpist, who, after World War I joined the Pennsylvania Bureau of Mental Health, he organized at Allentown, Pa., one of the first formal music therapy program in the United States. His book "Music in Hospitals" has become a classic in the field of music therapy. By the end of World War II, 192 hospitals had some sort of music therapy program, and today more than 2500 music therapists are working in hospitals. More research has been done in the field of music therapy as far as back in the 1930's when it was demonstrated that music increases metabolism, increases or decreases muscular energy, accelerates respiration or decreases its regularity. It has significant effects on pulse and blood pressure, lowers the threshold for sensory stimuli, and has remarkable impact on internal secretions.

Music, in the context of music therapy, is not a form of entertainment, but it has been structured in a way to ensure its therapeutic potentials and eliminate any possible adverse effect. It is worth mentioning that in music therapy, the word music implies four different designations:

- 1/ the music itself;
- 2/ listening to music;
- 3/ having the music in the environment;
- 4/ the making of music.

According to William Sears, music therapy works according to a process and construct that depend on different properties inherent to music that are delineated in the following classification:

A. Experience within structure

1. Music demands time-ordered behavior.

- a/ Music demands reality-ordered behavior
- b/ Music demands immediately and continuously objectified behavior

2. Music permits ability-ordered behavior

- a/ Music permits ordering of behavior according to physical response levels
- b/ Music permits ordering of behavior according to psychological response levels

3. Music evokes affectively ordered behavior

4. Music provokes sensory-elaborated behavior

a/ Music demands increased sensory discrimination

b/ Music may elicit associations usage and extra-musical ideas and associations

B. Experience in self-organization

1. Music provides for self-expression

2. Music provides compensatory endeavors for the handicapped individuals

3. Music provides opportunities for socially acceptable reward and non reward .

4. Music provides for enhancement of pride in self

a/ Music provides for successful experience

b/ Music provides for feeling needed by others

c/ Music provides for enhancement of esteem by others.

C. Experience in relating to others

1. Music provides means by which self-expression is socially acceptable

2. Music provides opportunity for individual choice of response in groups

3. Music provides opportunities for acceptance of responsibilities and others

a/ Music provides for developing self directed behavior

b/ Music provides for developing other-directed behavior

4. Music enhances verbal and non-verbal social interaction and communication

5. Music provides for experiencing cooperation and competition in socially acceptable forms

6. Music provides entertainment and recreation necessary to the general therapeutic environment

7. Music provides for learning realistic social skills and personal behavior patterns acceptable in institutional and community peer groups"

On a psychoanalytic point of view, music is a primitive preverbal form of communication that is more likely to elicit more primitive emotions. Its rhythm and its fluidity often evoke the sounds of the waves, an immensity that dominates the world, that is why music can cause a regression to an infantile stage where the subject feels in control, omnipotent; music helps the child to sublimate his aggressive impulses at an emotional level rather than at a higher cognitive level. On the other hand, Van de Wall believes that music causes in man a series reactions that are both physical and emotional in nature.

1. The sensory-motor reaction

It has been observed that under the influence of music, mainly from its rhythm, the subject would start to kick his legs or rock his body or clap his hands to the rhythm of the tune, this muscular reaction is automatic in nature and if the subject wants to restraint it, he has to provide extra effort to get control over this automatic muscular reaction. Thus the respiratory and cardio-vascular changes are directly related to this bodily reaction. Van de Wall sees a practical application in this phenomenon: "when the soldiers are tired during long marches and scouts come to the end of a difficult hike, a spirited song or the strains of a snappy band will release new energies and keep them going with renewed spirit"

2. The mental responses

When a subject listens to a piece of music, certain feelings either pleasant (joy and satisfaction) or unpleasant (anger or sorrow) are elicited. This emotional response is largely subjective and indicative of a tendency to ego-centricity, but when the subject makes an effort to analyze, to understand the music he is listening to, the reaction is more objective, more music-oriented. This observation can have an application in helping very withdrawn people to project themselves more in the objective world. Because listening to music is an esthetic experience, the music-centered subject would try to catch the meaning of the music, the level of success of the performer. He would be involved in an intellectual activity that can pull him out of a state of inertia caused say, by a severe depression or state of regression. Listening to music also entails an associational response. The state of mind, the environment, the situation in which one listens to a piece of music are going to be associated with this piece of music for quite a while. Thus if we are in good spirit when listening to a piece of music, then later on when we hear the same piece of music, it is likely that we would experience pleasurable feelings. This phenomenon has been called "spreading of an affect", it explains why we can react so differently to a same piece of music and this needs to be taken into consideration when devising any music therapy program.

As described above, music can be a powerful psychotherapeutic instrument even though it operates at a more primitive level. Ira Altshuler thinks that it is precisely because of this primitive level of functioning that music would work in situations that would be otherwise impossible to influence. In people whose higher brain functions are impaired and cause them to be inattentive, distractible, confused, depressed, hallucinated, music reaching them first emotionally at a thalamic level (the thalamic response will cause the patient to tap his foot, sway his body or nod his head) will be able to reach the higher cortical level through the thalamic connections. Altshuler points out that many points (other than the ones mentioned above) need to be taken into consideration when organizing a music therapy program:

1. Establishing contact

Clinical experiences have shown that certain type of music are used to reach certain type of state of mood. Thus gay music would not influence a depressed patient who would respond initially better to soft music. This is known as the "iso" (equal) principle. It is only after the patient has been "captured" by the matching tempo, that we can switch to an opposite tempo to obtain the therapeutic effect that is sought after.

But the "iso" criteria is not only based on the mood, it is also based on religious, ethnic or cultural background.

2. Order of presentation

Here, music is assessed based on rhythm, melody, harmony, mood and pictorial association and considered in this order when presented to the patient. Rhythm is first offered, because it is the most primitive and powerful factor, melody and particularly harmony interest more cerebellar functions, and pictorial association is the realm of higher cortical functions. Organizing a music therapy program must start with the concept that this service must be part of the multidisciplinary treatment team. The music therapy department must work in harmony with the medical staff, nursing staff, social workers and the activity therapy in harmony with the medical staff, nursing staff, social workers and the activity therapy department. It must develop a program where patients can be helped at a group level. This would need a lot of input from the rest of the treatment team, as much as the department would be a consultant to the team. The music therapy program must set up its treatment goals, the type of patients who can be helped, those objectives need certain level of flexibility in order to deal with a patient population that is indeed complex. It must decide on the type of instrument used, the nature and level of participation of the patients, its time schedule and coordination of activities with other departments. The choice of the musician staff is also important. Even though Mersenne in his "Les preludes de l'Harmonie Universelle" believed that certain types of character are more suitable to the composer or the practical musician, we believe that any good musician could do the job provided he/she knows the nature and objectives of the job and is willing and able to work with his patients and other staff. We will address later the technical questions of what type of patients could be helped by music therapy and how they could be helped.

In summary, after more than half a century being officially introduced in hospitals, music therapy has assessed itself as a powerful element of the treatment program, particularly for psychiatric patients. The author of this paper has a personal experience about it: for a non specialist to write about such topic is not much fun, soft music in the background has helped him get through this ordeal.

Son Vi Nguyen, M.D.
Houston, summer 1987

Dr. Nguyen is former Assistant Professor of Psychiatry at :

- The University of Texas School of Medicine,

Department of Psychiatry and Behavioral Sciences

- Texas Tech University

- The Texas College of Osteopathic Medicine

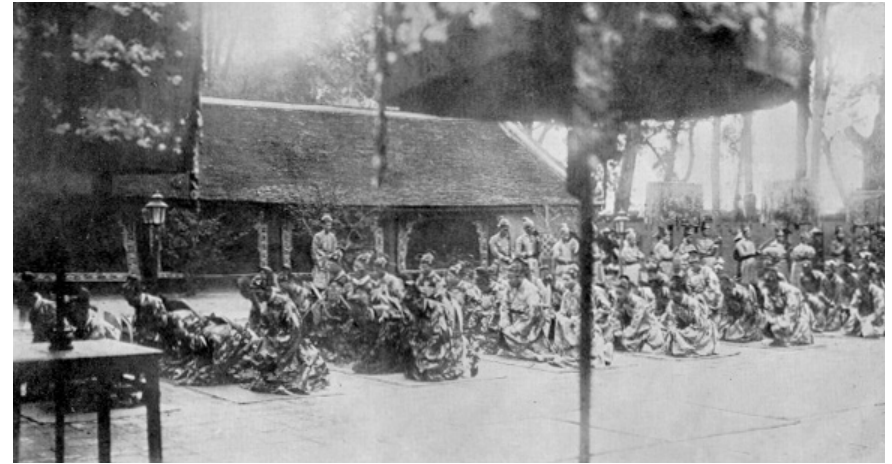
Le Nam Giao – cortège et cérémonie

Iconographie: Gouvernement Général de l'Indochine, Tham

Ces photos prises sous le règne de Thành Thái ont été reprises dans le numéro du BAVH de 1915 relatant la cérémonie



Choix des bêtes à sacrifier lors du Nam Giao



Les mandarins saluent l'Empereur au départ pour la cérémonie



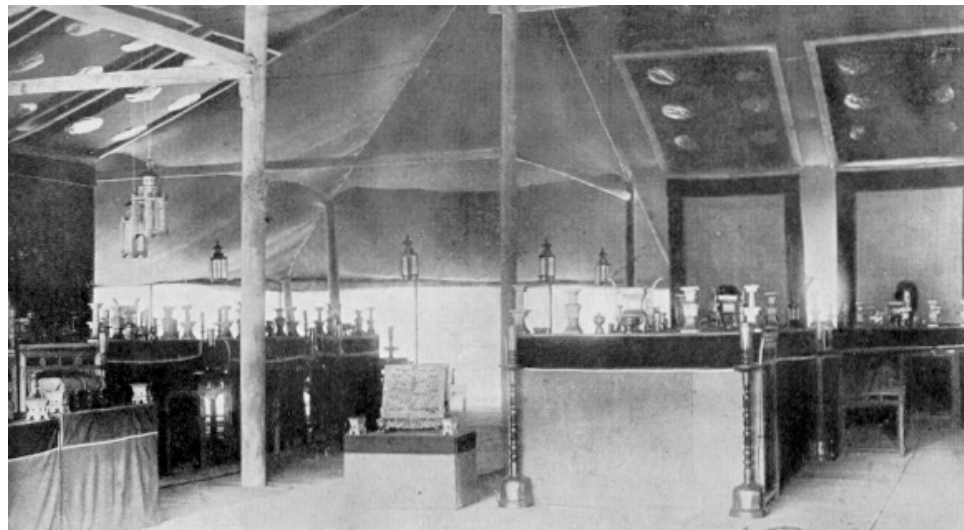
Le cortège du Nam Giao avec le drapeau des constellations du ciel



L'Empereur dans sa chaise à porteurs offerte à Nguyễn Ánh par Louis XVI



Les autels du second tertre (tertre carré)



«Maison» du 3è tertre (tertre rond) avec de gauche à droite : au fond à gauche les autels de Gia Long et Thiệu Trị, à droite l'autel du Ciel



Sur le 1^{er} tertre, les 64 danseurs militaires dirigés par un Võ Sư



...et à côté, les 64 danseurs civils menés par un Văn Sư



Photo du haut : les co-officiants de la cérémonie sont les Bồi-Tự, des mandarins en haut de la hiérarchie(ils ont à la main la tablette d'ivoire); ils se prosternent en même temps que l'Empereur. **Photo du bas :** ceux qui s'occupent du culte sur le premier tertre sont les Phân Hiên, mandarins de grade inférieur. **A gauche :** costume spécial du Nam Giao amené à la cérémonie dans le cortège sur une planche spéciale : il n'est revêtu par l'Empereur qu'à l'arrivée à l'Esplanade des Sacrifices. La tunique, courte, est portée sur une jupe et comporte un tablier ; le bonnet également spécial inclut des pendeloques (Dessin de M. Nguyễn S, in BAVH-1915)

A gau
l'Espla
transp
Le cha
taille,



A l'aller et au retour, les mandarins sont en pousse-pousse (rickshaw)



Deux éléphants royaux mènent le cortège (aller et retour)



Le cortège inclut également un carrosse
Noter la similitude de ce véhicule avec le carrosse des rois
de Siam (Thaïlande actuelle) de la même époque



Le retour au Palais à la fin de la cérémonie

Le Nam Giao, sacrifice au Ciel, à la Terre, et aux ancêtres –Similitudes avec le Têt

En cette période du Têt, on ne peut s'empêcher de voir une certaine similitude entre cette cérémonie célébrée tous les 3 ans sur l'Esplanade des Sacrifices à Huê (1), où l'Empereur d'Annam dirigeant de la nation était l'officiant, et nos propres cérémonies familiales annuelles du Têt, où le chef de famille officie. De même que l'Empereur rendait compte de ses actes au Ciel, de même le faisons-nous via le rapport annuel à l'Empereur de Jade, figure symbolique du Ciel. De même que l'Empereur invoquait ses ancêtres (plus exactement les rois fondateurs de sa dynastie) et leur demandait leur sollicitude, de même invoquons-nous les nôtres dans le même but. Et quand lors des offrandes du Têt nous présentons des mets aux membres disparus de la famille, nous faisons les mêmes gestes que l'Empereur qui sacrifiait des buffles et autres animaux.

Le Nam Giao détermine l'approbation du Ciel et des Etoiles (il y a un drapeau des constellations stellaires dans le cortège), confirmant le Mandat du Ciel anciennement dévolu au souverain, notre cérémonie cultuelle du Têt détermine l'approbation des ancêtres, confirmant l'harmonie familiale. La symbolique générale des deux cérémonies paraît parallèle. L'Empereur revêtait un costume spécial au Nam Giao, nous portons autant que possible des vêtements neufs ou, pour les moins aisés, immaculés : pureté du corps recherchée dans les deux cas (l'Empereur s'astreignait d'ailleurs à un jeûne avant la cérémonie dans un bâtiment dédié, le Palais du Jeûne). Certains aspects païens subsistent également dans cette similitude, témoin les pétards faisant fuir les démons chez nous, certains gestes cultuels et les deux danses militaire et civile au Nam Giao.

Le protocole du Nam Giao imposait à l'Empereur d'invoquer le Ciel lors du début du Nam Giao, la superstition nous impose non point d'invoquer le Ciel mais d'espérer une visite dite 'heureuse' de la part du premier visiteur du Têt, une personne qu'on espère « comblée par les dieux », riche, bien installée dans la vie, heureuse en famille, bref ce que l'on pourrait nommer la superstition.

De nos jours, le Nam Giao est reconstitué lors du Festival de Huê, depuis peu d'années. Les contraintes budgétaires modernes imposent une simplicité extrême dans les costumes et le déroulement, malgré une tentative de recherche d'exactitude grâce à la disponibilité de tous les textes y afférents, et un nombre bien moindre de figurants. Le Nam Giao réel impliquait tellement de personnes (la moitié de la population de Huê en regardait le cortège et le déroulement, et plus de cinq mille personnes constituaient le cortège) que son coût jugé trop lourd avait ramené sa célébration à un rythme tri-annuel au lieu de la célébration annuelle initiale.

L'intention de nos jours est visiblement d'en faire profiter les touristes dans cette ville figurant au classement du patrimoine mondial de l'UNESCO, et la reconstitution n'a pas résisté au commerce. Par ailleurs cette reconstitution touristique est noyée dans le Festival, dont le spectacle devant la citadelle royale n'a aucun lien avec le culte (2), même s'il met en exergue entre autres des danses et de la musique de Cour disparues entre les années 1955 et 2000 (3), et quand bien même le cortège du Nam Giao est maintenant bien réinstallé à Huê.

GNCD

(1) : située sur la rive sud de la Rivière des Parfums, au bout de la rue Diên Biên Phu

(2) : vous pouvez voir le déroulement de ce spectacle nocturne sur Internet : <http://www.pbase.com/tvle/festivalhue2006>

(3) : préservées dans la collection « Unesco collection – A musical anthology of the Orient », disque N° 22, Musique du Vietnam – La tradition de Huê, label Barenreiter – Musicaphon, rééditées il y a quelques années sur CD sous label Unesco.

Phò Mả et princesses à la Cour d'Annam

Iconographie : © BAVH et © Archives Nationales de France © G. Nguyễn Cao Duc pour le texte

Pour chacun de nous, la cérémonie de notre mariage (s'il a été célébré à la vietnamienne) peut paraître fatigante, entre les prosternations devant l'autel des ancêtres des 2 côtés, la remise à la mariée et son port des bijoux offerts par la belle-famille, les cadeaux à la manière ancienne, les compliments récités à la queue leu leu par les invités, le dîner de fête où les mariés ne peuvent même pas manger à cause des apparitions à chaque table d'invités, sans parler des intrusions diverses et parfois agaçantes des membres des 2 familles. Imaginons ce que cela doit être pour une princesse à la Cour d'Annam, il y a à peine 80 ans.

En fait, c'était horriblement complexe, d'autant que l'empereur avait nombre d'enfants (plus de 100 pour certains...) issus des Nhut Giai Phi (épouse de 1^{er} rang), Nhị Giai Phi etc., ces dernières recevant le titre de Reine-Mère à la mort du monarque. Tellement complexe que Gia Long fit promulguer dès 1805 – 3 ans seulement après son avènement - des ordonnances pour régler le cérémonial des mariages des princesses. Cela n'a visiblement pas du suffire, puisque lui-même et ses divers successeurs durent les compléter ou préciser (Gia Long une 2^{ème} fois, Minh Mạng 4 fois, Thiệu Trị 2 fois).

Le plus étonnant était qu'une fois le couple établi et installé dans sa nouvelle demeure offerte par l'empereur, tout continuait comme avant : la princesse restait princesse, le mari – considéré comme « pièce rapportée » - restant protocolairement derrière sa femme (à moins qu'il ne soit d'origine princière lui-même), même s'il recevait un titre: Phò Mả . Peine supplémentaire quand le couple allait au Palais : la princesse pouvait saluer l'empereur en se prosternant devant lui, tandis que le mari faisait la même prosternation, mais dehors, dans la grande cour faisant face à la salle du trône. Les enfants issus du mariage portaient naturellement un patronyme mais ils étaient appelés systématiquement « enfants de la princesse XXXX. » Le mari passait simplement à la trappe, à cause de la hiérarchie terriblement contraignante de la Cour. Triste sort que celui d'un faux prince-consort, car le mari ne devenait pas prince, sauf s'il l'était déjà, ce qui était très rare.



*Princesse et Phò` Mả (1) en tenue de mariage, 1907
Ici, la princesse Tân Phong, sœur de l'empereur Thành Thái*

Et ce sort était définitif : interdiction de prendre une concubine, sauf en cas de stérilité de la princesse ; impossibilité de se présenter à certains événements ou cérémonies auxquels la seule princesse était invitée. Seul le fils aîné issu du mariage recevait un titre : HiệU Ủy . Les autres enfants ne recevaient rien.

En simplifiant beaucoup les choses, on pourrait dire que tout commence quand une princesse atteint ses 16 ans : se met en branle tout un dispositif de choix d'un futur conjoint, issu d'une liste de prétendants possibles, tous fils, petit-fils ou arrière-petit-fils des Công Thân de l'Empire, c'est-à-dire de ses serviteurs les plus émérites, du 1^{er} et 2^e rang de la hiérarchie mandarinale. La liste est mise à jour régulièrement, en cas de

besoin. Le choix comportait des critères d'intelligence, de santé, de beauté et prestance physique, mais également de satisfaction de normes astrologiques (2). Carrément le choix d'un...étalon, astrologie mise à part. L'empereur approuvait un nom, et désignait alors un Hoàng Thân (prince du sang) comme Maître de Cérémonie (Chủ Hôn), assisté d'un Ordonnateur (Chiếu Liệu). Ce n'est qu'à ce moment-là que l'heureux élu apprenait la nouvelle, et recevait le titre de Phò Mã et une garde d'honneur de 50 soldats soldée par la Cour. Cette tradition de liste des prétendants fut légèrement modifiée sous Tự Đức: la liste dut inclure les fils des mandarins de 3^e rang (il y avait 9 grades de mandarin), car il y n'y avait alors pas moins de 30 princesses à marier ! Le choix de l'écu fut simplifié également : la princesse tirait – réellement – au sort un nom de prétendant. Heureuses furent celles « tirant » un homme de bien !

Arrêtons-nous ici pour nous demander pourquoi les candidats étaient heureux de cette nouvelle, alors qu'une vie de « second permanent » les attendait, et qu'ils pouvaient tomber sur des princesses peu gâtées par Dame Nature, ou de caractère impossible, ou trop âgées pour eux. C'est que l'écu recevait juste avant le mariage - outre son titre de Phò Mã² - une maison, une somme d'argent assez conséquente de la part du Nôi Vu (Trésor Impérial) pour s'établir dignement : achat de meubles, de costumes de cour et de ville, de certains ustensiles obligatoirement en or etc., outre l'acquisition d'une embarcation également obligatoire pour se promener sur la Rivière des Parfums, et une pension à vie, une sorte de liste civile. Khải Định, alors prince, vivait sobrement et même chichement de sa pension lorsque le Conseil de Famille Impérial poussé par l'autorité coloniale le désigna pour le trône après la déposition de Duy Tân. En somme, l'écu acceptait son sort pour des raisons « alimentaires », sans dédaigner pour autant un certain lustre acquis par cette union, dans cette ancienne société de l'Annam dans laquelle les titres étaient importants, même après l'arrivée des Français (3).



Demeure attribuée à une princesse d'Annam à son mariage Princesse avec son entourage familial, bien après...

Et le mariage lui-même, dont la période propice était déterminée par le Service de l'Observatoire impérial ? Il se déroulait sur 7 jours quasiment mais pas successivement, chaque jour étant dédié à une cérémonie particulière, dont celle de la remise du Phò Mã² à la princesse de 10 taëls d'or, 100 taëls d'argent, et de 2 plateaux de noix d'arec, outre des animaux (buffles, porcs) pour les opérations de divination sur la date propice etc. Le jour principal était bien entendu celui du « voyage » de la princesse en chaise à porteurs ou palanquin pour rejoindre sa nouvelle demeure et y présenter ses respects aux ancêtres du marié. Cinq jours après le mariage, le couple allait au Palais pour présenter leurs respects à l'empereur, à la reine-mère (ou la Nhị Giai Phi ou Tam Giai Phi etc. si elle était issue d'une concubine du souverain) et au prince Maître de Cérémonie.

Ce protocole particulièrement lourd ne fut plus intégralement respecté à partir du règne de Tự Đức (1848-1883) et la dernière fois qu'il fut appliqué le fut pour une fille de Thiệu Trị. Dès lors, pour chaque mariage de princesse sous la monarchie, une variante nettement légère fut adoptée. En particulier, le « tirage au sort » de l'écu par la princesse n'était plus qu'une fiction, le nom étant en fait fixé à l'avance. L'un des derniers grands mariages de princesse avec le respect partiel de l'ancien protocole fut celui de Tân Phong, sœur de l'empereur Thành Thái, en 1907. De cette date aux années 1930, le cérémonial était très simplifié, et la pension très réduite, budget moderne oblige. Dès 1932, année de retour de Bảo Đại au Viet Nam après ses études, il n'y eut plus de très grand mariage de princesse célébré. La pension, elle, devint purement symbolique.



Notons de toute cette pratique disparue que le rituel était en fait identique – certes en bien plus simple – à celui appliqué dans le peuple ; une émission assez récente de la télévision vietnamienne (4) en a fait une présentation sympathique et complète. Il est néanmoins toujours intéressant de connaître le comment et le pourquoi de ces usages, surtout de nos jours quand on arrive à Huế, où vivent encore des membres des familles royales ou princières qui se sont succédées à la tête de l'ancien Viêt Nam pendant un siècle et demie.

Et vous qui visitez cette ville, ne soyez pas étonné de constater que l'ancienne capitale est effectivement la seule ville vietnamienne où on croise des princes et princesses dans la rue, qu'ils soient maintenant pauvres ou ayant une existence normale: les princes, Phò Ma², et princesses disparus ont laissé leur nombreuse descendance, estimée localement à une dizaine de milliers de personnes, compte tenu des diverses générations, d'ailleurs regroupées dans des associations tout à fait légales (5) et reconnues par le gouvernement.

Un Phò Ma², au début 20^e siècle

G. Nguyễn Cao Đức



(1) Phò Mả: « qui suit le cheval », titre donné à l'écu une fois marié ; en effet, dans les cortèges officiels, les Phò Mả défilaient juste après les chevaux d'armes de l'empereur

(2) pas seulement: la coutume est encore mieux satisfaite quand l'épouse a deux ans de plus que le marié (Nhut : gái hơn hai) ou quand l'écu avait un an de plus que sa promise (Nhi : trai hơn một), dans cet ordre.

(3) de nos jours, la République Française reconnaît toujours les titres

(4) «Lê cuoi cô truyền », 4^e VCD de la série « Viêt Nam đất nước con người », chaîne HTV, Saigon, 2003

(5) elles disposent même de sites Internet, cf www.nguyenphuococ.com

ART ET ARTISANAT ANCIENS DU JAPON

présentés par Natsuki NGUYEN CAO DUC

Source iconographique : JAL



Deux brûleurs d'encens en céramique émaillée polychrome, en forme de faisans, par Ninsei NONOMURA, maître céramiste de la période artistique dite d'Edo (18-19^e siècle) Celui au premier plan est classé Trésor National du Japon, celui dont on voit la queue est seulement classé Propriété Culturelle Importante. Ceci s'explique par les couleurs qui sont apparemment « passées » sur le deuxième. Cependant il est probable que la couleur grise du deuxième faisan était initialement une mince couche d'émail d'argent. Ces deux faisans ont été transmis de génération en génération dans la famille MAEDA, descendante des seigneurs KAGA.



NUIHAKU sur FURISODE, 19^e siècle.

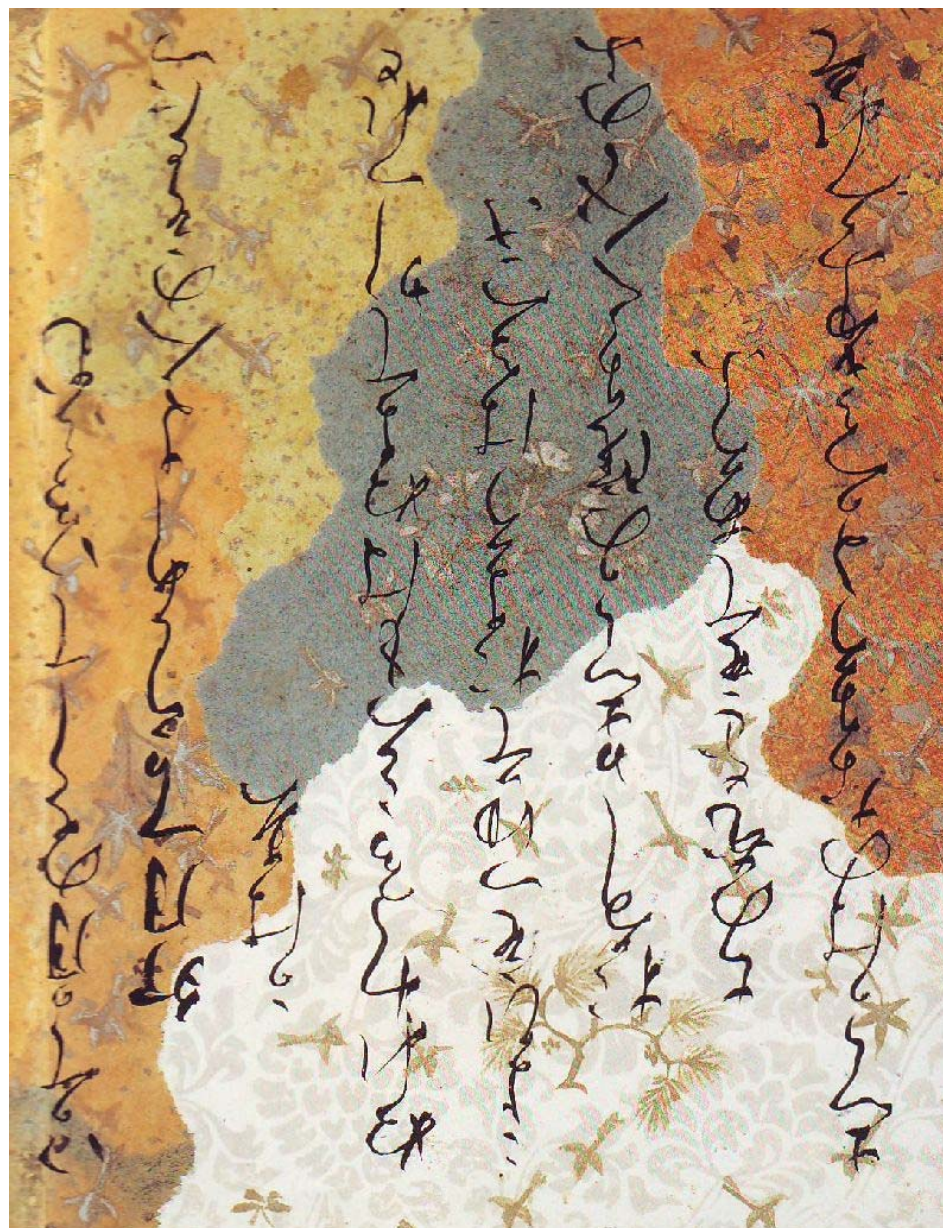
Un *furisode* est un vêtement de cérémonie ou cultuel appartenant aux vêtements de type *kosode*, habits dont les manches sont de longueur inhabituelle. Le *nuihaku* est une technique destinée aux motifs décoratifs des tissus de valeur, combinant des broderies (*nui*) et de l'or ou de l'argent liquide appliqué au pochoir (*haku*).

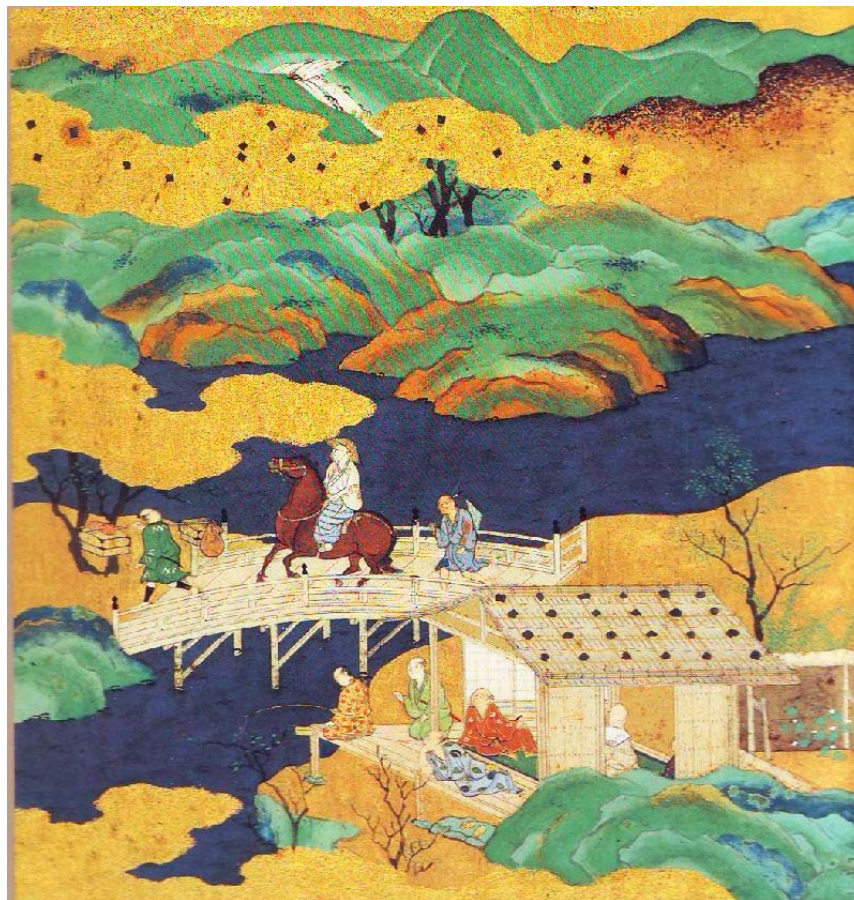
Le présent *furisode* est fait à partir de *nerinuki*, qui est de la soie pure, mais dont les fils sont cependant de texture assez grossière. Ses dimensions démontrent qu'il a été le *furisode* d'un enfant, offert plus tard à un temple shintoïste.

PAPIER DECORE ET CALLIGRAPHIE :
Anthologie des Trente Six Poètes, à
HongWanji (Kyoto), 16^e siècle.

L'anthologie (période Heian) a été offerte au temple HongWanji à Kyoto par l'Empereur GONARA en 1549. Le calligraphe ayant rédigé cette anthologie dont une page est montrée ici est inconnu, mais c'est le même qui a rédigé un document classé Trésor National du Japon et conservé au Musée National de Tokyo. La qualité de sa calligraphie provient de son écriture au pinceau exceptionnellement fluide.

Ce type de papier décoré utilisé est originaire de Chine (dynastie des Song), imité après au Japon. Les motifs de décoration incluent des feuilles, des plantes et fleurs, des papillons, peints avec de la peinture d'or ou d'argent. Les feuilles de papier décoré sont attachées entre elles de multiple manière (reliure, couture, attache partielle etc.)





MINIATURE DE Mitsunori TOSA- 16è siècle

TOSA est considéré comme étant le miniaturiste japonais par excellence. La présente miniature (13 cm de large) fait partie d'un ensemble de 33 miniatures au sein d'un livre représentant des danseurs de bugaku, des fleurs, des plantes, des scènes de genre (traversée d'un pont à la campagne), des insectes. On pense que ce livre faisait partie du trousseau d'une femme d'origine noble. Le livre a été transmis de génération en génération au sein de la famille KUSHI TOKUGAWA

**STATUE DE DAINICHI NYORAI EN
POSITION ASSISE**
(deuxième moitié du 9^e siècle, début
de l'ère dite de Heian)

Dainichi Nyorai est la divinité centrale
du Kongokai Mandala (Mandala du
Monde de Diamant)

La technique utilisée est celle de
l'utilisation de bois brut (conifère
dans ce cas-ci) d'une seule pièce
autant que possible. D'ailleurs la tête
et le corps de cette statue est
effectivement d'un seul bloc. Les
mains de la divinité sont dans la
position dite de la Vérité Profonde.

Similaire à la statue de la même
divinité conservée au temple
d'Ishiyama elle-même classée
Propriété Culturelle Importante du
Japon, cette statue est considérée
comme étant l'une des 5 statues les
plus belles de Dainichi Nyorai.

La statue a été offerte au Musée d'Art
de Honolulu (Hawaï) en 1960 par une
personne qui a voulu garder
l'anonymat.





DOFUKU, 19^e siècle : originellement un habit de cérémonie des prêtres et des nobles, le *dofuku* fut adopté plus tard par les samouraïs qui le portèrent par-dessus leur tenue normale. Ce dofuku conservé au Musée National de Tokyo fut offert entre 1810 et 1820 par le Shôgun Ieyasu TOKUGAWA à son fauconnier Genzaemon ARAI pour avoir calmé une querelle de paysans près de la capitale, Edo (Tokyo actuel). A cette époque, le Shôgun était encore le maître véritable du Japon, le Tenno (l'Empereur) n'ayant qu'un pouvoir nominal. Le shôgunat fut supprimé en 1868, avec l'avènement de l'empereur Meiji (Mutsu Hito) rétablissant la plénitude du pouvoir impérial.



**« SCENES D'EDO » par Choshun MIGAYAWA
19^e siècle**

Cette partie d'estampe est l'une des dernières scènes de l'une des 2 estampes en rouleau (*ukiyoe* en japonais) composant l'ensemble « Scènes d'Edo », et datant de l'époque de l'avènement de Meiji (1868), appelé en Europe Mutsu Hito. Estampes en rouleau acquises par un Anglais ayant vécu 7 ans au Japon à la même époque, elles sont conservées maintenant au British Museum.

Une partie de cet *ukiyoe* a été peinte avec un pinceau utilisant de la peinture d'or.

Chosun MIGAYAWA a eu pour élève Shunsho KATSUKAWA, futur formateur de Hokusai KATUSHIKA (connu en Occident en tant que *Hokusai*), l'un des maîtres de l'estampe japonaise de pair avec Hiroshige, ces deux derniers ayant inspiré certains peintres occidentaux, dont Vincent VAN GOGH.



Phù Dung lâu tổng Tân Tiệm

*Hàn vũ liên giang dạ nhập Ngô
Bình minh tổng khách Sở sơn cô
Lạc dương thân hữu như tương vãn
Nhất phiến băng tâm tại ngọc hồ*

Vương Xương Linh

Tiền Tân Tiệm nơi lầu Phù Dung

*Đêm mưa lạnh lướt trên sông
Về Ngô
Để núi Sở buồn sáng nay
Hỏi thăm
Bạn cũ có người
Băng tâm hồ ngọc vẫn đầy
Xin thừa*

*Quỳnh Chi
(1/3/2007)*



Thiên nhai

*Xuân nhật tại thiên nhai
Thiên nhai nhật hựu tà
Oanh đề như hữu lệ
Vi thấp tối cao hoa*

Lý Thương Ẩn

Cuối trời

*Ngày xuân lưu lạc cuối trời
Cuối trời còn tiễn chiều rơi não nùng
Tiếng chim như có lệ lòng
Trối dùm những đóa hoa buồn trên cao*

*Quỳnh Chi phóng dịch
(25/2/2007)*



Tương tiễn tửu

*Lưu ly chung
Hổ phách nùng
Tiểu tào tửu tích trân châu hồng
Phanh long pháo phượng ngọc chi khắp
La bình tú mạc vì hương phong
Xuy long địch
Kích đà cổ
Hạo xỉ ca
Tế yêu vũ
Huống thị thanh xuân nhật tương mộ
Đào hoa loạn lạc như hồng vũ
Khuyến quân chung nhật minh đình túy
Tửu bất đáo lưu linh phần thượng thổ
Lý Hạ*

Mời rượu

*Chén lưu ly chuốc rượu nồng
Đốc thùng rượu nhỏ giọt hồng trân châu
Nướng rồng quay phượng nhấm nào !
Màn thêu trướng rủ ngạt ngào mùi hương
Sáo rồng trống rần dập dồn
Lưng ong múa hát nhe răng trắng nhờ ..
Tuổi xuân tàn với ngày qua
Hoa đào tan tác như mưa trong chiều
Vui say túy lúy hết ngày
Kẻo không rượu uống nay mai dưới mồ*

*Quỳnh Chi phóng dịch
(21/2/2007)*



Đề Hạc Lâm tự

**Chung nhật hôn hôn túy mộng gian
Hốt văn xuân tận cường đăng sơn**

Nhân qua trúc viện phùng tăng thoại
Hựu đặc phù sinh bán nhật nhàn

Lý Thiệp

Thăm chùa Hạc Lâm

Mê tâm
Quanh quần ngày tàn
Chợt nghe xuân hết
Vội vàng lên non
Trúc lâm thiền tự gặp tăng
Nghe kinh
Mới được tịnh tâm nửa ngày

Quỳnh Chi phóng dịch
(4/3/2007)



Tuyệt cú

*Trì nhật giang san lệ
Xuân phong hoa thảo hương
Nê dung phi yến tử
Sa noãn thủy uyên ương*

Đỗ Phủ

Tuyệt cú

*Xuân về non nước đẹp tươi
Gió đưa hương ngát muôn loài cỏ hoa*

*Đất mềm, én lượn gần xa
Uyên ương cát ấm trên bờ ngủ say*

*Quỳnh Chi phóng dịch
(1/3/2007)*



1-Thanh bình điệu tam thủ

I

***Vân tửng y thường hoa tửng dung,
Xuân phong phát hạm lộ hoa nùng.
Nhược phi Quân-Ngọc sơn đầu kiến,
Hội hướng Dao-đài nguyệt hạ phùng***

II

***Nhất chi hồng diễm lộ ngưng hương,
Vân vũ Vu sơn ủng đoạn trường.
Tả vấn Hán cung thù đắc tự,
Khả lân Phi Yến ý tân trang.***

III

***Danh hoa khuynh quốc lưỡng tương hoan,
Trường đắc quân vương đối tiểu khan.
Giải thích xuân phong vô hạn hận,
Trầm-Hương đình bắc ỷ lan can***

Lý Bạch

Thanh bình điệu

I

Mây bay tưởng vật áo nàng
Mẫu đơn gợi nhớ dung nhan diễm kiều
Sương long lạnh gió dập dìu
Người tiên Quần Ngọc, Dao đài dưới trăng

II

Giọt sương thơm đóa mẫu đơn
Nhọc lòng Tương đế Vu Sơn mộng về
Hán cung ai kẻ sánh bì
Thương cho Phi Yến phải về điểm trang

III

Vui vầy quốc sắc thiên hương
Quân vương đẹp ý cũng luôn mỉm cười
Sầu xuân theo gió thoảng bay
Trầm Hương đình ghé lại ngồi bên hiên
Quỳnh Chi phóng dịch
(25/4/2007)



Mạn hứng kỳ nhị

Thủ thực đào lý phi vô chủ
Dã lão tường đề hoàn thị gia
Kháp tự xuân phong tương khi đắc
Dạ lai xuy chiết sổ chi hoa

Đỗ Phủ

Mạn hứng (2)

*Mận đào phải có chủ trông
Tường vây dấu thấp bên trong cũng
nhà
Gió xuân như giỡn mặt ta
Đêm khuya tới bể cảnh hoa trong
vườn*

*Quỳnh Chi phóng dịch
(28/4/2007)*



Mạn hứng kỳ tam

*Thục tri mao tế tuyết đề tiêu
Giang thượng yến tử cố lai tân
Hàm nê điểm ố cầm thư nội
Canh tiếp phi trùng đã trứ nhân*

Đỗ Phủ

Mạn hứng (3)

*Đã biết lầu thơ rất nhỏ thôi
Lũ én trên sông cứ tới hoài
Văng bùn dơ cả đàn cùng sách
Còn va ruồi muỗi vấp phải người !*

*Quỳnh Chi phóng dịch
(28/4/2007)*

***Lăng Đan Dương của vua Quang Trung ở đâu ?
Xin góp một câu trả lời***

bút ký lịch sử của Nguyễn Đắc Xuân

Kỳ 1.- Cung điện Đan Dương thời Quang Trung

Kỳ 2.- Lăng Đan Dương cùng ở phía nam Kinh thành Huế và gần chùa Thiên Lâm

Kỳ 3.- Chùa Thiên Lâm chôn cất những bí ẩn

Kỳ 4.- Phủ Dương Xuân mất tích

Kỳ 5.- Đi tìm dấu tích Phủ Dương Xuân

Kỳ cuối.- Phủ Dương Xuân tiền thân của Cung điện Đan Dương

Phụ lục - Những biểu hiện của lăng mộ vua Quang Trung bị quật phá

**Kính gửi độc giả
và các nhà nghiên cứu Việt Nam,**

Tôi rất hân hạnh được gửi đến quý vị tập "***Lăng Đan Dương của vua Quang Trung ở đâu ? Xin góp một câu trả lời***"

Đây là công trình tôi đã nỗ lực khảo cứu từ khi tóc vẫn còn xanh, nay đầu đã bạc trắng. Tất cả trí tuệ, tâm huyết và tâm sự tôi đã gói gắm trong tập sách dày trên 300 trang. Những trang sách đang hiện ra trên màn hình máy vi tính của quý vị chỉ là bản tóm lược nhưng đầy đủ.

1. Những việc đang chuẩn bị tiến hành:

Đồng thời với việc đưa giới thiệu trên Web, tôi đang chuẩn bị tiến hành những việc sau đây:

1.1. Xin ý kiến của các nhà nghiên cứu và độc giả để nâng cao chất lượng khoa học của công trình;

1.2. Chuẩn bị một cuộc tọa đàm khoa học tại Bảo tàng lịch sử Thừa Thiên Huế để có được sự đánh giá chính thức của các ngành chức năng ở quê nhà;

1.3. In công trình thành sách;

1.4. Chuyển thể thành một kịch bản phim tài liệu và thực hiện cuốn phim vào đầu năm 2007;

1.5. Xây dựng công trình thành một đồ án để sẵn sàng chuyển giao cho các nhà đầu tư.

2. Yêu cầu giúp đỡ:

Là một người nghiên cứu nghiệp dư và hoàn toàn tự do cho nên công trình khảo cứu của tôi không tránh được những chỗ bất cập. Kính mong quý vị bỏ chút thì giờ quý báu đọc qua và nếu có thể góp ý kiến cho tôi để nâng cao chất lượng khoa học cho công trình. Với tư cách là tác giả của công trình tôi kính mong quý vị giúp cho tôi những việc cụ thể sau đây:

2.1. Nhận xét về giá trị khoa học của công trình, giúp tư liệu để bổ khuyết cho những chỗ bất cập, cần nói rõ hơn điều gì và loại bỏ bớt việc gì;

2.2. Tôi có nên tiến hành 5 việc trên hay không? Nếu nên thì nên tiến hành như thế nào ?

2.3. Có nên chuyển ngữ công trình qua tiếng Anh để giới thiệu với các nhà nghiên cứu nước ngoài không? Ai có thể giúp cho tôi chuyển ngữ công trình (hoặc bản tóm tắt) này ?

2.4. Thực hiện 5 việc trên rất tốn kém, ai có thể giúp tìm nguồn tài trợ ?

2.5. Cho đến nay, thực hiện công trình này hoàn toàn bằng sức của cá nhân và gia đình. Công việc sắp đến rất lớn, sức một người không kham nổi, tổ chức nào, cá nhân nào có thể giúp cho tôi, xin quý vị giới thiệu hộ tôi !

3. Yêu cầu phổ biến công trình

"*Lăng Đan Dương của vua Quang Trung ở đâu ?*" là vấn đề đang được người Việt Nam ở trong cũng như ngoài nước quan tâm. Để có thể có được ý kiến rộng rãi, phong phú kính mong quý vị chủ các trang Web và báo chí trong và ngoài nước giúp giới thiệu với độc giả công trình này. Và, cũng mong các độc giả sau khi đọc công trình này hãy giới thiệu với người quen, bạn bè cùng đọc.

Những ý kiến phản hồi xin gửi cho tác giả ở địa chỉ: gactholoc@yahoo.com

Thư từ gửi về: Nguyễn Đắc Xuân, 9/1 Nguyễn Công Trứ, Huế Việt Nam.

Đa tạ.

Huế, ngày Đầu tháng 1 năm 2007
Tâm Hằng NGUYỄN ĐẮC XUÂN

Tổng Thị Quyên

Một Bi Kịch Chôn Vương Triều Nhà Nguyễn

Bùi Thụy Đào Nguyên

I - Mở đầu bi kịch



Nguyễn Phúc Cảnh (NPC), 4 tuổi phải rời mẹ cha, rời quê hương, theo Giám mục Bá-đa-lộc sang Pháp. Rồi Cảnh ăn ở chung với Đức Cha này & được giáo dục y như một chủng sinh thì bảo sao hoàng tử trẻ kia không mê đạo Chúa, không tiêm nhiễm tư tưởng, lối sống của người phương Tây cho được..

Còn nói về người thầy của NPC & cũng là vị Giám mục trên, ông là người quá sốt sắng, quá hăm hở trong việc rao truyền, phát triển đạo Thiên Chúa tại xứ sở mà đạo Nho còn đang chiếm ưu thế. Cho nên đôi lúc ông chưa thật khôn khéo, còn lắm sơ hở, để ý đồ lộ liễu quá. Như có lần ông khuyến dụ cả Nguyễn Phúc Ánh (NPA) theo đạo (Sử triều Nguyễn chép : *năm 1787, Bá-đa-lộc thuyết phục vương theo đạo, trước là để làm gương cho sĩ phu noi theo, thứ đến là nhân dân trong nước. Nhưng vương không nghe...*); như ông ra sức uốn nắn vị hoàng tử vừa kể trên, mà ông tin là sẽ người kế vị, sẽ giúp ông sớm đạt được mục đích ... (xin xem chú thích 1. Nội dung trong lá thư này là một trong những nguyên do chính khiến NPC mất ngai vàng, vợ cùng con cháu nhiều đời bị đại họa)

Còn NPA (Sau này là vua Gia Long. Sinh năm 1762, mất 1820), từ nhỏ đến khi lên ngôi bậu năm 40 tuổi (1802), ông đã trải qua bao lần "cái chết trước mắt " và không biết bao nhiêu nỗi khổ nhọc khôn lường. Vừa 4 tuổi, cha mất. 16 tuổi chỉ riêng mình ông chạy thoát rồi được tướng sĩ tôn làm chúa soái, thay thế Duệ tông & Mục tông bị Nguyễn Huệ (Nhà Tây Sơn) bắt rồi giết chết năm 1776. Những địa danh như Phú Quốc, Xiêm La & nhiều tỉnh thuộc Miền Tây VN đều có in sâu dấu chân bốn ba của ông. Ngai vàng giành lại quá khó nhọc, nên NPA luôn lo sợ, luôn dè chừng, luôn nghi kỵ kẻ khác dòm ngó, sanh tâm cũng là điều dễ hiểu (*việc giết Đỗ Thanh Nhơn, việc gián tiếp bức tử Nguyễn Văn Thành, việc giết chết Đặng Trần Thường, việc không đặt ngôi Tể tướng vì sợ bị chuyên quyền vv... Sợ sa đà vào việc khác nên tôi mong quý độc giả tự tìm hiểu trong các sách viết về triều Nguyễn*).

Còn việc NPA với giám mục Bá-đa-lộc, những viên sĩ quan người Pháp như Chaigneau & Vannier cùng một số lính đánh thuê khác mà Bá-đa-lộc tuyển mộ được, là mối tình " có qua có lại ", "bằng mặt chứ không hấn bằng lòng ". Cho nên nhà vua cố che giấu ý nghĩ không ưa đạo Thiên Chúa cùng những người phương Tây, để họ dốc hết tâm sức xây dựng thành lũy, bày vẽ & huấn luyện quân sự vv... phục vụ cho công cuộc phục quốc !

Bởi vậy, Nguyễn vương vừa thất vọng vừa chua xót vì không nhận được chút gì từ chính phủ Pháp mà con trưởng của mình thì bị "Tây hóa " qua hành động như không chịu lay nơi Thế miếu, theo đạo Thiên Chúa, quá thân thiện với người phương Tây ... (2)

Phải chăng vì thế, dù đã lập ngôi thái tử cho NPC, là dòng chính thống, để tạm yên lòng tướng sĩ, thần dân trong buổi đầu của một đế chế non trẻ; nhưng vua vẫn ra lệnh mẹ Cảnh nhận hoàng tử Đảm làm con thứ tư của mình vào năm 1793 (*Nguyễn Phúc Đảm lúc ấy, mới lên 3 tuổi, con bà Thuận Thiên, vợ thứ. Ở đây ta đã thấy ý đồ của vua lộ rõ. Nhưng giả sử, Cảnh không mất sớm thì sao nhỉ ? sẽ có một bi kịch khác chăng ?*)

Thế rồi y như trời xui khiến, NPC chết vì bệnh "đậu mùa " lúc 22 tuổi sau khi Bá Đa Lộc mất được 18 tháng (Mẹ Cảnh sinh 3 con trai là Nguyễn phúc Cảnh, Nguyễn Phúc Hy, Nguyễn Phúc Noãn. Và tất cả đều mất sớm). Thái tử bỏ lại người vợ trẻ đẹp tên Tống thị Quyên và 2 con trai là Mỹ Đường (còn có tên là Đán) & Mỹ Thùy (còn có tên là Kính).

Sau khi NPC, chết Gia Long cứ dằn dừ việc lập ngôi thái tử dù tuổi đã khá cao. Theo tôi nghĩ thì lúc bấy giờ, nước nhà vừa mới tạm yên bình lửa nhưng lòng dân đã yên đâu, binh mã vẫn còn ở trong tay các đại thần muốn tôn lập dòng đích. Nên lúc bấy giờ vua bận rộn lo củng cố vương quyền , lo truy diệt tàn dư của nhà Tây Sơn (*Những bản án vua dành cho vua quan nhà Tây sơn rất tàn khốc, cũng chính là để răn đe cho bất kỳ những ai, kể cả những tâm phúc, rằng chớ có manh tâm chống lại ông)*

Do vậy, nhà vua đâu vội gì gây mịch lòng các tướng lĩnh cùng vào sinh ra tử với mình. Cả về sau này, ta thấy trước khi quyết định người kế vị, nhà vua cũng đã dè dặt hỏi ý kiến để thăm dò bụng dạ họ (chứ lòng vua đã chọn rồi). Cơ khổ cho mấy ông quan võ ít học, trực tính như : Nguyễn Văn Thành, Lê văn Duyệt trả lời thẳng là : *Phải lập hoàng tôn (ám chỉ Đán), không được bỏ dòng đích* (Chính vì vô tình hay cố ý ? không hiểu thâm ý vua nên sau này 2 ông đều gặp họa lớn). Chỉ có Trịnh Hoài Đức, là văn thần nên trả lời một câu vừa mát bụng cha, vừa mát bụng con : "*Hiếu con không ai hơn cha. Đền nhà ai nấy biết. Xin Bệ hạ cao minh tự định đoạt lấy !* "

Xét khi ấy, hai con của NPC là Đán & Kính, tức cháu nội vua Nguyễn, đã hai mươi ngoài tuổi, đủ sức nối ngôi; lại được trong triều ngoài dân ủng hộ vì đây là con của người ít nhiều cũng có công gây dựng vương triều, lại là dòng đích rất phù hợp thông lệ truyền ngôi từ xưa ở chốn cung đình.

Vậy mà NPA vẫn không chọn một trong hai cháu. Gia Long giận ghét con rồi ghét giận luôn các cháu sao? Điều này, cũng có thể vì nhà vua vốn là "*Khi công việc xong rồi, ... ngài lấy những chuyện nhỏ nhặt, đem giết hại những người có công với mình ...* " (Việt Nam sử lược. tr424. Trần Trọng Kim). Và sâu xa hơn, chính là vì "*sợ rằng tư tưởng của Bá-đa-lộc ... cũng sẽ ảnh hưởng đến những đứa con của Hoàng tử Cảnh* " (A. Schreiner trong Abrégé de l'histoire d' Annam. Saigon, 1906)

Còn hoàng tử Đảm, vốn là người hay bài xích đạo Thiên Chúa gay gắt và không có chút cảm tình nào với người Pháp. Điều này rất hợp thâm ý muốn rũ bỏ món nợ ân tình của những người khác nài giồng đã đến giúp, nên Đảm rất được vua yêu thương. Ta thấy điều này thể hiện rõ trong bản di chúc : "*... hãy đối xử tử tế với người Âu, nhưng hết sức cảnh giác trước các tham vọng của họ* "...

Nào ngờ đứa con "ngoan" này, không hoàn toàn theo đúng tinh thần của cha trần trời "Minh Mạng nhanh chóng tuyệt giao với người Pháp & các thừa sai; lãnh sự Pháp không được thừa nhận, đặc sứ Pháp không được tiếp kiến, thuyền trưởng Pháp không được lên bờ... và các chỉ dụ cấm đạo Thiên Chúa liên tiếp được ban hành..." (Việt Nam thế kỷ XIX. Nguyễn Phan Quang. Nxb T. p.) mở màn cho một chính sách "bế môn tỏa cảng" rất tai hại cho đất nước về sau..

II. Màn chánh bi kịch

Tổng thị Quyên, chồng là Hoàng tử NPC vừa kể. Bà những tưởng con sẽ thay cha kế vị ngai vàng, nào ngờ chỉ trong phút chốc, tai họa ầm ầm giáng xuống trên đầu. Sách Đại Nam chính biên liệt truyện ghi chép sự kiện thê thảm này như sau *Năm Minh Mạng thứ năm (1824), có người bí mật tố cáo rằng Mỹ Đường thông dâm với mẹ ruột là Tổng thị. Tổng thị vì thế bị dìm nước cho chết, còn Mỹ Đường thì phải giao trả hết án tin & dây thao, đồng thời bị giáng xuống làm thứ dân, con trai con gái chỉ được biên chép phụ ở phía sau sổ tôn thất. Năm Minh Mạng thứ bảy (1826), Mỹ Thùy lại bị quân lính ở đạo Dục Chấn kiện, sắp bị đưa cho đình thần nghị tội thì Mỹ Thùy bị bệnh mà mất, lúc ấy chưa có con cái gì. Vua cho lấy con trưởng của Mỹ Đường là Lê Chung, tập phong làm Ứng Hòa Hầu để lo việc phụng thờ Anh Duệ Hoàng Thái Tử (tức Hoàng tử Cảnh)...*

Tưởng bi kịch đến đó là hết, nào dè đến năm Minh Mạng thứ mười bảy (1836), vì sợ con cái của Lê Chung nhờ cha mà hưởng phúc ấm, nên triều thần lại tiếp tục nghị tội, buộc con trai con gái của Lê Chung là Lê Ngân, Thị Văn, Thị Dao đều phải giáng làm thứ nhân. Mãi đến năm Tự Đức thứ hai (1848), khi Mỹ Đường bị bệnh mất, dòng dõi của Hoàng tử Cảnh mới tạm yên ở phận dân thường !

III. Vài bình phẩm về bi kịch

Trong Việt Sử Giai Thoại tập 8, tr. 12, nxb Giáo Dục. Tác giả Nguyễn Khắc Thuần có lời bình đáng suy gẫm như sau : ... *Thời ấy, có 2 tội thuộc hàng đại ác không thể tha, ấy là bất trung & thất đức. Bất trung thì con trai trưởng của Hoàng tử Cảnh (tức Đán) chẳng có biểu hiện gì, vậy thì Minh Mạng muốn được yên vị trên ngai, ắt phải khép Mỹ Đường vào tội thất đức là thông dâm với mẹ !...*

Theo Nguyễn thị Chân Quỳnh chép từ ĐẠI NAM VIỆT QUỐC TRIỀU SỬ KÝ, không rõ tác giả, ấn bản 1879, cũng đã nhận định như sau :

Minh-Mệnh lên ngôi là do sự quyết định của Gia-Long, không phải do mưu mô, giành giật mà chiếm được ngai vàng. Nhưng đối trước những phản ứng bất thuận lợi của một số triều thần mà sau 5 năm trị vì nhà vua vẫn không dẹp nổi, có thể Minh-Mệnh đã ra tay "trừ hậu hoạn". Nếu các con Đông Cung chết, hoặc không còn hi vọng lên nối ngôi thì bọn phản thần, bọn làm giặc ... sẽ như rắn không đầu, còn dựa vào đâu mà mưu mô mà chống đối ? ... Và cũng có thể vì vụ này mà lệ "Tứ bất lập" (26) của nhà Nguyễn ra đời. "Tứ bất lập" là không lập Chánh Cung, không lập Đông Cung, không lập Tế tướng và không lấy ai đỗ Trạng-nguyên... để ngăn ngừa mầm họa.



Riêng Võ Hương Giang viết trên Web ngày 16/2/ 2006 thì có ý khác : *Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt là 2 gương mặt lớn lúc bấy giờ. Sau khi ông Thành chết, Gia Long mới ra quyết định tối hậu chọn Hoàng tử Đảm kế vị ; đồng thời gửi gắm vị vua trẻ này cho một văn, một võ là Phạm Đăng Hưng & Lê Văn Duyệt. Trong bối cảnh như thế, thử hỏi Mỹ Đường cùng dòng đích có đủ can đảm chống lại không ? Liệu có đại thần nào dám ủng hộ, dẫu là ngấm ngầm không ?...*

Tác giả nói thêm : *đây là vụ án không có bản án. Nó có tính cách "thanh lý nội bộ " hơn là công khai. Vì nội dung vụ án là chuyện thương luân bại lý, làm điểm nhục gia phong, chẳng tốt đẹp gì để làm to chuyện, phơi bày ra cho bàn dân thiên hạ đàm tiếu !...*

Người viết còn dẫn giải rộng & xa hơn : *"Xin nhớ rằng vụ án Mỹ Đường xảy ra năm 1824, nghĩa là 5 năm sau Minh Mạng lên ngôi (ngày nay 5 năm là thời gian để hoàn thành 1 kế hoạch lớn). Vậy thì thời xưa, 5 năm cũng đủ để vua củng cố địa vị một cách vững vàng tuyệt đối. Lẽ thường tình, khi không có dấu hiệu đe dọa, không ai xuống tay nặng nề trong hoàn cảnh tương quan lực lượng như thế, thử hỏi vua Minh Mạng có cần phải làm cái trò nhỏ tận gốc không ?...*

Sau khi phân tích, tác giả kết luận : *Vụ Mỹ Đường không phải là 1 vụ án chính trị !*

Và ý của người soạn bài này :

Triều Minh Mạng cầm quyền có 3 vụ án lớn xảy ra : vụ Mỹ Đường (1824), vụ Lê Văn Duyệt (1835) và vụ Lê Chất (1835). Nhưng 2 vụ sau, sử sách nhà Nguyễn ghi khá rõ ; chỉ riêng vụ đầu tiên thì sử quan viết rất ít & rất mù mờ như đã ghi trên, khiến tôi nảy ra nhiều nghi vấn :

1/ Người tố cáo là ai, có gì không thể nêu tên đối với việc hệ trọng liên quan đến danh dự & quyền lợi của cả một dòng họ ? Mỹ Đường, ví dụ có là người nghiện dâm dục đi nữa, là công hầu, thiếu gì thị nữ bên cạnh, đưa con này có cần thiết phải thông dâm với mẹ ruột không ? Còn Tống thị, là người nữ có chức phận, ít nhiều cũng được giáo dục theo khuôn phép và phải sống trong một cung đình xem trọng đạo Nho ở vào thế kỷ XIX, thử hỏi có người mẹ nào đi ăn ở với chính con ruột của mình không ? ...

2/Vì sao Lê văn Duyệt tâu kín rồi cũng chính ông thi hành án?

Võ Hương Giang viết bên trên : *đây là vụ án không có bản án. Nó có tính cách "thanh lý nội bộ " hơn là công khai. Vì nội dung vụ án là chuyện thương luân bại lý ...*

Tôi thử hỏi nếu cần che giấu, nhà vua thiếu gì cách giết rồi đổ cho một lý do hay một bệnh nào đó, có phải dễ nghe hơn không. Nếu cần ém nhẹm vì việc đáng xấu hổ, những dòng chép trong chính sử kia làm gì có để người đời sau thêm thắc mắc. Và cần chi đến ông Tả quân đứng ra xử lý nhanh 1 phụ nữ tay yếu chân mềm. Vậy phải chăng đây là một ý đồ đen tối, dùng thủ đoạn dàn dựng, gán cho một tội danh "đại ác ", rồi nhanh chóng giết người bịt khẩu, nhằm hạ uy tín và triệt hạ vĩnh viễn dòng đích, nhằm ly gián Lê văn Duyệt với dòng này mà từ lâu vị tông trấn Gia định là đại diện cho một thế lực đang ủng hộ ...

3/Tác giả Võ hương Giang còn hỏi : ... *Minh Mạng có cần phải làm cái trò nhỏ tận gốc không ?*

Tôi xin thưa ngay là cần lắm đấy. Vì Minh Mạng, tuy là người có công rất lớn về nhiều mặt cho vương triều nhà Nguyễn, cho đất nước nhưng qua những hành động như ra lệnh truy tội của Lê văn Duyệt, ra lệnh giết gần 2000 người rồi vùi xác chung mồ (Mả Ngụy - cuộc khởi nghĩa của Lê văn Khôi), vụ án Thoại Ngọc Hầu (tôi đã có bài viết riêng cũng đăng trên web dactrung.net), vụ án Lê Chất (xin bạn đọc xem sách) vv... Đến nhiều năm sau, Trần Trọng Kim còn bình phẩm nhà vua trong sách Việt Nam sử lược như thế này : *Chính trị của vua Minh Mạng tuy có nhiều điều hay, nhưng cũng có nhiều điều dở. Ngài biết cương mà không biết nhu, biết có uy quyền mà ít độ lượng ...*

Và theo ý tôi, Minh Mạng cần làm điều này vì các con cháu dòng thứ của ông. Giả dụ có người mưu phản, đưa chiêu bài ủng hộ con cháu Hoàng tử Cảnh thì sao ? Việc ông áp dụng "tứ bất lập", "rất hạn chế & rất thận trọng trong việc cắt đặt người trong hoàng tộc tham chính & nắm giữ binh quyền", bỏ chức danh Tổng trấn, chia cắt Bắc thành & Gia Định thành, thành nhiều tỉnh ... chính là để tóm thu quyền lực, thiết lập vai trò thống trị cho dòng tộc mình bám chắc ngôi báu dài lâu. Tuy rằng Minh Mạng không giết các con của anh, nhưng ta thấy nhà vua luôn để mắt & xiết chặt họ, dù họ đã cam phận sống cuộc đời thứ dân.

Xin trích vài dòng cũng trong sách Đại Nam chính biên liệt truyện : *Mỹ Đường có tội phải ở nhà riêng, thường đến thăm con ở xã An Hòa, có người (lại có người ? ý của người soạn) cho là trốn, tâu lên. Nhà vua bảo rằng : Hành vi của nó hơn là chó lợn, trẫm nghĩ cái tình của Anh Duệ Hoàng thái tử nên không nỡ làm tội. Nay lại nghe kẻ bậy bạ xui khiến, muốn làm gì chẳng ? vua liền sai thị vệ đi bắt về, phải binh canh giữ ...*

IV. Tạm khép lại bi kịch

Tất cả những vai chính phụ trong vở bi kịch trên, giờ đây đều đã nằm sâu dưới đáy mồ. Ở bài viết này tôi không hề có ý luận công hay tội của ai, vì qua sách vở tôi được biết ở bất cứ chốn cung đình nào, phía sau những vàng son rực rỡ, cũng đều đầy dẫy những tham vọng, những mưu mô đen tối, thấp hèn ... Máy hôm rày, lúc tra tài liệu để viết về Tả Quân Lê Văn Duyệt, vô tình tôi bắt gặp vai chánh nữ của bi kịch ấy.

Đọc những chữ dòng biên chép ít ỏi trong chính sử, lòng càng thêm buồn. Vì đâu, chỉ vì một lời cáo buộc của một người vô danh rồi không cần xét xử, vội vã ra lệnh chìm nước giết chết một con người. Và, dầu gì bà cũng là một vương phi, bởi đâu sử sách chẳng thể ghi lại một dòng tiểu sử, để giờ đây ta chỉ biết người góa bụa bạc phận ấy chết năm 1824 cùng một tội danh đau lòng trên !

Ghi chú: (1) Trong một lá thư gửi từ Pondichéry (20-3-1785) cho Giám đốc Hội Truyền giáo nước ngoài, Ba-đa-lộc viết : *"Tôi cần sự giúp đỡ của quý vị trong việc giáo dục vị Hoàng tử bé nhỏ do tôi phụ trách. Tôi muốn dạy theo truyền thống đạo Thiên Chúa. Hoàng tử mới lên 6 tuổi mà đã biết đọc kinh và hết lòng mộ đạo và rất mến tôi chứ không nhớ gì đến cha mẹ hay các bà nữ mẫu. Nếu sau này cha của Hoàng tử (chỉ Gia Long) có xoay ra thân thiện với người Anh hay người Hòa-lan thì hẳn quý vị cũng thấy việc dạy dỗ, uốn nắn ông Hoàng nhỏ bé này hữu ích biết chừng nào..."* (2) Một tư liệu nữa là, trong một lá thư đề ngày 11/4/1801 gửi cho Letondal. L. Barisy viết rằng : *... Đông Cung là người đã ra mặt che chở cho tất cả những người Âu, đã bảo vệ cho đạo Thiên Chúa... đích thực là một người bạn thành thật ...*

Thêm vài tư liệu có liên quan :

A - Quan Khâm Sai Lê Văn Duyệt bài của **Hoa Hạ** trên net : Ngoài ra khi vua Minh Mạng, vì tư thù và vì sợ bị mất ngôi, đem xử tội Tổng Thị Quyên, vợ của Hoàng Tử Cảnh, một cách oan uổng, thì chỉ một mình **Lê Văn Duyệt can đảm dâng sớ lên vua xin tha tội cho người này**. Việc làm của ngài không khỏi làm cho Minh Mạng bức tức, giận ghét ngài thêm ...

B - Đông Cung nhật trình. Bài của Nguyễn thị Chân Quỳnh trên net: ... *Và cũng có thể vì vụ này mà lệ "Tứ bất lập" của nhà Nguyễn ra đời. "Tứ bất lập" là không lập Chánh Cung, không lập Đông Cung, không lập Tế tướng và không lấy ai đỗ Trạng-nguyên. Không lấy ai đỗ Trạng, không lập Tế tướng là để giữ vững chủ quyền của Hoàng đế. Không lập Chánh Cung và Đông Cung phải chăng vì mẹ của Minh-Mệnh chỉ là Thứ Phi chứ không phải là Chánh Cung, do đó Minh-Mệnh không thể đương nhiên lên ngôi Đông Cung vốn dành cho dòng chính ?*

Có người cho rằng "Tứ bất lập" do Gia-Long đặt ra nhưng Hoàng tử Cảnh đã lên ngôi Đông Cung năm 1794, mẹ là Vương Hậu Tổng thị thì được lập làm Hoàng Hậu năm 1806, rõ ràng dưới thời Gia-Long lệ "Tứ bất lập" chưa có. Lệ này do Minh-Mệnh đặt ra hợp lý hơn bởi Minh-Mệnh mới phải đương đầu với những khó khăn do dòng chính thống gây ra. Đọc Đại Nam Thực Lục Chính Biên, chỉ thấy Minh Mệnh có "Phi" mà không thấy có "Hoàng Hậu", có "Hoàng Trưởng Tử" mà không thấy có "Đông Cung".

Sau khi bài này đăng trên Hợp Lưu tôi mới được đọc Delvaux R. P. trong "L'Ambassade de Minh Mạng à Louis Philippe", BAVH, Oct. Déc. 1928. Không rõ lấy tài liệu ở đâu hay cũng chỉ do suy luận, Delvaux viết rằng chính Minh-Mệnh -vì sợ bị đối nghịch, tranh cướp ngôi- đã giết các con của Đông Cung...

C - Việt sử giai thoại tập 8. Nguyễn Khắc Thuần.

Trích một đoạn ở tr. 45 nói về vụ án của Tiên Quân Nguyễn Văn Thành, một công thần vào hàng bậc nhất, để hiểu thêm về vua Gia Long & Minh Mạng : . *Thương hại thay ! Vua Gia Long lúc đầu tha con cho con của Nguyễn văn Thành, nhưng sau đó lại bắt giết Nguyễn văn Thuyên, (vì hai câu thơ nghĩa ýthật mơ hồ "Thử hỏi nhược đắc sơn trung đế, Tá ngã kinh luân chuyển hóa cơ ". Tạm dịch : Sơn tể phen này mong gặp gỡ, giúp nhau xoay đôi hội cơ này. Người soạn viết thêm). Vậy mà về sau, vua Minh Mạng còn **bắt giết hết 4 người con còn lại cùng với gia thuộc của họ !***

Lời người soạn : Với số tư liệu không nhiều nên trong bài viết đôi khi khó tránh khỏi ý chủ quan, võ đoán của tôi. Điều mà người viết về đề tài lịch sử nên tránh. Cho nên qua bài viết chỉ có tính cách gợi mở này, tôi mong những nhà nghiên cứu về triều Nguyễn, những bạn đọc quan tâm ... bổ sung thêm về người phụ nữ cùng dòng tộc không may này. Nếu bà có tội thì cần nêu thêm chứng lý, còn nếu không đủ bằng chứng, sử sách hôm nay cũng nên nói kỹ càng hơn, để trả lại thanh danh cho một con người, dù thân xác ấy từ lâu đã hòa cùng cát bụi...

Bùi Thụy Đào Nguyên

Góp một số suy nghĩ về thiền sư , thi sĩ Huyền Quang

Bùi Thụy Đào Nguyên

Mấy năm liền ...vì việc riêng , tôi tạm trú ở chùa . May sao nơi đây có kha khá kinh sách , nhờ vậy tâm trí tôi tạm khuây khoả . Và trong số tàng thư ấy , quyển Vũ Trung Tùy Bút (Phạm Đình Hổ) có chứa mẩu chuyện Lý Đạo Tái đã gọi tôi nhiều cảm hứng để tìm hiểu vị thiền sư đời Trần này .

Sách Vũ Trung Tùy Bút chép : Huyền Quang (H.Q) tên Lý Đạo Tái , là bậc khoa bảng mà bỏ đi tu ...Gần đây , ông Nguyễn Hoàn , người cổ đô có soạn bài Huyền Quang hành bằng quốc ngữ, trong đó có nói chuyện nàng Bích . Nhưng chuyện ấy không thấy chép trong sử, ta thường lấy làm ngờ . Còn nhớ , khi mới lên bảy tám tuổi , thường theo bà tiên cung nhân ta sang hầu bà cô họ ngoại ...Khi các bà ngồi rồi nói chuyện , có nói đến nàng Bích , ta mới biết quả có người ấy thật ...Sau ông Nhữ Công Chân có câu thơ rằng :

Giai nhân lạc địa uỷ kim điền (Giai nhân đầy đọa rụng bông vàng)

Lại có câu :

Tầng hương tiêu phòng khoa yếu diệu
Khước lai sơn tự bạng không thiền
(Phòng tiêu thuở trước từng khoe đẹp
Chùa núi sau này tựa cảnh không)

Thật lòng ,đọc mấy câu thơ trên khiến tôi nhiều băn khoăn ...Nhưng tôi sẽ trở lại vấn đề này , sau khi nêu vắn tắt tiểu sử người họ Lý :

1. Thiền sư Huyền Quang (Giáp dần 1254-Giáp tuất 1334) tên Lý Đạo Tái , người hương Vạn Tải , châu Nam Sách , lộ Lạng Giang (nay thuộc huyện Gia Lương , tỉnh Hà Bắc). Theo sách Tổ gia thực lục , cha của ông tên Tuệ Tổ , có công đánh Chiêm Thành nhưng không chịu làm quan , sớm tối chỉ vui thú với sách vở và việc đồng áng . Mẹ ông là Lê thị (?) , người hiền lành . Tương truyền , dung mạo ông xấu xí lại thêm cảnh nghèo khó , nên ông thường bị người đời hắt hủi ,cả việc đi hỏi vợ nhiều nơi vẫn không thành . Nhờ tư chất thông minh , hiếu học ; năm 20 tuổi , ông đỗ thi hương rồi năm sau đỗ đầu thi hội (theo Đăng khoa lục , H.Q đỗ tiến sĩ năm Bảo Phù thứ hai , 1274). Đến lúc ấy , nhiều gia đình mới lân la để gả con , nhưng ông đều từ chối. Ông chưa chát viết :

Khó khăn thì chẳng ai nhìn
Đến khi đỗ trạng , trăm nghìn nhân duyên

Kể từ đó , trên dưới 30 năm , ông làm quan tận tụy nơi viện nội Hàn . Từng phụng mệnh tiếp sứ giả phương Bắc , bởi ông thông thạo thư tịch , giỏi đối đáp , ứng xử...Một lần , ông theo vua Trần Anh Tông đến chùa Vĩnh Nghiêm huyện Phụng Nhãn dự buổi thuyết pháp . Nghe xong , ông chạnh lòng than :

...Phú quý vinh hoa thích thú
Đáng lo như lá vàng mùa thu , mây trắng ngày hè
Sao ta có thể lưu luyến lâu dài được ?...

Nhờ nhà Trần rất sùng tín đạo Phật , nên sau vài lần dâng biểu xin từ quan để đi tu , ông được vua chấp thuận . Buổi đầu xuất gia khi đã 51 tuổi (1305) , ông đến học đạo với thiền sư Bảo Phác nơi chùa Lễ Vĩnh . Sau ông theo Sơ Tổ Thiền phái Trúc Lâm là Điều Ngự giác hoàng Trần Nhân Tông khoảng 2 năm để giúp việc biên soạn kinh sách , được ngài hài lòng khen : "Phàm sách đã qua tay HQ biên soạn , khảo đính thì không thể thêm bớt được một chữ nào nữa".

Khi Trúc Lâm viên tịch , ông theo Pháp Loa (PL) làm đồ đệ người thầy, cũng là Tổ thứ hai thiền phái , trẻ hơn mình đến 30 tuổi (PL sinh năm 1284, mất năm 1330) . Sau đó ông được cho về trụ trì chùa Vân Yên trên đỉnh núi Yên Tử , nơi phát tích dòng thiền Trúc Lâm . Hằng ngày ông giảng đạo , biên tập kinh ...và gần như không còn liên hệ với chốn quan trường . Nhưng chỉ được một thời gian , ông xin về chùa Thanh Mai rồi chùa Tư phúc ở Côn Sơn . Năm 1330, Pháp Loa viên tịch , ông được trao truyền làm Tổ thứ ba dòng thiền này , sau Trúc Lâm , Pháp Loa . Ông từ giã cõi trần tại Côn Sơn vào ngày 23 th. Giêng năm Giáp tuất (1334) thọ 81 tuổi , được vua Trần Minh Tông ban thụy hiệu : Trúc Lâm đệ tam đại , Tự pháp Huyền Quang tôn giả .

2. Câu chuyện Huyền Quang với Diễm Bích

Theo sách Tổ gia thực lục (TGTL) , sự việc này xảy ra thời vua Trần Anh Tông . Một hôm vua hỏi các quan hầu cùng đạo tăng : " HQ lão sư sống như tấm gương trong không mờ bụi , thế là dòn lấp tình dục hay không có dục tình ?". Nho thần Mạc Đĩnh Chi tâu : "Vẽ hổ chỉ vẽ ngoài da , khó vẽ trong xương , xin hãy cho thử mới biết...". Vua nghe theo , liền ngầm cho cho vời cung nhân Diễm Bích (ĐB) , đẹp người lại thông kinh sử đến dẫn dò: " Vị tăng kia vốn giới hạnh cao nghiêm , người hãy đến Yên Tử tìm hiểu cho trẫm. Nếu quả vị tăng ấy còn quyến luyến dục tình thì người hãy tìm cách xin Kim tử bằng vàng , đem về cho ta..." .

Sau một thời gian xin theo học đạo , DB thấy ông giữ giới hạnh khó dùng sắc đẹp quyến dụ , nàng nảy sinh ra một kế : giả vờ than khóc nói là con nhà khoa bảng , cha làm quan thu thuế bị cướp sạch bạc tiền . Nếu không hoàn trả , cả nhà sẽ bị tội nặng . Giàu lòng từ bi , ông lấy Kim tử do vua ban tặng , trao cho nàng ...Lập tức , DB trốn về cung tâu dối với vua , nào là nhà sư ngâm thơ , nào là sư giữ nàng qua đêm như thế nào (1) ...Nghe hết lời kể , vua than : " Việc này nếu quả có thực thì chính ta là kẻ thả lưới bắt chim , còn nếu không thì cũng không khỏi gieo sự nghi hoặc ...". Sau đó không lâu , vua cho mở đại hội Vô già , thỉnh HQ đến chủ lễ. Đoán biết vua và triều thần đang nghi ngờ sự trong sạch của mình , ông liền lên đàn ngửa mặt rồi niệm chú. Bỗng dưng gió thổi mạnh , mây kéo đến đầy trời...một hồi các tạp vật trên pháp điện đều bị gió cuốn sạch.... Thấy pháp hạnh HQ thấu cả thiên địa , ai nấy đều thất sắc . Nhà vua lay tạ lỗi với sư và còn bắt phạt DB phải làm kẻ hầu hạ nơi chùa Cảnh Linh trong cung . Từ đó , ông càng được vua kính trọng , gọi tôn là Tự Pháp (Nối Đạo) .

Theo ý riêng , câu chuyện khá phổ biến này có vài điểm cần lưu ý . Trước hết tôi xin nói qua về sách TGTL , đây là tác phẩm khuyết danh , bị lưu lạc qua nhiều thời gian , nhiều địa điểm : sáng tác vào thời nhà Trần , đến thời nhà Hồ bị giặc Minh cướp mang về TQ ; nửa đầu thế kỷ XV , Lê Quang Bí (Hoàng giáp năm 1526 , nhà Hậu Lê) đi sứ mới tìm lại được ,

bền gửi về cho Nguyễn Bình Khiêm xem . Sau có người đem ghép chung với truyện Trần Nhân Tông và Pháp Loa , làm ra sách Tam Tổ thực lục .

Nhận xét , so với 2 phần mà TGTTL ghép chung , giá trị lịch sử của nó kém hơn . Do người viết chỉ trú trọng đến mặt thần bí mà không để ý tới khía cạnh tư tưởng , yếu lý của HQ. Điều này phản ánh tình trạng suy thoái của Phật Giáo vào cuối thế kỷ XIV , phật tử chỉ biết thờ cúng cầu nguyện , tin bùa chú..., do chịu ảnh hưởng Mật tông khá nặng .

Và chuyện ĐB , lần đầu tiên được chép trong sách ấy; có lẽ đó chỉ là điều đơm đặt của giới nho sĩ nhằm hạ uy tín HQ, gián tiếp đã kích Phật giáo. Có thể có nhiều lý do , nhưng một phần cũng bởi ông bỏ Nho theo Phật . Và tôi cũng không loại trừ do lòng đố kỵ của những người khác phe phái ngay trong thiền môn , bởi ông được các vua Trần tỏ ra ưu ái, tin cậy ; phong làm trụ trì, làm Tổ...

Vì thế , người soạn thực lục không biết dựa vào tư liệu nào hay chỉ nghe kể , nhưng chắc chắn phải từ những tấm lòng mộ đạo , kính trọng HQ , họ mới tô đậm việc "giải oan" mang màu sắc hết sức thần quyền .Mặt khác , nếu cho việc này là có , sao không thấy sử sách chép và chính Phạm Đình Hổ cũng đã thú nhận "thường lấy làm ngờ".Thêm nữa , theo nhiều nguồn , các chùa chiền thời Trần thường nhiều của cải .Và "kim tử" là tín vật của vua ban cho , không thể nào HQ khinh suất , tự ý giao cho người khác ...(2)

3. Huyền Quang với sự suy thoái của Phật giáo Trúc Lâm (PGTL)

PGTL là trang sử sáng chói trong lịch sử Phật giáo Việt Nam . Do các người sáng lập đã cố gắng Việt hoá các yếu lý của thiền tông từ nhiều nơi khác đến . Không những PGTL không còn những tư tưởng rối rắm , bi quan , thần bí...mà phái này còn làm được vai trò đoàn kết dân tộc trong 2 cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên - Mông . Và TL cũng đã có tác động không nhỏ cho sự phát triển nhiều mặt , trong đó có nền văn hoá Phật giáo : thơ ca, kiến trúc , đúc tượng , in ấn , hội hoạ vv...

Nhưng đáng tiếc , mọi chuyện không suôn sẻ mãi. Vào giữa thế kỷ XIV , bấy giờ tầng lớp ủng hộ PGTL là quý tộc nhà Trần đã mất dần uy lực chính trị và kinh tế . Họ lại thường lợi dụng danh nghĩa tôn giáo để quyên góp , vơ vét , bắt dân làm nô dịch ..Một phần họ làm của riêng ; một phần dùng để xây chùa, đúc tượng và lập vô số điền trang rộng lớn cho chùa . Đâu chỉ có vậy , số tăng lữ mỗi ngày một đông mà người thực tu thì quá ít, dẫn đến việc biếng nhác , bẽ phái , sử dụng bùa chú ...hòng mua danh ,trục lợi ...

Tất cả đã làm ảnh hưởng đến vai trò, uy tín của đạo ; đến sự phát triển chung của đất nước vừa mới yên bình . Bên cạnh đó, các quan lại xuất thân từ Nho học , đại diện cho tầng lớp cấp thấp , bắt đầu nắm giữ các vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước . Từ thực trạng vừa nêu sơ lược , nhiều nhà nho như Mạc Đĩnh Chi , Trương Hán Siêu ,Lê Quát ...bắt đầu lớn tiếng công kích Phật giáo...

Gánh nặng đó , Pháp Loa đã trao lại cho HQ , một ông già 77 tuổi , tuy có học thức , tài hoa, thông kinh kệ ... nhưng không phải là người thích hợp cho công việc lãnh đạo giáo hội .Và lại , thời gian ông cầm đầu chỉ 4 năm ngắn ngủi (1330-1334) , nên sự suy thoái của PGTL không hẳn hoàn toàn do lỗi của ông ...(3) .

4 .Tư tưởng & tâm trạng của Huyền Quang (HQ)

Thật lòng khi viết phần này , tôi băn khoăn rất lâu. Bởi trước tác của ông còn lưu lại quá ít (4) , bởi không ít ý kiến cho rằng HQ là người: Tâm không còn phân biệt Ma- Phật , Mê-Ngộ , Thị phi vv...Nghĩa là lòng đã an tịnh , đã có cái nhìn "vong nhị kiến"...

Nhận xét như thế không phải không có lý , bởi HQ đã từng bộc lộ qua bài :

Chùa Diên Hựu

....Thành ngăn tục luy trần không vướng
Cửa mở vô ưu mắt rộng tâm
Thấy được thị phi cùng một tướng
Ma cung , Phật quốc cũng ngồi chung
(Nguyễn Lang dịch)

*

Và từ câu chuyện HQ thăm bệnh Pháp Loa (PL):

"Ngày 3/3/1330 , PL lại phát bệnh nặng . Nửa đêm trở lại thăm thầy , HQ nói: - Xưa nay các bậc đạt ngộ khi giờ phút đến , muốn ở lại thì ở , muốn đi cứ ra đi ...(cớ gì cứ trần trở khi viên tịch ?)

PL nói : -Đi hay ở cũng đều không can hệ gì tới ai .

HQ :- Vậy thì sao ?

PL : - Thì ...tuỳ xứ tát-bà-ha !(5)

Câu trả lời làm HQ hả dạ ..." vv...

Nhưng theo tôi , những tư tưởng nêu trên chỉ cho thấy được một khía cạnh HQ : có học thức và am tường kinh sách . Vì những lời lẽ ấy chỉ là những yếu lý cơ bản của triết học thiền tông mà tu sĩ thường thuộc nằm lòng ; chỉ là xu hướng chung của dòng thơ thiền thời Lý Trần ; mà cụ thể là ở những người đi trước như Tuệ Trung , Trần Thái Tông , Trần Nhân Tông ...Thí dụ :

Thân từ vô tướng vốn là không
Huyễn hoá phân ra thành nhị kiến
Không tâm , không thị cũng không phi
Không kiến , chẳng tà cũng chẳng chánh ...
(Tuệ Trung)

Sinh già bệnh chết
Là lẽ đương nhiên
Muốn khỏi bốn bệnh
Bỏ hết tham luyến ...
(trích Khoá hư lục -Trần Thái Tông)

*

Có có không không
Nhìn trái nhìn phải
Tra tra xét xét ,
Phổ chợ ồn ào...
Có có không không

Đau buồn thương xót
Cắt đứt sản bìn ,
Đó đây khoái hoạt ...
(Hữu cú hữu vô - Trần Nhân Tông) vv...

*

Trở lại vấn đề HQ , như tôi đã nói, thơ của ông còn lưu lại quá ít cộng thêm ý tứ tinh tế , thâm kín (thơ thiền thường khó lý giải rốt ráo .) Và trừ một vài bài ta định được mốc thời gian ông viết , số nhiều còn lại thì không . Thôi thì, tôi tạm dựa vào cái biết được để so sánh , với lòng mong mỏi được góp chút gì về ông chăng ? ...

Nhìn lại , suốt những năm tháng của tuổi trẻ , HQ phải sống cảnh nghèo khó , thường bị miệt khinh . Đến khi đỗ đạt(Trạng nguyên thứ 6 /47 vị của nước ta) rồi ra làm quan ,chắc gì nơi quan trường nhiều bon chen danh lợi đó , không làm cho trái tim ông ít nhiều vết xước . Mặt khác , biết đâu nhờ "con đường mới"(Phật giáo) , HQ có thể lý giải những gì trần trở , day dứt ...nơi lòng mà ông đã không thể tìm được ở Nho giáo . Có lẽ vì thế khi tuổi đã 51 , ông từ quan để tìm đến cửa thiền với tâm trạng khá hăm hở . Xin trích một đoạn bài phú nôm ông làm khi mới lên chùa Hoa Yên :

Buông niềm trần tục
Nấu tới Hoa Yên
Chim thuy đổi tiếng ca chim thuy
Gió tiên đưa đôi bước thần tiên
Bầu đùng đỉnh giang hoà thể giới
Giày thông thả dạo khắp sơn xuyên ...
Niết được tính ta nên Bụt thật
Ngại chi non nước cảnh đường xa
(Phú vịnh chùa Hoa yên - Nguyễn Lang dịch)

*

Đề Đạm Thủy tự
(Đề chùa Đạm Thủy)

Bên đình Đạm Thủy nhiều cỏ nội
Núi quang , mây tạnh ,bóng xế tà
Nhân qua con đường vua đi mà vào thiền thất
Giúp nhà chùa đánh chuông và nhật hoa rơi

*

Đề động hiên đàn việt giả sơn
(Đề núi non bộ của người đàn việt)

Hoa cây vẫn vít nhau trên bộ
Khói lòng trắng , hoa dầm sương lạnh
Từ đây sự lo nghĩ sẽ thanh tao hết trần tục
Do tìm được chỗ gió mát trong sạch gối đầu nghỉ yên
(Nguyễn Đăng Thục dịch)

*

Vâng . "Giúp nhà chủ đánh chuông & nhật hoa rơi", "Tìm được chỗ trong sạch để nghỉ yên".
Những việc làm ấy thật đẹp, thật giản dị. Và có lẽ chính từ tâm trạng vui thích do không còn bị trói buộc , được sống thật với chính mình ; HQ đã có cái nhìn rất thiện , rất thi sĩ đối với thiên nhiên , tạo vật :

Tảo Thu (Thu sớm)

Hơi mát thâu đêm lọt tới màn
Cây sân xào xạc báo thu thanh
Bên lều quên bằng hương vừa tắt ,
Lưới bủa vàng trắng mấy khóm cành
(Nguyễn Đồng Chi dịch)

Hay là :

Chu Trung (Đi thuyền)

Mênh nông theo gió con thuyền nhỏ
Thu sáng ngời xanh bóng nước , cây
Tiếng sáo thôn chài, lau lách vọng
Trăng lặn lòng sông , móc trắng đầy

Và :

Ngo thụ (Ngủ trưa)

Mưa tạnh , khe núi tĩnh
Ngủ mát dưới rừng phong
Nhìn lại cõi nhân thế
Mắt mở vẫn say nồng
(Nguyễn Lang dịch)

Bên trong con người yêu mến thiên nhiên , khao khát thanh tịnh ấy , vẫn không sao che giấu được một trái tim giàu cảm xúc, nặng tình người :

Ai phù lữ
(Thương tên giặc bị bắt)
Lấy máu đề thơ , muốn gửi nhau
Cô đơn chiếc nhạn vút mây sâu
Bao nhà ngóng nguyệt đêm nay nhĩ ,
Hai chốn cách vời một nỗi đau

(Lịch sử PGVN, Viện triết học)

Có lẽ vì vậy trái tim ông rất dễ tổn thương khi bị người đơm đặt, gièm pha (chuyện nàng Bích là một ví dụ) :
Cúc hoa (bài 2)

Ruột héo mong gì nước rửa tươi
Vịnh mai trăm mục cũng nhường thôi

Buồn thu , già yếu còn ngâm hã
Vì cúc , tình thơ luống rồi bồi...

Do muộn phiền quá đỗi bởi những gì đa đoan cứ bám đuôi , dù ông đã vào chốn thiền môn , cộng thêm ước muốn được tĩnh lặng thường thấy ở tuổi già . Từ Hoa Yên ông lui về Thanh Mai rồi Tư Phúc ở Côn Sơn hẻo lánh , để thõn thục với trời cao và vui buồn cùng mai, cúc :

Mai hoa (Hoa mai)

Muốn hỏi trời xanh : Hoa tự đâu
Một mình gọi tuyết chốn non sâu
Bẻ về , không để chưng vừa mắt ,
Chỉ mượn xuân này đỡ lão đau ...

(Cảm nhận đạo Phật . Phạm Kế)

*

Cúc Hoa (bài 5)

Người ở trên lầu , hoa dưới sân
Vô ưu ngòi ngắm khói trầm xông
Hồn nhiên người với hoa vô biệt ,
Một đoá hoa vừa mới nở tung
(Nguyễn Lang dịch)

Năm 1330 , Pháp Loa mất . Ở tuổi 77 , ông phải đến nhận danh vị Tổ kế nghiệp . Tự biết sức mình khó đảm đương trọng trách lớn ; ông giao việc điều hành giáo hội cho Quốc sư An Tâm , rồi một mình quỳ quả rời nơi đô hội về lại Côn Sơn , làm nhà ẩn cư cho đến hết đời ...HQ thổ lộ :

Thạch thất (Nhà đá)

Nửa gian nhà đá , bạn cùng mây
Tắm áo lông thô , lạnh tháng ngày
Sư khềnh giường thiền , kinh trước án
Lò tàn , than lụi , sáng nào hay
(Huệ Chi dịch)

Và:

Nhân sự đề Cứu Lan tự
(Nhân có việc , đề ở chùa Cứu Lan)

Đức bậc thẹn mình nổi tổ đấng
Học theo Hàn , Thập dứt đa đoan
Hãy đi với bạn về non vắng ,
Rừng núi bao la mấy vạn từng

-Hàn Sơn & Thập Đắc là 2 cao tăng ẩn sĩ đời Đường
(Lược sử PGVN-T.T Thích Minh Tuệ)

Nói là " học dứt đa đoan" hay cũng như bài thơ dưới đây , HQ nói "quên tất cả" :

Cúc hoa (bài 3)

Quên thân , quên thế , thấy đều quên
Thiền tọa ngôi lâu lạnh thăm giường
Trong núi năm tàn không có lịch
Thấy hoa cúc nở biết Trùng dương

Ta vẫn thấy ở ông một thân phận bị xô đẩy , bị sắp đặt nhảm chỗ :

Cúc hoa (bài 4)

Thu về , móc nhẹ , cúc đơm bông
Gió mát trăng thanh dịu nỗi lòng
Vẻ đẹp tinh khôi người chẳng hiểu
Bẻ về cài tóc , đáng cười không ?
(Băng Thanh dịch)

Vâng.Việc đời hay chuyện lòng , đâu phải lúc nào chúng cũng thuận theo ý muốn ; dẫu ông là Trạng nguyên hay vị Tổ , cũng vậy thôi . Vì lẽ đó , đọc thơ HQ ta nên chia sẻ cái khao khát , hụt hẫng rồi ngậm ngùi ...của một đời thường luôn mong muốn sống tốt đẹp cho đạo và cho mình ; hơn là vịn vào vai trò , cách hành xử không thể không làm , rồi nhạo báng hay trách cứ ông ...

Trước khi tạm kết bài , xin mời đọc thêm :

Địa lô tức sự
(Trước bếp lò tức cảnh)

Củi hết lò còn vương khói nhẹ
Sơn đồng hỏi nghĩa một chương kinh
Tay cầm dùi mõ , tay nâng sáo
Thiên hạ cười ta cứ mặc tình ...
(Nguyễn Lang dịch)

Và:

Thôi đã theo thiên lòng lặng tắt
Nỉ non tiếng đế vẫn vì ai ?...
(Sơn vũ. Huệ Chi dịch)

. Theo tôi , Chỉ ngần ấy câu cũng đủ nói lên quan niệm sống của ông . Đó tâm trạng của một người luôn mong muốn được sống hồn nhiên , hòa mình cùng tạo vật .Của một con người muốn thay đổi số phận nhưng lại gặp một số phận khác cũng không kém nào nề..Có thể vì vậy phần lớn thơ ông , ta dễ dàng bắt gặp nỗi khát khao, sầu tư thầm kín . Càng lạ hơn là ta chỉ thấy cái "tinh tế , phóng khoáng" của một Lão Trang mà không hề thấy cái triết lý khá rối rắm , mơ hồ của nhà Phật mà ông đang là người đứng đầu. Càng không thấy cái thôi thúc

muốn bỏ hết tham luyến , muốn "chặt hết sấn bìm" để dứt niệm , kiến tánh , thành Phật vv...như các thiền sư khác cùng tác phẩm của họ vào thời Lý Trần ...

Và không hiểu sao từ câu " củi hết lò còn vương khói nhẹ...", khiến tôi chạnh nhớ lại câu thơ đã dẫn ở phần I : "Phòng tiêu thưở trước từng khoe đẹp .Chùa núi sau này tựa cảnh không " mà thương ông , thương cả nàng Bích , bởi vì đâu ?...rồi bất giác bồi hồi ...

Bùi Thuy Đào nguyên

Chú thích :

(1) Bái thơ nôm như sau :

Văng vặc trăng mai ánh nước
Hiu hiu gió trúc ngâm senh
Người hoà tươi tốt cảnh hoà lạ ,
Mầu Thích ca nào thử hữu tình

So với các bài thơ của HQ , tôi sẽ trích dẫn ở kỳ sau ;bài này ý tứ , ngôn từ kém hẳn . Có thể do người đơm đặt ngay tạo .

(2)Trong sách Sơn Cư tập thuật do Đan Sơn viết vào những năm Nguyễn Huệ ra Bắc Hà diệt Trịnh (1786-1789) , có nhắc lại chuyện nàng Bích này. Nhưng khác với Tổ Gia thực lục , người viết kết tội HQ say đắm sắc dục , làm hỏng đạo : "Sắc dục nơi đâu ngùn ngụt cháy , rừng thiền một khắc hoá ra tro!" , đủ biết sau hơn 450 năm , chuyện ấy vẫn còn được người đời bàn tán ...

(3) Trong thời kì Pháp Loa (PL) đứng đầu giáo hội , nơi đâu cũng có nhiều chùa tháp được trùng tu , xây dựng mới . Và cứ 3 năm lại có một đợt độ tăng nhân , mỗi lần không dưới một nghìn người . Chỉ tính riêng PL , tính đến năm 1332, ông đã độ được 10500 tăng ni !

(4). Tác phẩm của HQ gồm : Chư phẩm kinh , Công văn tập , Phổ tuệ ngữ lục và tập thơ Ngọc liên tập .Nhưng tất cả đều không còn . Hiện nay chỉ còn 23 bài thơ chữ Hán & 1 bài phú nôm vịnh chùa Hoa yên (Yên Tử), được ghi trong Việt Âm thi tập , Trích Diễm thi tập .Tuy Ông là nhà sư , nhưng cũng là người được Lê Quý Đôn & Phan Huy Chú khen là " Ý tinh tế cao siêu", "Lời bay bướm phóng khoáng."

(5). "Tuỳ xứ tát- bà-ha" : 2 từ đầu xin tạm hiểu là tuỳ duyên đi đến nơi nào đó; tát-bà-ha : phiên âm từ tiếng Phạn , nó thường đặt ở câu cuối niệm và có nghĩa khéo nói như thế

Vài lời với người đọc : Do khuôn khổ bài viết , nên tôi không thể trích dẫn cả phần thơ chữ Hán (Xin xem nơi trang Web <http://annonymous.online.fr/Thivien/>). Và vì người viết sinh sống ở tỉnh nên thiếu thầy, thiếu sách tra cứu . Vì vậy , nội dung bài soạn có gì chưa đúng hoặc sai trái , mong người đọc lượng thứ , góp ý ..để tôi được học hỏi thêm .Trân trọng .BTĐN

CHUYỆN HỌC HÀNH THI CỬ CỦA CỤ ÁN

(Viết để tưởng nhớ Cụ Thân Sinh)

Nguyễn Quốc Bảo

Trong Nguyễn Tộc Phổ Sử có ghi chép nhiều về chuyện học hành và chi tiết các kỳ thi Hương của Cụ Án Nguyễn Mậu. Kể tất cả thi Cụ Án đi thi Hương 3 kì, thi hỏng lần đầu năm 16 tuổi (1909). Thi cử là điểm quan trọng trong cuộc đời Cụ Án, nhờ khoa bảng mà biến *Nông ra Sĩ*! Chuyện học hành của Cụ rất vất vả, nhưng nhờ lòng hiếu học của 2 Cụ Thân sinh, tuy chỉ là nông gia nhưng nuôi trong nhà nhiều Thầy để dạy Cụ và ông anh, Cụ Cai Bù, vì thời đó đâu có trường học thầy đồ ở các làng nhỏ nông nghiệp!



Thành đạt trong khoa cử đã thay đổi hoàn toàn định mệnh Gia đình Cụ, vốn gốc nhà nông làm ruộng tại làng Phù Ninh, lại là người Công giáo, nên hoàn cảnh thật không thuận lợi tí nào cho khoa cử. Khi thấy cha mẹ Cụ lo cho con ăn học, làng chế diễu “*không bao giờ có lại loan kiên*”, nhất là khi cụ thi Hương hỏng khoa đầu năm 1909. Và trong họ, thân thuộc cũng ít may mắn với khoa cử: anh họ Cụ là Nguyễn Việt học giỏi cũng chỉ đậu đến trường ba, anh rể Nguyễn Lương, giỏi chữ Hán sau làm lý trưởng, cũng chỉ vào được trường nhì! Nguyễn Lương là chồng O Đình (Nguyễn thị Dinh, chị Cụ Án), nay trong làng còn Nguyễn Duệ con Nguyễn Lâm, Lâm là con thứ Nguyễn Lương. Anh ruột Cụ là Cụ Cai Bù Nguyễn Phong cũng vậy không có duyên phận với thi cử, không có Hương phong, không Tô ẩm! Duyên phận với thi cử ngày xưa rắc rối lắm, đến như Cụ Tân Đà, 15 tuổi đã nổi tiếng là thần đồng của tỉnh Sơn tây nhưng liên tiếp trượt cả hai kỳ thi Hương 1909 và 1912. Và ai cũng biết Trần Tế Xương (Tú Xương) thi Hương tám khoa đều hỏng Cử nhân, chỉ đậu được *Tú tài đội bảng* năm 1894, các khoa sau đều không sạch trường quy, nên cũng không được chức Tú Kép!

Thi Hương khóa 1909, qua đời Pháp thuộc, đã có một cải cách quan trọng. Khóa trước 1906 tức trong khoảng thời gian thời nhà Nguyễn 1886-1906, bốn trường thi còn có Kinh Nghĩa, Thi Phú, Văn Sách, và Phúc Hạch toàn bằng Hán ngữ. Khóa 1909, bãi bỏ Kinh Nghĩa và Thi Phú, bốn trường trở thành Văn Sách (5 đạo), Luận (2 bài chữ Hán), Luận (3 bài chữ quốc ngữ), Phúc Hạch (1 bài luận chữ Hán về Kinh sử, 1 bài luận quốc ngữ cách trí, địa dư, sử). Thi Hương năm 1909, ai qua được 3 trường đầu *có thể tình nguyện* thi Pháp văn, thường là 1 bài dịch Pháp ngữ qua quốc ngữ (Pháp văn trở thành bắt buộc từ Khoa thi Hương sau). Qua khóa thi Hương Nhâm Tý 1912 (có lẽ Cụ Án dự thí khoa này ở trường Thừa Thiên), như Cụ Án đã ghi trong phổ sử, thi pháp hoàn



toàn cải định (chép theo Quốc Triều Đăng Khoa Lục và *Le concours triennial*), bốn trường gồm: Văn Sách (5 đạo hỏi về luân lý, sử, địa, luật, chính trị, viết bằng chữ Hán), Luận Quốc Ngữ (3 bài về văn, sử, địa, cách trí), Pháp văn (1 bài Pháp văn dịch ra quốc ngữ, 1 bài chữ Hán dịch ra chữ Pháp), Phúc Hạch (1 luận chữ Hán, 1 luận chữ quốc ngữ, 1 bài Pháp ngữ dịch ra Hán tự). Như vậy kể từ 1912 quốc ngữ và Pháp ngữ trở thành bắt buộc như Hán tự. Kỳ thi này, Cụ Án quá lo sợ, tuy kết quả Tiểu Thí ở phủ Quảng Trạch rất khả quan, mà rồi chật vật lắm mới đậu được Tú Tài, trong khi sức học có thể đậu Cử nhân! Thi Hương, người đỗ cả 4 trường gọi là *Hương Cống* hoặc *Cử nhân*, được tiếp tục thi Hội; người đỗ đầu gọi là Giải nguyên; người đỗ thấp hoặc chỉ đỗ 3 trường gọi là *Sinh đồ* hoặc *Tú Tài*.

Đây là bước đầu trong Cử nghiệp Cụ Án, và là vinh dự đầu tiên cho cả Làng Phù Ninh! Do đó cả hai làng Thanh Sơn Phù Ninh sắp đủ cờ, long, trống, chiêng, đi bộ hơn 3 cây số ra tận cửa phủ Ba Đồn để đón rước Ông Tú vinh quy bái tổ, Cụ thân sinh và Cụ Án được che long. Cụ thì chỉ mong mau về làng để ra thăm viếng phần mộ của Thân mẫu cho trọn vẹn: 揚聲名顯父母; dương thanh danh hiển phụ mẫu, *yáng sheng míng xiǎn fù mǔ*.



Khóa thi Hương kì sau, năm 1915, Cụ Án vì đã có gia đình, phải lo kiếm việc làm nên không dự thí. Sau khi đậu Tú tài, Cụ thi đậu Ký Lục các Tòa, nhưng không được bổ. Cụ chuyển qua học thêm Pháp ngữ, nên năm 1916 đậu Trợ giáo Pháp văn và được bổ dạy trường Đốc học Nghệ An. Ở đây Cụ vừa dạy học vừa học thêm, đến tháng 3 năm 1918 lại vác lều chông đi thi Hương khoa Mậu Ngọ. Cụ dạy học ở Nghệ An nên được phụ thí trường Nghệ, thay vì phải về thi trường Thừa

Thiên. Triều Nguyễn có tất cả 8 trường, sau rút lại còn 5 là : Gia Định, Thừa Thiên, Thanh Hoá, Nghệ An và Hà Nam (Hà Nam là hai trường Hà Nội và Nam Định hợp thí ở Nam Định sau khi trường Hà bị lính Pháp chiếm, phải đóng cửa từ năm 1882. Khoa cuối của trường là khoa Kỷ Mão 1879). Năm 1915 vua Duy Tân ra chỉ dụ bãi bỏ các khoa thi (Hương - Hội - Đình) ở Bắc Kỳ. Năm 1918/1919 vua Khải Định ra chỉ dụ bãi bỏ các khoa thi này ở Trung Kỳ. Khoa cuối cùng ở Bắc năm 1915, cũng như khoa cuối 1918 ở Trung, bốn trường thi Hương là Văn Sách, Luận Quốc Ngữ, Pháp văn và Phúc hạch. Năm đó, Cụ Án đậu hai trường Ưu và hai trường Bình. Điểm quán trường, lẽ ra phải đậu thủ khoa, nhưng vì phụ thí ở Nghệ An, nên phải nhường chức Giải nguyên cho người địa phương là Ông Lê Thước. Khoa thi Hương Mậu Ngọ 1918, trường Nghệ An có 15 Cử nhân, Cụ Án và học trò Cụ Án đậu 14!

(*Chú thích bức ảnh trên đây: Étonnant document que cette photo de Salles prise en Décembre 1897 à Nam Định lors de l'examen triennial des Lettrés. Au centre du décor, mélange de mandarinat Anamite et république Française, Paul Doumer ayant à ses côtés le Résident de France a Nam Dinh Lenormand. Một bức ảnh đầy ngạc nhiên của Salles chụp*

tháng 12 năm 1897 vào dịp Thi Hương ở Nam Định. Giữa hình, tạp nhạp các quan chức An Nam và Pháp, Toàn quyền Doumer đứng cạnh Thống sứ Nam Định Lenorman)

Nhưng sau thành công trong kì thi Hương chót này, Cụ Án phải lựa chọn, hoặc tiếp tục nghề dạy học từ trợ giáo lương tháng 20\$, có hi vọng bỏ làm giáo thụ ở Phủ, lương tháng 40\$, hoặc tiếp tục học, cố gắng thi đậu vào trường Hậu Bô, sau này tiến bộ rộng hơn trong ngành hành chánh. Cụ đã chọn trở lại đi làm học trò, lương tháng trụt xuống còn 12\$ (năm thứ nhất, năm thứ nhì được 14\$, và năm cuối là 16\$). Thật là vất vả cho Cụ bà Phùng Thị Mai (trưởng mẫu), khi làm trợ giáo ở Nghệ An, lương tháng 20\$ đã không đủ để nuôi 4 con và 2 cháu (Cao Lữ và Nguyễn Sĩ Liên), phải nuôi thêm 3 học trò trú học. Nên khi vào học trường Hậu Bô ở Huế, Cụ đành phải để Cụ Bà với 4 con (thêm con trai mới sanh Nguyễn Quốc Lai, tháng tám năm 1918) sống chật vật ở Làng suốt 3 năm, nhờ anh chị lo. Phần khác, cùng năm đó, Cụ mất người bạn thân, Cụ Tiến sĩ Phủ Toàn, nên cụ phải đem con trai độc nhất của Cụ Toàn (Nguyễn Ngọc Lâm) vào Huế nuôi cho ăn học. Cụ Bà, *ngũ khẩu chi gia*, không có lương chồng gửi về, lại phải trở lại nghề gồng gánh buôn bán đi chợ nuôi con suốt 3 năm trường!

Cụ Án thi đậu vào trường Hậu bô khóa 1918-1921 có lẽ nhờ Cụ đã rất thông Pháp ngữ, đã từng làm trợ giáo Pháp ngữ ở trường Đốc học Nghệ An. Cũng năm 1918, Cụ Tấn Đà thi rớt trường Hậu Bô vì kém Pháp văn! Người Pháp tuy đô hộ xứ ta, nhưng chính sách cai trị khác với thực dân Anh, ở Ấn độ chẳng hạn. Khởi sự từ năm 1906, Pháp đã quyết định thành lập *Université Indochinoise* Đại học Đông Dương, do nghị định số 1514a Toàn quyền Đông Dương Paul Beau ký ban hành ngày 16/5/1906; gồm 5 trường Cao đẳng: Trường Cao đẳng Luật và Hành Chánh (*École supérieure de Droit et Administration*), Trường Cao đẳng Khoa học (*École supérieure des Sciences*), Trường Cao đẳng Y khoa (*École supérieure de Médecine*), Trường Cao đẳng Xây dựng dân dụng (*École supérieure du Génie Civil*), và Trường Cao đẳng Văn Khoa (*École supérieure des Lettres*).



Trường Đại học được khánh thành bằng Nghị định ngày 12/6/1907 và ngày 10/11/1907, lễ khánh thành được tổ chức tại Phủ toàn quyền Hà Nội, dưới sự chủ tọa của Thống sứ Bắc Kỳ De Miribel; cuối tháng 11 trường tổ chức lễ khai giảng với 193 sinh viên. Trường Đại học chỉ tồn tại được 1 năm thì đóng cửa (1).

Phải đợi đến ngày 21-12-1917, Toàn quyền Albert Sarraut ban hành Nghị định cải cách, chia nền giáo dục ở Việt Nam làm 3 cấp: tiểu học (*Enseignement primaire*), trung học gồm cao đẳng tiểu học (học trong 4 năm để thi lấy bằng cao đẳng tiểu học, gọi là bằng Thành chung hay Diplôme) và trung học, sau đó học trong 2 năm để thi lấy bằng Tú tài (*Diplôme de bachelier*). Tám năm sau, 1925, Cụ bà Đái Thị Kim Chữ (thứ mẫu) đậu bằng Thành chung ở trường Đồng Khánh Huế, rồi vào học và đỗ thủ khoa ở trường Sư Phạm. Học chính tổng quy cũng định lại các trường Cao đẳng Đông Dương: *École des*

Mandarins à Hanoi Trường Sĩ Hoạn ở Hà Nội, *École d'Administration à Hué*, tức trường Hậu bổ ở Huế, *École de Médecine de l'Indochine* Trường Y Khoa Đông Dương và *École Supérieure Vétérinaire de l'Indochine* trường Cao đẳng Thú y Đông Dương (thành lập theo Nghị định ngày 25/10/1904 và 15/9/1917), *École des Travaux publics* Trường Công Chánh (thành lập theo Nghị định ngày 22/2/1902 và tổ chức lại theo Nghị định ngày 15/4/1913). Nhưng Albert Sarraut bãi bỏ các *Cours de Droit* Lớp dạy luật, được thành lập theo Nghị định ngày 29/3/1910 (1)

Như vậy có lẽ Cụ Án đậu vào khóa đầu của trường Hậu Bổ tháng 8 năm 1918, và thi mãn khóa *diplôme de fin d'études* tháng 6 năm 1921 (2). Thuở đó người đông chỗ ít, nên trường *Ecole d'Administration* mới có tên Việt là trường Hậu bổ, nghĩa là tốt nghiệp rồi nhưng phải đợi để được bổ làm Tri Huyện. Cụ Án làm Hậu bổ, nghĩa là học tập chánh sự, 3 năm, lương tháng chỉ có 30\$, trong khi lương Tri huyện trên 100\$! Cụ làm hậu bổ Quảng Trị và quyền Tri huyện Hương hóa (nơi rừng thiêng nước độc), và phải đợi đến tháng 8 năm 1924, mới được thực chức bổ Tri huyện Hải Lăng, lương tháng tăng lên 60\$ rồi 110\$. Từ khi về nhà chồng năm 1909, đến năm 1924, Cụ bà Phùng Thị Mai mới hoan hỉ hưởng cuộc đời phong lưu, trong nhà có Vú em, Vú Túy rồi Vú Thảo, sinh năm 1925 tại huyện Hải Lăng. Nhưng Cụ Bà cũng không được hưởng lâu, tháng 12 năm 1928, thì Cụ bị hậu sản mà qua đời, khi sinh ra anh Nguyễn Quốc Song, cũng vì thiếu mẹ chăm sóc nên mất lúc 5 tháng.

Ông anh Nguyễn Quốc Hoàng nhắc lại Cụ Án có kể chuyện là đã đi thi Hội ở Huế, vào đến trường ba, nhưng rồi phạm húy, không được dự thi trường bốn. Tôi nhớ cũng có nghe phong phanh về chuyện này, nhưng vì không thấy ghi trong phở sử nên không dám đề cập. Nay ông anh Hoàng nói đến, tôi phỏng đoán là Cụ Án sau khi thi đậu vào Hậu bổ năm 1918, có thể, vì học Hậu bổ ở Huế, đã dự Khoa thi Hội cuối cùng năm Kỷ Mùi 1919. Từ năm 1075 nhà Lý (Lý Nhân Tông) mở khoa thi Minh Kinh đến Khoa thi Hội năm 1919 đời Hậu Nguyễn, trải qua 884 năm với 180 khoa thi Hội, đã có rất nhiều Tiến sĩ hay Thám hoa, nhưng Cụ Án không may mắn được là một trong những người này! Sau khi có cải cách thi cử năm 1906, thi Hội cũng có 4 Trường, gồm Trường 1 với 7 đạo Văn sách (kinh, truyện, Nam sử, Bắc sử, Thái Tây liệt quốc sử, cách trí, địa dư, luật nhà nước); Trường 2 có 3 bài luận bằng Hán tự (chiếu dụ, tấu sớ, biểu văn); Trường 3 thêm 1 luận quốc ngữ 1 luận Hán tự; Trường 4 có 7 đạo Văn sách về địa dư, chính trị Đông dương, nhân vật và chính trị Việt Nam, hiến chương, thời vụ.

Cụ Án là người thông minh đỉnh ngò, được cha mẹ *hi sinh cả cuộc đời* cho ăn học để tiến thân, cho nên khi thành đạt để khỏi phụ lòng phụ mẫu, thì lấy làm thỏa thuê và an ủi rất nhiều. Các Ông anh Bà Chị nhắc lại tôi về những kỉ niệm dễ thương của Cụ Án. Lúc niên thiếu, cụ đã từng ra chợ nhận thách đồ, ăn hết một xâu kim bánh ướm thì khỏi trả tiền (lấy kim cài tóc trên đầu xâu bánh ướm *khổ lớn* ở nhà quê). Cụ lại nổi tiếng đánh cờ tướng cao, có lần ra chợ Ba đồn thì đánh cờ với một cô gái trẻ tuổi. Gia đình cô này biết cụ là một cao thủ, nên bà mẹ muốn dứt lót ông anh Cụ Cai Bù, nói Cụ Án nhường nhịn để cô gái thắng cuộc mà nổi tiếng, nhưng Cụ không chịu. Cụ Án đưa ra một nước cờ khó gỡ, cô gái ngồi nghĩ mãi không tính được lối thoát, bà mẹ đứng cạnh bỗng nói "*Mạ về nghe con*"; cô gái hạ con Mã thoát nước cờ hiểm, nhưng cuối cùng cũng thua Cụ Án! Cụ nổi tiếng Cờ hay, nên đã từng đi dự *đánh cờ người*, người đánh cờ giống như Đại tướng lâm trận, phát cờ đuôi nheo mà phát quân Tướng Sĩ Tượng Xa Pháo Mã Tốt do người chủ vai (Ảnh:



Đoàn Cờ Người trước khi nhập cuộc, ở đây đội Nữ có Nữ Tướng, sau là Tốt và 2 quân Sĩ (3). Cụ đương trận, suy nghĩ lung lay, đến nỗi tuột cả quần lúc nào không hay, vì ngày xưa các Cụ mặc *quần vận* (vận quần lên cho chặt ngang bụng) chứ không phải quần có giải rút! (4). Cụ ăn uống thanh tao, nhưng thích món gì thì ăn nhiều lắm, về Thanh hóa, nhạc mẫu (Bà Cụ Huyện Đái Xuân Quảng) biết ý con rể đặt trước cả trăm bánh cuốn Thanh và cả trăm *con phi*, một đặc sản xứ Thanh. Thường nhật, cụ hay dùng cơm với *tôm xú* kho lạt vừa miệng và canh rau, nhất là canh *hoa lý* nấu với tôm có bánh trắng bẻ vụn bỏ vào. Nhưng đặc biệt cụ là dân quê ăn cá xứ Nghệ Tĩnh sành điệu, chỉ thích ăn cá kho *một lửa*... Bà chị dâu tôi, bác sĩ Thoa, hỏi Cụ thích nhất kỉ niệm nào, Cụ trả lời *ngày vinh*

quy bái tổ vong anh đi trước vong nàng theo sau. Thật vậy, dữ kiện này là ấn tượng lớn lao, nó là khởi điểm cho đường công hoạn của Cụ Án, nó là vinh dự cho thân sinh, cho tổ tiên, cho làng xóm, trong một hoàn cảnh và môi trường xã hội thế kỷ trước đây, mà nay không còn nữa.

Kẻ hậu bối hèn mọn bất tài bất hiểu, xin chép lại ít hàng, để suy tưởng đến công dưỡng dục của Ông Bà Tổ Tiên, mong con cháu thế hệ sau đừng quên quê cha đất tổ, một lòng thờ phượng và kính nhớ.

Gavilan Springs ngày Ất Hợi tháng Quý Mão năm Đinh Hợi
(April 11, 2007).

(1) Chép theo hồ sơ của Centre des Archives d'Outre-Mer à Aix-en Provence – CAOM

(2) Lúc học ở Trường Hậu Bô, cụ có hai người bạn thân, Cụ Ngô Đình Diệm và Cụ Trần Văn Lý.

(3) Cờ Tướng chữ Nôm viết 棋 (hay 碁) 將, hán tự viết là Tượng kỳ 象棋 *xiàng qí*, có từ thế kỷ thứ 7 bắt nguồn, cũng như Cờ Vua (Échecs) ở Tây phương, từ *Saturanga* loại Cờ cổ ở Ấn độ khoảng thế kỉ 5-6. Lúc xưa ở Tàu, tượng kỳ không có Pháo, chỉ có từ đời Đường trở lại (618), khi các chú Ba chệt phát minh ra thuốc nổ làm súng. Đặc biệt là trên bàn cờ có Sở Hà Hán giới 楚河漢界 *chữ hé hàn jiè*, tức sông Hà phân định biên giới giữa nước Sở và nước Hán (không có trên bàn Cờ Vua). *Cờ Người* được tổ chức tại các hội lễ dân gian, thường là sân đình Làng. Các quân cờ là nam thanh nữ tú, phục trang đội mũ tướng soái, triều phục bá quan Văn Võ, hài thêu, lọng che. Thường có 2 đội, một Nam Áo vàng một Nữ Áo đỏ; đấu thủ mặc áo dài khăn xếp, tay cầm *cờ đuôi nheo ngũ sắc* để phát lệnh. Cuộc đánh cờ có trống đàn phách làm khung cảnh thêm náo nhiệt và hào hứng! Cờ Tướng thịnh hành ở xứ ta và bên Tàu vì chữ viết Hán tự trên mặt quân cờ, trong khi Cờ Vua, quân cờ chỉ là hình tượng, nên phổ biến dễ dàng và rộng rãi ở Âu châu, Mỹ châu, Úc châu, và cả Phi châu.

(4) Về chuyện Cự An đi đánh cờ người suy nghĩ quá, bị tuột quần mà không hay, cũng xin kể thêm một chuyện về Mao Trạch Đông. Mao xéng xáng đi xem Hát Bội (*Chinese Opera*), chắc trước khi đi, xéng xáng xức đủ chuyện, nên bụng đã to lại càng to thêm, đến lúc ngồi không thoải mái, hậu vệ bèn mở quần ngang lưng bụng cho phể phẩn. Tan hát, xéng xáng húng khởi đứng dậy vỗ tay mừng đoàn hát, quên mất dây lưng bị mở, nên quần cũng tuột xuống chân !

Chú Thích Việc Thi cử

Hệ thống thi cử tuyển người làm Quan *Mandarins* gọi là Khoa cử 科举. Việc học hành thi cử ra làm Quan ở xứ ta là lấy mẫu mực từ bên Tàu. Đây là một hình thức dân chủ đề *dân ngu* có dịp tiến thân, như trường hợp gia đình Cự An, thành công Khoa cử đã biến Nông thành Sĩ ; trong khi cùng một thời ở các nước Âu châu đời Trung cổ, con ông cháu cha vẫn tiếp tục thừa kế các Tên tuổi và Chức vị trong guồng máy hành chánh.

Nhà Tùy bắt đầu mở khoa thi, đến đời Đường, thì thi cử có quy củ đàng hoàng. Thời kỳ Đường-Tống gọi là Hương Cống hay Giải Thí, đời Minh-Thanh tổ chức thi tại các Tỉnh. Thời đầu đất Giao chỉ tự chủ, các nhà Đinh, Lê, Lý không tổ chức việc thi cử để tuyển dụng người làm việc nhà nước, mà sở cậy giới tăng lữ sử dụng chữ Nho làm văn tự chính thức trong việc cai trị dân chúng và giao thiệp với người Tàu. Mãi đến đời Lý Thánh Tông mới dựng Văn miếu vào năm 1070, và đời Lý Nhân Tông mới mở khoa thi Nho học Tam trường vào năm 1075 để chọn người Minh kinh bác học, và xây Quốc tử giám vào năm 1076 để con cháu hoàng thân quốc thích đến học tập. Sau đó, mỗi khi cần người, nhà Lý mới mở khoa thi. Qua đời Trần và Hồ, phương sách thi cử có phần hoàn bị ; kinh sư có Quốc học viện. Hai khoa Thi là Thi Thái Học Sinh và Thi Đại Tỷ. Năm Đinh Mùi 1247, đời Trần Thái Tông niên hiệu Bình Chính 16, mở khoa thi Thái Học sinh (thi ở nhà Thái Học hay Quốc Học viện), 3 người đỗ đệ nhất giáp là Tam khôi: Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa. Sử gia Việt Nam đầu tiên Lê Văn Hưu đỗ Bảng Nhãn năm này. Năm 1396 Trần Nhân Tông, ban chiếu quy định cách thức Thi Hương Thi Hội. Đi thi Hương (Cử nhân), thi pháp đã thấy có 4 trường: trường 1 thi Âm tả, Kinh nghĩa, trường 2 thi Thi Phú, trường 3 thi Chiếu, Chế, Biểu, trường 4 thi Đối sách. Thi Thái học sinh gọi là thi Hội, trúng tuyển thi Hội mới được vào *Ngự thí*, tức là thi Đình ; định lệ năm trước thi Hương, năm sau thi Hội và thi Đình. Thi Đình để sắp hạng Tam khôi, Tam giáp.

Thời Lê Thái Tông, định phép thi 4 trường, định lệ 6 năm một khoa, cũng năm trước thi Hương, năm sau thi Hội, người trúng tuyển gọi là Tiến sĩ xuất thân, từ năm 1442, thi Hương, thi Hội, thi Đình trở thành thường xuyên, nên gọi là Chính Khoa hay Thường Khoa. Năm 1442 bắt đầu dựng bia đá khắc tên Tiến sĩ. Cũng Lê Thánh Tông đặt ra lệ Bảo kết Hương thí, đi thi phải được Lễ nghi viện duyệt xét, phải có bản quán bảo kết thực sự đức hạnh mới được Hội thí. Năm 1466, định lại 3 năm một khoa, thi Hương đổi gọi là thi Cống sĩ, Cử nhân gọi là Hương cống, Tú tài gọi là sinh đồ. Trong những năm Nam triều Bắc triều, thi cử lộn xộn; năm Đinh Hợi 1674 chúa Nguyễn định 2 Khoa thi, thi Chính Đồ và thi Hoa Văn. Năm 1750 đời Cảnh Hưng thời Chúa Trịnh, sinh ra chuyện buôn quan bán chữ, đặt lệ nộp tiền Thông sinh, nhiều người nộp tiền rồi thuê người khác đi thi, vào thời này có tiền là có bằng cấp. Thế kỷ 17, đời Mạc Kính Cung, Nguyễn Thị Du cải nam trang thi đỗ Trạng nguyên. Nhà Tây Sơn trọng Võ công, năm 1789 mới thấy

mở khoa thi Tuần tài ở Nghệ An, chỉ có 2 trường: chế nghĩa và văn sách, thi cử thấy có dùng chữ Nôm.

Gia Long thống nhất sơn hà, qua 1807 mở khoa thi Hương đầu tiên; thi pháp vẫn 4 trường, nhưng đổi: trường 1 thi Kinh Truyện, trường 2 thi Chiếu Chế Biếu, trường 3 thi Thi Phú, trường 4 thi Sách vấn (Văn Sách); đỗ trường trước mới được vào trường sau, đỗ 3 trường gọi là Sinh đồ, đỗ cả 4 trường gọi là Hương cống. Trong nước có 6 trường thi: Nghệ An, Thanh Hoá, Kinh Bắc, Sơn Nam, Sơn Tây và Hải Dương. Năm sau 1808, Gia Long xây Văn miếu (Văn Thánh miếu) tại làng An ninh, cạnh chùa Thiên Mụ; Khoa thi Hương năm 1813, lại có 8 trường thi: thêm 3 trường Quảng Đức (Huế), Thăng Long (Hà Nội), và Gia Định (Sài Gòn), và bỏ 2 trường Kinh Bắc và Sơn Tây; năm 1819, trường Quảng Đức cải gọi là trường Trục Lệ. Năm 1821, Minh Mạng năm thứ 2, mở Ân khoa thi Hương, năm sau, 1822, mở Hội thí ân khoa (ân khoa, khoa thi đặc biệt khi Tân quân lên ngôi); đây là khoa thi Hội đầu tiên của triều Nguyễn. Năm 1825, Minh Mạng thứ sáu, định lệ 3 năm mở khoa thi một lần, Hương thí thi vào các năm *Tý, Ngọ, Mão, Dậu*, Hội thí thi vào các năm *Thìn Tuất, Sửu, Mùi*; cải gọi Hương cống làm Cử nhân, Sinh đồ làm Tú tài. Mỗi trường thi được vua ban một tấm bài Phụng Chỉ, và một lá cờ Khâm Sai. Trường thi Trục Lệ được đổi tên là trường Thừa Thiên (Trường Thừa), trường thi Thăng Long đổi tên là trường Hà Nội (Trường Hà), trường thi Sơn Nam đổi tên là trường thi Nam Định (Trường Nam). Thời Nguyễn cũng chú trọng đến Võ bị, năm 1835 thời Minh Mạng, có xây dựng *Võ miếu*, bia có ghi tên những Tiến sĩ đỗ các Khoa Ất Sửu (1865), Mậu Thìn (1868) và Kỷ Tỵ (Ấn khoa ? 1869)

Năm 1843, đời Thiệu Trị, trường Thừa Thiên được kiến thiết đại quy mô bằng gạch ngói để làm nơi thi Hương và thi Hội, và để làm mẫu cho các tỉnh xây cất lại trường thi. Năm 1850, niên hiệu Tự Đức thứ 3, mở thêm trường thi Bình Định, chia việc phê điểm làm 6 hạng: ưu, ưu thứ, bình, bình thứ, thứ, thứ thứ, và định lệ trở lại thi Hương thi Hội gồm 4 trường. Về Hương thí, đỗ trường 3 là Tú tài, đỗ trường 4 là Cử nhân. Về Hội thí, đỗ 4 trường thi được vào Đình thí. Nhưng cuối đời Tự Đức, năm 1876, lại cải đổi chỉ thi 3 trường. Đến năm 1884, Kiến Phúc nguyên niên, lại định lệ người nào trúng cả 3 trường mà quyền thi có ưu, bình thi cho yết bảng ngay, và định lệ "nhất Cử tam Tú", cứ một Cử nhân thì lấy thêm 3 Tú tài.



Pháp chiếm Nam Kỳ năm 1867, bãi bỏ thi cử chữ Nho ở xứ thuộc địa. Ở 2 xứ bảo hộ Bắc Kỳ và Trung Kỳ, sau hòa ước Patenôtre năm 1884, nhà Nguyễn vẫn tiếp tục mở các khoa thi Hương thi Hội. Năm 1909, cải cách trong Thi pháp, sĩ tử không được qua 50 tuổi, đến 1912 hạn tuổi giảm xuống 40. Khoa Ất Mão 1915 là khóa thi Hương cuối cùng ở Bắc kỳ, năm 1918 Cụ Án phụ thí thi Hương ở Nghệ An, nếu về quê thi trường Thừa Thiên, sẽ phải thi môn Toán Đo lường! Năm 1918 và 1919 là hai khoa thi Hương thi Hội cuối cùng ở Trung kỳ.

Qua các Triều đại, học vị *khoa bảng* thay đổi chút ít, thường lệ vẫn là, đỗ đầu Khoa thi Hương là Giải Nguyên, sau đó là Hương Cống (Cử nhân), thi chỉ đầu 3 Trường hay thiếu điểm là Sinh Đồ tức Tú Tài. Có người đỗ Tú Tài nhiều lần nhưng chưa được vào thi Hội, thường gọi là "Tú kép", "Tú mền". Trước năm 1442, đậu thi Hương, đậu cả 4 trường thi Hội, vẫn không có học vị. Phải tiếp tục thi Đình (Ngự thí), Vua trực tiếp ra đầu đề, thi đỗ mới có học vị xếp hạng Tiến sĩ. Từ 1442, đậu thi Hội là có học vị Thái Học Sinh (Tiến sĩ) ngay; người đỗ đầu thi Hội là Hội Nguyên; dưới triều đại Nguyễn, thiếu điểm Tiến sĩ có học vị Phó Bảng. Đỗ đầu thi Đình là Đình Nguyên, theo số điểm được phân theo Tam giáp: Tiến sĩ Đệ Tam Giáp (Đồng Tiến sĩ xuất thân), Tiến sĩ Đệ Nhị Giáp (Tiến sĩ xuất thân, Hoàng Giáp), Tiến sĩ Đệ Nhất Giáp, gồm ba học vị cao nhất hay Tam Khôi, Trạng Nguyên, Bảng Nhãn và Thám Hoa. Năm 1882, Minh Mạng bỏ Đệ Nhất Giáp, Khoa bảng thi Đình không còn Trạng Nguyên Bảng Nhãn nữa.

Khoa Bảng		
Thi Hương	Thi Hội	Thi Đình
Giải Nguyên Hương Cống Sinh Đồ	Hội Nguyên Thái Học Sinh Phó Bảng	Đình Nguyên Trạng Nguyên Bảng Nhãn Thám Hoa Hoàng Giáp (Tiến Sĩ Xuất Thân) Đồng Tiến Sĩ Xuất Thân

Thi cử ngày xưa có nhiều luật lệ (Trường quy) có khi cổ hủ, tỷ như chuyện Cụ Án đi thi Hội năm 1919, *phạm húy* 犯諱 ở Trường ba. Thời xưa, phong tục bên Tàu và xứ ta kiêng tên húy, tránh gọi tên bậc tôn trưởng để tỏ lòng tôn kính, gọi là *húy danh* 諱名. Đi thi làm luận, phải *tị hoàng thân đích danh húy* 避皇親的名諱, nghĩa là kiêng tên húy các Hoàng thân. Trường ba thi Hội có 1 Luận quốc ngữ và 1 Luận hán tự, Cụ Án năm đó còn xúc động và uất ức nhiều với sự qua đời bất ngờ của người bạn thân, Cụ Phủ Toàn, trong ba năm liền học ở Hậu bổ đều thiếu sức khỏe, nên khi làm Luận, có thể đăng trí mà dùng một chữ trùng với tên một phu nhân nào đó trong Hoàng tộc, thay vì phải dùng một chữ *trại đi*!

(Tham khảo Việt Nam Sử Lược Trần Trọng Kim và tài liệu của Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Hồ Văn Châm, Lý Tế Xuyên).